

Tác Giả và Tác Phẩm

Trần Dần (II)

Tiểu sử

Mất ngày 17.12.1997 tại Hà Nội.

Tác phẩm

Ngoài một số tác phẩm xuất bản trước 1956 (*Người người lớp lớp*, tiểu thuyết; "Tiếng trống tương lai", thơ, "Nhất định thắng", thơ) và tác phẩm in sau này (*Cổng tinh*, tiểu thuyết thơ, 1995 và *Mùa sạch*, tập thơ, 1998), phần lớn di cảo văn học của ông chưa được chính thức xuất bản.



Mục Lục

Trần Dần và Tố Hữu – Huy Đức - 2
Trần Dần, đôi nét – Vân Long – 4
“Con người Trần Dần” - một thủ đoạn chính trị bất lương...– Huyền Kiều - 7
Con người Trần Dần – Hoàng Cầm - 16
Thủ lĩnh trong bóng tối – Phạm Thị Hoài - 25
Trần Dần, nhà cách tân thơ Việt...- Nguyễn Trọng Tạo – 30
Trần Dần: Thơ ở đâu? – Phạm Xuân Nguyên - 42
Những sai lầm về tư tưởng trong tập sách “Giai phẩm” - Nguyễn Đình Thi - 46
Trần Dần: Giải một bài toán văn chương – Phạm Xuân Nguyên – 58
Trần Dần, một thi trình sạch (I) – Đỗ Lai Thuý - 60
Hoài Thanh thú nhận sai lầm - 79

Phụ đính I :

Thi sĩ giả - thi sĩ thật

(Trích từ di cảo Trần Dần)

Ghi (1954-1960)

Phụ đính II :

Thơ Trần Dần (Dương Tường biên soạn)

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Trần Dần và Tố Hữu Huy Đức

Tất nhiên, không ai tin việc tập thơ Trần Dần bị “niêm phong” chỉ vì vài cái lỗi về thủ tục. Nhưng thôi, đó cũng là một lối ra rất đỡ mắt mặt. Dù sao, Thơ Trần Dần cũng đã bán rất chạy, ngay đến cậu con trai tôi, 15 tuổi, cũng tò mò.

Thơ ông đa nghĩa quá. Chỉ riêng một bài Nhất Định Thắng, tôi nghĩ, đã có thể vừa quy kết ông là một tên phản động cực kỳ nguy hiểm, vừa có thể ca ngợi ông như một người yêu nước nồng nàn. Không hiểu sao, cho tới nay, chưa thấy ai làm một bộ phim truyện dựa trên bài thơ ấy. *Ta ở phố Sinh Tử...* Một giai đoạn lịch sử buồn đau của đất nước hiện ra mồn một trong mỗi câu thơ của ông.

Khi Trần Dần viết bài thơ ấy, đất nước đang bị phân đôi, ở miền Bắc chiến tranh kết thúc. Nhưng, cuộc sống của người dân thì không có hòa bình. Trần Dần viết: *Tôi đi giữa trời mưa đất Bắc/ Đất hôm nay tầm tã mưa phùn/ Bỗng nói ngang lưng/ máu rỏ xuống bùn/ Lưng tôi có tên nào chém trộm?* Không hiểu, hình tượng “vết chém ngang lưng” ông viết ở đây là để nói về nỗi đau chia cắt tổ quốc hay chỉ đơn giản nói về cái không khí ngột ngạt ở miền Bắc, cái không khí mà đến 30 năm sau, Hữu Loan vẫn nhớ: “*Thành viên nào (trong cộng đồng) cũng chứa toàn âm mưu đen tối để chủ hại người bên cạnh*”.

Theo Hiệp định Geneve, người dân có một thời gian dài để chọn cho mình miền Nam hay miền Bắc. Nhưng lúc ấy, không có ai tự nguyện từ miền Nam chạy ra “*Miền Bắc thiên đường của các con tôi*”. Trong khi, hàng triệu người dân đã gồng gánh vào Nam để lại mồ mả ông bà trên đất Bắc. Thoạt đầu, có vẻ như Trần Dần trách móc, thậm chí ông đã buộc tội “*những bạn đi Nam*” là *Thiếu quả tim bộ óc!* Nhưng rồi quan sát kỹ hơn, ông buột hỏi: *Họ vẫn ra đi/ – Nhưng sao bước rã rời?/ Sao họ khóc?/ Họ có gì thất vọng?*

Trong những ngày xây dựng Chủ Nghĩa Xã Hội ấy, tình hình Thế giới được “quán triệt” thành hai “phe” Xô- Mỹ. Nhưng cái “phe” mà ông quan tâm cũng “căng thẳng” vô cùng: *Gặp em trong mưa/ Em đi tìm việc/ Mỗi ngày đi lại cúi đầu về/- Anh ạ!/ Họ vẫn bảo chờ...* Ông nghĩ: *Trăm cái bạn hàng ngày nhay nhất./ Chúng ta vẫn làm ăn chịu chết./ Ta biết đâu bên Mỹ miếc tí mù/ Chúng còn đương bày kế hại đời ta?* Nhưng “com áo” không phải là những gì ngọt ngào nhất mà những người như ông đã từng ném trái.

Theo tác giả của Màu Tím Hoa Sim, nhà thơ Hữu Loan: Trên thực tế, khi ấy, rất hiếm những bí thư, chủ nhiệm, thủ kho, cửa hàng trưởng tốt, phải nói hầu hết là ăn cắp, thi nhau để ăn cắp, nhưng văn học không được nói thực mà phải dựng lên toàn là những người lý tưởng. Các văn nghệ sỹ lúc ấy phải học tập những tài liệu hiện thực xã hội chủ nghĩa, từ Liên Xô đưa về, rồi tự Diên An (Trung Quốc) đưa sang. Nghĩa là văn nghệ chỉ được nói đến cái xã hội thiên đường vô cùng đẹp chưa có, chưa biết bao giờ mới có, chứ không được nói đến những cảnh trộm cướp áp bức bóc lột đang diễn ra trước mắt. Theo ông Hữu Loan: Khi một nhà báo hỏi: “*Như vậy là Cách mạng đã cấm tự do ngôn luận?*” Ông Trường Chinh sừng sốt: “*Anh nói sao? Các anh được tha hồ tự do chửi đế quốc đó thôi.*” Tố Hữu là một trong những nhà lãnh đạo hăng hái đưa “hiện thực XHCN” vào văn nghệ. Trong khi Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm... phản đối đường lối này. Những người phản đối sau đó, lần lượt dính vào một vụ án gọi là “Nhân Văn Gia Phẩm”. Phong trào Giai phẩm và Nhân Văn bắt đầu khi hai nhà thơ Trần Dần, Lê Đạt phê phán tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu là “dòng thơ lục bát không có gì mới, nội dung vẫn về kỷ niệm không lấy gì làm sâu sắc”. Trần Dần là người phê nặng lời nhất. Tuy nhiều người tán thành với nhận xét này nhưng tập thơ vẫn giành được giải nhất đầu năm 1956. Về sau, nhóm Nhân Văn còn viết

những bài được coi như là những “Thất Trảm Sớ”, đặc biệt, bài của Nguyễn Hữu Đang nói về thiết lập nhà nước Pháp quyền. Ngày nay, nếu đọc lại những bài viết của nhóm Nhân Văn, phải công nhận là nước ta đã từng có những nhà trí thức khả kính. Đất nước ra nông nổi hiện nay là bởi lịch sử đã không chọn họ. Nguyễn Hữu Đang bị tù 17 năm (sau 7 năm thì được tha); Phùng Cung, tác giả truyện ngắn “Con ngựa già của chúa Trịnh”: 7 năm tù giam; Vũ Duy Liên (Bộ Nông lâm, bị nghi là cho Nguyễn Hữu Đang một áo len khi đang đi tù): bị giam 7 năm mới tha; Giám đốc Nhà xuất bản Minh Đức: 17 năm... Khi Hoàng Cầm cho in Nhất Định Thắng, Trần Dần bị mất chức và sau đó bị bắt giam. Nếu Trần Dần không dùng lưỡi lam rạch cổ, có lẽ thời gian “ở trong lao” của ông không chỉ là 3 tháng. Trong tình cảnh ấy, mấy câu thơ: *Những ngày ấy bao nhiêu thương xót/ Tôi bước đi/ không thấy phố/ không thấy nhà/ Chỉ thấy mưa sa/ trên màu cờ đỏ...* không hẳn là không mang ít nhiều ẩn dụ.

Cho dù phải sau khi Tố Hữu chết, các ông Hữu Loan, Trần Dần, Lê Đạt... mới được “chiêu tuyết”, vụ “Nhân Văn” không đơn giản chỉ là những vấn đề giữa các cá nhân với nhau. Một nhà nghiên cứu viết, ở thời điểm ấy, thay đổi là một quy luật. Người biết và sử dụng được quy luật thì thăng quyền tiến chức, như Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi; người biết, nhưng chỉ né tránh thì tồn tại như Nguyễn Tuân, Tô Hoài, Nguyễn Huy Tưởng; hay xa lánh như Nguyên Hồng. Người không biết, thì đành phải sa hầm sẩy hố... Kể ra thì, các bác ấy sống quá tử tế, làm thơ quá thơ, tính đa nghĩa trong thơ của các bác ấy thật dễ để mà suy diễn. Nếu, 50 năm trước, các bác ấy cứ theo Tố Hữu, viết huých toẹt: *Má thét lớn tụi bay đồ chó/ cướp nước tao, cắt cổ dân tao...*; hay thật xạo: *Yêu biết mấy nghe con tập nói/ Tiếng đầu lòng con gọi Stalin...* rồi trơ trẽn khi nghe tin Stalin chết: *Thương cha, thương mẹ, thương chồng/ Thương mình thương một, thương Ông thương mười*, thì cuộc đời các bác ấy chắc chắn đã không phải thế.

Viết như thế không chỉ giúp Tố Hữu leo dần tới BCT, đã từng có lúc ông nhà thơ khẩu hiệu này lãnh đạo sự nghiệp phát triển kinh tế cho đất nước. Chúng ta không chỉ là nạn nhân của ông ở góc độ “giá lương tiền”. Suốt gần 30 năm, sách vở ngập tràn thơ Tố Hữu. Bài thi nào cũng Tố Hữu. Giải bình thơ hay nào cũng Tố Hữu. Biết bao thế hệ đã tưởng đấy là thơ. Dân trí đã từng bị đặt trong cái “thên thang 8 thước” đó. Nay thì Tố Hữu đã chết. Mới đây, gia đình ông đã bán nốt căn biệt thự ở phố Hồ Xuân Hương với giá tính bằng đô la cũng hơn 7 triệu.

Trong khi những người như Tố Hữu được ban những bổng lộc như vậy, những người như Trần Dần, Hữu Loan lại bị đọa đày. Bà Phạm Thị Nhu, vợ ông Hữu Loan, kể: *“Chúng tôi nuôi 10 đứa con thật vô cùng vất vả. Ông nhà tôi đi thò đá, tôi làm 2 sào ruộng, lại xay bột làm bánh bán ở chợ. Hôm nào bán ế là gánh về một gánh nặng, cả nhà ăn trừ bữa. Tôi cứ xào một xoong to toàn các thức rau, các con đi học về là nhào vào múc ăn thay cơm. Ba đứa trai lớn thì hàng ngày phải dậy từ 3 giờ sáng, kéo 3 chuyến xe cải tiến chở đá từ trên núi xuống hồ cách 2 cây số, bán cho các thuyền rồi mới ăn vội bát cơm độn để chạy bộ 7 cây số đi học”*.

Các con của Hữu Loan gần như không có ai vào được đại học vì lý lịch của một kẻ “Nhân Văn”. Một người con thi đủ điểm đi học nước ngoài cũng không được đi học. Ông đã bị biết bao người thân trách cứ. Nhưng, khi quyết định rời bỏ Hà Nội về quê, Hữu Loan đã nói với vợ: *“Thôi thì bà với các con chịu khổ để cho tôi được sống lương thiện. Tôi mà chịu khó hót thì nhà lâu xe hơi sung sướng đấy, nhưng tôi không làm được”*. Ông giải thích: *“Làm nhà văn khó lắm. Viết vừa lòng nhà nước thì dân chửi, viết vừa lòng dân thì đi tù như chơi. Thôi tôi về đi cày”*.

Đôi khi nghĩ, những người như Hữu Loan, Trần Dần dại thật. Nhưng, *Những ngày ấy bao nhiêu thương xót*, làm sao có thể bắt những người như các ông có thể quay lưng lại với nhân dân!

Trần Dần, đôi nét... Nhà thơ Vân Long



Trần Dần ngồi trong một góc nhà thiếu ánh sáng, chỉ vài mét là đường phố, mà ngỡ như ông đã tạo một thế giới riêng cho ông, thế giới của trầm tư, trầm cảm... Ấn tượng đầu tiên với tôi là có cái gì rất đồng nhất, hài hòa giữa tâm trạng, tính khí ông và thơ ông với góc nhà này! Đầu giai đoạn Đổi Mới văn học, tôi được chuyển từ báo Độc Lập sang làm biên tập thơ cho NXB Hội Nhà văn. Công việc mới buộc tôi phải đối mặt với những sự việc đang được công luận quan tâm. Thí dụ: Xuất bản những ấn phẩm của các tác giả lâu năm bị “treo bút”. Ngoài việc chính của NXB, tôi còn làm cộng tác viên biên tập cho tạp chí Tác Phẩm Mới...

Tôi được cử đi lấy bài. Hà Nội lúc ấy thật nhỏ! Gặp Trần Dần, Văn Cao, tôi chỉ cần đi bộ vài trăm mét khỏi cơ quan xuất bản. Trần Dần ở một con phố nhỏ ngay sau NXB. Trần Dần ngồi trong một góc nhà thiếu ánh sáng, chỉ vài mét là đường phố, mà ngỡ như ông đã tạo một thế giới riêng cho ông, thế giới của trầm tư, trầm cảm... Ấn tượng đầu tiên với tôi là có cái gì rất đồng nhất, hài hòa giữa tâm trạng, tính khí ông và thơ ông với góc nhà này! Ông ngồi đó hầu như bất động từ bao năm với gương mặt râu ria, không cởi mở, thậm chí không nhếch một nét cười khi biết mục đích tôi đến tìm ông... Sau tôi mới biết, ở bên trong sự trơ lì đó là những dòng nham thạch sục sôi của sáng tạo. Kể cả khi có điều kiện đi dã ngoại như chuyến đi Huế với Phùng Quán mà Ngô Minh đã ghi lại: “Sáng ngày 11/5/1988, tôi đến khách sạn hầu chuyện ông, ông vẫn ngồi một mình trên giường, tôi hỏi sao ông không đi chơi đâu đó với anh Quán.

Ông nói: Phùng Quán ngồi không yên, chỉ thích đi. Mình ngồi ba chục năm quen rồi. Ngồi mà vẫn đi, vẫn ngao du. Mình có cuốn sổ “bụi”, sổ “ngao du”. Mình đi chơi lang thang trong cuốn sổ này. Đây là sổ để ghi tất cả những gì mới nghĩ ra. Có khi ngoài cả ý thức. Đó là cách đi của mình”. (*Ba buổi sáng với Trần Dần*).

Có lẽ từ dáng ngồi này, mà xuất hiện huyền thoại: Khi ông mất đi, trên bức tường góc nhà như vẫn còn bóng ông ngồi đó! Để Trịnh Thanh Sơn có được câu thơ xuất thần: *Bao năm tháng thân chìm vào bóng – Thân về trời bóng vẫn ngồi im*.

Trước khi đưa thơ cho tôi đọc bằng mắt, ông có đọc vài câu thơ xen trong câu chuyện, có hai câu làm tôi giật mình: *Tôi tiếc những chân trời không có người bay- Lại tiếc những người bay không có chân trời!*

Trời ơi! Mấy chục năm ở trong bóng tối mà ông viết toàn những câu như vậy thì thật “ghê gớm”! Nhưng khi đọc bằng mắt cả loạt bài thì không phải vậy. Nhiều bài diễn đạt hơi rối, khúc mắc.

Đó là theo cách nhìn hồi ấy của tôi: (thơ cần có ý tưởng và cách diễn đạt có thể đa nghĩa mà vẫn trong sáng), còn với ông: “Làm thơ là làm con chữ. Con chữ nó để ra nghĩa, sẽ được nhiều nghĩa. Cái biết rồi là nghĩa, cái chưa biết là chữ. Nếu làm thơ mà làm nghĩa, rồi mới mượn chữ để diễn đạt nghĩa thì nghĩa sẽ hẹp. Cái chưa biết mới là cái thăm thăm, cái chưa biết mới là cái mới. Nguyễn Du vừa làm chữ vừa làm nghĩa.

Ví dụ câu *Trăm năm trong cõi người ta/ Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau* là làm nghĩa. Còn câu *Mai sau dù có bao giờ* là làm chữ, câu thơ toàn những hư tự mà lại đa nghĩa, đa cảm!...(Ngô Minh ghi lại trong bài trên).

Sau khi dẫn đó, không phải với quan niệm riêng của tôi, mà bằng cả tình hình in ấn lúc đó, thấy bài đưa in dễ nhất lại là một chương trong trường ca Việt Bắc viết năm 1957. Thơ thì “đầu đi đuôi lọt”, hãy cứ để ông tái xuất giang hồ thuận lợi đã!

Ở trường ca này, giọng thơ ông rất sáng khoái, sung sức, có những liên tưởng, so sánh thật mới mẻ:

Một đồng tét xa nhà đã rĩ han lên

.....
Hãy sống như những con tàu phải lòng muôn hải lý
Mỗi ngày bỏ sau lưng nghìn hải cảng mưa buồn

Cùng với *Cổng tình* (thơ-tiểu thuyết) in sau đó, cũng viết năm 1959 (được tặng thưởng Hội Nhà văn 1995), tôi cảm thấy ông và nhà thơ Hữu Loan có nhiều nét giống nhau: rất cực đoan trong đời sống và cá tính sáng tạo.

Lúc đó, tôi chưa được tiếp xúc với kho “bản thảo nằm” như cách ông gọi, mà sau này, khi tìm hiểu để đóng góp mục từ Trần Dần trong Từ điển văn học (bộ mới, NXB Thế Giới 10/2004) tôi mới được biết, chỉ kể sơ sơ không đầy đủ: *Đêm núp sen* (tiểu thuyết, 1961), *Mùa sạch thơ*, 1964 (NXB Hội Nhà văn 1988), *Những ngã tư và những cột đèn* (tiểu thuyết, 1964), *Một ngày Cấm Phả* (tiểu thuyết, 1965), *Con trắng* (thơ hồi ký, 1967), *177 cảnh* (hùng ca lựa, 1968), *Động đất tâm thần* (nhật ký - thơ 1974), *Thơ không lời, mây không lời* (thơ-họa, 1978), *36-Thở dài- Tư mã dâng sao* (thơ bộ tam)...

Còn đây là những dòng về nhân thân nhà thơ, bạn có thể đọc được trong cuốn Từ điển văn học nói trên:

"Trần Dần (23/8/1926 – 7/1/1997) Nhà văn Việt Nam, tên thật là Trần Văn Dần, nguyên quán TP Nam Định. Ông thân sinh là một viên chức kho bạc Nam Định. Học qua bậc Thành chung ở Nam Định rồi lên Hà Nội học. Đậu tú tài Triết ở Hà Nội. 1946, cùng Trần Mai Châu, Đinh Hùng, Vũ Hoàng Địch, Vũ Hoàng Chương thành lập nhóm thơ tượng trưng Dạ đài. Viết: *Về nẻo thanh tuyển* (NXB Hội Nhà văn in lại trong tập Thơ Mới 1932-1945, 1999).

Kháng chiến chống Pháp bùng nổ trở về Nam Định tham gia công tác thông tin tuyên truyền ở huyện Vụ Bản rồi ở Sở Tuyên truyền Khu IV. 1948, vào bộ đội, ở Ban chính trị Trung đoàn 148, làm công tác tuyên truyền cùng Vũ Khiêu, Vũ Hoàng Địch, sau làm báo ở mặt trận Tây Bắc và phụ trách văn công Trung đoàn Sơn La.

Tham gia sáng lập nhóm văn nghệ quân đội đầu tiên - nhóm Sông Đà, bắt đầu làm thơ leo thang và vẽ tranh lập thể, bị chê là khó hiểu. 1954 tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ, hào hứng viết truyện dài *Người người lớp lớp*, được NXB Quân đội nhân dân in trong cùng năm.

Chiến dịch kết thúc, được cử sang Trung Quốc viết thuyết minh phim *Chiến thắng Điện Biên Phủ*. Viết *Anh đã thấy*, *Tiếng trống tương lai* in ở tạp chí Văn Nghệ quân đội 1954. 1955, phê bình tập thơ *Việt Bắc*, viết bài thơ *Nhất định thắng*, bị phê phán gay gắt... 1959-60, viết *Sắc lệnh 59*, *Con tàu xã hội* (thơ) và *Cổng tình* (thơ-tiểu thuyết, NXB Hội Nhà văn 1994).

Từ 1961, kiếm sống bằng nghề tô màu ảnh và cũng dùng chất liệu này để tiếp tục vẽ tranh. Sau khi ông qua đời, Mai Gallery (Hà Nội) đã tưởng niệm nhà thơ bằng một triển lãm thân hữu, giới thiệu một khía cạnh còn ít được biết đến: 40 tranh khổ nhỏ chọn lọc của ông - một hình thức biểu đạt khác của thơ, tiếp cận lập thể, siêu thực và trừu tượng làm giới xem tranh thật sự ngạc

nhiên, khi biết những tranh ông vẽ vào những năm 60 là thời điểm mà những thông tin nghệ thuật thế giới đến Việt Nam còn rất hạn chế..."

Vào cuối năm 1989, bước vào giai đoạn tác giả có thể bỏ tiền tự in, tự phát hành với sự cấp giấy phép của Nhà xuất bản, thì nhà thơ Trần Dần mang bản thảo đến NXB Hội Nhà văn: tập trường ca *Bài ca Việt Bắc*.

Là người biên tập thơ, tôi được NXB giao đọc để có ý kiến thẩm định. *Bài ca Việt Bắc* lúc đó gồm 13 chương. Tôi đọc kỹ: Hơi thơ và các câu thơ đều nhất khí một một mạch viết khô thoáng, mới mẻ. Về hình thức, lối thơ leo thang, người ta có thể liên hệ đến thơ Maiacopxky, nhưng về ý tưởng sáng tạo trong câu chữ thì chỉ Trần Dần mới viết như vậy!

Việt Bắc

Cho ta vay địa thế

Vay từ bó củi nắm tên

... Quả đất lớn

Mà

Tâm địa nhỏ

Nó chi li từng hạnh phúc đơn sơ.....

Tâm đắc với những câu thơ như thế, tôi nóng muốn tạo điều kiện cho ra mắt bạn đọc được sớm (mà còn sớm gì nữa sau ba thập kỷ!).

Nhưng đọc đến chương 12, tôi bỗng giật mình: Đó là toàn bộ bài thơ.

Nhất định thẳng!

Tác phẩm đầu tiên được in, lại in đúng tác phẩm bị phê phán kịch liệt một thời, ai dám duyệt!

Khác nào sau thời gian giận dữ, người con trở về nhà đã thay câu chào bằng câu trách "Mẹ mắng con là mẹ sai!".

Nếu tôi cứ tặc trách đưa duyệt, tập trường ca này không ra mắt được thì chỉ thiết thời cho tác giả, cho độc giả và nền văn học kháng chiến. Tiếc một cây có thể bỏ phí một cánh rừng!

Anh Trần Dần vốn là người ít giao tiếp, không hiểu căn cứ sắc thái tinh tế của những mối quan hệ xã hội chính trị trong từng giai đoạn, mình phải để anh thấy rõ... Nghĩ vậy, tôi bèn gặp nhà thơ, phân tích rõ, và đề xuất anh nên để lại chương đó, sẽ in vào một thời điểm thuận lợi hơn và đánh số lại các chương như không có gì xảy ra.

Tôi thêm: "Nếu anh không đồng ý, ngày mai tôi sẽ đưa duyệt nguyên vẹn, rồi chờ ý kiến Tổng biên tập!". Khuôn mặt rầu ria của Trần Dần càng thêm tối lại, ông hẹn ngày mai sẽ trả lời.

Hôm sau, nhà thơ chống ba toong lên gác nhà xuất bản, ông nói: "Thôi được! Anh sát tình hình hơn tôi, anh cứ bỏ chương đó ra!". Tôi biết ông không vui, nhưng không biết ông có hiểu sự chân thành của tôi? Sau đó tôi trình bày diễn biến với Tổng biên tập Vũ Tú Nam, anh Nam rất tán thành cách giải quyết của tôi.

Khi tác phẩm in xong, tôi nhận được cuốn đầu tiên từ tác giả gửi tặng với dòng chữ đề:

Gửi Vân Long

Người biên tập lại "Đi! Đây Việt Bắc!"

thông minh và công phu!

song tôi vẫn phản đối mọi kiểm duyệt

Tôi đòi sự công bằng trong sáng của texte intégral

Trần Dần

(texte intégral: nguyên bản toàn vẹn. Ở đây tác giả vẫn gọi trường ca theo tên cũ: *Đi! Đây Việt Bắc!*).

Đọc dòng đề tặng, tôi đâm suy nghĩ: Vậy là cụ vẫn còn hận mình? Mình là quân tốt đen xưa nay, vô hình chung bị mang tiếng là người kiểm duyệt? Dù được khen là thông minh và công phu nhưng sao dấu chấm than lại đậm như dấu hỏi bị chữa lại? Cụ khen mĩa chằng? Tôi ghé sang nhà tác giả hỏi lại ông. Nhà thơ chậm rãi: "Lúc đầu, tôi có bực mình. Nhưng sau thì thấy anh đúng, chân tình với tôi! Mấy câu đề tặng là tôi khen thật! Còn người viết bao giờ chả muốn texte intégral!".

Nghe câu nói đó, tôi mới thật yên lòng!

Về phía ông, sau khi *Công tình* được tặng thưởng, hẳn đã thấy thêm về sự công bằng đang được lập lại.

Và bây giờ là Giải thưởng Nhà nước...

“Con người Trần Dần”

một thủ đoạn chính trị bất lương của nhóm “Nhân văn”

Huyền Kiêu

Cuối năm 1956, trong lúc tình hình cách mạng gặp khó khăn, thì một số phần tử xấu trong giới trí thức văn nghệ, tưởng rằng thời cơ “làm ăn béo bở” đã đến, vội vã dương lá cờ rách *Nhân văn* nhảy lên võ đài, khua môi múa mồm, vớ dĩ tâm, bóp méo, xuyên tạc những khuyết điểm của ta về văn nghệ, tấn công vào sự lãnh đạo của Đảng trong văn nghệ, và từ địa hạt văn nghệ, lan sang các mặt văn hóa, xã hội, chính trị, bôi xấu, vu cáo toàn bộ sự lãnh đạo của Đảng, hòng cản trở bước tiến lên xã hội chủ nghĩa của miền Bắc nước ta.

Nói đến những phần tử *Nhân văn* có đồng chí đã dùng một hình ảnh rất đúng, là một lũ vắt đói máu đánh hơi thấy bước chân người, tua tủa ngóc đầu dậy, hi vọng sẽ chiếm lại quyền được tự do hưởng cái khoái lạc hút máu xa xưa. Trong những mũi nhọn mà bọn *Nhân văn* chĩa vào sau lưng Đảng ta, “Con người Trần Dần” – cái gọi là “hồi ký của Hoàng Cầm” – là một mũi tên vô cùng thâm độc.

Cũng cần nói vài lời về việc thi hành kỷ luật Trần Dần, mà Nguyễn Hữu Đang – một trong những đầu sỏ *Nhân văn* – đã “thọc bàn tay”^[1] vào cái hồi ký của Hoàng Cầm, đề lên rất to là “một vụ án văn học” (?) Trần Dần là một người đã mặc bộ áo của một quân nhân cách mạng, trong kháng chiến dù được sự giáo dục ân cần của Đảng, Trần Dần đã không gột rửa được tư tưởng đồi trụy vẫn đâm dây mọc rễ âm ỉ trong đầu óc, không diệt được những thị hiếu cá nhân đốn mạt do không có điều kiện phát triển chỉ bị ép, bị dồn ứ lại, đến khi hòa bình lập lại, cậy mình có chút ít thành tích kháng chiến, lại công khai đứng lên đòi quyền cho những tư tưởng xấu xa, những thị hiếu đê hèn được tự do “đưa nở”, đòi hủy bỏ sự lãnh đạo của Đảng trong văn nghệ. Táo tợn hơn nữa, Trần Dần chửi bới tổ chức, phá hoại kỷ luật tự giác, là sức mạnh, là lẽ sinh tồn của quân đội, coi đội ngũ như cái chợ muốn đến lúc nào thì đến, muốn đi lúc nào thì đi, mà đi thì nhiều hơn đến. Đối với một phần tử xấu như thế, tất nhiên tổ chức của quân đội phải thấy sự giáo dục là cần thiết là cấp bách. Sau khi bền bỉ giải thích, giúp đỡ hàng nửa năm trời, Trần Dần vẫn làm tướng là cá nhân mình to hơn vận mạng của quân đội, không những không chịu hối cải mà còn văng mạng hơn, bừa bãi hơn, hống hách hơn. Tổ chức quân đội cực chẳng đã, phải dùng đến biện pháp kiên quyết là giữ Trần Dần lại để kiểm thảo trong doanh trại. Biện pháp ấy cũng rất thông thường và cũng rất nhân đạo, ở chỗ muốn cứu vớt cho con người Trần Dần khỏi sa vào cạm bẫy của tư sản bảo vệ danh dự và kỷ luật của quân đội. Tất cả những người trung thành với cách mạng đều công nhận như thế, đều phải công nhận như thế. Nhưng Trần Dần, và bè lũ *Nhân văn* sau này không công nhận như thế! Trần Dần phản ứng bằng cách

beo da cổ ra, cửa khế vào ngoài da bằng lưỡi dao nạo râu, “giả vờ” tự tử như gần đây Trần Dần đã tự bộc lộ trước đông đảo văn nghệ sĩ. Được chữa khỏi, Trần Dần tỏ vẻ hối lỗi hứa hẹn sửa chữa, hứa hẹn sẽ nói cho gia đình, bạn bè nhận rõ sự ích lợi của việc kiểm thảo. Nhưng tới thời kỳ *Nhân văn* thì Trần Dần lại trở mặt và nhập bọn cùng Nguyễn Hữu Đăng, Trần Duy, Phan Khôi, Lê Đạt, Hoàng Cầm v.v... đầu cơ chính trị quanh cái sẹo ngoài da ấy và âm mưu sinh cơ lập nghiệp lên trên cái sẹo ấy.

Từ cái dao vu vạ của Trần Dần, Hoàng Cầm đã thêu dệt lên những truyện gì và để làm gì.

Ở đây tôi cũng cần nói thêm rằng, nhóm *Nhân văn*, thường núp dưới danh nghĩa “đòi tự do sáng tác”, chống lại lối “viết theo chỉ thị, viết theo đơn đặt hàng” nhưng khi cần đem ngọn bút bĩ ổi của họ để bôi đen chế độ miền Bắc, xuyên tạc sự lãnh đạo của Đảng trong văn nghệ hòng lấp liếm và đòi quyền tái sinh cho những thú tính đang chồm dậy thì bọn họ sẵn sàng “viết theo chỉ thị, viết theo đơn đặt hàng” của những âm mưu đen tối, của sự vu cáo hèn hạ nhất và cái hồi ký: “Con người Trần Dần” không phải là con đẻ của riêng Hoàng Cầm, mà là đứa con nhiều bố của Nguyễn Hữu Đăng, Lê Đạt, Phan Khôi, Trần Duy. Họ đã bàn bạc, cắt xén, thêm bớt bịa tạc, sửa đổi – dụng ý biến cô K. (người yêu của Trần Dần) từ một cô gái không ngây thơ gì thành một thiếu nữ thùy mị, nét na, đau khổ chịu đựng như một người tử vì đạo, cho người đọc phải xót thương căm phẫn, dụng ý ví cả cái cục cằn của Trần Dần ra cho “*người ta tin*”, dụng ý tả phòng Trần Dần bị giữ kiểm thảo (hiện nay là phòng làm việc của đồng chí chủ nhiệm Tổng cục Chính trị) như một ngục thất, có hàm đá và chấn song sắt để cho người ta thấy chế độ miền Bắc là tàn bạo, cốt sao nêu việc thi hành kỷ luật Trần Dần thành một “vụ án văn học” đủ ảo não lâm ly, lừa bịp được người đọc.

Bản thân Trần Dần cũng sửa chữa và thông qua cái gọi là hồi ký này, hí hửng chắc nó sẽ là một đòn quật lại lãnh đạo.

Nhưng, như chúng ta đều biết, kẻ ngửa mặt lên mà nhỏ nước bọt thì nước bọt chỉ rơi toẹt vào mặt kẻ nhỏ. Chân tướng Trần Dần và cả bọn *Nhân văn*, nhờ có *Nhân văn*, chỉ càng ngày càng hiện lộ ra xấu xa bản thủ tội cùng.

Để làm cho cái việc “trà đạp con người vu cáo” kia, càng có vẻ nghiêm trọng, theo chỉ thị của bọn đầu sỏ *Nhân văn*, Hoàng Cầm phải tô vẽ Trần Dần thành ra một con người hợp với lý tưởng của mình. Nhưng sự vu cáo của Hoàng Cầm đã quật lại Hoàng Cầm và cả nhóm *Nhân văn*. Nên con người thực của Trần Dần, cộng với lý tưởng hóa của Hoàng Cầm, không những không thể trở thành một con người mới của thời đại chúng ta mà loanh quanh luẩn quẩn rút cục vẫn lộ ra điển hình của kiểu người xa đọa, yêng hùng rơm, đã bị ngọn gió cách mạng thổi bay đi khá xa, nay lại ngoi ngóp trở về. Thật đúng câu phương ngôn: con chó dù cộc cứ ve vẩy là không thể dấu được mẩu đuôi của nó.

Bắt đầu Trần Dần hiện ra dưới “ngòi bút nghệ thuật bịp bợm” của Hoàng Cầm, thấp thoáng như một mỹ nữ uốn éo sau màn hình, dấu không cho người ta thấy hết “vẻ đẹp” nhưng về quan điểm nghệ thuật thì đã khá rõ cái bộ mặt lạc hậu, phản động:

“Ở bộ đội Sơn La từ đầu năm 1947, nổi tiếng có một anh Trần Dần nào đó thường vẽ và làm thơ có nhiều cái rất lạ, anh em văn nghệ xung quanh thì rất thích, nhưng đồn rằng bộ đội thì không hiểu và một số cán bộ chính trị ở đơn vị thì lấy làm bực mình”.

Hoàng Cầm đề cao Trần Dần bằng “cái lạ”. Nhưng cái lạ đó thực lạ không? Tôi đã đọc Trần Dần từ cái thuở Dạ Đài, tôi đã được xem những tranh vẽ anh bộ đội chân tay như chân khổng

lò, đầu bé múp như đầu chim sẻ. Người chẳng ra người, ngợm chẳng ra ngợm, đã được đọc những bài thơ sắc mùi Đinh Hùng:

*“Ta từ biển vắng về đây mộng
Giữa lúc Thăng Long lụi ánh đèn”*
(“Cô nàng lịch sử”)

Của Trần Dần trên những tờ báo *Nghệ thuật* của bộ đội Sơn La. Thật không phải là những cái lạ, vì nếu ta dò đến những tác phẩm mốc meo trong kho hàng ế của những trường phái văn nghệ tượng trưng, suy tàn, siêu thực, lập thể, đa đa trong các nước tư bản hồi đầu thế kỷ thứ 20, ta sẽ thấy vô số những cái lạ như thế, đang nằm chờ lớp bụi của thời gian phủ lên cho mờ yên mà đẹp. Nhưng cái nguy hiểm trong dã tâm của Hoàng Cầm là ở chỗ đối lập ngay văn nghệ với chính trị: Chống lại với đường lối văn nghệ phục vụ chính trị của Đảng ta *“anh em văn nghệ thì rất thích, cán bộ chính trị thì bực mình”*. Có thật “anh em văn nghệ thì rất thích” không? Vì sao mà thích? Ở bộ đội Sơn La lúc đó có bao nhiêu anh em văn nghệ? trong số đó những ai thích? Hoàng Cầm cố nói mập mờ, cũng như Trần Duy, khi thấy báo chí vạch ra những luận điệu xuyên tạc khá ó của *Nhân văn*, tai thì đỏ lên rồi, nhưng vẫn xoa tay tuyên bố: *“Nhưng mà quần chúng ủng hộ Nhân văn”* thật là bịp bợm, thật là gian ngoan!

Ai cũng thường biết. Hoàng Cầm chỉ cố ngoặc *“anh em văn nghệ xung quanh”* vào là chỉ để làm cái bệ đứng cho Trần Dần khỏi đổ mà thôi. Giả sử có *“anh em văn nghệ rất thích”* mà bộ đội đại biểu cho quần chúng không hiểu thật, thì Trần Dần viết văn để làm gì? Anh em văn nghệ chỉ cần phục vụ riêng cho anh em văn nghệ thôi ư? Và nếu công, nông, binh bảo với những kẻ viết văn loại Hoàng Cầm, Trần Dần rằng: “Các vị viết văn cho các vị đọc với nhau, còn chúng tôi cày ruộng, cấy lúa, đúc máy, đánh giặc, riêng cho chúng tôi, các vị chớ ăn cơm, mặc áo, ngồi xe, hưởng sự yên ổn là công sức của chúng tôi” thì Hoàng Cầm, Trần Dần trả lời lại ra sao? Hay là trả lời rằng: “Chúng mày phải làm cho chúng tao tự do hưởng?” Cái lối đề cao những quan niệm hủ lậu như thế đã lỗi thời rồi, không còn chỗ đứng ở những nơi nào mà con người đã giành được quyền làm người rồi, khá nên đẩy nó lại, chôn sâu nó đi?

Hoàng Cầm đề cao việc Trần Dần viết và vẽ, mà bộ đội không hiểu, coi đó như là một thành tích đáng khoe khoang, không biết có nhớ tới Mao Chủ tịch, nói: trí thức mà không phục vụ nhân dân thì giá trị không bằng một cục phân không?

Nhưng chủ yếu tất cả những hần học của Hoàng Cầm trong cái hồi ký này là chĩa đánh vào cán bộ chính trị của Đảng. Trong khuôn khổ một bài văn hai trang giấy, Hoàng Cầm nổ súng vào cán bộ chính trị tới mười tám lần! Với dụng ý gì vậy? Cái đó thật quá rõ ràng.

Cán bộ chính trị là linh hồn, là guồng phát điện của bộ máy cách mạng. Không có cán bộ chính trị nhất định đường lối của Đảng không thể xâm nhập vào nhân dân, nhất định đường lối của Đảng không thể thực hiện được đúng đắn. Hồi bí mật, cán bộ chính trị là ngọn gió thổi lên những ngọn lửa chiến đấu âm ỷ trong lòng quần chúng, trong kháng chiến người cán bộ chính trị là người bạn cùng sinh tử với quân đội, với nhân dân, đi sát quân đội, đi sát nhân dân từng bước một để hướng dẫn quân đội và nhân dân đấu tranh giữ gìn Tổ quốc. Trong hòa bình, cán bộ chính trị phải vận động quần chúng hàn gắn vết thương của đất nước, xây dựng kiến thiết miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà. Cán bộ chính trị với quân đội, với nhân dân phải thành một khối khăng khít như xương với thịt, như cá với nước. Hoàng Cầm đánh vào cán bộ chính trị, định làm tan rã cái tình xương thịt đó, định phá hoại cái nghĩa cá nước đó, hỏi có ích cho cách mạng hay có hại cho cách mạng? Thế là xây dựng cho Đảng hay phản Đảng?

Ta cũng cần phải khẳng định với nhau rằng nói cán bộ văn nghệ và cán bộ chính trị là chỉ nói cái sự phân công của bộ máy cách mạng thôi. Về căn bản, người cán bộ văn nghệ phải thực hiện đường lối của Đảng trên lĩnh vực văn nghệ, người cán bộ chính trị phải thực hiện đường lối của Đảng về mọi mặt, trong đó có cả lãnh đạo, phê bình văn nghệ. Không thể có và không thể dung thứ một mâu thuẫn nào giữa cán bộ làm công tác chính trị và cán bộ làm công tác văn nghệ cho nên không thể có và không thể dung thứ thứ văn nghệ phẩm nào mà “*anh em văn nghệ thì rất thích*” và “*cán bộ chính trị thì bực mình*”. Hoàng Cầm làm như cái việc cán bộ chính trị bực mình với tác phẩm văn nghệ là một tình trạng phổ biến hay là một điều tất yếu. Thực chất Hoàng Cầm xuyên tạc sự thật với dụng ý rất xấu xa: tách rời văn nghệ với chính trị, đòi cho văn nghệ thoát ly sự lãnh đạo của Đảng. Ta thấy gần đây, những loại bài viết, bức vẽ, của những phần tử *Nhân văn* làm cho người ta bực mình rất nhiều. Không những bực mình mà còn phẫn nộ nữa. Nhưng những người bực mình và phẫn nộ không phải chỉ riêng có cán bộ chính trị, mà là cả một khối quần chúng rộng lớn; không những ở miền Bắc đang tiến lên chủ nghĩa xã hội, mà cả ở miền Nam đương anh dũng đấu tranh chống ách phát xít của bè lũ Mỹ-Điệm. Số quần chúng ấy bao gồm cả tuyệt đại đa số anh chị em nghệ sĩ Bắc Nam. Vì sao như thế? Chính là vì những bài viết bức vẽ ấy không phát hiện sự thật mà bóp méo sự thật, không “*giúp Đảng thấy vấn đề*” mà đã kích vào Đảng, không nói lên đời sống đấu tranh của quần chúng mà bôi nhọ thậm chí đến chửi rửa quần chúng, không thúc đẩy miền Bắc tiến lên, mà định ngăn chặn bước tiến lên của miền Bắc. Anh em văn nghệ chân chính nào mà thích được cái kiểu văn chương nghệ thuật đầu độc của nhóm *Nhân văn*.

Từ việc trình bày xuyên tạc cái quan hệ giữa văn nghệ và chính trị Hoàng Cầm đi đến nhận định: “*Sau việc này sự mâu thuẫn giữa văn nghệ sĩ và cán bộ chính trị bắt đầu phát triển khá mạnh trong con người Trần Dần*”. Hoàng Cầm lại nêu lên một lời than thở của Trần Dần: “*Ôi già! Cái con số cán bộ chính trị bóp chết nghệ thuật thì không ít đâu!*” giữa lúc tình hình có nhiều khó khăn, đang cần đến sự tận tụy của cán bộ chính trị nói chung và cán bộ ngoại ngành, Hoàng Cầm viết như vậy khác nào nỗ mìn vào nền móng của cách mạng?

Đặt nỗ mìn vào uy tín của cán bộ Đảng như thế rồi, Hoàng Cầm lại khéo léo che đậy, làm như đã tâm của mình có thể che được mắt quần chúng của Hoàng Cầm rên la có vẻ khẩn khoản: “*Làm thế nào để Trung ương Đảng biết rõ tình hình?*”! Hồi xưa, học sinh các trường Pháp thuộc có lối chơi ác, chĩa ngòi bút vào sau gáy bạn, rồi gọi bạn cho bạn quay lại để ngòi bút sọc vào má. Cái lối kêu gọi Trung ương của Hoàng Cầm cũng không khác lối chơi ác ấy. Có khác là nó hiểm độc hơn, nguy hại hơn, và không lừa bịp được ai. Vì cũng chẳng phải đợi lâu la gì cái mũi kim trong bọc mới thò đầu ra: Đồng chí Nguyễn Chí Thanh là một trong những ủy viên Trung ương Đảng phụ trách ngành quân sự. Sự chăm sóc giúp đỡ của đồng chí Nguyễn Chí Thanh đối với phong trào văn nghệ như thế nào, những anh em văn nghệ sĩ Liên khu IV trước kia và Liên khu Việt Bắc sau này, đã có dịp được gần gũi đồng chí, đã đều hiểu rõ. Tuy bận nhiều công tác nặng nề, quan trọng đồng chí vẫn chú ý đến từng bài thơ, bản nhạc, bức vẽ của anh em đem sự hiểu biết và sáng suốt của mình, đem ánh sáng của đường lối văn nghệ Mác-Lênin, chỉ dẫn cho từng bước đi dò dẫm của anh em lúc đi chỉ mới có nhiệt tình mà chưa thấm nhuần được sâu sắc về cách mạng. Khi thấy Trần Dần đưa ra cái “*đề án chính sách văn nghệ*” sặc mùi tư bản của Dần, đòi “*Trả lãnh đạo văn nghệ cho văn nghệ sĩ,*” đòi “*Thành lập một chi hội văn nghệ trong tổ chức của quân đội*” đòi “*hủy bỏ mọi chế độ quân đội hiện hành*” trong văn nghệ quân đội, đồng chí Nguyễn Chí Thanh nhìn rõ cái thực chất, tư sản, của bản dự án ấy nên nghiêm khắc giải thích và ân cần dặn dò anh em phải đề phòng, Hoàng Cầm tả lại như thế nào “*Đột nhiên trong không khí hào hứng của gần ba mươi anh em văn nghệ sĩ đang sẵn sàng cởi mở hết để xây dựng một trong những chính sách lớn của Đảng bỗng có một câu quật lại*”. Rồi Hoàng Cầm tiếp với một giọng láo xược: “*Giá câu nói ấy ở mồm một người thường thì cũng sẽ thường thôi*”. Nói tới đồng chí Trung ương như vậy, Hoàng Cầm có từ Trung ương đâu? Hơn hai năm nay, Hoàng Cầm, Trần Dần và bè lũ *Nhân văn*, không nghe lời chỉ bảo

anh em của đồng chí Nguyễn Chí Thanh, đã sa vào cạm bẫy của lũ lái buôn văn nghệ kiểu Minh Đức như thế nào, đã rơi vào những tổ quỷ của những lực lượng chống Đảng chống chủ nghĩa xã hội miền Bắc thế nào, nhân phẩm và ngòi bút của bọn họ đã xa đọa thế nào, trong một dịp khác, nếu cần, sẽ bị lộ ra ánh sáng. Ở đây, tôi chỉ bóc trần cả một “chiến lược” của nhóm *Nhân văn* là núp dưới lá chắn “*phục tùng sự lãnh đạo của Đảng*” để dễ đánh vào tất cả các cấp bộ của Đảng, từ một đơn vị cơ sở như bộ đội Sơn la cho đến Trung ương Đảng mà đồng chí Nguyễn Chí Thanh là đại diện thôi. Hoàng Cầm gọi tổ chức lãnh đạo văn nghệ cao nhất của Trung ương là “bè phái độc quyền”, gán ghép việc Trần Dần bị giữ lại kiểm thảo để khởi sa vào hố tội lỗi, với việc phê bình tập thơ *Việt Bắc* của đồng chí Tố Hữu, cho là một cách giả thủ, cũng không ra ngoài cái âm mưu vấy bùn lên cán bộ Đảng, đối lập tổ chức văn nghệ của Đảng với văn nghệ sĩ, xuyên tạc những việc làm rất quang minh chính đại của Đảng.

*

Để chứng tỏ rằng chính trị không thể lãnh đạo được văn nghệ, hay, nói cho đúng cái ý mà Hoàng Cầm muốn cho người ta nhầm hiểu, xong vẫn quanh co dấu diếm không dám nói toạc ra, là Đảng ta không lãnh đạo được văn nghệ, Hoàng Cầm luồn vào trong “hồi ký” những nhận định hoàn toàn viển vông, sai lạc. Hoàng Cầm cho văn nghệ kháng chiến ta là: “*Văn chương khói lữa mịt mù*”, “*nhìn vào trong sách chỉ thấy lổn nhổn những bộ máy lấp đi lấp lại và một lô danh từ, hình ảnh trống rỗng, thùng rỗng kêu to*” Hoàng Cầm cho rằng lối lãnh đạo văn nghệ của Đảng ta là: “*Gò bó theo ý thích chủ quan của một vài người*” cho nên thơ ca của chúng chỉ là “*hoa giấy đóng hộp bày trong tủ kính*”. Nhưng thâm ý của Hoàng Cầm không chỉ nói riêng về mặt lãnh đạo văn nghệ. Cầm còn mạt sát cán bộ, nhân dân ta một cách trắng trợn hơn: “*Đảng cần nhiều khối óc, cần nhiều bàn tay, cần nhiều trái tim, chứ Đảng không cần đến những con người máy, gạt thế nào làm thế ấy*”. Luận điệu của Hoàng Cầm là luận điệu chung của nhóm *Nhân văn*, của Trần Duy trong người khổng lồ, của Yến Lan trong tinh vật, của Lê Đạt trong mấy người tự tử, của Châm văn Biếm trong thi sĩ máy v.v... Bọn *Nhân văn* vẫn rêu rao chống công thức, tìm cái mới, trăm hoa đua nở, chống công thức lại giống nhau thế, tìm tòi những gì mà ra rất một giọng như thế, đua nở thế nào mà nở rập khuôn như thế? Rõ ràng là chống công thức chỉ có nghĩa là chống Đảng, tìm thế chỉ tòi ra bộ mặt bỉ ổi, và đua nở thế chỉ nở ra sâu, ra mọt, ra trùng. Giọng *lười Nhân văn* thật cũng một cốt một đồng với giọng *lười* tác động tinh thần của Thụy An đã dám bảo văn nghệ sĩ kháng chiến^[2] là hèn, là nô lệ chính sách.

Tìm sâu vào khía nhìn của bè lũ *Nhân văn* đối với văn nghệ cách mạng thật ra cũng không thấy gì ngạc nhiên. Nó là cái nhìn của bọn thù địch đối với văn nghệ cách mạng. Từ Cách mạng tháng Tám đến nay, những người có thiện chí đều phải công nhận rằng nền văn nghệ dân tộc của chúng ta đã bước sang một bước ngoặt lịch sử. Những lời khóc gió than mây của thời kỳ *Phong hóa*, *Ngày nay* thống trị văn đàn, những điệu tâm hồn rã rời, điên loạn, kiểu Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương, đã hoàn toàn cởi giáp bó giáo trước sức sống của văn nghệ cách mạng, văn nghệ kháng chiến anh hùng của thời đại trong văn học từ lúc này không phải là Tố Tâm, là Loan, Dũng cưỡi con ngựa đi trong đòn diên để nghĩ việc giải phóng con người, là Nguyễn thêm khát phiêu lưu để phiêu lưu nữa, mà là những công nhân trong *Vùng mỏ*, là anh du kích trong *Truyện Tây Bắc*, trong *Con trâu*, là anh bộ đội cách mạng trong *Xung kích*, trong *Đất nước đứng lên*, là ngàn vạn triệu anh hùng vô danh, anh hùng bằng xương bằng thịt đã đứng lên bảo vệ Tổ quốc bảo vệ con người. Cái việc dũng cảm của văn nghệ sĩ bây giờ là dám rời bỏ căn phòng của mình mà đi xuống hầm mỏ với công nhân, đi lên công trường với dân công đi vào tổ đối công với nông dân đi vào đơn vị với quân đội, không phải là ngồi ở tiệm cà phê viết “Tiếng sáo tiền kiếp”, hay phát hiện những sự thật tưởng tượng mà là dũng cảm. Cái dũng cảm kiểu cởi truồng đi ra phố chỉ có thể đi đến đòn công an vì phá hoại mỹ quan.

Công nông binh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhờ sự lãnh đạo của Đảng đã từ bùn lầy

nước đong từ những nhà tù hay từ những cuộc sống đau đớn nhục nhã gấp mấy lần nhà tù, đứng lên đánh đuổi và chiến thắng một đế quốc hùng mạnh như đế quốc Pháp có Mỹ giúp từ những nô lệ không có quyền sống, nhờ sự lãnh đạo của Đảng, đã thực sự thành người, với ý nghĩa chân chính nhất của tiếng người, hơn nữa, thành những anh hùng luôn luôn lao động luôn luôn chiến đấu cho Tổ quốc, luôn luôn sáng tạo mọi mặt để sáng tạo ra lịch sử cách mạng Việt Nam, kể nào gọi những người anh hùng đó là không tim, không óc, là máy, đều là những kẻ mang tim óc của đế quốc, đều là cái máy phá hoại vô lương tâm nhất của quân thù. Không thể là cái gì khác.

Văn nghệ cách mạng, văn nghệ kháng chiến của chúng ta đã bắt đầu đi sâu vào đời sống công nông binh, đã bước đầu miêu tả được hình ảnh nguyện vọng, ý chí của họ. Đó là nền văn nghệ vẻ vang nhất, trong sáng như mặt trăng mặt trời không có sự khập khiễng nào phạm đến được. Cái tiếng kêu cứu đòi “tự do sáng tác” đòi “chống công thức” kiểu Nhân văn – Giai phẩm, thực chất chỉ là đòi quyền đầu độc của thứ văn nghệ dật gân kiểu Mỹ.

*

Đoạn trên tôi đã nói, muốn bơm to việc thi hành kỷ luật Trần Dần thành một vụ án văn học đầy oan khuất, như oan bà Thị Kính, Hoàng Cầm phải sáng tạo ra một Trần Dần ngay thẳng, chính trực, trong sạch, phải miêu tả Trần Dần thành một thứ anh hùng quần chúng, dũng cảm, hy sinh, và có tí ty khuyết điểm như cục cằn nóng nảy – cho có vẻ thật, cho người ta tin, theo mẹo của Lê Đạt – có như thế thì khi Trần Dần “bị oan” người ta mới đau xót, căm thù chế độ đã “*chà đạp con người trong trắng Trần Dần và nhân phẩm văn nghệ sĩ xuống bùn đen*”. Nhưng tiếng kêu của đàn quạ không thể giống được tiếng hót của thiên nga, và bộ mặt của Trần Dần, tuy được anh phó sơn Hoàng Cầm tô vẽ bằng đủ các màu sắc lòe loẹt, cuộc vẫn không hóa ra được gà, và Trần Dần tô vẽ cũng vẫn lộ ra một Trần Dần yêng hùng kiểu nhân vật tiểu thuyết Lê Văn Trương.

Tả Trần Dần giảng viên một lớp văn công, Hoàng Cầm viết mấy trăm anh chị em được học Trần Dần “*đều thấy vui trong lòng như một người đi trong đêm rét, được thấy lửa ấm của một túp nhà*”. Những anh chị em ấy đã được Dần “*thối vào tâm tư một cái tự hào rất lớn*”. Và đi tới tin Dần “*như một người đau khổ ngày trước tin ở số mệnh*”. Nhóm Nhân văn thường hay bôi nhọ những người trung thành với cách mạng là nịnh hót. Nhưng nịnh hót lẫn nhau, để lừa bịp quần chúng lại là một thủ đoạn thiện nghệ của “*văn sĩ*” Nhân văn. Sánh được với sự Hoàng Cầm nịnh hót tâng bốc Trần Dần chỉ có những tay bôi bút của Mỹ Diệm tâng bốc Phan Khôi là “*anh hùng của ba trăm nô lệ*”. Chưa nói cái thực chất kiêu ngạo độc đoán của Trần Dần ở lớp học ấy đã bị anh chị em cán bộ và diễn viên phản đối rất nhiều, chỉ nói riêng cái cách “*tô hồng*” của Hoàng Cầm, ta cũng thấy thật lố lăng, khó ngửi. Anh chị em văn công, nhất là văn công quân đội, vì giác ngộ cách mạng mà đi phục vụ bộ đội, phục vụ nhân dân. Họ có ngọn lửa cách mạng sáng rực trong tim óc mà anh chị em có thể chịu đựng gian khổ, đói rét đi kháng chiến, sao Hoàng Cầm lại ví cái sự đi làm công tác cách mạng của anh em như đi “*trong đêm rét*”? Và cho rằng có được Trần Dần giảng cho mới thấy được “*lửa ấm của một túp nhà*”? Phải có Trần Dần anh chị em mới được “*thối vào tâm tư một cái tự hào rất lớn*”? Tôi nghĩ, không tự hào không thể đi kháng chiến được. Cái tự hào của anh chị em văn công quân đội là ở trong lòng anh chị em đâu phải đợi Trần Dần thối vào? Chưa biết anh chị em văn công có được Trần Dần thối cho cái gì không, nhưng chắc chắn là Trần Dần đã được Hoàng Cầm thối vào ruột cái sự hợm hĩnh đến phồng tướng lên, và bây giờ xì ra như một cái bong bóng đầy hơi xú uế. Còn như Cầm bảo anh chị em tin Dần như “*một người ngày trước đau khổ tin ở số mệnh*” thì chỉ là một lời mạt sát thô bỉ mà anh chị em văn công quyết không tha thứ.

Cái việc Hoàng Cầm vu cho anh chị em văn công tin yêu Trần Dần thì tự Hoàng Cầm đã chứng minh ngược lại ở ngay đoạn sau, đoạn tả Trần Dần “*tấn công*” một chị diễn viên khiến “*cô ấy*

sợ, và chạy trốn” (nguyên văn của Hoàng Cầm) đến nỗi “con voi Dàn phải ôm đầu chảy nước mắt!” đã tự nó nói lên cái sự thật của anh chị em tin yêu Trần Dàn là thế nào rồi. Và nó bịp bợm đã lòi đuôi.

Tả “con người văn nghệ” của Trần Dàn, Hoàng Cầm cũng tài lắm. Nào là Dàn “*thức thâu đêm suốt sáng để sáng tác*”, nào Dàn “*gầy rộc đi, mắt trũng xuống nhưng có những tia sáng mới*” nào Dàn “*tim tôi lối diễn tả riêng biệt nhưng độc đáo*”. Bợn hơn nữa, Cầm vờ trách Dàn “bắt chước” Mai-a để Dàn có dịp tự đề cao: “*Tâm hồn có giống nhau thì mới ảnh hưởng nhau sâu sắc được chứ?*” Nhưng có cái không giống nhau giữa Mai-a và Trần Dàn là Mai-a thì suốt đời trung thành với lá cờ đỏ xã hội chủ nghĩa và Trần Dàn thì bôi nhọ lá cờ đỏ:

*Không thấy phố
Không thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ.*

Với Trần Dàn chỉ cần một bóng đàn bà đi qua cuộc đời là đủ để Trần Dàn nhìn lá cờ của Tổ quốc biến màu. Cái khác đó Dàn không dám nói mà Cầm cũng không dám nói. Cho nên Cầm tả Dàn rất “đẹp” cũng chỉ để tỏ rằng chế độ ta xấu, lá cờ ta xấu. Dàn không đẹp được, nên lá cờ của ta Dàn bôi nhọ chỉ là Dàn tự chôn mình. Cầm bảo Dàn “*tim cái độc đáo*”, nhưng “*cái độc đáo*” của Dàn trước cách mạng là giống Đinh Hùng, sau cách mạng là “bắt chước Mai-a”. Nhưng giống Đinh Hùng thì Dàn giống như trong ruột giống ra, mà bắt chước Mai-a thì Dàn chỉ bắt chước được cái kiểu thơ xuống dòng.

Rồi Hoàng Cầm lại tả Trần Dàn yêu cô K.. Nào là Dàn “*chưa từng yêu tuy đã gần 30 tuổi*” - Điều này thì cũng đúng thôi. Dàn chưa từng yêu, nhưng anh em quen Trần Dàn ai cũng biết trước cách mạng Trần Dàn đã nhiều lần trụy lạc. Hoàng Cầm là bạn thân Trần Dàn chắc không phải không biết trước kia Trần Dàn có một cuộc đời sa đọa đến thế nào, trong lúc đó Dàn mới 20 tuổi.

Hoàng Cầm vẫn còn quan niệm ở một nhà văn thì những tật xấu cũng là biểu hiện của thiên tài, nên Cầm viết về Dàn: “*Dàn thường bừa bãi*” nên “*giao thiệp với người đàn bà này anh (Dàn) cũng rất bừa bãi*” Dàn “*xấn xò đời tình yêu*”. Cầm không cho việc Dàn làm thế là đáng xấu hổ cho một quân nhân cách mạng. Việc Dàn đào ngũ, bỏ doanh trại đi hàng tháng vì mê gái Cầm gọi là “*đổi ba lần làm trái với nội quy sinh hoạt của bộ đội*”.

Thực chất hành động của Trần Dàn là hành động của lính lê dương, không phải là hành động của quân đội nhân dân.

Để quy kết cho việc Phòng Văn nghệ Quân đội chưa đồng ý cho Dàn lấy cô K. thành một sự “bóp nghẹt tự do luyến ái” Cầm cãi cho cô K. là một người rất yêu tổ quốc. Vì *ngày giải phóng thủ đô đã chạy ra đường, vẫy chào quân đội, miệng hoan hô không biết mỏi*. Cố nhiên tuyệt đại đa số nhân dân thủ đô ngày giải phóng, ủa ra đón lá cờ của Tổ quốc, với tất cả nỗi sung sướng trong lòng là những người yêu nước. Nhưng với cô K. một người đàn bà trên 20 tuổi, vốn không phải giáo dân, bỗng dưng trở thành “con nuôi” của một cụ đạo, một mình sống với cụ đạo ấy trong vùng tạm chiếm. Cụ đạo bỏ giáo dân đi Nam, dễ dàng trao lại cho cô “con nuôi” mấy dinh cơ lớn ở Hà nội thì việc đó có nên xét kỹ không? Có nên chỉ lấy một việc “hoan hô bộ đội” cho rằng đủ để đảm bảo về chính trị không? Biện bác như vậy, Hoàng Cầm ngây thơ về chính trị thật hay là cố tình làm ra ngây thơ? Điểm này tự độc giả sẽ xét đoán. Bọn phản động đội lốt thày tu thường vu cho Chính phủ ta cấm đạo. Hoàng Cầm nhấn mạnh vấn đề người yêu của Trần Dàn là người có đạo, cho đấy là lý do để đơn vị không tán thành tình yêu của Trần Dàn. Việc nhấn mạnh ấy có dụng ý gì? Điểm này cũng tự độc giả sẽ xét đoán. Có một điều

không mấy người biết mà Trần Dần, Hoàng Cầm cũng không khoe, là con chó của cô K. mà Trần Dần nói đến trong “Nhất định thắng” không phải là một con chó vàng, chó vận tâm thường đâu, mà là một chú chó “béc dê” cũng là vật ủy quyền của cha cố họ.

Có anh hùng thì phải có giai nhân: Theo Hoàng Cầm thì cô K. cũng là một người con gái mới yêu lần đầu (cổ nhiên) và rất ngây thơ, và đã chịu đựng như chúa Giê-su, chịu đóng đinh trên thánh giá.

*“Thế rồi sống bằng gì hả anh? Chính phủ có kết tội những người có nhà cho thuê không hở anh? Bộ đội có cho tôi lấy anh không hở anh? Anh đi... anh có về nữa không anh ơi! Liệu cháu nó có mất bố không hở anh? Liệu tôi có góa chồng sớm không hở anh? Tóm lại đủ những lời lẽ bi thiết gieo một tấn bi kịch ba hồi ba cảnh yêu đương ly biệt và đau khổ. Thảo nào mà Hoàng Cầm chẳng thấy nào là *chua chát lạ lùng* nào là *đau đớn như có búa nện vào óc, đinh đóng vào tim, có giầy trói chặt chân tay* nào là *như bị kim chích vào gan* nào là *lòng tôi như dao chém*. Tim, gan, lòng, có cũng đủ cả bốn món.*

Đến đây, tấn kịch oan khuất đã có đầy đủ nhân vật chính: Trần Dần một “nhà văn cách mạng” hay xấn xỏ đòi tình yêu, giống Mai-a bị vu cáo; cô K. một thiếu nữ ngây thơ, thanh sạch bị đau khổ, con nuôi tâm tình của một nhà tu hành đạo đức; Hoàng Cầm, một người bạn hào hiệp ở quán cà phê; một con chó béc dê, lại thêm một bà cụ hàng xóm, một đứa bé chưa biết đặt tên là gì để *Kỷ niệm nhân phẩm văn nghệ sĩ bị chà đạp xuống bùn đen*; một nhát dao cửa nhẹ vào da cổ, chỉ còn thiếu một lời luận tội, một vai phản diện. Lời luận tội Hoàng Cầm đã rao sẵn: *Kẻ nào hô ra hai tiếng phản động để gọi cả làng ra đánh chết Trần Dần*, và vai phản diện, vai mà Hoàng Cầm cũng đã ráp sẵn: *lãnh đạo! Từ những ngày Tết mưa lũ tã, cái bè phái độc quyền trong văn nghệ bắt đầu họp đứng họp ngồi để tìm cách đối phó...* Hoàng Cầm không tiếc lời chê riều đá kích vào những tư tưởng, những nguyên tắc căn bản của Đảng ta về lập trường quan điểm, về giai cấp, cho là những *câu to lớn* rút ra trong *hàng chục pho sách chính trị để quy kết cho một mối tình!* Hoàng Cầm đã cho lãnh đạo là thủ phạm vụ án văn học Trần Dần! Thực là một mảnh khốe xảo trá không thể tha thứ.

Vẫn còn thiếu khúc mở nút cho tấn kịch mà Hoàng Cầm đã mất bao nhiêu tâm huyết để dàn cảnh, cho có đầu có đuôi, cho cái việc Trần Dần “siêu nhiên xuất chúng” trở thành một Thị Kính hàm oan, cho việc phá hoại kỷ luật thành một cuộc tình duyên bị phá hoại tàn bạo, cho việc bảo vệ nguyên tắc thành một sự báo thù, tất cả những việc ấy gán ghép lại, quặc vào nhau, chẳng chịt khăng khít, sao cho buộc tội được lãnh đạo, buộc tội được Đảng có hiệu quả. Khúc mở nút ấy Hoàng Cầm cũng “sáng tạo” ra rất tài tình: Đại hội lần thứ 20 Đảng Cộng sản Liên Xô! Mồm luôn nói đến phục tùng sự lãnh đạo của Đảng, giải quyết tấn kịch lại dùng cả đến Đảng Cộng sản Liên Xô – mặc dầu ở cùng tờ *Nhân văn* số 1 ấy, có bài của Hoàng Huế chửi Liên Xô – tư tưởng thì vẫn thường coi nền vô sản chuyên chính của ta là *“ngu khờ nắm chính quyền”*. Tất nhiên Hoàng Cầm phải nghĩ rằng thánh cũng không nhìn thấy được cái thâm ý chống Đảng trong cái hồi ký của mình. Thế là Hoàng Cầm yên trí sử dụng Đại hội thứ 20 Đảng Cộng sản Liên Xô làm phương tiện giải quyết tấn kịch:

“Sau khi học tập nghị quyết của Đại hội lần thứ 20 Đảng Cộng sản Liên Xô, cái tin vui từ trong lòng tôi tự dung tỏa ra: Trần Dần chắc chắn sẽ được về! – Quả nhiên v.v...”

Hoàng Cầm cho rằng Đảng Cộng sản Liên Xô phát hiện sai lầm của đồng chí Sta-lin thì cũng phát hiện ra sai lầm của Đảng ta. Vậy Đảng ta thả Trần Dần về, tức Đảng ta sai, Trần Dần đúng. Chắc Hoàng Cầm, và bọn Duy, Đang, Khôi, Dần, Đạt phải nốc với nhau hàng vò rượu, hút với nhau hàng chục “Ken cò” để tán thưởng cái diệu kế: Dùng Đảng Cộng sản Liên Xô đã kích Đảng Lao động Việt Nam. Quả nhiên, vở kịch con người *Trần Dần* “thành công rực rỡ”. Ở

miền Bắc nó làm rớt nước mắt của một vài người “nhân đức” như kiều Thụy An, Trương Tửu, ở miền Nam nó làm cho những tên bồi bút của Mỹ - Diệm, bỗng nhiên đều hóa thành những chiến sĩ phát lá cờ đầu bảo vệ tự do, chính nghĩa, nhâu nhâu lên tiếng rửa sả chế độ miền Bắc dã man, tàn bạo, chà đạp con người lên tiếng ca tụng những người dũng cảm chống cộng như Hoàng Cầm, Trần Dần, Lê Đạt, Phan Khôi, Trương Tửu, Nguyễn Hữu Đang, Trần Duy, Hữu Loan v.v..., nghĩa là cả nhóm *Nhân văn-Giai phẩm*. (Chỉ tiếc các “chiến sĩ” của Mỹ-Diệm chưa nói đến tên Minh Đức).

Hoàng Cầm lập luận: nhờ ánh sáng của Đại hội lần thứ 20 Đảng Cộng sản Liên Xô mà Trần Dần được minh oan! thật cứ để Hoàng Cầm tha hồ đả sách, ngâm ống đu đủ thổi cho Trần Dần vốn đã phềnh, lại phềnh thêm: “*Trước mắt tôi là một người có sức mạnh chống chọi với tử nhục, thành kiến*”... “*Trước mắt tôi là một người chí tình, tha thiết*” “*Trước mắt tôi là một con người dũng cảm có thủy có chung*” “*Trước mắt tôi là một chuyện kéo bè kéo cánh để vu cáo trắng trợn ... một vụ án văn chương vô cùng oan ức, một tài năng và một tâm hồn trong sạch bị giày xéo... Trước mắt tôi là Trần Dần*”.

Hồi kèn xuất trận của Hoàng Cầm và bè lũ *Nhân văn* thật là dóng dả.

Chỉ đáng buồn thay cho Hoàng Cầm, Trần Dần và bè lũ *Nhân văn* là nhân dân miền Bắc rất sáng suốt không để cho bọn mượn tiếng “*đứng dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam, theo chủ nghĩa Mác-Lênin với tinh thần thực tiễn*” để chửi vào Đảng rất cụ thể, hết như chiến thuật mà bọn chống cộng nhà nghề quốc tế vẫn dùng.

Chỉ đáng buồn thay cho Trương Tửu, Trần Duy, Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt là *Nhân văn* chưa ra được số sáu là số kêu gọi biểu tình chống Chính phủ, thì đã bị công nhân nhà in Xuân Thu chặn lại, khiến cho *Nhân văn* không thi thố được tội ác trọn vẹn.

Chỉ đáng buồn thay cho bạn bè lũ *Nhân văn* là miền Bắc tuy có phản động lên lút, nhưng không đủ đông đủ mạnh để gây ra một vụ phản cách mạng như ở Hung-ga-ri.

Chỉ đáng buồn thay cho bè lũ *Nhân văn* là *Giai phẩm-Nhân văn* không được trở thành những văn kiện lịch sử công thần cho một chính phủ kiểu Im-rê Nát-dơ mà lại trở thành những bằng chứng vạch rõ dã tâm và tội ác của cả bè lũ *Nhân văn*.

Cho nên Trần Dần mà Hoàng Cầm định tả thành người có thủy có chung thì cũng chỉ có thủy có chung với thân thể *Dạ đài* mà tuyên ngôn là: “*Chúng tôi, lũ người vong gia thất thổ, thác sinh vào buổi sao mờ*”.^[3]

Cho nên Trần Dần mà Hoàng Cầm định tả thành một thứ anh hùng nhân dân vẫn chỉ hiện nguyên hình thành một thứ anh hùng cao bồi chỉ thiếu áo có chim cò kiểu Mỹ.

Những tư tưởng lạc lõng của Trần Dần đối với nền văn nghệ nhân dân, cũng xứng đáng thay thế những thứ quần áo, chim cò, mà thanh niên ta đang bài trừ trong phong trào hai nên ba chống.

Tôi nói thẳng một cách “thô bạo” thế này, chắc không hợp với khẩu vị của nhóm *Nhân văn* vốn ưa những điều lắt léo, bóng gió. Nhưng sự thật là như vậy, “*tôi biết nói sao!*”.

30-3-1958

^[1]Chữ dùng của Hoàng Cầm

^[2]Nguyên văn: kháng kháng chiến. Chúng tôi cho rằng bản gốc có lỗi in ấn (talawas).

^[3]Tuyên ngôn của nhóm văn nghệ tượng trưng do Trần Dần thảo ra năm 1946, sau Cách mạng tháng Tám.

Nguồn: Tạp chí *Văn nghệ*, số 11, tháng 4 năm 1958 – Số đặc biệt chống tư tưởng phản động của *Nhân văn-Giai phẩm*, trang 75-86. Bản điện tử do talawas thực hiện.

Con người Trần Dần Hoàng Cầm

Lần đầu tiên tôi biết Trần Dần là trong một trại hè của các đoàn văn công quân đội năm (19...) Dáng người thấp, hơi thô, tay chân chắc nịch, lúc nói chuyện thường ồn ào, giọng cười thẳng thắn, ròn rã. Đôi mắt xéch với cặp mày rậm làm cho khuôn mặt anh dữ tợn, nhưng đến khi anh há mồm ra cười thì trông lại như một đứa trẻ con.

Tôi biết tiếng anh từ lâu - Ở bộ đội Sơn La, từ đầu năm 1947, nổi tiếng có một anh Trần Dần nào đó thường vẽ và làm thơ có nhiều cái rất lạ, anh em văn nghệ xung quanh thì rất thích nhưng đồn rằng bộ đội thì không hiểu và một số cán bộ chính trị ở đơn vị thì lấy làm bực mình.

Tới trại hè năm 1951, các đoàn văn công nỗ lực tập luyện để phục vụ một chiến dịch lớn. Trần Dần phụ trách huấn luyện cho mấy trăm anh chị em: sáng tác đạo diễn và diễn viên. Trong bóng rợp của một rừng nứa, giọng anh rủ rỉ như lời tâm sự, giảng về văn nghệ nhân dân. Văn nghệ do dân, vì dân, có Đảng lãnh đạo. Giọng anh thấm thía từng ngày lên lớp. Mấy trăm anh chị em lần đầu tiên được học một tài liệu dài đến gần hai tháng, đều vui trong lòng như một người đi trong đêm rét, chợt nhìn thấy lửa ấm của một túp nhà. Học xong tài liệu Văn nghệ nhân dân, anh chị em say sưa công tác hơn vì người giảng viên Trần Dần đã thổi vào tâm sự mọi người một cái tụt hào. Đến bây giờ tôi (...) ^[1] Lỡ Tấn mà Trần Dần đọc ra để dẫn chứng cho tài liệu:

Hoành mi lệnh đối thiên phu chi

Phủ thủ cam nhi nhụ tử ngưư

Học xong phần lý luận có thể nói hầu hết anh chị em văn công đều yêu mến Trần Dần như một người bạn từ lâu lắm. Những người có chuyện riêng gỡ mãi không ra, đều tìm đến hỏi Trần Dần. Một anh sắp lấy vợ, một chị bị ép chồng, một diễn viên già có vợ ở vùng tạm chiến, đều đến tìm Trần Dần – không phải là một câu trả lời thoả đáng – nhưng chính là một sự an ủi, một câu nói chí tình, và để nghe ở anh cái giọng cười quen thuộc, giọng cười vô tư, rất yêu đời.

Dần dần anh chị em gọi Trần Dần là “thầy tướng” và lắm khi tin anh như một người đau khổ ngày trước tin số mệnh, đã đặt cho anh một cái tên “Trần Dần cốc tử”.

Hồi ấy Trần Dần yêu một nữ diễn viên văn công. Vốn tính cương trực, lỗ mãng, anh không biết cách nào khéo léo để lấy lòng yêu của người đàn bà. Anh không biết nói đẹp, nói hay, chỉ non thè bẻ, xem lá rụng, hoa tàn để vừa ý một cô gái rất đỏng đảnh. Gặp cô, anh “tán công” luôn, rất thô kệch. Cô ấy sợ, và chạy trốn. Anh đuổi không kịp.

Rồi anh thất vọng to, và cũng biết khóc. Một lần bắt chợt anh ôm đầu khóc, tôi kéo mấy anh bạn vào xem: “Vào đây xem voi chảy nước mắt các cậu ơi!” Mãi về sau hình ảnh cô gái đó đột hiện lên, tươi roi rói, đẹp và anh đứng trong những trang đầy nhiệt huyết của cuốn truyện *Người*

người lớp lớp ^[2].

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Trần Dần thức thâu đêm suốt sáng để viết bản thảo lần thứ ba cuốn truyện về những người đã tạo ra chiến thắng lịch sử lớn lao đó. Đạo ấy tôi thấy anh gầy rộc đi, mắt trũng trong một quầng thâm rộng. Nhưng mắt anh có những tia sáng mới. Anh biết anh đang luyện ngòi bút cho thật sắc sảo, “có sắc sảo mới diễn tả hết con người và cuộc đời”. Anh rất ghét lối viết dễ dãi, tạm bợ, tả bộ đội chỉ thấy súng nổ, lửa bốc, chỉ thấy uyển oàng mà chẳng thấy người. Anh gọi những loại văn đó là: văn chương khói lửa mịt mù. Nhìn vào những trang sách, đọc giả tìm kiếm mãi mà chưa thấy một người, chưa thấy việc đời, chỉ thấy lổn nhổn những bộ máy lắp đi lắp lại và một lô danh từ, hình ảnh trống rỗng, thùng rỗng kêu to.

“Nhưng cái hướng chính của tôi không phải là tiểu thuyết. Hướng đi của tôi là thơ. Tôi sẽ tìm tòi trong thơ và cố gắng tạo ra một lối diễn tả riêng biệt – không phải lập dị- nhưng độc đáo.”

Trần Dần đã nói với tôi như vậy sau khi anh viết xong *Người người lớp lớp*. Hồi đó, anh có đưa tôi xem tập thơ làm đã lâu: *Tiếng trống tương lai* ^[3].

Đọc lần đầu tiên, tôi không thích. Tôi cho Trần Dần là lập dị. Đọc lần thứ hai, thứ ba, tôi vẫn không thấy thích, nhưng dần dần tìm ra được nhiều cái mới lạ, khác với nếp cũ thông thường. Tuy nhiên, tôi vẫn không thấy thích cái lối thơ ấy. Dần dà đọc nhiều bài thơ anh làm về sau, tôi càng thấy “cái anh chàng này khác thường”. Khác thường theo ý tôi chưa chắc là đã hay. Dù sao do thơ Trần Dần, tôi suy nghĩ nhiều về trách nhiệm người làm thơ trước cuộc đời: đi sâu vào đời sống có suy nghĩ của con người, tìm cách diễn tả riêng, tạo ra một thế giới riêng cho mình. Tôi thấy thơ Trần Dần có phần đau xót, u ám, nhiều khi rất buồn, vừa cộc cằn lại vừa có cái tự hào sôi nổi, nhiệt tình thẳng thắn, táo bạo.

Nhưng giọng thơ của anh, vẫn không lọt được vào tâm hồn tôi - một người làm thơ theo một dòng khác. Dù sao tôi vẫn trân trọng và quý mến những cái tìm tòi của Trần Dần trong thơ. Tôi cũng nghĩ như anh thường nói: Mỗi người làm một kiểu. Có thơ như tiếng sáo, có thơ như tiếng kèn, có thơ như tiếng trống. Đừng bắt thơ ai phải giống ai. Có thể mới thành một cuộc “hoà âm” lớn của thi ca. Đọc giả thơ cũng ví như người xem xiếc. Có người thích kiêu tung cầu, kiêu đứng trên lưng ngựa. Lại có người thích xem dạy hổ, leo dây. Nhiều khi sợ đến rùng mình, nhắm mắt. Mỗi dòng thơ thích hợp cho một loại độc giả. Có thể mới trăm hoa đua nở được. Gò bó theo ý thích chủ quan của một vài người, thơ sẽ thành hoa giấy đóng hộp bày trong tủ kính.

Hồi đó, tôi chưa biết Mai-a-cốp-sky. Khi hoà bình lập lại, về Hà Nội, đọc Mai-a, tôi thấy hơi thơ và cách diễn tả của Trần Dần có nhiều chỗ giống Mai-a. Tôi trách anh:

"Sao cậu lại bắt chước Mai-a? Bắt chước thì không thể nào độc đáo được."

Trần Dần nói:

"Tâm hồn có giống nhau thì mới ảnh hưởng sâu sắc được chứ! Mình bị ảnh hưởng Mai-a thực, nhưng cái chính là mình chịu ảnh hưởng thực tế cách mạng Việt Nam. Do đó mình sẽ dần trở thành mình."

Viết xong *Người người lớp lớp*, Trần Dần được phân công viết thuyết minh cho cuốn phim *Chiến thắng Điện Biên Phủ* và anh được cử sang Trung Quốc làm nhiệm vụ đó. Nhưng đi kèm bên cạnh anh là một cán bộ chính trị có quyền tối hậu quyết định ^[4]. Anh cán bộ này, đáng lẽ phạm vi công tác là góp ý kiến vào nội dung bản thuyết minh và bảo đảm cho nó không phạm những sai lầm về đường lối chính sách của Đảng trong chiến dịch Điện Biên Phủ, thì đã lợi

dụng uy quyền của mình đi quá xa vào phạm vi văn học, bắt Trần Dần phải viết như ý mình, từng câu từng chữ, lạm dụng danh từ chính trị khô khan rỗng tuếch để nhét cho kỳ được vào bản thuyết minh.

Đầu tiên, Trần Dần rất phục tùng người cán bộ chính trị khi dự thảo thuyết minh, và hoàn toàn theo sát những vấn đề chính trị sẽ đặt ra khi thuyết minh. Đến khi thấy anh cán bộ ấy “lên gân” và thọc bàn tay cứng lạnh vào phạm vi viết văn thì Trần Dần bắt đầu có phản ứng. Nhưng anh vẫn bình tĩnh, đề nghị cấp trên xét lại vấn đề. Đến khi “anh cán bộ vẫn là tối hậu quyết định cả từng câu chữ” thì Trần Dần thôi không làm công việc đó nữa, nhường cả phần “văn chương” cho đồng chí cán bộ.

Sau việc này sự mâu thuẫn giữa văn nghệ sĩ và cán bộ chính trị bắt đầu phát triển khá mạnh trong con người Trần Dần. Anh vẫn cố dẹp đi, nhiều lúc anh thần thờ ít cười ít nói nhưng vốn là con người chân thực – cái chân thực nhiều khi đến thô lỗ - lắm khi anh đã cục cằn, thốt ra những lời gay gắt thiếu lịch sự. Anh thường bàn với anh em, khi thấy nhiều thắc mắc quanh việc này: “Ôi già! Cái con số cán bộ chính trị bóp chết nghệ thuật thì không ít đâu. Làm thế nào để Trung ương Đảng biết rõ tình hình và đề ra những chính sách cụ thể cho văn nghệ sĩ, đó là nhiệm vụ của mỗi đứa chúng mình. Tin Đảng, yêu Đảng, đi theo Đảng đến cùng thì phải có phần góp ý kiến cho Đảng. Đảng cần nhiều khối óc, cần nhiều bàn tay, cần nhiều trái tim, chứ Đảng không cần đến những con người máy, giạt thế nào làm thế ấy”.

Đó là động lực thúc đẩy Trần Dần, rồi đến Tử Phác, Đỗ Nhuận, Hoàng Cầm, Trúc Lâm, Hoàng Tích Linh, và rất đông anh em công tác văn nghệ trong bộ đội dự thảo ra bản “Đề nghị Chính sách Văn nghệ” trình bày với cấp trên hồi đầu năm 1955, tại Hà Nội.

Bản dự thảo sắp được thông qua. Một vài cán bộ cao cấp trong quân đội tỏ ý tán thành những điểm chính trong bản đề nghị đó, và nhất là hoan nghênh tinh thần xây dựng của bản đề nghị.

Trong thời gian bản dự thảo còn bàn đi bàn lại, thì bỗng có một người đàn bà đến rất nhanh chóng trong đời sống của Trần Dần. Một chị ngoài 20 tuổi, đi đạo, ở Hà Nội mới giải phóng. Trần Dần gặp người đó và hai người yêu nhau. Lúc mới yêu người ta dễ say. Trần Dần lại là người chưa từng được yêu bao giờ, dù anh đã gần 30 tuổi. Anh mê man với mối tình đó buổi đầu và đã đôi ba lần làm trái với nội quy sinh hoạt của bộ đội. Cái tật xấu nhất của Trần Dần là bừa bãi trong sinh hoạt: quần áo, sách vở, vứt lung tung, bạ đâu ngủ đấy. Trong sự giao thiệp với người đàn bà này, anh cũng rất bừa bãi. Mới quen lần đầu đã nghiêm nhiên vác ba lô đến ở chơi nhà người ta vài ngày, rồi cười đùa âm ỹ. Anh đã sẵn số đời tình yêu. Người thiếu nữ có lẽ vì sợ đôi mắt xécher đã đi từ nương bộ này đến nương bộ khác, và đến lúc nương bộ cuối cùng: chị đã trao cả cuộc đời mình cho anh. Nhân lúc đang ốm yếu, được phép nghỉ, anh đã đến nhà người yêu ở hàng nửa tháng liền. Và anh đề nghị cấp trên cho anh được cưới.

Một người con gái mới lớn, đã sống trong không khí tôn giáo, sống trong vùng tạm chiếm lâu năm, lại có được uỷ quyền cho thuê mấy cái nhà, bây giờ bỗng dưng yêu một anh cán bộ quân đội. Vấn đề gì đặt ra đây?

Trần Dần vẫn yêu đắm đuối và ngang ngạnh. Anh đề nghị đơn vị đi sát giúp đỡ anh. Lý lịch người thiếu nữ, theo anh, không có gì là mờ ám. Một công dân còn trẻ, chưa hiểu việc đời nhiều lắm, trình độ chính trị rất thấp, nhưng biết yêu lá cờ vinh quang của Tổ quốc, ngày giải phóng thủ đô, cũng chạy ra đường vẫy quân đội, miệng hoan hô không biết mỏi.

Trần Dần ngày càng không thể dứt ra được tình yêu dù anh biết mối tình đó sẽ gặp nhiều trắc trở. Quả nhiên, không ai “tán thành” tình yêu của anh, trừ một vài người bạn thân. Có người lên

giọng đạo đức: Thăng Dần sa ngã rồi. Mới về Hà Nội đã hư hỏng, hoà bình chủ nghĩa thật.

Có người nghiêm nét mặt, đề cao cảnh giác: Cẩn thận! Kèo sa lưới địch! Nó đang âm mưu tấn công vào hàng ngũ ta.

Tình yêu của Dần với cô gái Hà Nội đã làm cho anh em chung quanh bàn tán sôi nổi. Nhưng không ai chịu khó đi tìm chân lý. Những câu chuyện nói cho vui mồm, những lời dèm pha, chế giễu, những “nhận định” cao siêu, những “lập trường” “quan điểm” giai cấp tính, tư tưởng tính, “tư sản” và “vô sản” v.v... Người ta rút những câu to lớn nhất trong hàng chục pho sách chính trị để quy kết cho một mối tình.

Trần Dần đã gục mặt vào tay đau đớn. Tôi đã gặp anh ngồi lặng hàng giờ trong một căn phòng quần áo bàn ghế bừa bãi ở nhà người thiếu nữ đó. Giữa anh và chị, có một niềm tủi cực, cay đắng, xót xa. Chị đã thôi không trang điểm, xếp áo màu vào tủ, có cái thì đem cất giấu, nhuộm nâu. Đã tan đi từ lâu lắm tiếng cười ròn rã. Trong giọng nói đã thấy ngấn nước mắt. Có vài căn nhà được uỷ quyền cho thuê, chị đã nghe lời anh đem giao lại cho Ủy ban nhà cửa. Đầu tiên, khi nghe người yêu bàn việc đó, chị K. ngạc nhiên mắt đen tròn mở to:

“Thế rồi sống bằng gì hả anh? Sao lại giả nhà cho Chính phủ hở anh? Chính phủ có kết tội những người có nhà cho thuê không hở anh?”

Rất nhiều câu hỏi. Anh đã bàn:

“Không! Chính phủ vẫn bảo đảm cho người có nhà cho thuê. Nhưng chúng mình phải làm lấy mà sống. Không nhờ vào đâu cả, ngoài bốn cánh tay mình, đủ sống thì thôi.”

Trần Dần hết sức giải thích cho người yêu và hướng người yêu vào con đường “làm lấy mà sống” “đừng nhờ vả ai”. Hình ảnh người con gái đi tìm việc làm trong mưa, về sau tôi lại gặp rất đau xót, trong bài thơ “Nhất định thắng” in trong tập [Giai phẩm mùa Xuân 1956](#).

Mối tình đó kéo lê những ngày lo sợ, buồn phiền. Trần Dần không ngờ yêu lại khổ đến thế này. Cùng một thời gian đó, bản “Đề nghị Chính sách Văn nghệ” thảo luận chưa xong. Giời sang hè, mùa mưa tầm tã. Trần Dần và người yêu vẫn sống trong một góc nhà tối thiếu ánh sáng. Bữa cơm không vui. Bụi phố Sinh Từ rắc vào nhà như sương, bụi phủ trắng mặt bàn ghế. Ăn vội vàng, Trần Dần lại về đơn vị để rồi lại được nghe những lời phê phán, những tiếng xì xào. Và người thiếu nữ lại chân đất, áo ngắn, đi tìm việc làm, có hôm từ sáng đến tối mới về:

Em đi trong mưa... cúi đầu... nghiêng vai

Đến ngày họp bàn về dự thảo chính sách, Trần Dần được anh em cử ra trình bày. Nguyện vọng của bao nhiêu văn nghệ sĩ trong quân đội. Làm thế nào để sáng tác hay, phục vụ được sâu sắc. Anh nói say mê, nhiệt tình. Trong cách nói nhiều khi bốc. Mặt anh khi đỏ gay, khi tái lại:

“Giả văn nghệ cho anh em văn nghệ sĩ! Phân rõ ranh giới giữa cán bộ chính trị và văn nghệ sĩ. Văn nghệ sĩ phải có sự lãnh đạo của Đảng, nhưng không thể biến thành cái máy v.v...”

Đột nhiên trong không khí hào hứng của gần ba mươi anh em văn nghệ sĩ đang sẵn sàng cởi mở hết để xây dựng một trong những chính sách lớn của Đảng, bỗng có một câu quật lại:

“Tinh thần bản đề nghị này chính là một thứ tư tưởng tự do của tư sản. Nó chứng tỏ tư tưởng

tư sản đã bắt đầu tấn công vào các đồng chí!”

Giá câu nói ấy ở mồm một người thường thì cũng sẽ thường thôi. Nhưng lại ở một cán bộ có đủ thẩm quyền xét lại hay bác bỏ những đề nghị của văn nghệ sĩ, thì bắt đầu có một sự động cựa lớn. Những người trước kia tán thành bản dự án thì bắt đầu trở nên hoang mang.

Thêm vào đó, câu chuyện tình chưa được công nhận. Bóng người con gái hiền lành, hay khóc, người yêu của Trần Dần bỗng trở thành một thứ gì ám ảnh: Một bóng ma đáng sợ. Người nào muốn tỏ ra “lập trường tư tưởng vững chắc” không bị “tư tưởng tư sản tấn công” đều phải ghét người con gái ấy đi. Tình cảm day dứt đến cực độ, như một cành cây non bị quật lên quật xuống trong trận bão khổng lồ, Trần Dần không còn biết bực bạch cùng ai. Nói gì bây giờ cũng khó lọt qua tai những người “vững lập trường lòng lim dạ sắt”. Trần Dần gần như phát điên. Hết đứng lại ngồi, lại chạy ra phố, lại về đơn vị, ở đâu anh cũng thấy như có những dây trời vô hình mỗi ngày một thít chặt vào trái tim anh.

Cùng một thời gian ấy, những sự kiện lớn trong phong trào văn nghệ dồn dập tới: [Phê bình tập thơ Việt Bắc](#), Trần Dần nhận định tập thơ Tố Hữu nhỏ bé nhạt nhẽo trước cuộc sống vĩ đại và mắc một sai lầm nghiêm trọng là sùng bái cá nhân, thần thánh hoá lãnh tụ.

Và truyện *Người người lớp lớp* phát hành hàng vạn cuốn, được hoan nghênh. Và cuộc phê bình *Vượt Côn Đảo* ^[5] cũng sôi nổi không kém cuộc phê bình *Việt Bắc*. Trần Dần viết một bài phê bình *Vượt Côn Đảo* giọng châm biếm cực cằn, khiến nhiều người phản đối. Trong một không khí hết sức căng thẳng của văn nghệ bấy giờ, lại bị quy kết là thoát ly chính trị, tư sản tấn công, hoà bình chủ nghĩa v.v... rất nhiều anh em bị cuốn vào một chỗ mịt mù, chân lý gần như bị ngập bởi các thứ thành kiến, chụp mũ hung hăng.

Con giun bị xéo mãi cũng quằn lên. Trần Dần có lúc oang oang ăn to nói lớn, có lúc tranh luận sôi nổi, có lúc nóng nảy văng tục, có lúc lằm lằm ngồi một xó, khi thì ngâm thơ giọng buồn thảm thía, khi thì cao đàm hùng biện, khi thì lại vò đầu bứt tóc, nhiều lúc ứa nước mắt, ôm mặt nằm cò queo một mình, có lúc nấc lên, đầu bù tóc rối.

Tấn thăm kịch đã đi đến một chỗ thắt nút quằn quại. Người yêu của anh bắt đầu có mang. Và đột nhiên anh bị giữ ở đơn vị để kiểm thảo cùng với Tử Phác, quanh quẩn trong một gian phòng. Một tháng, rồi hai tháng, ba tháng. Những ngày đầu tiên, như cơn sốt rét đột ngột, anh kêu lên:

“Tôi có tội gì? Tôi có tội gì mà giữ tôi ở lại?” Người yêu anh bỗng thấy anh không về nhà nữa. Nhưng trận ốm nghén đầu tiên đã quật chị xuống như một con bệnh nặng. Mặt choắt lại, người chỉ còn da với xương. Một mình ở một căn nhà bừa bộn với một con chó gầy còm, không cha mẹ, không anh em ^[6], không bạn bè, chỉ có bà hàng xóm bán guốc thỉnh thoảng chạy đi chạy lại nấu cho bát cháo. Tôi đến gặp chị máu me, trông già đi hàng chục tuổi. Chị hỏi:

“Sao anh Dần không về với tôi nữa hở anh?”

Tôi giải thích: “Anh ấy bận công tác ít lâu thôi. Chị đang ốm, có cần gì, chúng tôi sẽ giúp chị.”

Chị oà lên khóc:

“Bộ đội có cho tôi lấy anh ấy không?”

Tôi lại khuyên nhủ:

“Có chứ! Ai cấm đâu!”

Chị bỗng khóc to hơn:

“Phải rồi, không ai cấm tôi và anh ấy lấy nhau. Bộ đội người ta không cấm nhưng anh Dần bỏ tôi rồi! Tôi bụng mang dạ chứa thế này, anh ấy bỏ tôi trốn rồi!”

Rồi chị gào lên:

“Bạc như vôi ấy giờ ơi! Anh ấy không muốn ăn ở với tôi nữa thì cứ bảo tôi biết, việc gì phải lấy có công tác này công tác nọ.”

Tôi thấy chua chát lạ lùng, nhưng chỉ nói tránh đi:

“Anh ấy bận công tác thật đấy mà!”

Chị vẫn một mực:

“Anh ấy nói dối! Cả anh nữa cũng nói dối. Thôi tôi chết đi! Tôi chết đi cho anh ấy đỡ bận! Mà đỡ phiền cả các anh...”

Một số bạn thân của Trần Dần phải cắt nhau đến canh ở đấy, giải thích an ủi, giúp đỡ một người con gái mới yêu lần đầu mà đã bị dao cắt ruột gan.

Trong những ngày u uất đó, anh không được biết tin người yêu, ngồi vò võ trong phòng kiểm thảo. Qua lúc đầu tiên đột ngột, tâm trí anh dần dần bình tĩnh lại. ^[7]

Ba tháng hết nằm lại ngò, anh đã trải qua một đoạn đời đau khổ. Nhưng ở Trần Dần luôn luôn có tình yêu sự sống rất mãnh liệt nó đã ngăn không cho anh đến chỗ huỷ hoại cuộc đời còn rất trẻ của mình. Anh viết bài thơ “[Nhất định thắng](#)” (vào khoảng tháng Tư 1955).

Lần đầu tiên tôi vào thăm anh, với một món quà nhỏ: Một túm nhãn tôi mua ngoài phố. Anh vồ lấy ăn ngấu nghiến rồi cười oang oang: “Thì đua với các cậu làm thơ nhé!”

Thấy tôi rơm rớm nước mắt, anh bỗng hạ thấp giọng:

“Đừng buồn cho mình. Mình cũng nhiều khuyết điểm lắm: có tự kiêu, có nóng nảy, có tự do vô kỷ luật thật. Nhưng không bao giờ không trung thành với Đảng, dù bị mắc tiếng oan, dù bị kỷ luật. Và mình tin những cái độc đoán của một vài cá nhân rồi đây sẽ không còn nữa. Đảng là một khối sáng suốt. Tương lai chúng mình, Đảng sẽ đảm bảo, dù bây giờ Đảng có thể chưa hiểu mình.”

Anh lại đọc Mai-a, đọc Sê-cốp, Goóc-ki. Anh lại nằm nghiền ngẫm *Đất vỡ hoang* và *Trên sông Đông êm đềm* của Sô-lô-cốp.

Cánh cửa có chấn song sắt khép lại, tôi lúi ra và cảm thấy gian phòng kia không còn chật hẹp, tù hãm nữa đối với một con người đầy lòng tin như Trần Dần.

Hết 3 tháng kiểm thảo, anh lại được về với người yêu. Chị ấy lúc đầu còn giận dỗi:

“Thôi anh đi đâu thì đi, mặc xác tôi.” Nhưng chẳng bao lâu, mắt lại sáng, tiếng cười lại trở về trong căn nhà bẽ bộn những bàn ghế quần áo và ống chỉ, dao kéo. Chị đã bắt đầu may sẵn áo cho đứa con đang cựa trong bụng. Chị đã xin được việc làm:

*Trời đã thôi mưa... thôi gió
Đã thấy nắng lên trên màu cờ đỏ*

Rồi Trần Dần đi tham quan Cải cách Ruộng đất [\[9\]](#). Bài thơ “Nhất định thắng” gửi Lê Đạt giữ từ lâu, anh cũng gần như quên đi, óc còn mãi nghĩ về những mặt khác của cuộc sống để chuẩn bị cho những bài thơ khác sẽ ra đời.

Đã gần đến Tết ta. Một số anh em đã thấy say sưa sáng tác. Tôi chạy đi chạy lại gom góp sáng tác của dăm ba người bạn và nghĩ rằng phải xuất bản một tập văn thơ mùa Xuân để đóng góp với mùa xuân mới của văn nghệ đang sắp nở.

Và nhận thấy cái kỷ luật “cấm sáng tác” do một vài người công bố đối với Trần Dần là một điều vô lý, sai chính sách của Đảng, và đang lúc Trần Dần đi công tác xa xôi không biết anh có sáng tác gì mới không, tôi bèn tìm lại bài thơ “Nhất định thắng” và cho đăng vào cái *Giai phẩm mùa Xuân* mà tôi là người soạn bài.

Cứ để bông hoa đó nở thì đã hại gì ai mà có thể có lợi. Nhưng hoa chưa kịp nở, thì đã bị dập vùi. *Giai phẩm mùa Xuân* bị kết tội, bài thơ “Nhất định thắng” bị kết tội. Người ta cho rằng cái bè phái độc quyền trong giới văn nghệ bị công kích (bắt đầu từ cuộc phê bình thơ *Việt Bắc*) đã tìm cách trả thù:

Trần Dần, Tử Phác đều bị tổng giam [\[9\]](#).

Cái nút thứ hai khốc liệt hơn, của tấn thảm kịch Trần Dần.

Những ngày mùa xuân 1956, tôi đau đớn như có búa nện vào óc, có đinh đóng vào tim, và có dây trói chặt vào chân tay.

Mùng hai Tết, tôi ăn bữa cơm cuối cùng với Trần Dần. Giữa hai tợp rượu, đã thấy những cơn bão đe dọa, mà lần này chắc ghê hơn lần trước. Chị K. không biết gì vẫn vui vẻ ngồi bóc bánh, rồi xếp dọn ba lô cho chồng để anh ăn xong thì lại đi công tác.

Không khí văn nghệ như sắp sửa có trận bão. Không biết từ đâu cái tin “Trần Dần phản động” “Trong *Giai phẩm* có mấy tên phản động” bỗng truyền ra rất nhanh. Những tin không hay dồn đến, bổ vây tôi và anh Trần Dần còn đang ăn dở miếng bánh chưng Tết. Chị K. tái mặt, để rơi đôi đũa, nước mắt đã vòng quanh:

“Thế là thế nào hả các anh? Phên này lại bị bắt nữa thì tôi sống thế nào được? Các anh rủ nhau làm những chuyện gì mà khổ sở thế không biết!”

Trần Dần cũng tái mặt, anh cắn chặt môi, xốc ba lô lên vai, an ủi vợ:

“Em đừng lo. Tin đồn bậy bạ đấy thôi. Anh đi công tác đây, gần đến tháng đẻ, em đừng lo nghĩ gì cả.”

Nhưng chị K. không thể bình tĩnh được. Chị tiến chồng ra cửa khóc oà lên:

“Anh ơi... Anh có về nữa không, anh ơi!”

Cổ tôi bỗng nghẹn nước mắt. Tôi cố cười:

“Ồ cái chị này lần thân. Thôi để anh ấy đi nào...”

Trần Dần ngừng mặt bước đi, ruột tôi bỗng thất lại: Chuyến này mà nó có làm sao thì chỉ tại mình. Đang tự dưng bày ra cái *Giai phẩm*. Tuy chưa phải là những sáng tác xuất sắc, nhưng ít ra nó cũng nêu được vấn đề gì. Có vấn đề xã hội trong thơ Văn Cao, có vấn đề chống công thức trong thơ Lê Đạt. Và tuy tôi không hoàn toàn thích bài thơ “Nhất định thắng” của Trần Dần, tôi cũng đưa in, vì tôi thấy ít ra nó cũng khác với lối làm thơ một chiều. Dù sao thì cũng có ít ra vài ba con cá quẫy mạnh trên mặt ao tù bấy lâu phẳng lặng.

Từ những ngày Tết mưa lã chã, cái bè phái độc quyền trong văn nghệ bắt đầu họp đứng họp ngồi để tìm cách đối phó với cái *Giai phẩm*. Một không khí ngạt thở đè nặng lên những anh em có bài trong tập sách đó. Rồi đến một đêm, bài thơ “Nhất định thắng” bị đem ra luận tội.

Y như một xóm đang đêm tối bỗng có tiếng kêu “Cướp! Cướp! Cướp đã đến”. Lập tức mọi người mắt nhắm mắt mở, vớ lấy giáo mác, gậy gộc, chạy xô ra ngõ, gặp một cái bóng đen. Cả làng hầm hè đánh. Roi gậy, giáo mác, gạch củ đậu thi nhau nện xuống cái bóng người. Một trận đòn như tử. Cái tâm lý đánh cướp này là tâm lý chung của những người muốn bảo vệ nhà cửa, xóm làng của mình. Cái bóng đen gục xuống. Mọi người lại về nhà đi ngủ. Sáng hôm sau, mặt trời mọc, đi ra ngõ, thì ra cái “bọn cướp” đó chỉ là một anh đang đêm nực nội mò đi hóng mây gió.

Những người đã cầm gậy đánh, đều rất có lý:
“Hô lên là cướp thì ông đừng giã bỏ mẹ đi à?”

Họ là những người yêu làng yêu nước, họ không có lỗi gì. Nhưng lỗi ở những ai hô cướp?

Kẻ nào hô ra hai tiếng “phản động” đầu tiên để gọi cả làng ra đánh chết Trần Dần?

Tôi cố suy mãi, lòng như dao chém. Thôi thế là đêm luận tội đã đóng án tử hình xuống một bài thơ; xuống một con người, đồng thời là một sự đe dọa nặng nề chung cho anh em văn nghệ sĩ đang muốn tìm những lối sáng tác khác với bè phái bên kia.

Sau cuộc lên án đó, tôi không được biết tin gì về anh. Tôi đoán biết được lần này thì anh sẽ thực sự ngồi tù. Vợ anh gần đến tháng ở cũ, vật vã khó suốt ngày suốt đêm vì quả nhiên, sau cái ngày mừng 2 Tết ấy, anh đi không về nữa.

Tôi cũng ân hận hết ngày ấy qua ngày khác, luôn thấy mình là thằng làm hại bạn: “Dần ơi, bây giờ mày nằm trong nhà tù nào, mày có trách tao không?”

Lần này tôi lo sợ hơn lần trước anh bị giam lỏng hơn 3 tháng. Lần này cái bè phái độc quyền văn nghệ kia nó quyết liệt hơn trước, trong không khí văn nghệ đã nghe thấy máu lửa. Tôi lo ngày lo đêm đến con người anh. Lần trước, anh còn chịu được và còn có thể bình tĩnh. Đến lần này, liệu anh còn có đủ can đảm chịu đựng hay không? Tôi đã nghĩ đến cái phút đau đớn cực độ, anh không thiết sống nữa thì một lưỡi dao, một cái đập đầu vào tường... tôi sẽ mất một người bạn, và chúng ta mất tác giả *Người người lớp lớp*, tương lai mất một nhà thơ.

Khi chị K. ốm ghén, bơ vơ trong một căn nhà, chống gậy sang hàng xóm xin từng ngụm nước,

là lúc người yêu của chị đi ba tháng không về.

Khi chị K. đau quần quại, cho ra đời đứa đầu tiên của một mối tình cay đắng, là lúc người yêu của chị lại đi... không biết bao giờ về.

Đứa bé ra đời, còm rom như một con mèo ốm. Nó quặt quẹo, sài đen mấy lần tường chết. Chị K. nuôi con bằng nước mắt nhiều hơn bằng sữa. Tin anh vẫn mịt mù. Lần này chị không còn hiểu làm anh là "phụ bạc" mà chị đã biết thực sự. Chị không oán thán nữa, chỉ ôm con mà khóc. Có lần tôi đến thăm, chị kể lể:

"Giá đừng biết nhau, đừng yêu nhau thì anh ấy đỡ khổ, tôi cũng đỡ khổ và không đến nỗi phải cho ra đời một đứa bé khổ sở thế này. Liệu nó có mất bố không hở anh? Liệu tôi có goá chồng sớm không hở anh?"

Tôi như bị chích vào vào gan. Bé đứa bé thấy nhẹ bỗng, mặt mũi nó nhăn nhúm, méo mó, tôi đã khóc và suy nghĩ rất lâu về giá trị con người. Đặt tên cháu bé là gì để kỷ niệm những ngày bố cháu và nhân phẩm văn nghệ sĩ bị trà đạp xuống bùn đen? [\[10\]](#)

*Hôm nay
Trời đã thôi mưa thôi gió
Nắng lên đỏ phố đỏ nhà
Đỏ mọi buồng tim lá phổi
Em ơi! Đếm thử bao nhiêu ngày mưa...*

Sau khi học tập nghị quyết của Đại hội lần thứ 20 Đảng Cộng sản Liên Xô, cái tin vui từ lòng tôi tự dưng toả ra: Trần Dần chắc sẽ được về!

Quả nhiên, một buổi chiều sang hè anh đã về. Tin đó đến với tôi không đột ngột lắm, vì tôi tin chắc ở ánh sáng Đảng Cộng sản Liên Xô, tin ở chân lý mà Đảng ta nắm rất vững.

Anh đã về. Gặp anh, tôi không nói gì được. Về mặt anh vẫn vui, nhưng có hẳn thêm những nét khắc khổ. Da mặt xanh, người gầy gộc. Nói chưa được một câu, anh đã cười, vẫn giọng cười hồn nhiên, khoe với tôi bốn bài thơ anh làm trong lúc bị giam, và khoe rằng sở dĩ anh được về là nhờ có sự sáng suốt của Trung ương Đảng.

Tôi đọc kỹ bốn bài thơ đó, và nhìn anh, kinh ngạc. Tôi không thể nghĩ được rằng trong hoàn cảnh bị giam đau đớn thế, anh lại có đủ bình tĩnh làm những bài thơ sáng sủa chan chứa lòng yêu đời, yêu Đảng như thế này. Tôi thấy quý và kính phục người bạn mà tôi cho là rất anh dũng. Tôi khoan khoái đọc to mấy đoạn thơ của anh, anh ngửa mặt lên, tôi chợt nhìn thấy ở cổ anh có một vết sẹo dài nằm ngang cuống họng, thịt mới liền, còn đỏ tươi. Tôi hiểu cả, không hỏi thêm anh điều gì... Trước mắt tôi, là một người có sức mạnh chống chọi với tủ nhục, với thành kiến, cả đến những lời vu cáo đanh thép nhất cũng rụng dưới chân anh như cỏ héo.

Trước mắt tôi là một người chí tình, tha thiết, đã có những giây phút bốc lên quá nóng nảy cục cằn, đã tự do bừa bãi nhưng không lúc nào ngừng hoạt động vì tiền đồ rục rờ của văn nghệ.

Trước mắt tôi là một con người dũng cảm của Đảng, có thủy có chung, biết tin yêu Đảng vô bờ bến, biết căm ghét những cái thói nát đang làm hại đến uy tín của Đảng, của quân đội...

Trước mắt tôi là Trần Dần.

Trước mắt tôi lúc viết bài này là một chuyện kéo bè để vu cáo trắng trợn, một vụ án văn chương vô cùng oan ức, một tài năng và một tâm hồn trong sạch bị giày xéo.

Trước mắt tôi là lòng tin vào ánh sáng của Đảng. Ánh sáng đó sẽ soi rọi vào bất cứ chỗ nào đang cần bảo vệ giá trị con người.

Chú thích:

^[1] Thiếu vài chữ, do bản gốc bị thùng không khô phục được (các chú thích trong bài của Phạm Thị Hoài)

^[2] Trần Dần viết xong tiểu thuyết *Người người lớp lớp* cuối tháng 9.1954, trước khi lên đường đi Trung Quốc.

^[3] Bài thơ dài "Tiếng trống tương lai" hoàn thành tại Bắc Kinh tháng 10.1954

^[4] Chuyến đi Trung Quốc kéo dài 2 tháng, từ 10.10 đến khoảng 10.12.1954. Trong đoàn công tác của Trần Dần còn có nhạc sĩ Đỗ Nhuận.

^[5] Tác phẩm của Phùng Quán

^[6] Gia đình bà Bùi Thị Ngọc Khuê, vợ Trần Dần, đã di cư vào Nam năm 1954.

^[7] Trần Dần bị giam kiểm thảo theo kỉ luật quân đội từ 13.6 đến 14.9.1955

^[8] Đó là chuyến đi tham quan Cải cách Ruộng đất đợt 5 tại Bắc Ninh, từ 02.11.1955 đến tháng 2.1956.

^[9] Trần Dần bị giam 3 tháng tại nhà tù Hoà Lò, Hà Nội năm 1956. Trong tù, ông đã dùng dao cứa cổ toan tự tử.

^[10] Con gái đầu của Trần Dần là Trần Thị Băng Kha.

Thủ lĩnh trong bóng tối Phạm Thị Hoài

Đúng mười năm trước tôi được đưa đến ra mắt Trần Dần, sau khi ông đọc bản thảo một số truyện ngắn đầu tay chưa công bố của tôi. Làng văn Hà Nội khi ấy, trong đêm trước của cuộc cởi trói ngắn ngủi, có một không khí nhộn nhịp nhất định. Dân văn chạy ngược xuôi trong văn, không tất tả việc khác như bây giờ. Cả người viết lẫn người đọc đều chờ một cái gì không rõ, nhưng sẽ đến, và có lẽ vì thế mà háo hức, không lãnh-đạm-biết-rời như hiện tại. Khi đó chưa nhà nào có điện thoại riêng, muốn trò chuyện phải tìm nhau tận mặt, rượu tây chưa phổ biến, thức nhắm còn nghèo nàn, thuốc lá Liên Xô Ấn Độ đã là sang, đi xe máy là ngoại hạng, và mọi người đều viết tay trên giấy xấu... Cảnh hàn vi đó nuôi lớn một thứ chủ nghĩa lãng mạn giản dị, đầy tính lý tưởng và cũng đầy ảo tưởng mà giờ đây đã biến mất. Hà Nội, khi Trần Dần qua đời, khác xa mười năm trước, khi tôi hồi hộp đến gặp ông như gặp một thủ lĩnh văn chương trong bóng tối.

Không người viết nào muốn thuộc về phía tối của đời sống văn học, song khi phía được chiếu sáng quá tầm thường thì được khuất mặt có thể là một hãnh diện chính đáng. Trước khi ông tưởng về hưu của Nguyễn Huy Thiệp đại náo làng văn thì Nhân Văn Giai Phẩm với mọi huyền thoại của mình đã luôn là một trong những cái chợ đuổi có sức mê hoặc lớn hơn cửa hàng văn học mậu dịch nhiều. Văn học của NVGP tập trung ở những tác giả và tác phẩm cụ thể của nhóm ấy thời ấy, nhưng tôi quan niệm tinh thần NVGP rộng hơn, bao trùm một số quan niệm, phong cách, nguyên tắc, thái độ ứng xử, đề tài... nhất định, có thể tìm thấy ở những chỗ khác thời khác, ở độc giả, ở các nhà phê bình, thậm chí ở những người từng quyết liệt chống NVGP hoặc rất sợ dính vào đó. Nguyễn Tuân là một trong những nhà văn luôn ký tên hàng đầu trong các bản án chống NVGP, song chính cái tinh thần NVGP trong ông được kết hợp ở thể chân kiềng với tài năng và lòng biết sợ đã tạo cho ông một đặc cách trong văn học chính thống. Ở tất cả các nước xã hội chủ nghĩa trước đây cũng tương tự như vậy. Song sau nhiều chục năm, số

tác phẩm ra đời trong những hoàn cảnh như thế không còn đọng lại bao nhiêu. Như thế không ai chết được nhiều lần, mà trong tinh thần NVGP ấy, các chiến sĩ ưu tú nhất đã ngã xuống cho những lý tưởng khác trước khi kịp hi sinh cho nghệ thuật. Khi tiếp xúc với thế giới của họ, tôi đã hy vọng là sẽ trèo qua nhanh cái nấc thang thứ nhất đương nhiên là rất quan trọng, vì nếu không thì chẳng vào với nhau được: đó là bị kịch mà ai cũng biết ít nhiều về NVGP. Trèo qua nhanh, vì đã bận tâm vào đó thì không thể chỉ rửa nước mắt vào rửa những vết thương bên ngoài. Tôi hình dung rằng những vị tử vì đạo rất ghét kẻ nào chạy lăng xăng quanh nỗi đau của họ, ăn theo những thăng trầm của họ. Mà tôi lại chú tâm vào những bi kịch văn học hơn, cho nên nấc thang sau và sau nữa là cái đích của tôi.

Văn học không chỉ sinh ra từ cuộc đời bên ngoài, mà còn sinh ra từ chính văn học. Khi bước vào nghề văn, tôi muốn biết cái nội văn mà tôi đang nấu, hoặc định nấu, được kê bằng cái gì, được đun bằng cái gì. Trừ ngoại lệ lớn nhất và bền bỉ nhất là Trần Dần cùng một vài người chịu ảnh hưởng trực tiếp của ông, tôi luôn có cảm giác rằng giữa những người theo tinh thần NVGP và tôi có trò chuyện, nhưng hầu như không có một đối thoại thật sự, và những cuộc trò chuyện giữa đôi bên bao giờ cũng chỉ dừng ở một chiều sâu lịch sự, dễ chịu, không thể đi quá một chút nào, và luôn luôn quanh quẩn ở cái nấc thang thứ nhất kia. Dường như thời gian ở chỗ họ từ lâu lắm rồi đã không nhích thêm gang tấc nào, tôi thì đầy sự nôn nóng của tuổi trẻ, mà lại phải rất cẩn thận để không làm tổn thương ai. Luật của chúng ta dường như là vậy. Đày đọa, thanh trừng, xoá sổ kẻ khác thì được, nhưng làm mất lòng thì không. Tôi không thể nói thẳng với họ, rằng tôi không nhất thiết phải đọc họ chỉ để biết rằng, nhà văn cần yêu ai cứ nói là yêu, ghét ai cứ nói là ghét, điều đó tôi được học ở nhiều chỗ khác rồi, mà không phải là học qua văn chương. Nói như thế là bạc, là phản bội, là rũ trắng mọi khổ đau đen ngòm của người khác. Nhưng có lẽ tôi đã kỳ vọng ở họ nhiều quá. Khi tuổi trẻ bị bịt đường lên phía trước thì nó ngoảnh lại phía sau mãi như vậy và thành những ông cụ bà cụ non. Tôi đã tìm một lối để thoát khỏi văn học Việt Nam đương đại. Cái văn học đó buồn tẻ, nhưng cuối cùng thì lối thoát của nó không phải là giạt lùi về đỉnh cao của những năm 50. Cũng như vậy, văn học đổi mới hiện tại chẳng còn gì đáng nói nhiều nữa, song nó không nên ngoảnh lại tiếc nuối cao trào 1988-1989.

Trong những điểm cốt yếu, văn học của nhóm NVGP cùng một bản chất với văn học chính thống sau này. Có thể coi đó là sơ kỳ của văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa. Còn phần lớn các tác phẩm cuối những năm 80 mà trong nước tuy gọi đùa, nhưng có lý của nó, là Nhân Văn 2, ngoài nước gọi là văn học phản kháng, là mạt kỳ của văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa. Thực ra những người làm nhiệm vụ duy trì và bảo vệ văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa có thể yên tâm lâu dài: một mạt kỳ có thể kéo thêm cả thế kỷ, mà theo tôi thì văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa hoặc một cái gì na ná như vậy còn có tương lai vô tận ở Việt Nam. 500 hội viên này của Hội nhà văn Việt Nam có thể được thay bằng 500 hội viên khác, song 50 triệu người đọc thì không bãi đi để bầu mới nhanh như vậy được. Nền văn học này cũng đẻ ra một số tài năng và những tác phẩm có thể xúc động lòng người. Nhưng các tác giả và tác phẩm của nó giống nhau, hoàn toàn không có cá tính, đúng như Trần Dần đã nhận xét, năm 1955, về tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu, rằng thậm chí những câu hay của Tố Hữu cũng không có chữ ký riêng, có thể ký ở dưới là Nguyễn Du, Tản Đà, hay Ca Dao đều được. Những người có tên tuổi ở thời NVGP cũng không tránh được điều đó. Một số bài thơ của Lê Đạt và Phùng Quán thuở ấy có thể ký lộn cho nhau, sau này thì Lê Đạt tách hẳn ra để có một chữ ký độc đáo cho riêng mình, và lịch sử quả thật thích đùa khi ông bị Trần Mạnh Hảo, một nhà thơ hiện thực xã hội chủ nghĩa mạt kỳ phủ đầu, chính vì đoạn sau này. Bên Kia Sông Đuống của Hoàng Cầm, hay Màu Tím Hoa Sim của Hữu Loan đi vào lòng người vì những lý do khác, chứ không phải vì đạt tới cái mà Trần Dần đòi hỏi, ngay từ thuở ấy, rằng nhà thơ trước hết phải có được cái chữ ký riêng của mình. Ông cũng chưa ngay rằng đương nhiên còn phải xem kỹ cái chữ ký ấy nó như thế nào, nhưng mức tối thiểu là phải đạt được như vậy. Lịch sử văn học Việt Nam nửa thế kỷ qua cho thấy, cái tối thiểu mà Trần Dần yêu cầu ấy đã hầu như không đạt được. Cho nên phần lớn tác phẩm của

ông, mỗi dòng là mỗi riêng một cõi, càng lúc càng riêng, riêng tới mức cực đoan, riêng tới mức bí hiểm phải giải mã, phải cần đến một từ điển Trần Dần, không có cách nào khác là làm phận bản-thảo-nằm. Ở ông là một bi kịch văn học lớn mà cái bi kịch chính trị của NVGP chỉ là một trong những bề đệm, còn ở một số người khác thì NVGP là sân khấu, thậm chí có sự trình diễn của các vai nạn nhân, văn chương chỉ đóng một vai rất phụ. Cho nên, nói về ông bây giờ mà không qua cái nấc thang thứ nhất kia cùng là tí ti minh oan, tí ti phục hồi, tí ti thương cảm, thì khác nào nhổ sơ sài vài ngọn cỏ cho sạch vài phân vách đá, nhưng đằng sau đó là Áng-co, để dùng lại một biểu tượng mà ông ưa dùng. Bất hạnh lớn của Trần Dần là NVGP, nhưng bất hạnh còn lớn hơn của ông là ông đã quẳng gánh NVGP từ lâu lại sau lưng, còn người đời thì vẫn ề lưng ra gánh mãi. Sự nghiệp của ông không chấm dứt với năm 1958, mà mở đầu từ đó, và đạt tới cao trào trong khoảng 15 năm, từ giữa những năm 70, nghĩa là liên quan không nhỏ tới việc Sài Gòn thất thủ, đến cuối những năm 80, khi ông ngã bệnh.

Bi kịch của Trần Dần là bi kịch của một nhà cách tân, có lẽ là nhà cách tân lớn nhất và sâu sắc nhất trong văn học miền Bắc Việt Nam nửa thế kỷ qua. Việc ông đi theo cuộc cách mạng của Đảng cộng sản cho đến NVGP là việc dễ hiểu, bởi đôi bên khi ấy cùng chung nhau một chữ cách: cách mạng, cách tân, cùng chung nhau một ý tưởng đổi mới. Việc diễn ra sau đó đối với ông, theo tôi, cũng là một tất yếu. Tôi không cho rằng ông bị hiểu nhầm, mà ông bị không hiểu. Không hiểu chứ không phải hiểu nhầm. Hiểu nhầm còn chữa lại được, không hiểu thì khó thay đổi hơn nhiều. Một người như thế sống ở bất kỳ đâu cũng khó. Còn ở một nơi mà tính đại chúng là tiêu chuẩn tối thượng của văn chương nghệ thuật, một nơi mà sự phục tùng tổ chức, quyền uy, thế lực là kim chỉ nam cho mọi hành vi văn chương thì một người như thế phải bị đày đọa, bị tẩy chay, hoặc nhẹ nhất là bị bỏ qua. Trong văn học Việt Nam, tôi chưa biết một trường hợp nào mà ham muốn sáng tạo và cách tân quyết liệt như ở Trần Dần. Nghĩa là ham muốn vượt qua, hoặc ít nhất là khác đi với cái cũ, hoặc cái đã trở thành cũ, ở bên ngoài mình đã đành, lại còn liên tục tự mới với chính mình, tự vượt qua mình, mà lại làm điều ấy trong từng chi tiết, cho đến tận nét chữ chẳng hạn. Ông có 4 kiểu chữ hoàn toàn khác cách nhau: cho giai đoạn đến NVGP những năm 50 là một, giai đoạn ngắn sau đó, đầu những năm 60 là hai, giai đoạn đến đầu những năm 80 là ba, từ đó đến nay tuy chung một kiểu chữ là bốn, nhưng ngay trong một kiểu này cũng có nhiều phát triển khác nhau, kèm theo một khoa chính tả khác thường và một thư pháp, hay thư họa rất đặc trưng Trần Dần. Chỉ riêng điều có thể coi là nhỏ nhặt trong cái khối khổng lồ là ông- để dùng lại chữ của Dương Tường- đã làm việc đọc ông rất phức tạp, mà lại càng không thể công bố nhiều tác phẩm của ông ở dạng in ấn bằng những con chữ thông thường.

Trần Dần đương nhiên là khó hiểu. Nhưng ông nói về sự khó hiểu một cách hết sức giản dị: “Tất cả mọi giá trị Chân Thiện Mỹ đều là khó hiểu.” Khi ông tuyên bố: “Cái đèm đẹp giết chết cái đẹp”, thì một câu sáng rõ như vậy quả là tối tăm mù mờ với những ai chưa bao giờ nghĩ ngợi về cái “đèm đẹp”. Cái xinh xinh không thể đẹp, ý này có thể của ai khác, có thể từ tư duy trong tiếng nước ngoài, song vào tay Trần Dần thì thành cách nói đặc biệt Trần Dần, nhanh, mạnh, lột trần, độc đáo, không lặp lại ai và không tự lặp, rất Việt và rất hiện đại. Đồng nghiệp của ông yêu cách nói này thì ít, mà sợ thì nhiều. Nguyễn Khải đã tả về hai con mắt “hiếp đáp thiên hạ” của Trần Dần. Không ít người suốt đời hậm hực về một lời phê thường cộc lốc ngịch ngả của ông. Song một nhận định phát ra từ bóng tối và cõi im lặng của Trần Dần có cái uy dũng mà người ta tuy hãi nhưng thêm. Ai chịu trận được thì mang ơn ông mãi. Tôi được ông ưu ái khi vừa môn men vào nghề, phần khởi lắm, nhưng những lời đe của ông sau này mới thực cho tôi những bài học càng lâu càng ngấm.

Người ta coi Trần Dần là lập dị. Nhưng trong một môi trường mà chỉ riêng chiếc ba toong của cụ Nguyễn chống trên vỉa hè Hà Nội đã được coi là biểu tượng của khác thường, thì sự lập dị của Trần Dần là vượt ra mọi cách. Chúng ta có thể tôn sùng kẻ đứng đầu một cách, nhưng kẻ

vượt ra mọi cách thì không có chỗ đứng. Cho nên Trần Dần nằm. Thơ ông là thơ nằm. Mọi bản thảo của ông là bản thảo nằm. Hàng chục sổ thơ của ông là sổ nằm, ông đặt tên là sổ bụi, và khi hết sổ phải dùng đến vở tự khâu, thì đấy là vở bụi. Và lại, khí chất của Trần Dần là cái khí chất không thuận với mọi cách, may ra ông gần hơn cả, gần chứ không thuận, với cách thi trung hữu quý, và tự gọi mình là một thi tặc. Tôi chưa thấy ai trong lịch sử thi ca Việt Nam dám như vậy, đường hoàng như vậy: Thi tặc! Thơ ca của chúng ta có hay thì cốt hay-mãi-ngàn-năm theo hướng thánh thi, tiên thi, đạo thi, có đẹp thì đẹp theo cách tròn đầy nhã nhặn mà Trần Dần tuy ghi nhận nhưng không rung động. Nếu ai hoảng sợ trước cái khái niệm thi tặc ấy thì tốt nhất đừng đọc Trần Dần. Còn đã quyết định đến với ông thì xin đừng coi trọng quá những hành trang tinh thần mà mình đương nhiên khuân theo, vì Trần Dần thật lắm bất ngờ. Và nhất là, ông sẽ giới thiệu một thứ ngôn ngữ khác, một thứ tiếng Việt không chỉ cho lỗ tai mà còn cho con mắt, không trói nghĩa vào chữ, không bôi chữ vào chỗ trống của vô nghĩa. Từ 1958 đến nay Trần Dần làm cái việc mà ông gọi là “làm quốc ngữ”, trong bóng tối, cách bức với những phong trào “giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt” cứ thỉnh thoảng lại ồn ào dấy lên bên ngoài. Công trình quốc ngữ của một cá nhân lẻ loi lặng lẽ như Trần Dần hoàn toàn khác. Con chữ nào qua tay ông là mang một cuộc đời mới. Những người xung quanh ông, người nào cũng xin được, có khi trộm được, ít nhất là một vài con chữ từ cái lò luyện chữ của Trần Dần như vậy. Những chữ rất hiện đại và đầy truyền thống. Cách ông đối xử với ca dao chẳng hạn là cách của một người biết yêu sao cho cả phía được yêu lẫn phía mình đều lớn bổng lên, không phải cách “yêu ai thì người đó nhỏ lại” như ông đã từng phê rất đích đáng một nhà thơ nổi tiếng. Là những chữ rất hàn lâm uyên bác mà cực nôm. Cái sướng nôm của ông, nôm hiện đại của “1 bát sọ 1 leo vú 1 bú đít 1 lít nách”, lây mạnh sang những người xung quanh, thành những ca vô cùng đặc sắc, thành một thứ tiếng Việt hiện đại và đầy phiêu lưu kỳ thú. Ông thậm duy mỹ mà sâu xa và có một giác quan không thể đánh lừa cho mọi giá trị thực. Điều đó kéo theo sự trân trọng và ngưỡng mộ, rất bất chấp, rất hồn nhiên của ông trước những tài năng và nhân cách thật. Ông đã nâng niu thơ Đặng Đình Hưng như thơ ruột, dù quan hệ đôi bên không phải lúc nào cũng êm. Đồng thời, sự thẳng thắn đến phũ phàng của ông trước những thứ của rơm cũng không chừa bạn bè thân thích. Trước những con chữ, lòng ông khăng khăng trong sạch. Chỉ có điều, tất cả những thứ ấy đóng kín trước một số đông, một số rất đông, không phải của riêng thời NVGP, mà cả bây giờ và sẽ rất lâu sau này vẫn thế. Bây giờ, nếu một phần di sản của ông có được đưa ra nghiên cứu và sử dụng, cũng chỉ đếm được trên đầu ngón tay số người có thể đọc xuyên qua được những trang bản thảo ấy. Sau ba mươi lăm năm, một trong hơn ba chục tác phẩm của Trần Dần mới ra mắt người đọc, tập thơ-tiểu thuyết *Cổng Tỉnh*, và được nhận giải thưởng của Hội Nhà Văn Việt Nam. Sự công nhận muộn màng này dừng lại ở mức một cử chỉ thiện chí, với một quá khứ oan khiên, với một nhà thơ lớn khi ấy đã gần đất xa trời. Song nó không mang lại cho Trần Dần nhiều người đọc hơn. Khi cái lưới của đám đông đã hoàn toàn thoái hoá thì cao lương mỹ vị bày ra cho ai? Một phần ba thế kỷ văn đàn quốc doanh, văn xuôi mậu dịch trên môi và trong lòng người đọc Việt Nam đã khiến ít ai vượt qua chỉ cái tựa đề *Cổng Tỉnh*. Tôi mở trang đầu, đọc những dòng đầu mạnh mẽ mẽ mẽ:

Kỷ niệm! Đưa tôi về chốn cũ!

Đừng ngại mây che từng cây số buồn rầu!

Đừng ngại mở trong lòng vài khung cửa nhớ thương...

qua những dòng bông bột lạ lẫm:

Thì hãy lấy mùi soa đêm chùi đôi mắt khô

Hơn là mỗi răng nhai rầu rạ vừa hè...

những dòng ngọt lịm:

Có lẽ xa kia là phố tôi sinh

Có sương sớm đọng trên đèn muộn...

những dòng Trần Dần huyền thoại:

Gió thổi kèn ma mưa thui lòng ngõ hẹp

ò..ò đêm đi như một cỗ quan tài...

những dòng tha thiết:
Ở đâu? ở đâu có ngậm đèn xanh
Rèm che nhoè cửa sổ?...
Nín đi thôi. Nín đi thôi các đại lộ nhiều cây
Đừng sa sút lá
Để ta còn khuyen gió...gió đừng rung cây...
những dòng khinh bạc quay quắt:
Tôi ơi! Tôi ơi!... Tôi vẫn rong chơi bên mấy cột đèn mù...
Tôi càng đứng bơ vơ đầu cổng tỉnh..

Tôi không có đủ đau thương cho mãn hạn sống
Tôi không có đủ tình yêu
Yêu trái đất lục đục thế này...
rồi lại ngọt đắng:
Gió ơi đừng vội tui
Khuya rồi! Hãy tới khóc ở hom sông...
Có lẽ thu rồi em nhỉ
Em chớ khóc nhiều vàng óng tư xưa...

Chỗ nào ông cũng thổi một sự sống khác thường vào những con chữ, chỗ nào cũng dành cho ta một bất ngờ. Biết bao giờ số đông người đọc Việt Nam mới dọn lòng, dành cho tài năng ghồ ghề jờ joạcx này một chỗ? Số phận của Trần Dần là số phận hoàn toàn cô đơn và trong bóng tối theo mọi nghĩa của một người dốc hết mình vào thừa ruộng thử nghiệm của văn học, đặc biệt là của thi ca, một người, để dùng lại chữ của NVGP mà chắc sau này ông cho là mauvais gout lắm, moi tim moi óc làm thơ, một Tư Mã-như tên ông đặt cho mình và bạn bè- suốt nửa thế kỷ không chịu lùi một ly chữ, để làm cái việc mà ông gọi là thờ thơ tự xứ này lên. Một người đi suốt ván chiêm bao của những cái bị nợ và tự nợ, đánh suốt một ván đời với cái biết và cái chưa biết. Ông nói rằng, cái biết là nghĩa, cái chưa biết là chữ. Làm câu châm ngôn hay như Khổng Tử là chưa phải thơ, nghịch lý như Lão Tử chưa phải thơ. Nhảy qua bóng mình mới là thơ. Mình chưa hiểu thơ vì khó mà nhảy qua bóng mình. Tôi không dám nói ông đã thành công trong bao nhiêu mùa thử nghiệm của mình. Chỉ biết rằng, những ai may mắn đến lấy một hạt giống ở ông, rồi đem về đất của chính mình, đổ sức của chính mình vào đó thì ắt là thành công, trong những trường hợp hiếm hoi như Đặng Đình Hưng thì là một thành công lớn. Còn nếu không cũng được một mùa, theo chữ của ông, là mùa sạch.

Trần Dần từng nói, "tôi sốt ruột đợi lớp trẻ lớn lên để chôn chúng tôi, như chúng tôi đã chôn tiền chiến." Nhưng trong một số bụi ông lại tự hỏi: lớp trẻ liệu có còn được một cơ hội mấy chục năm quốc nạn như mình không để làm cái việc ấy? Ông đã ngã bệnh nhiều năm trước khi qua đời, có lẽ cũng linh cảm nhưng không còn đủ thời gian để nhìn thấy những hình dạng mới của quốc nạn. Văn chương bây giờ có vẻ như chưa cần cần đày đọa đã ngắc ngoải tự hủy, chưa sinh ra đã kè huyệt. Thì chôn ai?

Tôi thuộc lớp trẻ, nợ ở ông một lòng ưu ái, mang theo lời đúc kết rất Trần Dần: nhân cách của nhà văn chính là văn cách của anh ta. Tối thiểu tôi phải có được một văn cách.

(1997)

(Đăng lần đầu trên tạp chí Văn Học, California, 1997)

Trần Dần - Nhà cách tân thơ Việt Nguyễn Trọng Tạo



“Tôi khóc những chân trời không có người bay
Lại khóc những người bay không có chân trời”
Trần Dần

- Không phải đến hôm nay người ta mới gọi Trần Dần là “nhà cách tân”. Từ năm 1946 khi tham gia nhóm Dạ Đài, Trần Dần đã cùng với Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương, Vũ Hoàng Địch... soạn ra bản “Tuyên ngôn tượng trưng” nhằm cách tân thơ Việt sau rất nhiều thành công của Thơ Mới (trước năm 1945).

Ông cũng là nhà tiểu thuyết đầu tiên viết về chiến dịch Điện Biên Phủ với nhan đề Người người lớp lớp được phổ biến rộng rãi sau năm 1954. Dù được khen ngợi nhiều, nhưng Trần Dần vẫn chưa ưng ý. Ông thú nhận trong nhật ký rằng: “Tôi vừa viết xong cuốn Người người lớp lớp. Viết về chiến tranh ở Điện Biên Phủ đấy. Nhưng mà tôi đã chán rồi. Tại vì rằng tôi ít thấy sự thực của chiến tranh trong đó quá. Và vì rằng tôi ít thấy sự thực của bản thân tôi trong đó quá. Chưa phải là chiến tranh và chưa phải là tôi. Cho nên tôi viết tới hơn 300 trang mà không thích bằng một bài thơ tôi cũng mới làm về chiến tranh: Anh đã thấy (mes douleurs) trên dưới có 6 trang! Vài trang thơ này tôi còn thấy chiến tranh nhiều hơn, và thấy tôi nhiều hơn 300 trang Người người lớp lớp”. Nghĩa là ông luôn trăn trở cho thơ văn phải hướng về phía trước, phía cách tân. Sau này, suy nghĩ về thơ, ông tuyên bố “phải chôn Thơ Mới”, tức là phải sáng tạo ra một thứ thơ khác, thời đại hơn, mới mẻ hơn những thành tựu đã có, dù Thơ Mới đã làm xong cuộc cách mạng thơ đặc sắc.

Cuộc cách tân thơ của Trần Dần sau hòa bình năm 1954 vừa mới khởi ra chưa được bao lâu thì đã bị tai nạn “Nhân văn - Giai phẩm”. Ông bị kỷ luật và bị “treo bút” 3 năm, nhưng thực ra thì mãi 30 năm sau mới xuất hiện trở lại văn đàn. Thuở ấy ông làm một cuộc du ngoạn vào Huế chơi với anh em văn nghệ chúng tôi. Những bài thơ dài của ông thời “Nhân văn - Giai phẩm” như Nhất định thắng, Hãy đi mãi... được nhiều người đọc lại. Còn ông thì khoe với tôi (ông ở nhà tôi mấy ngày) những tập bản thảo mà ông đã viết trong 30 năm im lặng ấy, gần 30 tác phẩm, đó là thơ-tiểu-thuyết Cổng tỉnh, tiểu thuyết Những ngã tư và những cột đèn, Đêm núp sen... các tập thơ Mùa sạch, Thơ mini, Việt Bắc, v.v... Còn thơ trong các cuốn “sổ bụi” của ông thì nhiều vô kể. Đọc một số bản thảo của ông, tôi không ngờ rằng, một người nhỏ thó, gầy đét như ông lại có cả một trái tim lớn lao như vậy. Đó là trái tim khát vọng “làm quốc ngữ”, làm “người nhân loại”. Có thể nói rằng bi kịch và cô đơn hoàn toàn đã buộc ông phải chiến thắng bằng vũ khí ngôn ngữ. “Thơ nay hầu như vẫn đặt nghĩa. Tôi đặt thơ là chữ. Con chữ nó làm nghĩa. “Mai sau dù có bao giờ” là con chữ. “Chữ tài liền với chữ tai một vần” là đặt nghĩa” - ông quan niệm. Chính vì làm thơ kiên trì với quan niệm đó mà thơ ông đã mang đến cho nền thơ chung một lối thơ độc sáng. Có nhiều người ảnh hưởng lối thơ Trần Dần, nhưng không ai có thể vượt qua ông về lối thơ đó, vì đây là thơ tự thân, đó là máu, mồ hôi và óc não của ông đọng thành những con chữ.

Thuở đầu, Trần Dần thích thơ Maiacovski. Những bài thơ bậc thang của ông đã tạo nên những nhịp điệu quyết liệt mạnh mẽ khi diễn tả những rung cảm đa chiều của ông về cuộc sống, về dân tộc:

“Biển súng rừng lê bạt ngàn con mắt
Quân ta đi tập trận về qua
Bóng cờ bay đỏ phố đỏ nhà...”

Nhưng về sau thơ ông đã đổi khác. Ông tạo ra những con chữ độc đáo, sinh động và đa nghĩa:
“Đừng ngại mây che từng cây số buồn rầu!
Đừng ngại mở trong lòng vài khung cửa nhớ...
Thì hãy lấy mùi soa đêm chùi đôi mắt khô
Hơn là mỗi răng nhai rầu rạ vừa hè...”.

Người ta nói rằng Trần Dần đã thổi hồn vào từng sự vật, thổi sự sống vào từng con chữ. Nhưng cái làm cho người đọc luôn bất ngờ là cái cách tư duy ngôn ngữ táo bạo, độc đáo và mới lạ của ông đã tạo nên những ấn tượng mạnh, thậm chí thoát đầu gây sốc. Gây sốc bởi nó mới quá, nó lạ quá, nó không giống “thơ cũ”. Gây sốc bởi ông chủ trương “làm chữ”, làm những chữ mới và làm mới những chữ cũ. Đấy chính là Trần Dần một cá thể thơ. Ngôn ngữ của Trần Dần luôn biến động và ta thấy cả sự lao tâm của ông cho từng con chữ. Lê Đạt nói “nhà thơ là phu chữ”, tôi nghĩ cụm từ này dùng để gọi Trần Dần thì vô cùng đắc địa. Ngay trong cả loại thơ kiểu văn xuôi của ông vẫn ngồn ngộn hình ảnh và cảm xúc thiên hà. Thơ trẻ hiện nay cố gắng nhiều trong thơ không vần hay thơ văn xuôi, nhưng đọc lại Trần Dần 30 năm trước, vẫn thấy ông còn mới mẻ đến bất ngờ:
“Tôi có nghèo đâu, trăng sao lũng liêng. Mây phơi dằng dặc khắp chân trời. Hương hỏa của tôi, kho nào chứa xuê? Ê hề vũ trụ sao bay. Tôi đi lại cho ai giờ? Tầng tầng mây, lục địa lục địa của cải”. (Số bụi 1979)

Thơ Trần Dần (cũng như tiểu thuyết sau “Nhân văn - Giai phẩm” của ông) ngồn ngộn chữ, ngồn ngộn da thịt, sự sống. Ông không phải một nhà thơ dễ đọc. Ông cũng không phải nhà thơ quần chúng hóa, mặc dù ông thơ hóa nhiều ngôn ngữ quần chúng. Những vấn đề cuộc sống và nghệ thuật luôn được ông soi rọi, chăm chút, xuất thần theo kiểu riêng của mình. Chính vì thế mà ông là người mở đường, người đi trước suốt nửa thế kỷ qua. Tôi khâm phục sự học của ông. Ông học bằng cách đọc thể giới (sách), đọc và quan sát cuộc sống, học làm người nghĩa là làm một nhân cách cá biệt, đôi khi như kẻ lập dị giữa đời, giữa đám đông. Học bằng cách làm việc cật lực cho văn thơ. Học bằng cách ngồi dịch sách, dịch tài liệu để kiếm sống. Năm 1983, nhạc sĩ Văn Cao nhờ tôi sang nhà Trần Dần mời ông đến nhà uống rượu nhân 60 tuổi, tôi chú ý vết đen trên tường sau chiếc ghế ông ngồi. Cái vết đen như một hình nhân, như cái bóng của ông. Ông đã ngồi dựa tường như vậy suốt mấy chục năm, để đau khổ, để cô đơn toàn phần, để suy nghĩ, để đọc và để viết. Ông viết rất chậm. Có lần Phùng Quán bảo anh Dần viết chậm thế thì bao giờ mới xong tiểu thuyết. Ông thủng thẳng trả lời: “Viết văn chứ có phải đi ăn cướp đâu mà cần nhanh”. Vâng, ông cứ đĩnh đạc như thế, cứ nặng chùy như thế. Và thế mới là Trần Dần. Bây giờ ông đã xa cõi trần hơn 10 năm, đã được in tuyển thơ dày dặn và những tập sách khác, đã được giải thưởng Hội Nhà văn, Giải thưởng Nhà nước... Tôi nghĩ không có phần thưởng nào lớn hơn khát vọng của ông về chân trời và đường bay của nhân dân, của dân tộc. Hai câu thơ ông khóc hay là ông mơ ước:

“Tôi khóc những chân trời không có người bay
Lại khóc những người bay không có chân trời”.

Hy vọng

Dù bị vứt bên lề đường
Dù bị tàn tật
Ta vẫn khăng khăng yêu Tổ quốc thật lòng
Dù manh tãi đùm thân

Bị gậy bơ vơ trời không che đất không chở
Dù đêm nghe gió quét gậm cầu
Chỉ vài ánh sao lu làm củi lửa
Ta vẫn khăng khăng yêu Tổ quốc thật lòng
Dù chỉ còn một bên tai
Tai sẽ đón tiếng chim ru
Còn một bên tay - tay sẽ quờ quào
Vục một chút màu xanh quê cũ
Cho đôi môi khô uống một hạm trời

...

Dù xa lắc biển gầm Côn Đảo
Dù nơi đây sóng mặn chát lòng tằm
Ta vẫn sững mái đầu xòm con mắt xéch
Ngùn ngụt bể Đông xa
Tia mỏng cụt đăm trời
Dù ném thấy ta cho cá rĩa
Ta sẽ cựa luân hồi đập cửa thác sinh
Ta sẽ đầu thai làm gió lốc
Cùng các đám đông đi phỏ đồ rừng cò
Hãy đợi ở cầu Xanh hãy chờ nơi phỏ Hẹn
Vạt áo tứ thân con mắt ố đùng chùi
Nín đi thôi. Nín đi thôi các đạị lộ nhiều cây
Đừng sa sút lá.
Để ta còn khuyên gió... gió đừng rung cây.

Tình Yêu

Gửi em K, những ngày phải xa nhau
Em ơi
 anh không ngủ được
 bốn đêm rồi!
Nhớ em
 đường phố Sinh Tử
 đen cả mũi
 mùi than
 mùi bụi
Nhớ gian nhà
 bây giờ
 lùi lủi
 một mình em
Em ạ,
 Tình yêu không phẳng lặng bao giờ
Nó dề sóng,
 dề mưa
 nổi bão...
Tình yêu
 không phải chuyện
 đưa cho nhau
 ngày một bó hoa
Nó là chuyện

những đêm ròng
không ngủ
tóc tai bù
như những rặng cây to
nó vật vã
những đêm trời lộng gió
Tình yêu
không phải là
kề vai mớ
sầu mộng dưới trăng mòn
mà phải sống
phải cỏi trần
mưa nắng
phải mồ hôi
chảy đẫm
tận buồng gan
Tình yêu không phải
chuyện ngàn năm
kề sát má
mà bỗng dưng -
một quả tim chung
phải bỏ nó
làm
đôi
người một nửa
người
ôm một nửa...
Tình yêu
không phải là
những chiếc toa đen
con tàu cuộc sống
tùy chuyến đi
mà cắt bỏ
hoặc nối thêm
Mà tự nó là
một đầu tàu hỏa
có nghìn toa
buổi - sáng
buổi - không đèn
Triệu mã lực
con tàu điên
tàu dại
nó đâm bừa
gãy căng
ngày đêm
nó hú chết
thời gian
khoảng cách
nó rú lên
trên trái đất
chưa người

chưa xã hội
chưa luân thường
ước lệ...
Tình yêu không phải
chuyện bạ sao yêu
cũng được
nó lạ lùng
như giữa một trời sao
triệu triệu ánh
Chỉ có anh
đã khản tiếng
kêu gào
mới gọi được
vì - sao - em
hay khóc
Và có em
đi mãi đến mê
người
mới dừng lại
ôm mình anh
buồn tủi
vì - sao - anh
rốc lửa
xém bên trời...
Tình yêu
không phải
có hoặc không
cũng được!
mà nó như là
những vần thơ
những bắp thịt
những đường gân
tổ quốc

Em ơi
em lại khóc
em à?
Gian nhà vắng
con chó nằm nó rú...
Anh mới đấm lên trời
dẫm quả đấm
bây giờ anh
ngồi
chết
một gian buồng
bốn bức tường
nó giữ chặt người
anh

để giáo dục anh về nhiều chuyện
và chuyện yêu
- là chuyện chúng mình...

Em đọc kỹ
trang thơ này nhé
Em đếm xem
bao chữ
bao vần
cũng tựa bao đêm
em ngắm sao trời
em đã thấy
một vì sao
ngát ngường
vì - sao - anh
nó chuyển bên bên trời
đuôi nó cháy - đúng là
vì sao dữ
Anh cho phép
em khóc nhiều
khóc nữa
Em ơi
tình yêu em
không có tuổi bao giờ
mười thế kỷ
vì sao
anh
vẫn cháy...

Thơ lầy

Phạm Thị Hoài chọn và biên tập

tôi thú thật, tất cả chúng mình là những tòi năng

*

sinh ra tòi
chuyên đề thất vọng mọi người

*

thằng trưởng bị vây trong vòng
tròn.

*

sáng bảnh-bảnh-banh
mây vẫn ngủ-ngủ-ngu

*

sinh tòi làm gì
tôi không hợp grammaire nào cả
sinh tòi đã có grammaire cho tất cả

ắt là không juýt cho tôi

*

tóm lấy tu từ vụn nghoẹo cỏ
viết như khắc nhỏ mọi tu từ

*

tôi thích viết cái chưa biết
mặc các ông viết cái đã biết

*

ai cũng có ngày
ngày của mình
tôi không có ngày nào hết

*

tôi còn trẻ tôi còn đi với ma quỷ
cứ chia cho tôi những ma quỷ nào hung dữ nhất năm canh

*

tôi kiếp trước tội gì thế nhỉ
sao có quê hương thật rất buồn?

*

đối với tôi, mất nước văn học là mất nước nhất

*

anh cứ mó thử một dấu phẩy văn phạm xã hội
vuốt râu hùm xám còn đỡ nguy hơn

*

hiện thực là một hư cấu từ đầu chí cuối, từ dưới lên đầu

*

sáng tạo là một hành vi tổng lực và bất ngờ. Cả cái dái cũng tham gia sáng tạo.

*

xây một tập thơ là phá một nhà tù

*

chân lí là một lỗi thời không buông tha nhân thế

*

mĩ học đòi hỏi các giấu diếm và thường lệ nó
đạo lí đòi hỏi biểu lộ và trừng phạt giấu diếm

*

nói tao biết mày viết thế nào, tao sẽ nói mày sống chết ra sao

*

tôi thích những đàn ông vẫn cả đôi vai, cả đời mình, gánh vác một ý kiến, một giấc mơ

*

thà thấp một tia đom đóm
còn hơn ngồi thờ dài khan

*

rượu cay xé mồm (nhịn xé lồn) mới thích

*

tự do là vi phạm chứ không tuân theo tất yếu.

*

tôi như có lời hứa chưa xong. Có lời nguyện chưa trọn. Có câu thề còn trăn trở nơi tim. Thơ là trò rồ của những kẻ như tôi

*

tôi có nghèo đâu, trăng sao lũng liêng, mây phơi dằng dặc khắp chân trời

*

văn chương lom khom
sao lại cho tôi nhiều xương sống thế?

*

từ đó chó
tốc đã đi qua một nước sữa

*

kể từ lẩn lóc rôck
vén vảy văn chương chiều dọc
cả nhà xô lắc lốc
ngọc thần kinh

*

trang giấy trắng quá, trắng quá, đến nước chỉ có sữa mới đen hơn.

*

con trắng bước đi trắng, trắng đến nỗi chỉ bóng nó mới tím hơn

*

hôm nay
tôi vẫn crucifix mồm - AH
tôi sột soạt sóng ngắn
tôi zột zoạt mọng vẫn
 mọng dài
 tam thiên thế giới

*

hai mắt đen ngàn lệ nhé
tôi vẫn thõng tay trong chợ bụi đông người

*

nhân loại- tôi không chơi với các anh nữa
ván nào anh cũng ăn gian

*

cứ hai người đi với nhau, tôi gọi một hàn lâm

*

sờ mà xem không khí không
có sẹo
hoạ chẳng đầu vú là những cái sẹo của tình mẫu tử, và
mặt người
toàn bộ cái mặt là
sẹo ngoài của những cái sẹo
cụ thể bên trong

*

ai xuất bản nhiều đêm thế nhỉ?

*

tôi đứng tuổi mà không đứng gió

*

lo quá
phải lên Thiên Đường
một mình
hết sức một mình

*

được ván cờ thua
thu hoạch bụi hồng

*

chỗ nào Tư Mã cũng bơ vơ
rồi một hôm, lỗ chỗ gió, buổi chiều như một chương trình đọc lỗ
nhà mồ Tư Mã cư tang

*

ngán cho những ván đàn ông
không hơn những kiếp anh hùng-lom khom

*

ai người bình giá cơn mưa

*

lời nói bao giờ cũng là một hối hận

*

mưa rơi không cần phiên dịch

*

thức khuya mới biết đêm ngắn

kẻ ngỡ đêm dài là chữa thức khuya

*

thế giới
nơi con chữ lấm bầm
buổi chiều lẩn thẩn
nơi Tư Mã lấm cấm

*

làm lại thờ dài
làm lại thơ ngây

*

không khóc nước này cạn lợc
khóc nước này cạn khát vọng mà thôi

*

ai chẳng có nhà nước của mình để khốn đốn với
nó.
ôi
đi đâu thoát được mùa người?

*

tôi rủ tôi đi vào cửa khó
để ăn, để ngủ
siêu lạm phát
động vật dễ dàng

*

ngày ngày nhảm nháp chân mây

*

mỗi ngày thu dọn một chân mây

*

mỗi ngày ăn vụng một mini

*

khi cây khóc hết lá
ngày khóc hết khói
tôi về

*

càng chết tôi càng bắt tử
eo ôi
chết vẫn không yên

*

cô gì đêm ấy
bỏ chông chưa?

*

thế là tôi vẫn lạc quan đen
đâu phải tôi bôi đêm đen
vào ánh sáng mọi điện đèn.

*

không khóc không cười tôi vẫn chỉ lạc quan đen

*

đen đến mức chỉ mỗi trắng mới óng ả hơn

*

đừng tha thứ cho tôi nếu một chiều nào yếu đuối
tôi tắt tôi đi trong dàn nhạc áy náy các vì sao.

*

vắng lặng tôi ra khỏi trời.
bước lặng tôi về tuổi mọii.

*

gió tha người, ở các ngã ba.

*

tôi đau ở
mỗi người một vụ án
mỗi người
 chôn
 sống
một chân mây

tôi đau ở
 tôi thò văn tự xứ này lên.

*

tất cả diễn ra trong khói một tia nhìn.
tất cả diễn ra trong lá vắng một tia nhìn.

*

tôi đã hát những ngày mai - không hát
bây giờ tôi hát - lạc quan đen

*

mất ngủ hàng đèn
trong một tủ đồ đen

ngã ba đen
ngã ba đen
sự vật không đèn

*

noel

hồ sơ đen
màng nhện bóng đèn
vẫn có nhưng mũ trùm đen đưa đám đám tang đen.

*

một đám ma đen đi mãi không tới huyết

*

rồi ra tôi sẽ buồn như núi
lặng như ngày
đau đầu như mây

*

tuổi cuối đi về xứ cuối
có còn tia cuối nào không?

tim cuối lê về phố cuối
hay là tia khói cuối đã tan đi?

*

nghe gì
xá gì khi khói - cuối đã bay đi
mây cuối của lòng
con mắt cuối vẫn chong chong

cho tôi ngồi phố khói
ga khói của lòng, bướm khói liệng sân ga
tàu khói
chung nhau màu tuổi khói
đâu dè mắt khói chói chiêm bao/ mây bay
chung đôi ngồi kể khói
mưa rất xưa mà thu rất xanh
mắt khói thế này - mắt khói để cho ai?

*

hoa soi, hoa sói, hoa sòi
hoa khói
ga cuối của lòng
tim cuối
hai bàn chân cuối
khóc đi thôi

*

ga cuối của lòng
chẳng nói
sợ rằng như khói

nói bay đi
sợ rằng như nói
khói bay đi
ga cuối của lòng

Trần Dần - Thơ ở đâu? Phạm Xuân Nguyên

Hà Nội sau hơn một tháng chịu đựng cái rét lạnh lùng đến mức kỷ lục ngày Rằm tháng Giêng (21/2/2008) bỗng bừng nắng ấm. Ngày thơ Việt Nam lần thứ VI ở Hà Nội tổ chức tại Văn Miếu như thường niên vì vậy được hưởng lộc đất trời thu hút rất đông người đến xem đến nghe đến gặp gỡ giao lưu. Nhưng trong khá nhiều người đến Văn Miếu rằm này vì xuân vì thơ riêng còn một lý do cũng rất thơ rất xuân: đón nhận tập thơ mới của Trần Dần.

Sau những *Bài thơ Việt Bắc Cổng tỉnh Mùa sạch* từ thời đổi mới sau giải thưởng nhà nước về văn học nghệ thuật mới được trao vài năm trước bây giờ Trần Dần lại xuất hiện. *Trần Dần – Thơ*. Một tập sách dày gần 500 trang in lại và in mới (chủ yếu) những sáng tác của Trần Dần trong mấy chục năm im lặng khuất mình trong bóng tối hiến mình cho con chữ. Bìa gấp ngoài tập thơ in một bức vẽ của chính Trần Dần minh họa cho một bài thơ ông viết thời 1960 – 1964:

Bài hát người lớn

*Đi chơi! Đi chơi!
Đầu trục bình vôi
Hai tay hai hòn sỏi
Đi chơi! Đi chơi!
Hai tay hai hòn sỏi
Đầu trục bình vôi...*

Đi chơi! Đi chơi!

Trần Dần-Thơ là một ấn phẩm thơ sang trọng bề thế xứng đáng với người thơ ấy và thơ này xứng đáng sự háo hức chờ đợi của người yêu thơ. Việc ra được tập thơ là một công gian khó của Công ty văn hóa truyền thông Nhã Nam phối hợp cùng Nhà xuất bản Đà Nẵng. Tập thơ in ra là một sự kiện của văn học và văn hóa. Và mọi người yêu thơ yêu Trần Dần háo hức trông chờ ngày Thơ năm nay tại Văn Miếu được cầm trên tay Trần Dần-Thơ với tâm trạng đón chờ một sự kiện đẹp của Thơ của Người.

Nhưng cái sự kiện ấy đã trở thành phản sự kiện.

Trong dòng người chen vai thích cánh vào Văn Miếu (một dấu hiệu đẹp cho Thơ) nhiều người đã được biết Trần Dần-Thơ ra đời đã hay tin hôm nay tập thơ được bày bán tại quầy của Nhã Nam ở cả sân Thái Miếu và sân Thái Học. Họ đến quầy sách họ nhìn vào các tập sách bày ra: Trần Dần-Thơ không thấy có. Họ hỏi các nhân viên bán hàng đáp lại là sự im lặng rụt rè và một câu trả lời nhỏ và ngắn: không được bày bán. Các nhà thơ hỏi nhau: vì sao? Các nhà báo hỏi nhau: vì sao? Chuông điện thoại réo rất và thông tin được cập nhật truyền miệng: trước hôm rằm Cục xuất bản đã có cú điện thoại cho Nhã Nam bảo không được đưa Trần Dần-Thơ vào bán trong Văn Miếu ngày thơ. Nhưng... Nhưng... ai muốn mua ai muốn có tập thơ ngay hãy ra nhanh phố sách Đinh Lễ là có. Và từ Văn Miếu đã có những người ra vội Đinh Lễ. Một số phóng viên túm lấy tôi phỏng vấn nhanh. Câu hỏi: Việc này thế nào và tại sao lại thế. Việc thế nào thì tôi cũng chỉ cập nhật tức thì những thông tin như đã nêu trên và nói lại với các phóng viên. Còn tại sao ư? Tại vì nỗi sợ của ai đó. Sợ Trần Dần-Thơ xuất hiện trong ngày thơ sẽ hút sự chú ý đặc biệt chú ý của mọi người vào ông và thơ ông. Sợ những con chữ Trần Dần

sẽ khuấy động khuấy đảo tâm cảm mỗi người đọc và gây ra những phản ứng thơ mạnh mẽ có thể khiến bàng hoàng trước một khối năng lượng sáng tạo cực mạnh cực lớn từ gần nửa thế kỷ trước soi chiếu và phóng nổ vào hôm nay. Nói chung lại là sợ Chữ sợ Thơ của một Nhà Thơ. Lẽ ra những điều này phải là mừng là vui và thế thì Trần Dần-Thơ là điểm nhấn đẹp cho ngày thơ năm nay là niềm vinh quang cho những người làm thơ Việt. Nhưng đã không có sự lẽ ra đó.

Các nhà thơ ở Văn Miếu cũng đành hèn yếu và im lặng trước việc Thơ bị chặn cửa như vậy. Họ xì xào họ xôn xao khi không thấy có Trần Dần-Thơ. Nhưng họ không dám trực tiếp lên tiếng hỏi thẳng ban tổ chức hỏi nhà chức quyền vì có gì một tập thơ đã được cấp giấy phép xuất bản một tập thơ đã được in ra sau khi bị loại bỏ khoảng bốn chục trang bỏ đi một số bài viết và bài thơ theo yêu cầu biên tập tập thơ đó lại không được xuất hiện đằng hoàng công khai tại một nơi không thể đẹp hơn cho thơ là Văn Miếu và vào một ngày không thể hay hơn cho thơ là ngày thơ Việt Nam. Một nhà báo nữ đã làm luận văn thạc sĩ về những bài viết về Trần Dần đến Văn Miếu mang theo cả toàn bộ bản thảo tập thơ với háo hức mua Trần Dần-Thơ để đối chiếu xem những chỗ nào bị cắt bỏ. Trước việc xảy ra chị phẫn nộ và bảo tối qua tình cờ đọc đúng cái câu Trần Dần như đã tiên liệu số phận của mình và thơ mình:

*Tất cả đến với tôi - phải đến tự đằng trước.
Đằng sau có gì? toàn LÁ-CHẾT những ngày qua.*

Đến với Trần Dần và thơ ông là phải đến từ tương lai chứ không phải đến từ quá khứ. Cái sự hành xử đối với Trần Dần-Thơ tại Văn Miếu trong Ngày thơ Việt Nam lần VI đúng là “LÁ-CHẾT những ngày qua”.

Từ Văn Miếu tôi và họa sĩ nhà thơ Như Huy (người có bài viết “Tác phẩm Mùa sạch của Trần Dần qua góc nhìn của Nghệ thuật Ý Niệm” in trong tập) đến trụ sở công ty Nhã Nam. Ông giám đốc dẫn chúng tôi lên tầng ba. Ba poster dành cho Trần Dần-Thơ được chuẩn bị công phu đã không ra được Văn Miếu nên đành đứng đó. Ôi Trần Dần!

*Tôi có vệ tinh
rồi có nhà ga xanh
nhà ga tím
trong một vũ trụ
chẳng hiền lành.*

*Cái lồng chim quá chật
tôi bay đâu
cũng đụng đầu.*

Giám đốc Nhã Nam cho biết một thông tin từ Đinh Lễ báo về là đã có người lấy sách thật Trần Dần-Thơ mang đi. Thế nghĩa là gì anh biết không? Nghĩa là chỉ ít hôm nữa Trần Dần-Thơ sách lậu sẽ tràn lan. Mà những kẻ làm lậu cuốn này chắc phải scanner thôi chứ không thể kỳ khu làm đúng như Nhã Nam đã làm được. Bởi vì Trần Dần-Thơ thật ngoài những bản thơ in đúng kiểu viết kiểu chữ kiểu trình bày của Trần Dần còn có những bản in màu như tranh các trang thơ thị giác ông làm ra.

Trần Dần-Thơ ở đâu?

Thưa: ở thơ ông ở người đọc thơ là bạn là tôi. Ông không hiện diện ở Văn Miếu không phải do ông không phải do Văn Miếu. Nhưng bạn sẽ gặp ông đọc được ông ở nơi bạn đến. Và khi đọc thơ Trần Dần bạn hãy cùng ông thanh thản trong một tình yêu thương lớn và một niềm tin lớn.

*Hãy ôm thế giới này tha thứ cho nó.
Hãy thấp sáng mọi chòm sao cũ!
Cả những vì sao đã tắt lụi từ lâu.*

*Tôi chẳng muốn mang sang gì cả.
Nỗi buồn ga cuối còn nguyên.*

Bạn hãy nhận lấy Trần Dần-Thơ như vậy!

*Hà Nội – Sài Gòn
Rằm Giêng Mậu Tý 2008*

&&&

Thư ngỏ về việc tập "Trần Dần - Thơ" bị ngưng phát hành

Thư ngỏ này được một nhóm văn nghệ sĩ tại Hà Nội soạn thảo và đang được gửi đến đồng đảo các văn hữu và bạn đọc. Mời các bạn đọc thư ngỏ này và có thể ký tên vào nếu thấy đồng tình và có thể chuyển tiếp cho những người khác nếu thấy hữu ích.

Hà Nội ngày 1 tháng 3 năm 2008

Thư ngỏ

Kính gửi

Ông chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa–Khoa học–Giáo dục Quốc Hội CHXHCN Việt Nam
Ông chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật Quốc Hội CHXHCN Việt Nam
Ông Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông CHXHCN Việt Nam
Ông Tổng Thanh tra chính phủ CHXHCN Việt Nam
Ông chủ tịch Hội Nhà Văn Việt Nam

Chúng tôi những nhà hoạt động văn hóa văn nghệ khoa học và những người yêu quý văn học nghệ thuật ký tên dưới đây xin trân trọng gửi các vị thư ngỏ này nhân vụ việc liên quan đến tập sách *Trần Dần – Thơ* (Công ty văn hóa truyền thông và Nhà xuất bản Đà Nẵng xuất bản 2008) vừa bị ngưng phát hành.

Thưa các vị

Trần Dần (1926 – 1997) là một nhà thơ nổi tiếng và quan trọng của Việt Nam. Ông là một chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam đã tham gia cuộc kháng chiến chống Pháp là một nhà văn nhà thơ đã có nhiều tác phẩm đóng góp cho sự nghiệp văn học nghệ thuật của đất nước. Mặc dù bị oan khiên hoạn nạn trong vụ Nhân văn – Giai phẩm nhiều chục năm phải sống trong im lặng và bóng tối Trần Dần với thiên chức và bản lĩnh của một nghệ sĩ chân chính vẫn không ngừng sáng tạo và đã để lại một di sản đồ sộ có giá trị cách tân to lớn đối với văn học Việt Nam. Mười năm sau khi ông qua đời mới chỉ có một phần nhỏ của di sản đó được xuất bản: *Bài thơ Việt Bắc Cống tỉnh Mùa sạch* và tập *Cống tỉnh* đã được nhận Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam

năm 1994. Từ đó năm 2006 Trần Dần đã được truy tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật cùng với các bạn ông trong nhóm Nhân văn – Giai phẩm là Hoàng Cầm Lê Đạt Phùng Quán.

Nhưng trong khối di cảo đồ sộ của Trần Dần vẫn còn nhiều sáng tạo giá trị. Độc giả đặc biệt là những người yêu thơ vẫn khao khát chờ đợi được biết thêm khám phá thêm những khảo nghiệm thơ phong phú đa dạng của ông suốt trong ba mươi năm làm lụi làm việc trong bóng tối theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Tập *Trần Dần – Thơ* được chất lọc từ di cảo với nhiều tâm huyết và công sức là một cố gắng của gia đình nhà thơ của những người biên soạn và của nhà xuất bản nhằm đưa ra ánh sáng những sáng tác của một nhà thơ lớn đáp ứng yêu cầu thưởng thức và thẩm định của công chúng độc giả. Đây có thể coi là một tuyển tập thơ Trần Dần tương đối đầy đủ và toàn diện khả dĩ có thể làm vinh dự cho nền văn hóa nghệ thuật Việt Nam. Cuốn sách đã in xong đã được phép phát hành và đã được đưa ra thị trường. Giới văn học cả nước và đông đảo công chúng yêu thơ đang háo hức tìm mua tìm đọc. Nhưng tại Ngày thơ Việt Nam lần thứ VI (21/2/2008) ở Hà Nội tổ chức tại Văn Miếu tập *Trần Dần – Thơ* đã không được phép đưa vào bán bình thường như các cuốn sách khác theo một lệnh miệng từ Cục xuất bản. Tiếp đó ngày 26/2/2008 sau cuộc làm việc của đoàn thanh tra Bộ Thông tin - Truyền thông với Công ty Nhã Nam tập *Trần Dần – Thơ* đã bị ngưng phát hành vì lý do “vi phạm hành chính về xuất bản”.

Thưa các vị

Những động thái nói trên đối với tập sách *Trần Dần - Thơ* từ phía các cơ quan quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông đã thực sự gây băn khoăn và lo ngại cho giới văn học và công chúng. Một tập thơ đã được chuẩn bị và biên soạn kỹ lưỡng công phu trong suốt hai năm trời tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình xuất bản vừa được ra đời và phát hành thì đột nhiên bị ngưng với một lý do hoàn toàn không phải về tư tưởng nội dung. Chúng tôi lấy làm khó hiểu về điều này. Và từ thực tế hành xử của các cơ quan quản lý nhà nước đối với các tác phẩm sáng tạo trong đời sống văn học nghệ thuật nước nhà lâu nay chúng tôi lấy làm lo ngại cho số phận của tập sách *Trần Dần – Thơ*. Xin phép được nhắc lại với các vị hai vụ gần đây nhất là việc thu hồi và thủ tiêu tiểu thuyết *Truyện kể năm 2000* của nhà văn Bùi Ngọc Tấn (2000) và việc gỡ tác phẩm đang triển lãm của hai họa sĩ Trương Tân và Nguyễn Quang Huy (2007). Hai vụ việc này đều được thực hiện với lý do vi phạm hành chính và vi phạm đạo đức mặc dù ai cũng hiểu bản chất thực của việc cấm đoán là gì. Do đó chúng tôi lấy làm hoài nghi lý do được đưa ra để ngưng phát hành *Trần Dần – Thơ*.

Các vị đều hiểu ở nước ta lâu nay việc cấm đoán tương tự đối với tác phẩm văn hóa nghệ thuật thường xảy ra ai cũng biết hành động như vậy không những thiếu văn minh và không mang tính pháp lý mà còn bóp nghẹt tự do sáng tạo kìm hãm sự phát triển văn hóa nhưng chúng cứ tiếp tục diễn ra chỉ vì lâu nay không có ai lên tiếng phản đối và có phản đối thì cũng bị vùi lấp trong sự im lặng đáng sợ.

Trong những vụ việc như vừa kể trên (với Trần Dần Bùi Ngọc Tấn Nguyễn Quang Huy và Trương Tân) bao giờ cũng nhận thấy mấy điều sau:

1. Không bao giờ có một văn bản nói rõ lý do sách hoặc tranh bị cấm ra mắt công chúng;
2. Không bao giờ có lời giải thích công khai sau khi bị đương sự khiếu nại.

Tất cả những hành xử như trên đều biểu hiện sự thô bạo và sự ấu trĩ khủng khiếp của một trình độ quản lý xã hội bất cần pháp luật và đứng trên những quan hệ dân sự tối thiểu của một quốc gia thực tâm định hướng đại hóa.

Thưa các vị

Nhân danh những người Việt Nam yêu nước
Nhân danh những người Việt Nam có tri thức và có văn hóa
Nhân danh những người Việt Nam có tinh thần và năng lực công dân
Vì sự tồn vong và phát triển của đất nước
Chúng tôi ký tên dưới đây yêu cầu các vị

Trước mắt hãy xem xét và đình chỉ ngay mọi hành xử nhằm ngăn chặn việc phát hành sách *Trần Dần – Thơ* của một nhà thơ quá cố mà nội dung chỉ đem lại vinh dự cho dân tộc Việt Nam văn hiến này.

Tiếp đó hãy xem xét lại cung cách ứng xử của những cơ quan nhà nước về mặt pháp lý và về quan hệ dân sự đối với những trường hợp tương tự như vừa nói đối với nhà thơ Trần Dần nhà văn Bùi Ngọc Tấn các họa sĩ Nguyễn Quang Huy và Trương Tân.

Sau nữa từ nay cần chấm dứt cách thức hành xử thiếu văn minh và vô pháp luật đối với các tác phẩm văn học nghệ thuật nói riêng các sáng tạo tinh thần nói chung trên tinh thần tôn trọng pháp luật và tôn trọng các giá trị nhân quyền và văn hóa.

Xin kính gửi các vị lời chào trân trọng và xin cảm ơn trước về những biểu hiện văn minh dân sự mà chúng tôi chắc chắn sẽ nhận được từ các vị.

Nguyễn Huệ Chi

Giáo sư nguyên Chủ tịch hội đồng khoa học Viện Văn học Việt Nam

Dương Tường

Nhà thơ dịch giả

Phạm Xuân Nguyên

Phó chủ tịch Hội Nhà văn Hà Nội

Hoàng Hưng

Nhà thơ dịch giả

Giáng Vân

Nhà thơ nhà báo

Phạm Toàn (Châu Diên)

Nhà văn dịch giả

Những sai lầm về tư tưởng trong tập sách “Giai phẩm”

Nguyễn Đình Thi

Từ trước đến nay, việc phê bình và đấu tranh tư tưởng trong văn nghệ ta còn quá yếu ớt. Nhiều vấn đề căn bản chưa được soi sáng về lý luận, do đó những tư tưởng sai lầm có đất sống trong văn nghệ ta, cũng như những cây nấm độc mọc ở những khoảng thiếu ánh mặt trời.

Những tư tưởng sai lầm đó, trong một vài sáng tác ở tập *Giai phẩm*^[1] xuất bản gần đây, đã có những biểu hiện nghiêm trọng, nhưng lại khéo núp sau những khẩu hiệu mới nghe dễ xuôi tai như là “chống công thức, đi tìm cái mới, đề cao sự thành thực của nghệ sĩ”. Chúng ta cần phân tích kỹ những lời tuyên bố đó, xem thực ra nó chứa đựng cái gì?

Chống công thức hay là quay về chủ nghĩa cá nhân?

Chúng ta đều nhận rằng văn nghệ phải diễn tả sự thực của đời sống. Sự thực là cái nguồn duy nhất và cũng là vũ khí mạnh nhất của nghệ thuật. Khi sáng tác, chúng ta không thể đặt ra một cái khuôn nào đã đóng đinh sẵn, mà bắt sự thực phải gò vào đó. Bệnh công thức chính là cái bệnh của nghệ thuật khi gò ép sự sáng tác vào một cái khuôn định trước, không đúng với sự thực trong đời. Khi ấy nghệ thuật có xác mà không có hồn, có vỏ mà rỗng ruột. Thường thường đó là cái bệnh già của những nền nghệ thuật sợ sự thực, không còn đủ sức bắt rễ vào đời sống thực của xã hội và con người.

Văn nghệ ta hiện thời có mắc công thức hay không? Phải nhận rằng còn có những tác phẩm cứng nhắc, nghèo thực tế, nghèo tình cảm và dùng những hình thức giả tạo hoặc âm ỉ, để che lấp sự nghèo nàn đó. Nguyên nhân là do các tác giả còn thiếu lòng yêu cuộc sống, thiếu hiểu biết thực tế, thiếu tôn trọng nghề nghiệp và công chúng của mình. Chúng ta cần phê bình những tác phẩm đó và giúp đỡ các tác giả đi sâu vào đời sống và nhận rõ trách nhiệm của mình hơn.

Nhưng nếu nhìn chung nền văn học nghệ thuật từ cách mạng thì chúng ta thấy chưa bao giờ văn nghệ ta sát gần cuộc sống như ngày nay. Văn nghệ ta đã bắt nguồn vào đời sống thực của nhân dân, của quần chúng lao động. Chúng ta đã có một số tác phẩm xuất sắc đầu tiên, và chúng ta có rất nhiều tác phẩm tuy chưa nổi bật lên nhưng có nội dung lành mạnh, nói đúng những nét lớn trong đời sống nhân dân.

Những khuyết điểm còn tồn tại trong văn nghệ ta không phải cái bệnh công thức già nua của những nghệ thuật đã hết hơi thở, mà trái lại đó là cái bệnh ấu trĩ, sơ lược của một nền văn nghệ còn rất trẻ. Chúng ta đang cố gắng vượt qua bước ấu trĩ đó và chúng ta phải vượt được.

Nhưng chúng ta chống công thức, chống sơ lược, nhất định không phải là để quay về thứ văn nghệ buồn thảm, ốm đau và cá nhân chủ nghĩa ngày trước. Chúng ta vượt khỏi những bệnh ấu trĩ hiện nay là để tiến lên, để sát với cuộc sống của nhân dân hơn nữa, để nâng cao hơn nữa lòng yêu nước, ý chí phấn đấu của nhân dân, để xây dựng con người mới lành mạnh của xã hội ta cho sâu sắc, rõ nét hơn nữa.

Mấy tác giả trong tập sách *Giai phẩm* đã không làm như thế. Trong bài thơ "Mới", Lê Đạt đã phóng đại bệnh công thức lên như một tai nạn đang tràn ngập trong xã hội và trong nghệ thuật. Lê Đạt công kích những "công thức xô dây vào mũi". Và để tỏ ra mình không "công thức", Lê Đạt đã rên rỉ về những ngày sống "thảm hại" của mình, với quả tim đang đau ốm trong "*Những đêm trắng tấy lên dữ dội, Không muốn nhìn mặt mình*", v.v...

Còn nhiều câu tương tự mà tôi không muốn trích dẫn dài. Đọc những câu ấy, chúng ta như thấy những bóng ma của thơ ca đời trụy bao năm trước, nay lại từ dưới mồ hiện lên. Đó là cách nhìn khinh người và đồng thời hoảng hốt trước những khó khăn của cuộc sống. Đó vừa là tiếng thách thức vênh váo vừa là tiếng khóc òa lên thảm thiết. Dưới những lời cay chua đòi "chống công thức" ta thấy tác giả đã lén đưa ra những tình cảm ốm đau cũ kỹ của chủ nghĩa cá nhân. Nhưng cái chủ nghĩa cá nhân ấy lại đòi quyền làm vua trong đời và đập đầu ăn vạ, "cả vú lấp miệng em", vu khống chung quanh là không cho nó "làm người".

Chúng ta rất quý con người, chúng ta tôn trọng những đau thương, buồn khổ chân thành. Nhưng chúng ta không công nhận những tình cảm hèn yếu, hoài nghi, bi quan.

Không, Lê Đạt, không phải anh đã sống những "ngày thảm hại" mà anh đang sống những ngày vĩ đại và quý báu nhất trong đời. Tổ quốc ta, nhân dân ta, Đảng ta đã làm cho hàng triệu người nô lệ từ đói khổ dốt nát đứng lên, tuy còn thiếu thốn vất vả nhưng từ nay đã có thể đứng thẳng

lượng, và mình làm cho mình hưởng. Chỉ có cái chủ nghĩa cá nhân mù quáng nó xòe ra trước mắt Lê Đạt những tấm đen và "xỏ dây vào mũi" nghệ thuật của anh, dắt về con đường bế tắc và tối sầm.

Cái mới thực và cái mới giả

Tình cảm cá nhân đau ốm và hèn yếu cũng hiện rõ trong bài hát "Mưa xuân" của Tử Phác. Mượn đề tài lời miền Nam nhắn ra miền Bắc, Tử Phác đã khóc từ đầu đến cuối bài hát. Nước mắt ngấn nước mắt dài, Tử Phác rên rỉ với cảnh "*Mưa sao mưa mãi, như nước mắt người yêu tôi nhớ tôi*", trong lúc tất cả các làng xóm của ta đang "vắt đất ra nước, thay trời làm mưa", trong lúc trên báo *Nhân dân* còn kêu gọi đồng bào chớ vội vì được ít mưa đầu xuân mà ngừng tay chống hạn.

Mấy tác giả trong *Giai phẩm* gọi như vậy là "chống công thức". là "mới". Họ kêu gào "*Mới! Mới! Luôn luôn mới! Bay cho cao! Bay cho xa!*". Hơn thế Trần Dần, Lê Đạt còn bắt chước giọng nói của Mai-a-cốp-ski, thậm chí đã lấy nguyên những hình ảnh trong thơ Mai-a-cốp-ski vào thơ của họ, để đưa ra làm cái giấy thông hành rằng đây là "mới". Nhưng thơ Mai-a-cốp-ski khác với mấy bài thơ Trần Dần, Lê Đạt trong tập *Giai phẩm*, như là trắng khác với đen, ngày khác với đêm vậy.

Mỗi lời thơ của Mai-a-cốp-ski là một tiếng mõ báo động, một viên đạn, một ngọn cờ chiến đấu cho chủ nghĩa cộng sản. Mai-a-cốp-ski nói: "*Tôi muốn câu thơ của tôi như cái lưỡi lê*", và Mai-a-cốp-ski đã làm đúng như lời nói. Từng hơi thở, từng ý nghĩ của Mai-a-cốp-ski là của Đảng, của nhân dân Liên Xô, Mai-a-cốp-ski khinh bỉ quân thù đến tột độ, và có lòng tự hào không bờ bến về Tổ quốc, về sự nghiệp của nhân dân mình. Thơ Mai-a-cốp-ski là lửa cháy và ánh mặt trời, là sấm sét và ca hát, là tiếng nói gan ruột của quần chúng cách mạng.

Cái mới của chúng ta là ở đây, ở sự vùng dậy vĩ đại của hàng triệu người lao động đang được Đảng soi đường dẫn lối, làm thay đổi cả xã hội. Nhân dân đòi hỏi chúng ta phải luôn luôn đứng ở mũi nhọn cuộc đấu tranh của quần chúng, phải vắt óc suy nghĩ, tìm tòi, xây dựng được tâm hồn mới cho con người. Tất cả ý nghĩa công việc sáng tác của chúng ta là ở đây. Vì vậy chúng ta hết sức quý trọng, nâng niu tất cả mọi tìm tòi chân thành của người nghệ sĩ.

Và cũng chính vì vậy chúng ta không thể để cho bất cứ ai kéo lùi cuộc sống của chúng ta quay trở về cái cũ xấu xa, lạc hậu. Máy tác giả trong *Giai phẩm* khua chuông gõ mõ là họ mới, nhưng tiếng nói của họ bé nhỏ loanh quanh, họ nhìn cuộc sống bằng con mắt đen ngòm và hoài nghi của chủ nghĩa cá nhân sắp chết. Dưới những hình thức lòe loẹt, thực chất *tác phẩm* của họ là hơi thở tàn của xã hội và con người cũ. Không ai có thể tùy ý mà bịa ra được cái mới trong đời. Chỉ có quyết tâm lặn vào đời sống quần chúng, làm học trò quần chúng, thì mới tìm thấy cái mới vĩ đại trong đời sống ngày nay. Còn nếu chỉ ngồi dưới đáy giếng của chủ nghĩa cá nhân, cố thổi phồng cái *tôi* của mình, thì có muốn nói "mới, tự do, bay cao, bay xa", hay gì gì nữa, cũng chỉ là nô lệ của chính mình và bò quanh bò quẩn trong vũng bùn của những tình cảm cá nhân nhỏ nhen hoặc đòi trụ.

Sự thành thực của nghệ sĩ

Mấy tác giả trong *Giai phẩm* vỗ ngực kêu to rằng họ "thành thực". Họ bắc loa gọi: "Các anh đến mà xem chúng tôi đang tự phơi trần con người chúng tôi. Họ nói thế và khoe với chúng ta những bệnh tật tâm hồn đầy chất độc. Nhưng họ lại hợm hĩnh bảo: "Các anh mù lăm, có thể này mới là có can đảm 'làm người' chứ!" Thấy quần chúng không tin, mấy tác giả "thành thực" đó trợn mắt quát to: "Các anh không tin Đảng à. Đảng vẫn bảo là phải quý trọng con người kia mà. Đảng vẫn dạy phải đem hết sức chiến đấu cho cái mới thắng cái cũ kia mà". Đó, sự "thành thực" của mấy tác giả *Giai phẩm*. Nó chỉ là trắng trợn và lừa dối. Vô trách nhiệm với quần

chúng khi đưa mình ra trong tác phẩm, và cho cá nhân mình có quyền không cần gì đến ai.

Chúng ta có một sự thành thực khác. Chúng ta viết mỗi câu đều lo lắng sao cho đúng sự thực khách quan của đời sống, sao cho có ích lợi cho cuộc đấu tranh của quần chúng. Có phải như vậy là giảm mất sự "thành thực" của chúng ta đi không? Có phải như vậy là chúng ta viết theo chỉ thị như kẻ thù vẫn tuyên truyền hay không?

Không! Như lời một nhà văn Liên Xô đã nói, chúng ta chỉ viết theo chỉ thị của trái tim chúng ta, nhưng trái tim chúng ta là của Tổ quốc, của nhân dân chúng ta. Mỗi dòng chữ chúng ta viết ra là máu thịt của chúng ta, nhưng chúng ta thấy đó chưa phải cái cao quý nhất của nghệ thuật. Chúng ta muốn mỗi dòng chữ của chúng ta là sự thực của mồ hôi nước mắt quần chúng, là tia sáng, nụ cười, sức mạnh cho những người lao động. Chỉ có đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết, chúng ta mới có thể thật là can đảm và thành thực. Nhân dân bao giờ cũng đòi hỏi chúng ta nói đúng sự thực. Nhân dân đòi hỏi mỗi người cầm bút phải tự mình đi vào cuộc sống, nhận xét những cái tốt xấu hay dở trong đời, bảo vệ cái tốt cho kỳ được và đánh đuổi cái xấu đến cùng, tự mình nói lên tiếng nói từ đáy lòng để góp phần chiến đấu với quần chúng. Nhân dân hoan nghênh bất cứ lời nói nào thành thực và can đảm, với ý tốt là phục vụ cuộc đấu tranh cách mạng.

Nhưng mấy tác giả trong *Giai phẩm* vì đặt cá nhân mình to hơn cả lợi ích của quần chúng, vì tôn thờ đến cả những bệnh tật trong tâm hồn mình, muốn tự đặt mình lên bàn thờ bắt mọi người phải quỳ lạy, nên họ không nhìn thấy sự thực, và cũng không nói thực.

Họ đã tự thổi phồng lên với nhiều điệu bộ, và đi tới hàn học với chúng quanh. Dưới có chồng lại một số khuyết điểm trong đời sống chúng ta, họ đã phóng đại những khuyết điểm đó, và bóp méo sự thực sao cho thổi phồng được họ lên. Hai chữ "thành thực" lúc đó chỉ che đậy cho lòng kiêu ngạo, sự buông thả vô trách nhiệm và tới một chừng mực nào đó, nó chỉ còn là một chiêu bài để ngậm mực phun vào đời sống chung quanh, vu khống người khác và phản lại lợi ích của quần chúng.

Chúng ta thường thấy văn nghệ tư sản đưa "sự thành thực" ra để che lấp cho tư tưởng "nghệ thuật vị nghệ thuật" và chủ trương "nghệ sĩ không cần gì khác ngoài cái tháp ngà của mình". Chỉ riêng sự "thành thực" chủ quan của nghệ sĩ có đủ làm cho tác phẩm có sự sống hay không, và có phải đó là yếu tố quyết định tất cả sự sáng tác hay không? Tám chín năm kháng chiến đã làm chúng ta hiểu không có bài thơ nào có thể so sánh với giọt mồ hôi, nước mắt, với giọt máu thực của con người. Đời sống vô cùng vất vả và anh dũng của quần chúng vượt xa tất cả mọi điều chúng ta vẫn tưởng tượng. Phải học từ đầu, phải thực sự hiểu biết cuộc sống, chúng ta mới viết được. Không biết anh bộ đội hay chị nông dân làm ăn, suy nghĩ, vui buồn, chiến đấu thế nào, mà viết về họ theo lối "suy bụng ta ra bụng người", thì chúng ta rất dễ làm to. Không bắt nguồn từ sự thực của đời sống, thí dụ chúng ta có đưa ra "điệu tâm hồn" nào, tác phẩm của chúng ta vẫn nghèo nàn, giả tạo, công thức.

Chúng ta phải đem hết nhiệt tình cách mạng, không sợ gian khổ, chân thành đi vào đời sống quần chúng, phục vụ quần chúng. Đó là sự thành thực và lòng can đảm chân chính của người văn nghệ ngày nay. Có lặn vào đời sống quần chúng, mắt chúng ta mới biết nhìn, tim chúng ta mới biết đập, và dòng chữ chúng ta viết ra mới sống lên được.

Dưới chiêu bài "thành thực", mấy tác giả *Giai phẩm* chỉ mượn những đề trong cuộc sống của chúng ta để đề cao những tình cảm cá nhân ốm đau, lệch lạc, thậm chí đầy hàn học, nên "tác phẩm" của họ không nói đúng sự thực của đời sống mặc dù tự xưng là "thành thực". Và tiếng nói của họ không chân thành, giản dị, thẳng thắn, nó loanh quanh, úp mở, điệu bộ, nó không

vươn rộng ra ánh sáng mà co mình vào bóng tối.

Từ hàn học cá nhân đi tới xuyên tạc sự thật

Trong nghệ thuật cũng như trong cuộc sống ngày nay, chủ nghĩa cá nhân không những làm cho tâm hồn đòi trụ và bết tắc mà còn có thể đưa tới những bước đường nguy hiểm hơn nữa. Đó là khi nghệ sĩ tự coi mình như thần thánh, vượt ra khỏi mọi người. Khi ấy người nghệ sĩ nhìn vào đời sống không thể hiểu được rằng đời sống ngày nay là do quần chúng nhân dân đứng lên làm chủ mà trái lại con mắt mờ tối của anh ta sẽ chỉ thấy hình như một đám đông vô danh và tầm thường đang tràn lan, làm chết ngạt những cá tính phi thường. Nhìn quần chúng như vậy thì từ trên bờ vực rất dễ rơi xuống vực, từ chỗ hàn học với chung quanh, chỉ quá một bước sẽ rơi vào cạm bẫy của những tư tưởng thù địch. Ta thấy rõ điều đó trong bài thơ "Nhất định thắng" và truyện ngắn "Lão Ròng" của Trần Dần.

Trong bài thơ và truyện ngắn ấy Trần Dần nói giọng đàn anh, vừa chửi đổng mai mỉa, vừa quát tháo kêu gào, khác nào một siêu nhân từ trên đỉnh núi nói xuống cho người đời nghe. Trần Dần tự xưng:

*Cả nước đã bầu tôi toàn phiếu
Tôi là người vô địch của lòng tin*

Con người "vô địch" ấy cho là chưa ai theo nổi cái hay, cái đúng, cái quý trọng tâm hồn siêu việt của mình. Vì vậy Trần Dần vỗ ngực găm gào rồi lại nức nở khóc tự thương thân. Trần Dần nhìn những người chung quanh như một bọn mù ngốc, đáng chửi đáng ghét, thậm chí nhìn chung quanh như thù địch. Và Trần Dần như muốn ném ra một lời thách thức: "Đây này, tất cả hãy vĩnh tai mở mắt, bao nhiêu cái chưa ai dám nói, nay ta nói toạc ra cho mà nghe, chứ ta có sợ gì đâu." Chúng ta hãy bình tĩnh nghe xem Trần Dần nói gì về đời sống chúng ta mà giã dạy như vậy.

Bài thơ "Nhất định thắng" xoáy vào những khó khăn trong đời sống Hà Nội ngày mới giải phóng: nạn thất nghiệp do địch để lại, và nạn nhân dân bị địch cưỡng ép di cư. Trước những khó khăn ấy, Trần Dần nói tới bọn Mỹ Diệm một cách phồng mồm trợn mắt làm ra vẻ khinh địch, nhưng Trần Dần lại kêu to: "Trời ơi, sao mà đâu cũng có chúng nó thế này!" Và Trần Dần trình bày kẻ địch như cái bóng ma vây bủa ghê gớm, đè rập đời sống của mỗi con người xuống. Trần Dần ôm mặt sụp xuống "*rã rời cán não*" nhìn ra đời sống chỉ thấy "*những cơn mưa rơi mãi tối sầm*". Trần Dần làm ra vẻ vỗ ngực hảo hán, nhưng hoảng hốt run sợ và gieo rắc cái run sợ hoang mang ấy ra chung quanh.

*Em ơi thế ra
Người tin tưởng nhất như anh
Vẫn có những phút giây ngờ vực.*

Trần Dần nhìn kẻ địch như vậy, còn nhìn quần chúng thì như thế nào? Những người bị nạn thất nghiệp và những người bị địch cưỡng ép di cư trong con mắt Trần Dần, là những người thảm hại đáng thương và đồng thời đáng giận đáng khinh. Theo Trần Dần, những người thất nghiệp thì "*mưa nắng đi về lủi thủi*" mong chờ chính phủ tìm việc cho, ngoài ra chỉ "*sống bằng tương lai*", còn những người di cư thì chỉ biết kêu những thiếu trời thiếu đất thiếu vắn vắn, chẳng qua là họ "*thiếu quả tim, bộ óc*" đến nỗi tưởng miền Nam là "*non bồng của Mỹ*". Về miền Nam, Trần Dần cũng vẽ ra một bức tranh khủng khiếp và bi đát "*những mảng thối, những đọt máu đào*", đi biểu tình, kêu lên trời, và những bóng ma ghê ngoà đến quấy rối bữa ăn giấc ngủ của Diệm.

Rồi đến cuối bài thơ, Trần Dần nói: Chính phủ đã tìm được việc làm cho người thất nghiệp và những người di cư đã trở về. Nhưng chúng ta thấy cách giải quyết đó như "trên trời rơi xuống", vì không hiểu do đâu tình hình đen tối mà Trần Dần vẽ ra trên kia lại đưa tới cách giải quyết đó cho được.

Bức ảnh đen kịt mà Trần Dần vẽ nên có phải hình ảnh thực của đời sống nhân dân ta không? Trần Dần tự cho chỉ mình có "quả tim, bộ óc" và chữi mắng, khinh bỉ hoặc làm ra vẻ thương hại quần chúng. Nhưng thực ra Trần Dần đã đem "quả tim" khiếp sợ và hần học cùng với "bộ óc" hoang loạn của mình mà bóp méo hẳn sự thực. Trần Dần tưởng mình ở rất cao, nhìn xuống quần chúng như một đàn cừu, nhưng thực ra Trần Dần đã rơi xuống vũng bùn, mắc vào cả những luận điệu của địch, thọc gậy bánh xe vào cuộc đấu tranh của quần chúng. Sự thực là chúng ta có những khó khăn to lớn, nhưng sự thực là quần chúng được Đảng lãnh đạo luôn luôn phấn đấu vượt những khó khăn ấy, và qua mỗi bước lại càng lớn lên, không sức gì cản lại nổi. Sự thực là kẻ địch điên cuồng, hung ác, nham hiểm, nhưng sự thực là chúng thất bại, đang thất bại, và còn thất bại mãi, càng thất bại chúng càng lỏng lẻo và càng lỏng lẻo chúng càng thất bại. Không những ở miền Bắc, mà cả ở miền Nam nước ta, sức mạnh của nhân dân ta đang quật bọn đế quốc và phong kiến xuống, và chính bọn chúng đang khiếp sợ, hoang loạn vì chúng ta.

Những người công nhân bị địch đẩy ra vỉa hè hàng vạn, trước khi chúng rút khỏi miền Bắc, đâu phải những người "*khổ thân*" cúi đầu lủi thủi, buồn nản, chỉ "sống bằng tương lai" như Trần Dần đã "suy bụng ta ra bụng người" mà nói. Đó là những người lao động bị cực khổ nhất và cũng phải đấu tranh nhiều nhất, dưới chế độ bóc lột áp bức của địch. Đi sâu vào đời sống bình thường hàng ngày của quần chúng lao động, chúng ta thấy từ bao nhiêu năm, mỗi ngày sống của những người ấy là bao nhiêu vật lộn gan góc. Ngày nay, một nửa đất nước sạch bóng quân xâm lược, trước hết, họ thấy được đứng thẳng lên, thở một cái như chưa bao giờ được thở. Và họ vẫn tiếp tục cùng nhau phấn đấu xây dựng đời sống mới, vượt qua muôn nghìn khó khăn. Chính phủ ta giải quyết nạn thất nghiệp như thế nào? – Từ việc thống kê, xếp loại những người thất nghiệp xem ai cần giúp nhiều, ai cần giúp ít, ai cần giải quyết trước, ai cần giải quyết sau, cho tới việc tổ chức đưa những người đó đi công trường, về nông thôn, hoặc nhận những việc tạm thời ở thành phố, rồi tiến lên phát triển sản xuất, biến nền kinh tế phụ thuộc vào đế quốc thành kinh tế độc lập, tự chủ của ta, đường lối chính sách của ta trong vấn đề này cũng như trong mọi vấn đề là dựa vào sức lao động phấn đấu của quần chúng, hướng dẫn, tổ chức, phân phối, phát triển, để đem lại lợi ích cho quần chúng.

Những người bị địch cưỡng ép di cư cũng vậy, đâu phải họ cúi đầu nhắm mắt tin theo sự lừa bịp của bọn Mỹ Diêm. Đó chỉ là luận điệu tuyên truyền của địch. Trước khi bị bắt đi, trên đường bị di cư, và sau đi vào tới miền Nam, cuộc đời mỗi gia đình, mỗi con người ấy có bao nhiêu đắng xé quyết liệt, bao nhiêu nỗi đắng cay uất ức với địch, bao nhiêu vật lộn hàng ngày để đùm bọc nhau mà bảo vệ lấy đời sống, và bao nhiêu đấu tranh để về quê hương. Ánh sáng của chân lý, của chính nghĩa vẫn luôn luôn có trong "quả tim, bộ óc" những người ấy. Dù có lúc bị che lấp, ánh sáng ấy vẫn tìm cách tỏa ra. Đường lối chính sách của chúng ta chính là làm sao cho ánh sáng ấy bật lên được, làm cho quần chúng nhận rõ chính nghĩa và lực lượng to lớn của mình.

Vì tự coi mình như siêu nhân và coi khinh chung quanh, Trần Dần đã "thấy cây mà không thấy rừng", như một người bị mù mắt trước những sự thực to lớn của đời sống quần chúng. Vì chìm ngập giẫy dụa trong cách nhìn cô độc, hoang sợ và hần học, Trần Dần đã đi tới những bước

đường nguy hiểm. Bài thơ “Nhất định thắng” đã xuyên tạc sự thật, vẽ nên một bức tranh đen tối và đầy hoang mang về đời sống và cuộc đấu tranh của nhân dân ta. Khách quan mà nhìn, bài thơ ấy đã làm hại cho ta. Không những nó đã phạm sai lầm nghiêm trọng về tư tưởng mà đã phạm sai lầm nghiêm trọng về chính trị.

Nhìn quần chúng bằng con mắt ăn trên ngồi trốc

Trong bài thơ “Nhất định thắng”, Trần Dần làm như mình là bậc cha mẹ của quần chúng, vừa roi vọt đánh mắng, vừa khóc thương đấm đông u mê và khổ sở ấy. Trong truyện ngắn “Lão Ròng”, trái lại, Trần Dần nói giọng nịnh quần chúng, tâng bốc cả những cái thô tục xỏ xiên của một ông lão cố nông có tài đặt về. Hai thái độ của Trần Dần có vẻ trái ngược với nhau nhưng thật ra đó vẫn chỉ là cùng một thái độ trịch thượng, khinh bỉ quần chúng.

Lão Ròng, theo Trần Dần kể, là một ông lão nghèo đói, nghiện rượu bết nhè, và vì uống rượu nhiều quá nên “*làm bao nhiêu cho đủ được*” (chứ không phải nông dân nghèo đói vì không có ruộng). Ông lão ấy hay làm những bài về đấm ba chề củ, thô tục, xỏ xiên (“*Nằm mê thấy Phật cỡi quần em ra*”, v.v...), khi thì chửi người chữa hoang với sự, khi thì chửi người nghiện rượu. Một lần ông lão làm về chửi bọn cường hào, cũng lối chửi xỏ tục tằn ấy, và bị chúng đánh chết. Ngày xưa ông lão bị mọi người sợ hãi khinh bỉ, nay đến Cải cách Ruộng đất người ta mới biết nhớ và yêu. Trần Dần nói: Vì sao lão Ròng làm về được như vậy? Vì thù riêng chăng? Hay vì ai thuê? Chắc không phải. “*Hay là thù giai cấp? Lão Ròng thì biết gì giai cấp?*”. Chỉ biết lão Ròng giỏi và hay như vậy đó.

Trần Dần làm ra về “quần chúng” lắm, và đó chính là chỗ nguy hiểm và lừa dối của lối nhìn Trần Dần. Nhưng nhìn kỹ, ta thấy Trần Dần làm ra về nịnh đến cả cái thô tục, xỏ xiên của quần chúng, mà thực ra đã coi bản chất quần chúng là thô tục, xỏ xiên, ngớ ngẩn, vô ý thức. Đó chẳng khác gì cái luận điệu “dân ngu khu đen” của bọn địa chủ khi chúng nói về nông dân. Trần Dần hiểu đời sống và tâm hồn quần chúng còn rất nông cạn. Cũng như những tên “văn sĩ” thực dân nói về người nhà quê “an nam” “ma bùn”, Trần Dần tóm vội lấy một đôi nét xấu bề ngoài của quần chúng, làm ra về đã khám phá ra cái gì quan trọng lắm. Trần Dần đem bôi đậm những nét xấu ấy lên, và dọa chúng ta rằng: “Quần chúng đấy!”

Chúng ta không hề đòi hỏi nhà văn đánh phấn bôi son cho những nhân vật quần chúng, biến quần chúng thành những hình nhân bằng giấy hồng. Người đọc không ưa những tác phẩm thi vị hóa, tô điểm đời sống nông thôn một cách giả tạo. Những hình ảnh cứng nhắc và sáo về quần chúng không đi được vào lòng người, nên tác dụng giáo dục cũng kém, hoặc chỉ có ít, hoặc lại làm cho người ta quên mất những đấu tranh gay go còn đang đặt ra. Nhưng, dưới cờ là không đánh phấn cho quần chúng, Trần Dần lại đem trát bùn lên hình ảnh quần chúng, trình bày quần chúng như những con ngoáo xấu xí, cục cằn.

Đó là cách nhìn trịch thượng và phản động của giai cấp bóc lột.

Trong xã hội thực dân phong kiến cũ, những người nông dân không những bị thất cổ trong nạn nghèo đói khốn cùng mà còn bị đè vào bóng tối đen đặc của nạn đốt nát, mê tín, phong tục hủ lậu. Nhưng sự u tối, có khi đến cực súc ấy đâu phải là bản chất quần chúng, đâu phải đó là điều đáng ca ngợi, như Trần Dần đã định lừa dối chúng ta? Đó chỉ là những tai nạn do bọn thống trị gây ra, những cái xấu xa do sự mục nát của giai cấp thống trị đẻ ra. Như một cái xác chết thối làm ngạt thở cả không khí, giai cấp thống trị trong bước đường tan rã, đòi bại của nó làm thối nát lây cả đời sống xã hội, và gieo rắc những bệnh tật độc địa của nó vào trong đời sống những

giai cấp bị trị, và những giai cấp trung gian. Đâu phải tính nghiệm rượu bết nhè, thích chửi xỏ thô tục của Lão Ròng là những tính nét điển hình, đáng ca ngợi của người bần cố nông. Cái bệnh nghiện rượu và tính xỏ xiên đâm ba chẻ củ lung tung ấy chỉ là cái tai nạn của chế độ địa chủ cường hào và lề lối xôi thịt của bọn đàn anh ở nơi đình trung trong nông thôn ta ngày trước. Nhà văn có thể mô tả những sự thực đó, nhưng phải chỉ rõ cho ta thấy bản chất quần chúng không phải ở đấy, mà trái lại ta phải căm thù cái chế độ đã đẻ ra những tật xấu ấy, căm thù cái giai cấp phong kiến mục nát nó làm thối nát lây cả xã hội. Và đi sâu hơn vào đời sống và tâm hồn quần chúng thì bất cứ người nào tôn trọng sự thực đều phải nhận thấy dưới những bề ngoài thô tục, hoặc u tối, bên trong quần chúng có một cái gì khác. Ông Lão Ròng có phải chỉ biết đâm ba chẻ củ như thế không? Nhất định không! Ông lão ấy cũng như mọi con người, chắc chắn có bao nhiêu tình thương yêu, có bao nhiêu nỗi khao khát được sống một cuộc đời khác, sung sướng tử tế. Bản chất của ông là bản chất lành mạnh, lương thiện, thông minh và can đảm của một người lao động.

Chống lại ý thức và phủ nhận sự lãnh đạo chính trị

Dưới vẻ ca ngợi cái bản năng tự nhiên của quần chúng (mà cái bản năng ấy đã bị bôi đen đi), cách nhìn của Trần Dần có một khía cạnh cần đặc biệt chú ý là nó chống lại với ý thức và phủ nhận vai trò của ý thức cách mạng. Trần Dần nói rằng chẳng cần "*biết gì giai cấp*", lão Ròng vẫn biết phải trái, vẫn đấu tranh đúng như thường, đến nỗi bây giờ bà con nghe như tổ khổ vậy. Chẳng qua đến Cải cách Ruộng đất mới bày ra chữ *thù giai cấp*. Cách nhìn ấy của Trần Dần cũng rõ rệt trong bài thơ "Nhất định thắng". Trần Dần mỉa mai chính trị, cho là đời sống quần chúng và tình cảm con người có cần gì phải đúng chính trị ("*Em biết đâu Mỹ miếc, Ngô nghe gì*"). Cách nhìn đó làm ra vẻ "tả" lắm, vì nó đề cao "tự nhiên của quần chúng trên hết". Nhưng cái bề ngoài "tả" ấy đối với chúng ta cũng không lạ gì, đó chỉ là cái tư tưởng vô chính phủ đã rất cũ và đã lộ mặt, nó đi đối với cái tâm lý siêu nhân như là bóng với hình vậy. Trần Dần muốn nói rằng quần chúng không cần lãnh đạo, và sự lãnh đạo chính trị của Đảng không phải là sinh mạng của quần chúng, mà thậm chí chỉ là những "công thức" giả tạo ràng buộc đời sống thực của quần chúng. Cách nhìn ấy cũng rơi vào luận điệu của kẻ thù, nếu không kịp thời tỉnh ngộ thì nó chỉ có thể đưa tới những cách nhìn chống lại cách mạng. Thực chất tư tưởng vô chính phủ theo lối "ăn trên ngồi trốc" ấy vẫn là khinh bỉ quần chúng, cho rằng quần chúng là đàn cừu vô ý thức cần phải để cho những bậc hạo hán siêu việt chặn dắt, cứu vớt.

Những người cách mạng yêu quý và hiểu biết quần chúng thì trái lại hẳn, họ đặt tất cả tin tưởng vào khả năng vô cùng tận của quần chúng, nhưng không hề theo đuôi bản năng quần chúng. Lê-nin đã gọi bọn ca tụng "phong trào tự nhiên của quần chúng" là một bọn đi dòm cái mông của quần chúng. Lực lượng quần chúng quyết định tất cả, trong việc to cũng như việc nhỏ, cách mạng chỉ có thể thắng lợi khi quần chúng nổi dậy, tự mình nắm lấy vận mệnh của mình. Nhưng nếu chỉ có bản năng tự nhiên, thì quần chúng không tìm ra đường lối cách mạng được, mà trái lại, thường đi vào đường lối của giai cấp thống trị. Sự nổi loạn tự nhiên của quần chúng, nếu không có Đảng lãnh đạo, tổ chức, chỉ huy, thì không thể làm ra cách mạng. Lịch sử nước ta đã chứng tỏ nếu nông dân chỉ tự mình nổi lên chống bọn phong kiến, thì đến cuối cùng những lãnh tụ nông dân lại lên làm những vua chúa mới mà thôi. Và lịch sử phong trào công nhân quốc tế cũng chứng tỏ nếu công nhân chỉ đấu tranh theo bản năng tự nhiên để giành quyền lợi hàng ngày thì cũng chỉ đi tới chủ nghĩa công đoàn là một cái mà giai cấp tư bản rất thích. Phải có chủ nghĩa xã hội khoa học, phải có chủ nghĩa Mác – Lê-nin là kết tinh cao nhất của khoa học, phải có Đảng của giai cấp công nhân giáo dục ý thức chính trị, ý thức giai cấp cho quần chúng, thì sức mạnh vô cùng của quần chúng mới được cởi mở, và quần chúng mới thực nắm được vận mệnh của mình. Ý thức chính trị là sinh mạng của quần chúng, và sự lãnh

đạo chính trị của Đảng là lẽ sống còn của quần chúng. Đường lối, chính sách không phải là cái khuôn giả tạo ở ngoài lồng vào cuộc đời, mà chính là máu thịt, dưỡng mồi của đời sống chúng ta ngày nay.

Những người dân Hà Nội, sao lại "*biết đâu Mỹ miếc Ngô nghe gì*" như Trần Dần đã nói! Một em bé cũng biết phân biệt tên lính đế quốc, tên mật thám của Ngô Đình Diệm với anh bộ đội, anh cán bộ của ta. Nhân dân ta đã khởi nghĩa, đã kháng chiến thắng lợi, đã vượt qua những gian khổ to lớn nhất chính vì nhân dân ta đã hiểu rất rõ ta là ai, địch là ai, ta chính nghĩa, địch phi nghĩa, ta tiến lên, địch suy tàn. Mười năm từ cách mạng đã giáo dục mỗi người bằng hàng mấy chục năm, hàng trăm năm ngày trước.

Và những người nông dân ngày nay, chính nhờ tư tưởng Mác – Lê-nin soi sáng, mới nhận rõ được thấy giai cấp địa chủ là thế nào. Không có sự giáo dục chính sách, không có phát động tư tưởng thì không thể làm cho nông dân vùng lên được.

Trần Dần đề cao những bài về thô tục, xô xiên, đâm ba chẻ củ của Lão Rồng, nhưng đã không nhận thấy những câu về ấy có lúc đã kích bừa cả nông dân và còn lấp lại cả đạo lý phong kiến. Khi chạm đến bọn cường hào, những câu về của Trần Dần cũng mới bới móc mấy câu chuyện vật thô tục. Như vậy sao có thể so sánh với những lời tố khổ của nông dân ngày nay được. Tố khổ đâu phải là bới xấu, trả thù vật bọn địa chủ. Người nông dân tố khổ chính là đem ánh sáng của chính sách, tức là tư tưởng Mác – Lê-nin, mà phân tích cụ thể đời sống của mình và sự bóc lột, áp bức của bọn địa chủ, lột mặt nạ, vạch ra tội ác của chúng, đánh ngã cả một hệ thống tư tưởng mà giai cấp địa chủ đã choàng lên xã hội từ hàng nghìn năm.

Tư tưởng vô chính phủ đối với phong trào quần chúng và sự lãnh đạo của Đảng thì tìm cách phá hoại, còn đối với địch thì làm lạc hướng đấu tranh của quần chúng. Tới khi không thể đứng nổi trong hàng ngũ quần chúng được nữa thì thường bọn vô chính phủ trắng trợn chạy sang với kẻ thù của cách mạng. Trong văn nghệ các nước tư bản, chúng ta cũng đã thấy rõ những bọn ca ngợi thứ chủ nghĩa cá nhân hảo hán, phiêu lưu như Malraux, hoặc Koestler đến cuối cùng chỉ là cái loa của bọn đế quốc hoặc phát xít. Trần Dần cần phải tỉnh ngộ mà nhìn rõ cái đốc thẩm đang ở sát bên tư tưởng sai lầm của anh.

Nhắc đến một vài sáng tác và mấy tác giả trong tập sách *Giai phẩm*, tôi cần nói rõ là tôi không nhận xét chung tất cả các bài trong tập sách đó, và không nhận xét toàn bộ tác phẩm hoặc tư tưởng của mấy tác giả kể trên. Tôi chỉ nói đến ba bốn bài cụ thể và một số những điều mà tôi nghĩ là sai lầm trong những bài ấy.

Sau hai bài báo đã đăng, tôi nhận được một số ý kiến của các bạn đọc và các bạn văn nghệ. Có bạn phê bình tôi còn quá nhân nhượng với những sai lầm và còn gượng nhẹ, để cho những sai lầm đó còn đất nương náu. Có bạn, trái lại, trách tôi đã phũ phàng và suy diễn, không hiểu những khó khăn mà người nghệ sĩ nhất định gặp phải, khi đi tìm một cái gì mới lạ. Những ý kiến phê bình đó đã giúp cho tôi thấy rõ những khuyết điểm trong bài báo đã quá dài này. Hôm nay, viết đoạn kết luận, tôi muốn nhân dịp mà tỏ bày một điều: những ý kiến của tôi nhất định còn bị giới hạn trong tầm mắt và tầm suy nghĩ của tôi, nên chắc chắn còn nhiều chỗ chưa tới nơi tới chốn, hoặc lệch lạc. Tôi không hề cho rằng những ý kiến của tôi có thể định đoạt tác phẩm của bất cứ tác giả nào. Tôi chỉ làm công việc của một người phê bình giữa tất cả những người phê bình. Trong một cuộc thảo luận đang còn một số ý kiến phân tranh, tôi góp những ý kiến riêng của tôi. Nếu tôi có những nhận xét không đúng, mà được tác giả hoặc các bạn chỉ

cho thấy rõ, thì tôi chỉ có thể cảm tạ.

Trở về với mấy sáng tác trong tập sách *Giai phẩm*, tôi vẫn nghĩ rằng trong mấy sáng tác đó đã có những sai lầm nghiêm trọng, có hại cho bước đường tìm tòi của các tác giả mấy bài đó và có hại cho bước đường tiến lên của văn nghệ ta hiện nay. Chúng ta đang muốn nâng văn nghệ ta lên một bước mới, vượt khỏi những cái công thức, sơ lược nó làm cho một số tác phẩm còn cứng nhắc, khô khan, chưa phản ánh được đúng cuộc sống nhiều vẻ của nhân dân ta. Mấy sáng tác trong tập *Giai phẩm* đã cùng với chúng ta nêu lên vấn đề chống công thức. Nhưng ta hãy nhìn xem mấy sáng tác đó "chống công thức" như thế nào?

Từ trước đến nay, chúng ta thường nêu lên những phía tốt đẹp và tích cực trong đời sống, nhưng chúng ta thường coi như cái tốt đẹp ấy thắng lợi một cách quá dễ dàng, mà chưa nêu rõ được những đấu tranh gay go giữa cái tốt và cái xấu, giữa cái mới và cái cũ trong xã hội và con người. Nay, mấy sáng tác trong tập *Giai phẩm* nêu lên những khó khăn, những khuyết điểm, những phía tiêu cực trong cuộc sống chúng ta. Nhưng mấy sáng tác đó lại vẽ ra một hình ảnh tối sẫm, hình như cả cuộc sống chúng ta đang bị chìm nặng vào những cái xấu xa, hủ bại.

Từ trước đến nay, chúng ta thường mô tả quần chúng có ý thức và có tổ chức, có lãnh đạo, chúng ta nêu lên những con người tích cực, những người anh hùng mới của công nông binh. Nhưng những hình ảnh quần chúng mà chúng ta xây dựng thường còn cứng nhắc một chiều, và nhiều khi bị lý tưởng hóa một cách gò ép theo con mắt chủ quan của chúng ta. Nay mấy sáng tác trong tập *Giai phẩm* như có ý đi ngược lại mà thiên về^[2] mô tả những người lạc hậu, còn vướng mắc nhiều tật xấu của xã hội cũ, cho rằng như thế mới là tả đúng con người thực. Nhưng mấy sáng tác đó đã trình bày những con người và quần chúng thành ra xấu xa, nghiêng ngả, thậm chí vô ý thức, cục cằn, vô chính phủ.

Từ trước đến nay, chúng ta cố gắng nêu lên những tình cảm lành mạnh, khỏe khoắn, anh dũng của cuộc sống mới và con người mới. Những tình cảm ấy là những tình cảm mạnh mẽ và sáng suốt, có ý thức rõ rệt. Nhưng vì bản thân chúng ta còn yếu đuối và non tay, nên khi nói lên những tình cảm mới và đúng hướng ấy, nhiều khi chúng ta còn phải "lên gân", dùng nhiều lời sáo, có một số tác giả lại nói toàn khẩu hiệu chính trị khô khan mà không đi vào tình cảm. Và nói chung, chúng ta còn chưa mô tả được sâu sắc tình yêu, và những tình cảm trong đời sống riêng của con người. Nay mấy sáng tác trong tập *Giai phẩm* đưa ra những tình cảm riêng của tác giả, nhưng đó lại là những tình cảm yếu ớt, sưng mưng, hoặc quạu quai, u uất, thậm chí đi tới vô chính trị, hoang mang, bi quan, khinh miệt chung quanh, nhìn quần chúng bằng con mắt đần độn, trích thượng.

Cho nên nhìn chung lại, mấy sáng tác trong tập *Giai phẩm* nêu lên là chống "công thức" mà thực ra, theo ý tôi, trong khi muốn đi ngược lại một số khuyết điểm trong văn nghệ hiện thời, đã lầm lẫn về lập trường, mà coi hình như cả đường lối của cuộc sống mới và nền văn nghệ mới của chúng ta là "công thức". Mấy sáng tác đó không phải chỉ đi ngược lại một số "công thức", mà đã đi ngược lại cả phương hướng tiến lên của đời sống và của nghệ thuật chúng ta ngày nay. Mấy sáng tác đó nêu lên là "tìm cái mới" mà thực ra đã rơi trở lại vào những cách nhìn cô độc, khinh quần chúng và những tình cảm bi quan hoặc phá phách của nghệ thuật cũ mang nặng một chủ nghĩa cá nhân giãy dụa.

Tôi không kết luận về chủ ý của từng tác giả trong từng bài đó. Rất có thể mấy tác giả đã có ý tìm tòi cái mới về nghệ thuật. Nhưng vì vướng mắc những sai lầm trong tư tưởng, nên mấy

sáng tác đó đã lệch lạc rơi vào những bước đường nguy hiểm. Tôi cũng chưa nhận xét về công phu gọt rũa của nghệ thuật trong mấy sáng tác đó. Có thể có một số câu hoặc đoạn, về nghệ thuật thì sắc bén, nhiều màu sắc, nhưng khi nghệ thuật tinh vi ấy chứa đựng một nội dung tư tưởng sai lầm thì theo tôi chỉ càng làm hại cho người đọc. Tôi cũng phải nói là tôi nhận thấy trong mấy sáng tác sai lầm nói trên, đây đó lác đác vẫn có một vài câu hoặc đoạn muốn cố níu lại những ý tốt, trong những câu ấy có câu hay, nhưng tiếc thay đôi ánh sáng le lói ấy vẫn bị kéo chìm vào một bóng tối nặng nề.

Vì sao mấy sáng tác trong tập *Giai phẩm* đã rơi vào những sai lầm như vậy?

Theo tôi nghĩ, nguyên nhân thứ nhất là cuộc đấu tranh của nhân dân ta đã chuyển sang một giai đoạn mới, trải qua nhiều gian khổ mới. Từ kháng chiến chuyển sang hòa bình, từ nông thôn trở về thành thị, có nhiều vấn đề phức tạp khác ngày trước nay đang đặt ra trong xã hội và trong mỗi con người. Mấy tác giả nói trên, vì lâu ngày sống xa thực tế đấu tranh mới của quần chúng cơ bản vì lầm lẫn về lập trường vì nhận thức chính trị còn thiếu sót nặng nề, nên không nhận ra được phương hướng giải quyết những khó khăn hiện thời. Họ đã nao núng hoang mang trước những vấn đề chính trị, những vấn đề xã hội, những vấn đề tư tưởng và nghệ thuật đang đặt ra. Họ nhìn những khó khăn, những khuyết điểm trong đời sống chúng ta như một trái núi, mà không thấy rằng sức mạnh của quần chúng đang dũng cảm lao động và đấu tranh mới là trái núi đè lên kẻ thù, và đang đập vỡ những xiềng xích của xã hội thực dân phong kiến cũ.

Nguyên nhân thứ hai là trong văn nghệ ta còn nhiều khuyết điểm và nhiều vấn đề thắc mắc chưa được giải quyết, nhất là về mặt lý luận. Những bệnh công thức sơ lược làm cho anh em văn nghệ thấy cần phải vượt lên mới sáng tác cho kết quả hơn được. Nhưng trong sinh hoạt văn nghệ của chúng ta còn quá ít những cuộc thảo luận trao đổi ý kiến về những thắc mắc ấy. Cái đúng sai thật giả không được vạch rõ ràng. Do đó những tư tưởng sai lầm đã nảy nở trong bóng tối của những thắc mắc bực dọc và đương nấp vào những chỗ còn lẫn lộn về đường lối sáng tác.

Và nguyên nhân thứ ba, theo tôi nghĩ, là mấy tác giả trong tập sách *Giai phẩm* còn vướng mắc vào nhiều tư tưởng sai lầm của nghệ thuật tư sản cũ. Những tư tưởng này do những sản phẩm văn chương nghệ thuật của đế quốc Pháp gieo rắc khá sâu vào văn nghệ ta trước ngày cách mạng. Đó là những thứ chủ nghĩa vô trách nhiệm, phiêu lưu, vô chính phủ hoặc đầu hàng của những "văn sĩ" tư sản như Gide, Malraux, v.v... Đó là cái chủ nghĩa cá nhân đã hết sức sống và đang tàn tạ. Một thời nó đã đẻ ra trong văn học ta một số thơ, tiểu thuyết, thi vị hóa cái bàn đèn thuốc phiện và sự truy lạc tâm hồn, hoặc đề cao một con "người hùng" hảo hán và lưu manh mà ta chưa quên^[3]. Đối với một số văn nghệ sĩ bất mãn với xã hội cũ, thì nó đưa đến một thứ nổi loạn phá phách lung tung, khinh đời và trả thù đời bằng cách chửi đổng bất lực, chán ghét cả cuộc sống, không tin ở cái gì tốt đẹp nữa, cuối cùng đi tới tuyệt vọng, muốn tự tử, hoặc là đầu hàng xã hội cũ, quay về mơ ước vàng son của thời trung cổ.

Ngày nay, sau hơn mười năm cách mạng, tất nhiên cái chủ nghĩa cá nhân tàn tạ ấy không còn thể nào hiện lên đúng hết như xưa. Nhưng trong mấy sáng tác sai lầm ở tập *Giai phẩm*, nó đã ngoái đầu quặt lại, thành những tình cảm quần quại, yếu ớt, thi vị hóa những bệnh tật tâm hồn và những giọt nước mắt nhỏ bé và u uất. Nguy hiểm hơn nữa, nó đã đem cái tâm lý khinh đời, xỏ xiên và phá phách của người nghệ sĩ cô độc và bất lực ngày trước, mà nhìn vào quần chúng và đời sống ngày nay. Cái tâm lý nguy hiểm ấy làm cho bóp méo hẳn sự thực, nhìn những cái xấu, những khó khăn và những khuyết điểm không phải bằng con mắt của những con người đang vững chắc tiến lên, mà bằng con mắt bé tắc và rầy rụa, thậm chí rơi vào cả cách nhìn hần

học, bị một số khuyết điểm trong đời sống làm cho mờ quáng mà coi cả cuộc sống như đáng thù ghét.

Không, nhất định văn nghệ ta không bao giờ quay lại bước đường đen tối ấy. Con đường của chúng ta chỉ có một hướng tiến lên, đó là cái hướng rất đúng mà chúng ta vẫn đi theo từ ngày cách mạng. Cái mới của chúng ta chính là đi vào đời sống quần chúng, diễn tả cho được những con người tích cực của quần chúng đang đứng lên làm chủ xã hội. Cái mới của chúng ta là nêu rõ được cái tốt đẹp đang lớn lên giữa những đấu tranh quyết liệt và phức tạp. Cái mới của chúng ta là soi rõ được vào ý thức con người cái phương hướng chính trị của cách mạng. Cái mới ấy là những tình cảm anh dũng, trong sạch, sáng suốt, ngay thẳng, trong đời sống chung cũng như đời sống riêng của con người lao động mới.

Nếu một số tác phẩm của chúng ta còn sáo, khô khan, cứng nhắc khi diễn tả những cái mới ấy, thì đó là vì chúng ta hiểu biết cuộc sống của quần chúng còn nông cạn, vì ý thức và tình cảm chúng ta còn chệch trễ, hoặc lạnh nhạt so với đời sống thực, và cũng vì một số chúng ta còn chưa thật can đảm nhận lấy trách nhiệm chiến đấu của người văn nghệ để diễn tả sự thực trong đời sống và tâm hồn quần chúng, do đó mà góp phần cải tạo xã hội và con người.

Nhưng chúng ta khắc phục bệnh công thức nhất định không phải bằng cách quay lưng lại những cái tốt đẹp, tích cực của quần chúng mà chỉ có thể bằng cách lặn vào cuộc sống anh dũng của quần chúng hơn nữa. Không phải bằng cách đưa bừa ra những ý nghĩ tình cảm lệch lạc, lẻ loi, đau ốm của riêng ta mà chỉ có thể bằng cách đổi mới từ con mắt, từ trái tim của chúng ta, để mỗi tiếng nói từ đáy lòng chúng ta là tiếng nói của tổ quốc, của nhân dân ta. Văn nghệ chúng ta biểu hiện những cái mới ấy trước hết là biểu hiện lao động và đấu tranh của quần chúng, biểu hiện những con người tích cực đang đứng lên hàng vạn hàng triệu trong nhân dân ta. Những con người ấy chính là những người đã lao động, "bé nhỏ, tầm thường", bao đời bị chà đạp khinh rẻ. Tới nay họ đang vươn mình trở thành những con người mới, có ý thức và dũng cảm, có tổ chức và có Đảng lãnh đạo. Những con người ấy đã khởi nghĩa, kháng chiến, tạo ra Điện Biên Phủ, làm cải cách ruộng đất thay đổi hẳn xã hội ta đến tận gốc rễ và đánh cho bọn đế quốc phong kiến tơi bời tan rã.

Những con người ấy không phải những ông thánh lý tưởng. Họ lớn lên giữa trăm nghìn khó khăn, mỗi bước tiến lên của họ phải mất bao nhiêu cực khổ hy sinh, bao nhiêu mồ hôi nước mắt. Họ phải đấu tranh với những sự rầy rụa của bọn thống trị, họ phải đập vỡ những xiềng xích từ hàng nghìn năm đau khổ còn đè nặng trong phong tục xã hội và tâm hồn con người. Nhưng họ lớn lên như cậu bé làng Phù Đổng trong câu chuyện cũ. Văn nghệ, biểu hiện những con người ấy, phải biểu hiện đúng thực những khó khăn những đấu tranh gay go, và phải biểu hiện cái sức lớn lên vĩ đại ấy.

Văn nghệ có thể và cần mạnh dạn vạch ra những cái xấu, những cái lạc hậu còn gông cùm người ta lại, và phải quật mạnh vào những cái xấu ấy để giúp cho cái tốt nảy nở. Muốn thế, phải nhìn được rõ cái xấu ấy ở đâu sinh ra và sẽ đi tới đâu. Và ngay khi tập trung vào diễn tả một cái xấu nào của xã hội, một cái lạc hậu nào của con người, tác phẩm vẫn phải tỏ ra được ánh sáng mạnh mẽ của cái mới, cái tốt đang tiến lên, mà không sức gì cản lại được.

Đó là một vài vấn đề mà tôi nghĩ rằng mấy bài thơ và truyện trong tập *Giai phẩm* đã làm cho chúng ta phải nêu lại với nhau. Chúng ta còn phải thảo luận nhiều với nhau về những vấn đề này. Nhưng con đường tiến lên của chúng ta chỉ có một hướng đúng. Mấy tác giả mắc sai lầm

trong tập *Giai phẩm* trước đây đã cùng tất cả những người sáng tác cố gắng bước theo đường lối ấy. Tôi nghĩ và mong rằng một số sai lầm trong tập *Giai phẩm* là những sai lầm một lúc của một vài sáng tác nhất định. Mong rằng mấy tác giả đó không đi ngược lại con đường chính mình đã chọn vì xã hội ta và nghệ thuật ta không thể quay ngược lại và cũng không đứng lại. Bên ngoài con đường ấy, nấp trong bóng tối của quá khứ, chỉ có kẻ thù đang rình mò, chằng ra những chạm bẩy và tuyệt vọng định kéo giật lùi những làn sóng khổng lồ của quần chúng.

^[1]Tức *Giai phẩm mùa Xuân*, xuất bản tại Hà Nội cuối tháng 1.1956 và bị tịch thu, tái bản đầu tháng 10.1956. Bài viết này của Nguyễn Đình Thi đăng trên *Văn nghệ* trong thời gian ông là thư kí toà soạn của báo này (talawas).

^[2]Ở báo gốc, chỗ này là “mà thiếu về mô tả...”, ngờ là có lỗi in, LNA tạm sửa là “mà thiên về mô tả”...

^[3]Con người "cao bồi" Mỹ ngày nay, xét kỹ, chỉ là một bước đòi trụ hơn nữa của thứ tư tưởng hảo hán, phiêu lưu đó (nguyên chú của Nguyễn Đình Thi).

Nguồn: Báo *Văn nghệ*, Hà Nội, s. 117 (19.4.1956), tr. 1, 3; s. 118 (26.4.1956), tr. 3, 9; s. 119 (3.5.1956), tr. 2. Lại Nguyên Ân biên soạn.

Trần Dần: Giải một bài toán văn chương Phạm Xuân Nguyên

Chuyện rằng: vào giữa những năm 1960, nhà văn Trần Dần, khi đang trong hoàn cảnh hết sức ngặt nghèo của bản thân đã được một vài cán bộ công an hảo tâm tìm cách cho đi thâm nhập một số trại giam do Bộ Công an quản lý đang giam giữ những ngụy quân thời Pháp sau ngày tiếp quản Thủ đô. Kiểu đi như thế gọi là “đi thực tế” để khi về viết văn trên những cứ liệu của thực tế chuyến đi đó. Công thức ở đây là: cơ sở cung cấp tài liệu về một vấn đề cụ thể, nhà văn đi cho thấy, tiếp xúc cho biết, và cái viết ra thường chỉ là một báo cáo, một sơ đồ, dù có được vẽ vời thêm cho có vị văn chương.

Vậy, với Trần Dần, bài toán đặt ra là: viết về hoàn cảnh của những người ngụy quân Pháp ở Hà Nội khi chiến tranh kết thúc, phần thắng thuộc về đội quân cách mạng, với định hướng viết đã rõ ràng là họ phải quy phục chế độ mới.

Đề bài này không khó đối với ngòi bút Trần Dần. Nếu an phận, viết theo lối trả bài (trả cả ơn nghĩa nữa, nếu có), ông dễ phóng bút viết được nhanh, được trơn tru, nộp quyển, và quên đi nhanh chóng cái viết ra đó. Nhưng ông đã không làm thế, vì nhân cách là văn cách của ông không cho phép làm thế. Trần Dần, nhà văn luôn táo bạo quyết liệt trong từng câu chữ, hiểu theo nghĩa đen và nghĩa bóng, trong từng cái viết. Viết, với ông, bao giờ cũng là phải mới, phải khác, phải cách tân. Vì vậy, kết quả chuyến thực tế ấy, dưới tay ông đã thành tiểu thuyết *Những ngã tư và những cột đèn* (NNTVNCD). Trần Dần đã giải được bài toán văn chương một cách xuất sắc.

Câu chuyện của anh ngụy binh Dương và mấy người bạn cùng cảnh ngộ trong những ngày đầu tiếp quản Thủ đô nếu kể ở ngôi thứ ba khéo lắm cũng chỉ được một truyện kể. Trần Dần đã chuyển nó thành ngôi thứ nhất thông qua hình thức cuốn nhật ký của Dương, xen kẽ là lời kể của một vài nhân vật khác có tham dự vào đường dây hoạt động của nhân vật được kể ở ngôi thứ ba. Bằng hình thức này, Dương đã được phát tiết tất cả những suy tư lời lẽ, hành vi của một thanh niên Hà Nội tạm chiếm, của một người lính lái tàu bò, và được bộc bạch tự nhiên nhất toàn bộ trạng thái tâm lý của mình vào một thời điểm hệ trọng của thời cuộc và số phận. Nhưng cái chính ở đây không phải chỉ ở nội dung cuốn nhật ký, mà ở cái cách ghi nhật ký của Dương. Cái cách ghi ấy mới là một nội dung chính của cuốn tiểu thuyết của Trần Dần, nó thể

hiện rõ trạng huống của một thành phố từ chiến tranh sang hòa bình và trạng thái của những con người bị mắc kẹt trong trạng huống ấy.

“Nhật ký của Dường, dường như, không đi theo mọi quyển lịch thân quen, bởi vì tôi luôn vấp phải những nhảm lẫn ghê gớm, của thời tiết, của thời gian, và mọi cái gì, của thời sự. Đường tuyến tính của thời gian, mà tôi đã nhìn thấy, ở đâu đó, bắt đầu từ một nơi vô định, kết thúc cũng ở một nơi vô định, chạy từ trái sang phải, theo chiều mũi tên. Thời điểm ghi nhật ký sẽ nằm vào một dấu chấm, nhỏ xíu trên đường tuyến tính, giữa hai vô cực, của dĩ vãng và dự cảm. Điểm nhỏ xíu này nhỏ lắm, nên chẳng là cái gì cả, trong thời gian. Có thể vì vậy, động tác bắt đầu mỗi trang nhật ký, vào một thời điểm hiện hữu, không phải là mối quan tâm lớn nhất của Dường. Hiện tại, nếu nhắc lại theo nguyên lý này, vừa hiện hữu vừa không, vừa nhảm lẫn cố tình, vừa nhảm lẫn vô tình. Nhật ký do vậy cũng xô lệch theo. Động tác ghi nhật ký, do vậy có vẻ mang tính chất tự nghiệm, hơn là mục đích can thiệp vào thời gian (nhưng có thể không phải như thế). Bên cạnh đấy, ngôn ngữ của nhật ký cũng còn là một bí ẩn”. Đây là nhận xét của nhân vật nhà văn không tên trong tiểu thuyết, người đọc cuốn nhật ký của Dường 11 năm sau.

Như vậy, nội dung tiểu thuyết *NNTVNCĐ* lại không phải chỉ là nhật ký của anh ngụy binh Dường vì nó không được trình bày trực tiếp mà thông qua sự đọc, sự bình luận, suy ngẫm của anh nhà văn. Khi anh nhà văn đọc nhật ký của Dường sau 11 năm nó được viết ra ở vị thế của một ngụy binh thì Dường lại đang ở miền Trung trong vị thế của một nhân viên biệt phái của nhà máy ô tô tại vùng tuyến lửa. Anh nhà văn đọc nhật ký của Dường để viết tác phẩm của mình và cũng như nhân vật của mình, anh bị mắc kẹt trong thời gian, lẫn lộn ngày tháng. Có thể nghĩ anh nhà văn đó là chính tác giả, và quá trình anh ta đọc nhật ký của Dường và gặp gỡ các nhân chứng quanh Dường để viết tác phẩm cũng chính là quá trình Trần Dần tìm cách giải bài toán văn chương của mình. Như vậy, cuốn tiểu thuyết *NNTVNCĐ* còn là tiểu thuyết nói về cách viết một tiểu thuyết.

Thời gian, rốt lại, đó là lời giải nghệ thuật của Trần Dần cho bài toán văn chương này. Con người, dù là ai, cũng luôn ở thì hiện tại, nhưng *“hiện tại được coi, như biên giới của hai KHÔNG. Cái KHÔNG thứ nhất là dĩ vãng, vốn đã có, bây giờ không có nữa. Cái KHÔNG thứ hai là tương lai, bây giờ chưa có, vì vậy bây giờ cũng không. Hiện tại chính là khoảng sọt soạt giữa hai bờ vực ấy, giữa hai cái KHÔNG ấy. Cho nên hiện tại cũng không là gì cả”.* Trần Dần để cho hai nhân vật của mình rối bời thời gian: anh ngụy binh gọi mùa Thu là mùa Đông, coi ngày tiếp quản thành phố vào tháng 10 là mùng 1 Tết; anh nhà văn thì cứ nhảm lẫn tuần lễ bảy ngày và Chủ nhật. Sự rối bời thời gian này có phải là biểu hiện của sự bất ổn, bất định trong cuộc sống và trong tâm trạng? Và hành động ghi nhật ký là một gắng gỏi níu giữ cái khoảnh khắc hiện tại cho KHÔNG thành CÓ, đó mới là thực hữu nhất, hiện hữu nhất của cái sống con người.

Còn có thể nói được rất nhiều về và từ cuốn tiểu thuyết *NNTVNCĐ* của Trần Dần. Trên đây tôi chỉ nói nhanh nói sơ về giải pháp nghệ thuật mà nhà văn đã đưa ra để thực hiện sáng tạo văn chương của mình. Đây chính là cách viết nội dung chứ không phải kể nội dung, như nhà nghiên cứu Hoàng Ngọc Hiến đã từng chuyển dẫn từ lý thuyết văn học của Nga về. Cho nên không phải câu chuyện kể làm nên nội dung, mà là cách kể câu chuyện, hay hình thức đó cũng chính là nội dung. Điều đáng kinh ngạc là 45 năm trước, trong hoàn cảnh bị vây bủa của bản thân và sự bít bùng của một xã hội thời chiến, Trần Dần đã độc hành mở cho mình một con đường tiểu thuyết mà bây giờ ngoái lại sau lưng ông vẫn hầu như chưa có ai tiếp bước. May mắn bản thảo được giữ lại để bây giờ in ra. Một cuốn tiểu thuyết sau gần nửa thế kỷ mới được xuất bản, nhưng đọc rất mới, đọc rồi đọc lại vẫn mới, vẫn bất ngờ trước từng trang, vẫn không dễ nắm bắt nội dung, đó là *NNTVNCĐ*.

Đó là Trần Dần từ 45 năm trước, khi cuốn sách mới được viết ra.

Đó là Trần Dần ở 45 năm sau, khi cuốn sách đã được in ra, trở thành một hiện tượng của văn học nước nhà năm 2011.

Kinh ngạc vì sức sáng tạo đột khởi và đột biến của một gương mặt văn chương quyết liệt nhất Việt Nam, nhưng cũng chính vì thế lại thấy buồn cho văn học Việt Nam sau nửa thế kỷ vẫn thấy là cũ mòn so với tác phẩm này.

Do vậy, Trần Dần, bằng thơ và văn của ông để lại, vẫn mãi còn thách thức các nhà văn, nhà thơ Việt Nam.

Trần Dần, một thi trình sạch (I) Đổ Lai Thuý

Tôi thích Thơ thời sự, theo sát cái hồi hộp, lo lắng của Đảng tôi, dân tôi, triệu triệu quả tim dân chúng và quân đội, chiến sĩ và cán bộ, lãnh tụ và quần chúng. Tôi lại cũng thích Thơ không thời sự, Thơ bao trùm đất nước và thời gian, Thơ ăn lấn sang mọi thế kỷ, và Thơ nhập cả vào cái biện chứng bao la của sự vật. – Trần Dần

Thơ vì thơ, tuyệt đối. Hễ vì bất cứ thứ gì khác, dù cao quý mấy, thơ sẽ chẳng còn là thơ. Những thơ tình, Thơ chính trị, bất kỳ tính từ nào, đều vô nghĩa, với tôi.

Trần Dần

1

Trần Dần là một người cách mạng. Thậm chí, cách mạng bẩm sinh. Dĩ nhiên, *cách mạng* tôi dùng ở đây trên hết chỉ sự bất bình với mọi thứ trật tự hiện hành, muốn thay đổi nó và tham dự vào việc làm nó đổi thay. Tính cách mạng đó hẳn còn được kể truyền từ hương hỏa chống Pháp của cha ông (1). Chẳng thế, con nhà giàu, lại tốt nghiệp tú tài Tây nữa, mà Trần Dần vẫn *nổi loạn*. Nổi loạn vì ghét Tây, ghét đô thị thuộc địa, ghét luôn cả văn chương lãng mạn đương thời.

Những sự ghét đó đưa Trần Dần đến với các nhà tượng trưng Pháp, những người bị gọi là *kẻ suy đồi* (décadents). Không phải các Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Huy Thông, Xuân Diệu không đọc Baudelaire, Rimbaud, Mallarmé, nhưng *cái đọc đầu đời* của họ đã là Hugo, Lamartine, Musset và, quan trọng hơn, *thời điểm xuất hiện* (2) của họ chín vào mùa cái tôi lãng mạn Việt Nam xây vụn, nên tiếng nói bên trong của các thi sĩ này chỉ là *mơ mộng, buồn và than khóc*.

Sự nổi loạn của tinh thần tượng trưng ở Trần Dần được thể hiện trong quan niệm của ông về thơ. Một thứ thơ không có định hướng, hay đúng hơn, có định hướng đấy, nhưng là định hướng theo *ý thích* của nhà thơ. Mà ý thích của một chàng trai 18, 19 tuổi thì thường đồng đẳng như thời tiết. Trần Dần gọi đó là thơ *bất phương chủ nghĩa*. “Thơ như một cơn mộng ác, trong đó người ta giận dữ, người ta điên cuồng, người ta lờn lộn, người ta sống hỗn độn (...). Những hình ảnh thơ nóng bỏng, cháy như lửa, một hình ảnh ánh lên nhiều hình ảnh, hình ảnh nọ chống đối hình ảnh kia, hòa hợp nhau, lôi kéo nhau trong một điệu nhảy ma quỷ...”

Đúng là một cuộc sống *chaotique*, nhưng vượt cái *chaos* có cái *harmonie* của nó. Và cái *harmonie*, cái thần tiên, cái trật tự đó là tùy theo tiêu chuẩn tôi cho là: ý thích của tôi. Mà ý thích của tôi là tiêu chuẩn tối cao “(Ghi, tr. 34-35). Đây là một quan niệm thơ, ít nhiều, mang tính chất *tiền phong chủ nghĩa*. Nhưng chàng trai Trần Dần thuở ấy, hoặc chưa kịp sáng tác, hoặc có sáng tác thì hẳn thơ ông cũng chưa theo kịp cái ý thích của ông (3). Hơn nữa, bạn đọc bấy giờ cũng chưa kịp chuẩn bị cho mình một tâm thế thẩm mỹ để đọc thứ thơ ấy.

Cách mạng tháng Tám bùng nổ, Trần Dần, vốn từ 1943 đã có quan hệ với nhóm Văn nghệ Cánh tả quanh nhà xuất bản *Hàn Thuyên* (4), hăm hở làm cách mạng, trước hết là *cách mạng thơ*. Ngày 16-11-1946, tạp chí *Dạ Đài* số 1 ra mắt, đăng *Tuyên Ngôn Tượng Trưng* do Trần Dần chấp bút. Bản tuyên ngôn khẳng định thơ Việt Nam đã đến một thời kỳ khác, đã xuất hiện một lớp thi sĩ khác. Các thi sĩ tượng trưng. Họ đến để thay thế các nhà lãng mạn nhằm sáng tạo ra một thứ thơ khác. “Chúng ta đã chán ngắt cái thi ca nông hẹp, nhai đi nhai lại những phong cảnh trần gian, những tâm tình thể tục (...).

Chúng ta muốn lặn sâu ngoài vật, nội tâm và muốn đi xa thiên đường địa ngục. Hãy để cho tiền nhân những cảm giác đói nghèo. Để cho bọn đê nhơ cái công việc ẩn giấu nỗi lòng nhạt nhẽo của họ trong nỗi lòng chung thiên hạ hay trong gió nước cỏ cây. Để cho bọn đàn bà trẻ con cái công việc than khóc thảm thương trên một kỳ hoa tạ, trên một giấc mộng dở dang. Để cho những thế hệ đã nằm yên cái tôi nông cạn ấy. Chúng ta muốn tìm cảm giác thâm u mà chúng ta mới chỉ có những thi sĩ của lòng. Đã đến lúc chúng ta đợi những thi sĩ của linh hồn, những thi sĩ của cái tôi thâm kín”.

Thực ra, đến 1946, mới tuyên ngôn thơ tượng trưng thì cũng khá muộn. Bởi lẽ, nó đã hình thành từ đầu năm 40 với Đinh Hùng, Bích Khê, còn Hàn Mặc Tử, thậm chí, đã đặt một chân vào siêu thực. Điều này chứng tỏ các trào lưu thơ Việt Nam *gối tiếp*, chứ không phải *nối tiếp* nhau đi về phía hiện đại. Nhưng tuyên ngôn của *Dạ Đài* đã nói ra một cách chính thức, có lập luận, dứt khoát khước từ lãng mạn, thể hiện được sự tự nhận thức của Trần Dần nói riêng và tư duy thơ Việt Nam nói chung trên tiến trình hiện đại hóa. Hơn nữa, ở tuyên ngôn, còn có những hạt mầm tư tưởng thơ hiện đại, vốn đã được Nguyễn Xuân Sanh ươm từ mảnh vườn *Xuân Thu Nhã Tập*. Tuy nhiên, những sáng tác của chính Trần Dần và các thành viên khác như Trần Mai Châu, Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương, Vũ Hoàng Dịch đăng trên *Dạ Đài* vẫn chưa theo kịp tuyên ngôn. Tiếc rằng số 2 chưa kịp ra đời thì kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Trần Dần và các bạn bút của ông đi vào kháng chiến. Vọng tuyến *Dạ Đài* bị khép lại.

2

Chiến tranh làm con người đơn giản hơn và, do đó, cũng rõ ràng hơn. Con người Trần Dần - *Dạ Đài* phức tạp thuở nào nay đã chấp nhận Văn nghệ kháng chiến. Yên tâm làm một chiến sĩ trên mặt trận mới này. Trần Dần chuyển sang *chủ nghĩa hiện thực*, làm thơ để phản ánh cuộc sống và tư tưởng của bộ đội và nhân dân trong chiến đấu. Hơn nữa, lúc này, trào lưu thơ tự do, nhất là thơ tự do không vần, của Nguyễn Đình Thi (*Đêm mít ting, Không nói*), Trần Mai Ninh (*Tình sông núi*), Hồng Nguyên (*Nhớ máu*) đã mở ra một *lối thơ khác* với thơ lãng mạn và tượng trưng, tức đi theo một xu hướng *hiện đại hóa kiểu khác*.

Tuy là thơ hiện thực, nhưng hình thức không vần của nó khó đi sâu vào quần chúng, ảnh hưởng không tốt đến sự tuyên truyền. Trong Hội nghị Tranh luận Văn nghệ Việt Bắc năm 1949, lối thơ này không được số đông đồng tình. Nguyễn Đình Thi sau đó chừa thơ không vần. Trần Dần lúc ấy đang ở Sơn La, xa lửa, nên mặt nghệ sĩ ở nơi ông hầu như không ảnh hưởng gì. Ông vẫn coi trọng *nghệ thuật*, ít nhất, ngang với *tuyên truyền*. Bởi thế, thi nhân vẫn tìm tòi sáng tạo. Thành lập *Văn nghệ Sông Đà*, nhóm Văn nghệ Quân đội đầu tiên, Trần Dần làm thơ bạc thang và vẽ tranh bộ đội theo lối lập thể. Bị phê bình là khó hiểu, ông xin chuyển về Phòng Văn nghệ Quân đội thuộc Tổng cục Chính trị với hy vọng ở chỗ cao thì người ta nhìn xa. Rồi ông sốt sáng tham gia Chiến dịch Điện Biên Phủ. Viết *Người người lớp lớp*, cuốn tiểu thuyết đầu tiên về chiến thắng này, ngay khi cánh đồng Mường Thanh còn chưa tan mùi thuốc súng.

Chiến tranh kết thúc. Với ai đó thì còn có tư tưởng hòa bình chủ nghĩa, chứ Trần Dần thì không. Hòa bình với ông là một cơ hội để nghĩ về chiến tranh. Nghĩ về chiến tranh để biết quý

trọng hoà bình. Biết quý trọng hòa bình để sống và sáng tạo. Suốt chín năm, nhằm phục vụ kháng chiến, ông đã phải nhịn sống (theo đúng cá tính của mình), nhịn viết (theo đúng thi cách của mình). Hòa bình chính là lúc, ông nghĩ, có thể không phải nhịn. Trong một thời nhật biểu toàn hợp là hợp, Trần Dần quý từng giờ để sáng tác. Viết *cái gì* đã là quan trọng, nhưng với Trần Dần, quan trọng hơn là viết *thế nào*.

Điều này, một lần nữa, khiến thi nhân phải thay đổi quan niệm về thơ. Lúc này, thơ, với ông, có nghĩa của chữ Cách mạng, chữ Đấu tranh, chữ Cuộc đời, chữ Giai cấp. Nếu trước 1945, thơ Trần Dần muốn là *bất phương chủ nghĩa*, thì nay ông vẫn giữ ý muốn ấy, nhưng là bất phương chủ nghĩa theo *chủ nghĩa cộng sản* (Ghi, tr. 37). Đây, có lẽ, là chỗ khác nhau giữa Trần Dần với số đông các nhà thơ khác nói chung và với Tố Hữu nói riêng, dù giữa họ có một mẫu số chung là thơ *hiện thực xã hội chủ nghĩa*.

“Tôi thích thơ phải có buồn tủi, có suy nghĩ có thấm thía, có chua xót khổ đau. có *drame*, có máu có mồ hôi, thơ đầm nước mắt. Giọt mực là giọt máu, giọt mồ hôi. *Accent* thơ là những *accent* éo le, trái ngược, giận dữ, châm chọc, tự hào, hãnh diện, hằn học, soi mói.

Người ta muốn thơ phải rõ ràng, phần khởi, hồng hào, êm ả. Vì vậy, bây giờ tôi muốn một thứ thơ nào đó có cái phần khởi của những giọt nước mắt, mồ hôi và máu đào; phần khởi của những khói bụi, đất cát, thuốc súng, xác chết, nhà thiêu, bãi cháy, bom xé, đạn thiêu; phần khởi của những thất vọng, những điều tàn, những chia ly, tan rã và thất bại. Tôi muốn một thang thuốc ngọt bởi những vị đắng và cay nhất của trái đất.

Tôi thích Thơ thời sự, theo sát cái hồi hộp, lo lắng của Đảng tôi, dân tôi, triệu triệu quả tim dân chúng và quân đội, chiến sĩ và cán bộ, lãnh tụ và quần chúng. Tôi lại cũng thích Thơ không thời sự, Thơ bao trùm đất nước và thời gian, Thơ ăn lán sang mọi thế kỷ, và Thơ nhập cả vào cái biện chứng bao la của sự vật” (Ghi, tr.35).

Như vậy, thơ với Trần Dần, chính là *cách nhìn sự vật*. Một cái nhìn lập phương, lập thể, lặn sâu vào bản chất sự vật nên thể hiện được *cá tính* (5) của nhà thơ. Ông chống lại những cái nhìn bề ngoài, hời hợt, dễ dẫn đến loại mà ông gọi là *thơ chính trị công thức*. Khi thảo luận về tập thơ *Việt Bắc* (6) của Tố Hữu, Trần Dần viết: “Thơ hiện thực cũng đòi hỏi nhà thơ như nhà chính trị - giải quyết cái chủ chốt cho tâm hồn người đọc. Chứ không đòi hỏi làm như một anh cán bộ tuyên truyền xoàng xĩnh, nói dàn mỏng vấn đề ra, la liệt đủ các mặt bày hàng xén.

Tố Hữu chú trọng quá nhiều cho cái đúng chính trị bề mặt, cố nói cho đủ, mà thường thường cái chính trị bề sâu không đúng: hơi thơ Tố Hữu thiếu cái tấn công mạnh mẽ của nhà chính trị biết dồn tâm sức, dốc khả năng vào điểm chính (...). Điều này làm ta suy nghĩ rất nhiều về thế nào là đúng chính trị. Nếu khí phách thơ khiến cái tấn công, cái tích cực mãnh liệt thì không thể nói đúng chính trị được” (*Cách nhìn sự vật của nhà thơ Tố Hữu*. 5-1955).

Với một quan niệm thơ *chính trị chiều sâu* như vậy, Trần Dần và những người đồng quan niệm với ông không thể không thấy ở nhà thơ Nga Maiakovski (7) một hình mẫu, hay chí ít một điểm tựa tinh thần. Riêng Trần Dần, do *cá tính* của ông rất giống Maia, nên sự tương đồng càng trở nên sâu sắc. Trước hết, cả hai đều quan niệm làm cách mạng thì ca cũng là làm cách mạng xã hội. Bởi thế, nhà thơ phải là nhà cách mạng. Mà ở đây: cách mạng vô sản. Thơ phải viết về đề tài cách mạng, dành cho quần chúng cách mạng. Nhà thơ phải rời các salon văn học ra quảng trường đọc trước công chúng.

Thơ Maia, cũng như thơ Trần Dần giai đoạn này, đều mang tinh thần đối thoại. Nhà thơ hô hào, động viên, phê phán, tranh luận, thuyết phục. Các tác phẩm *Tiếng trống tương lai* (1955), *Nhất định thắng* (1955), *Hãy đi mãi!* (1957) và trường ca *Đi! Đấy Việt Bắc* (1957) của Trần Dần đều

mang khẩu khí cách mạng. Nhưng khác với nhiều loại thơ “khẩu khí” đọc trước đám đông khác, Thơ Trần Dần không bị đơn nghĩa, từ ngữ đánh bóng, mà có nhiều cách tân ngôn ngữ. Ông đưa vào thơ nhiều ngôn từ không thơ của đời sống, nhiều cách nói thông tục. Hơn nữa, những ngôn từ ấy bị vặn xoắn để bật ra nghĩa mới. Câu thơ được bậc thang hóa triệt để, một mặt tạo ra nhịp điệu và nhịp đọc, mặt khác những liên kết cú pháp mới mà, xét cho cùng, cũng để bật ra những nghĩa mới!

3

Thi phẩm tiêu biểu nhất, cả tư tưởng lẫn nghệ thuật, của Trần Dần thời Nhân văn là *Đi! Đây Việt Bắc!* Trường ca này được viết năm 1957, gồm 13 chương, chỉ mới trích đăng chương cuối thành bài thơ *Hãy đi mãi!* Năm 1990, Hội Nhà văn xuất bản (với tiền của Dương Tường, nghe vậy) dưới nhan đề *Bài thơ Việt Bắc* (8), loại bỏ chương 13. Việc thay tên đổi... mặt này có thể thuận cho in ấn thi phẩm, nhưng lại làm sai lệch tư tưởng Trần Dần. “*Bài thơ Việt Bắc*” khiến người ta nghĩ đến một sự ngợi ca, mà lại ngợi ca bằng kiểu thi vị hóa hết sức xa lạ với nhân cách và văn cách Trần Dần.

Ý tưởng xương sống của *Đi! Đây Việt Bắc!* nằm ngay ở chữ đầu nhan đề trường ca: *Đi!* Hơn 50 từ đi, không kể các đồng nghĩa của nó, được Trần Dần sử dụng suốt cả bài thơ dài. Chúng tạo thành một chuỗi các điểm sáng. Những mắt sao lấp lánh. Một mô típ chủ đạo. *Đi!* trước hết là *lên Việt Bắc*. Bởi lẽ, bấy giờ Việt Bắc là biểu tượng của cuộc kháng chiến chống Pháp giành độc lập tự do cho dân tộc. Việt Bắc, vì thế, trở thành *nơi hò hẹn*, nơi gặp gỡ của những người đói khát tự do, những người dũng cảm không sợ gian khổ hy sinh. Những người nuôi một sự nghiệp lớn:

Ở đây
ta dấy nghiệp
nhọc nhằn
Hai tay trắng
cơ mưu
tần tảo
Mới làm nên
đất nước
bây giờ.
Chính
chiếc nôi Việt Bắc
bé bỏng ta
qua
tất cả
tháng năm đạn lửa
nuôi ta
nuôi cách mạng
lớn khôn

Bởi thế, với những ai rời thành phố, rời gia đình, rời vợ con, rời người yêu để lên Việt Bắc là đã thực hiện một nghĩa cử. Nhưng với ai đã từng sống ở Việt Bắc, được Việt Bắc cho vay mà không vỡ nợ lại là một nghĩa cử khác.

Đi
Tất cả!
Dù quen tay vỡ nợ
cũng chớ bao giờ

vỡ nợ
nhân dân!

Đi! cũng có nghĩa là đi khắp Việt Bắc. Trường ca mở đầu bằng rất nhiều những địa danh, địa điểm Việt Bắc.

Sông Lô
nước xanh
trông trăng mảnh nguyệt!

Bình Ca
sương xuống
lạc
con đò!

Đáy dạ thời gian
còn đọng
những tên

Như
Nà Phạc
Phủ Thông
Đèo Thùng
Khu Vác...

Sau đó, những cuộc hành quân, chuyển cơ quan từ bản này sang bản khác. Không gian Việt Bắc với núi, đèo, rừng, sông, suối chỉ là môi trường thân thiện với những trái tim dũng cảm. Hơn nữa, các chuyến đi ở Việt Bắc còn bị quân thù săn đuổi, phục kích, “gót chân chiu chít đạn thù”. Việt Bắc, rộng ra, cũng là địa dư của toàn bộ cuộc kháng chiến.

Đi! cũng là đi suốt Việt Bắc, đi suốt cuộc kháng chiến 9 năm. Điều không phải ai cũng làm được. Nhân vật trữ tình trong trường ca trải nghiệm thời gian trong một ngày từ *mây sớm đến sương chiều*, đến thời gian trong một năm từ *mùa đông rét buốt* của núi rừng, đến *tia nắng non vàng vọt* mùa xuân, *cái oi bức mùa hè* và *mùa thu lá rụng*. Sự chuyển vận thời gian trong một năm cứ như vậy xoay vần trong chín năm, “chín mùa xuân xạm lửa”. Dĩ nhiên, đây là một lặp lại có phát triển để đưa cuộc kháng chiến đến thành công. Có lẽ tư tưởng cơ bản nhất của Đi! trong bản trường ca này, không chỉ đi khắp không gian và đi suốt thời gian, mà đi như là một *trạng thái sống* của con người, một *trạng thái người*. Bởi lẽ, từ khi con người biết *đứng* bằng hai chân của mình, thoát khỏi *trạng thái bò*, thì con người mới biết *đi*.

Hãy đi
như
loài người
chân rớm máu
vẫn đi.

Nhưng quan trọng hơn cả là chỉ có ở trạng thái sống này thì con người mới cao hơn, mặt mới thôi không nhìn xuống đất, mắt mới ngược lên nhìn thấy *chân trời*, *chân mây* và *bầu trời* để mà đi đến, đi tới.

Đi là già từ quá khứ:
Hãy đi đi
những ngày qua
không đáng sống!

Đi vì:

- Tôi đói
mọi cái gì
tôi chưa biết
- Đi!
vì nghe
chân lý
gọi tên mình!

Bởi thế, đi đối lập với bò đã đành, còn đặc biệt đối lập với *nằm*, một trạng thái không vận động, nhất là *nằm ỳ*, một trạng thái không vận động có ý thức. Và, với các nhà văn, nhà thơ thì nằm ỳ là sống không sáng tạo.

Đi

Dù biết
khổ đau còn là luật
của trái đất này
khi
nó chuyển mình đi!
Hãy thù ghét
mọi ao tù
nơi thân ta rửa mực
mọi thói quen
nép nghĩ - mù lòa!
Hãy sống như
những con tàu
phải lòng
mùa hải lý
mỗi ngày
bỏ
sau lưng
nghìn hải - căng - mưa - buồn!

Đi là vận động, vận động là sống. Bởi vậy, Trần Dần hô hào *Hãy đi mãi!* Và chương kết, cũng là cao trào, đỉnh của sự phát triển, từ Việt Bắc vượt qua Việt Bắc, cũng là *Hãy đi mãi!* Có đặt chương này vào hệ thống tư tưởng của toàn bộ trường ca thì mới không thể bị suy diễn ngoài nghệ thuật và, quan trọng hơn, thấy được cái nghệ thuật của nó. Với kinh-nghiệm-Việt-Bắc, một vũ trụ với không - thời gian đặc trưng của nó, sau lưng, với sự khát sống, một cuộc sống xứng đáng với con người, nhất là khi cái ác vẫn còn tồn tại, thì loài người vẫn còn phải đi.

Đi!

Đi!
Dù sức lực kiệt mòn
Tay hấp hối
vẫn gơ về
phía trước!

4

Như vậy, Đi! là tư tưởng - động lực của *Đi! Đây Việt Bắc!* Một từ - chìa khóa để tìm hiểu những hình thức nghệ thuật tương xứng với tư tưởng đó.

Nếu *trường ca* không phải là một bài thơ dài (hoặc kéo dài), không phải là một truyện kể có vần vè, mà là cuộc hôn phối kỳ thú giữa tự sự và trữ tình trong một thời đại sử thi (hóa), thì *Đi! Đây Việt Bắc!* là một trường ca đúng nghĩa. Nó có cấu trúc chương đoạn chặt chẽ, đồng thời cũng rất thoáng mở. Mỗi chương là một vấn đề tư tưởng, một trường hợp thơ. Như những dòng suối nhỏ chảy giữa vách núi, gặp nhau, dồn nước cho nhau để thành sông lớn.

Nhân vật trữ tình là Trần Dần mà không phải Trần Dần hiện diện suốt trường ca vừa như người phát ngôn vừa như người xâu chuỗi các hoàn cảnh thơ. Hơn nữa, về phương diện thể loại, Trần Dần, hình như, còn là người đầu tiên viết trường ca, một loại hình sau này sẽ phát triển rộng khắp, trở thành một binh chủng mạnh, tham chiến suốt thời đánh Mỹ và cả hậu đánh Mỹ. Hơn nữa, *Đi! Đây Việt Bắc!* với tư cách trường ca, ngay từ khi ra đời đã đạt đến độ hoàn chỉnh, thậm chí cách tân táo bạo, điều mà thể loại này chỉ đạt được vào giai đoạn chín của nó với *Đêm trên cát* của Thanh Thảo (9).

Thể thơ bậc thang của *Đi! Đây Việt Bắc!* cũng hết sức độc đáo, lạ lẫm, ít nhất là bấy giờ. Một phát kiến của trường phái Vị lai Nga, đứng đầu là Khlevniakov mà Maiakovski là một thành viên sáng giá. Thơ bậc thang để một câu thơ có thể chảy xuống nhiều dòng, và dòng đôi khi chỉ có một chữ. Ngắt dòng như vậy là để tạo ra nhịp điệu và nhịp đọc của thơ. Thơ Maia và thơ của các nhà Vị lai khác là thơ để đọc to trước đám đông ở các quán trà thời Vị lai và ở quảng trường thời cách mạng vô sản. Maia là người tốt giọng, lại có thân hình khổng lồ, cử chỉ mạnh mẽ, dứt khoát, nên ông thích *cả giọng* đọc trước công chúng. Và công chúng cũng thích thấy ông trình diễn thơ. Tuy nhiên, đọc bằng mắt, thơ bậc thang cũng để lại những ấn tượng thị giác đặc biệt. Những con chữ được sắp đặt như một bức thơ - họa. Hơn nữa, sự bậc thang hóa câu thơ còn khiến một từ trọng tâm nào đó trong câu gia tăng khả năng kết hợp với các từ bên cạnh theo các kiểu khác nhau để tạo ra những cách nói mới, lạ hóa, và, do đó, những nghĩa mới. Như câu

*Nhưng
những bữa
cuộc đời kham khổ ấy*

thì *bữa* là một từ đa trị do nhiều khả năng kết hợp mà có nhiều nghĩa:

1. bữa ăn
2. bữa cuộc đời
3. bữa kham khổ
4. bữa cuộc đời kham khổ

Ngoài ra, ngôn ngữ *Đi! Đây Việt Bắc!* còn đầy những ẩn dụ. Nhưng khác ẩn dụ lãng mạn thiên bề ngoài, xã hội, hữu thức, ẩn dụ tượng trưng nghiêng bề sâu bề xa, trừu tượng, ẩn dụ thơ Trần Dần giai đoạn này cụ thể một cách táo bạo và táo bạo một cách cụ thể: *đáy dạ thời gian, đá nhọn tháng ngày, nhọt tin buồn, con mắt chột mắt trời...* Đồng thời, ngôn ngữ thơ ông cũng rất thời sự. Ông dám đưa nhiều từ thông dụng vào thơ, đặc biệt là những từ hành chính: *đạn bom châu chực, nắng bị giam cầm, quá khứ hết nhiệm kỳ...* Hơn nữa, lối tư duy hết sức độc đáo của Trần Dần đã cho *Đi! Đây Việt Bắc* những câu thơ hay đến giật mình

*Quả đất lớn
mà
tâm địa nhỏ
Nó chi li*

từng
hạnh phúc đơn sơ
hay
Những ngày
chân trời thấp
làm
cánh chim hèn hạ

Những cách tân nghệ thuật, sát hơn cách tân các *phương tiện nghệ thuật* của *Đi! Đây Việt Bắc!* đã thể hiện được một cách xuất sắc tư tưởng triết mỹ của trường ca này nói riêng và của toàn bộ thi ca Trần Dần giai đoạn này nói chung. Nhưng những cách tân ấy, dù đi xa đến đâu, vẫn chưa đưa thơ Trần Dần thành *thơ hiện đại*.

Trước đây, trong một bài viết về thơ không vần của Nguyễn Đình Thi (10), tôi có nói đến *tư duy thơ đứt đoạn* như một tiêu chí của thơ hiện đại. Ở đây, bàn về thơ Trần Dần, tôi muốn đưa thêm một tiêu chí khác. Đó là quan niệm về vai trò của *ngôn ngữ trong thơ* hay *ngôn ngữ thơ*. Bởi, thay đổi một quan niệm ngôn ngữ thơ là sự thay đổi *tận gốc*, còn thay đổi trường phái hay loại hình thơ thì chưa chắc dẫn đến đổi thay quan niệm ngôn ngữ thơ. Chẳng hạn, kể từ *Đi! Đây Việt Bắc!* đổ về trước, Trần Dần đã có những thay đổi về loại hình thơ. Trước thơ tượng trưng, sau thơ hiện thực. Nhưng quan niệm ngôn ngữ thơ thì không hề thay đổi. Ngôn ngữ thơ với ông trước sau vẫn là *công cụ của tư tưởng, công cụ để thể hiện tư tưởng*.

Thực ra, ngôn ngữ ngay từ khi ra đời đã mang bản chất công cụ, công cụ của tư duy. Trước ngôn ngữ là của thần linh, sau ngôn ngữ là của con người. Đó là phương tiện giao tiếp giữa con người với thần linh và con người với con người. Thơ tuy là một loại hình ngôn ngữ đặc thù, nhưng nó vẫn mang tính chất giao tiếp, tức bản chất công cụ. Có điều, để đạt được mục đích này một cách mỹ mãn nhất, thơ phải chú ý trau chuốt phương tiện.

Thơ cổ điển của văn chương Nho giáo là công cụ để giáo hóa, là cỗ xe, con thuyền để chở đạo, là vũ khí để đánh địch hay chí ít cũng là phương tiện để di dưỡng tinh thần. Nhưng con người phi ngã của thơ cổ điển khiến ngôn ngữ của nó mang tính ước lệ, cách vờ. Thơ lãng mạn là tiếng nói của con người cá nhân, nhưng là con người xã hội, hữu thức. Ngôn ngữ thơ lãng mạn, bởi thế, là công cụ để *truyền cảm*. Cảm xúc của tác giả được “đựng” trong ngôn ngữ của bài thơ. Rồi từ bình - ác quy - bài thơ này cảm xúc lại được truyền sang người đọc. Thi nhân làm trong sáng ngôn ngữ để nó có thể chuyển vận cảm xúc của mình một cách ít hao tổn dọc đường. Thơ tượng trưng chú ý đến con người bên trong, con người vô thức, nên ngôn ngữ thơ là *gợi cảm*. Sự gợi cảm có thể xuất phát từ *nhạc điệu* đều đều, âm thầm như lời cầu nguyện, hoặc từ những *ẩn dụ*, nhất là ẩn dụ *trùng phức* và ẩn dụ *tôn giáo* hoang vu như những ngôi cổ tự. Nhưng dù thâm u đến mức nào đi nữa, ngôn ngữ thơ tượng trưng vẫn chỉ là công cụ.

Thơ hiện thực nhấn mạnh chức năng phản ánh, nên ngôn ngữ thơ càng thể hiện rõ tính công cụ hơn. Từ nửa sau cuộc kháng chiến chống Pháp, khi đối tượng phục vụ của văn chương được xác định dứt khoát là công nông binh, thì phương tiện ngôn ngữ phải thật dễ hiểu cho phù hợp với đối tượng ấy. Tức là, viết *thế nào* phụ thuộc vào viết *cái gì* và viết *cho ai*. Nhưng viết như vậy, cũng có nghĩa là đồng nhất cá tính, đồng nhất ngôn ngữ. Hẳn thức nhận được điều đó, Trần Dần cùng nhiều thi sĩ khác thế hệ ông cố gắng làm *mở đực* ngôn ngữ của mình bằng sự đa nghĩa, hăm chặm nhận thức tự động để duy trì mỹ cảm, vận xoắn ngôn từ và bậc thang hóa câu thơ để tạo ra những cách phát nghĩa mới. Những cách tân đó là hết sức táo bạo, nhưng dấu sao đó cũng chỉ là “cải tiến công cụ”.

Từ 1957, những người Nhân văn không tiếp tục được in Giai phẩm nữa. Họ bị khai trừ ra khỏi Hội nhà văn, tách rời đời sống văn nghệ, mà thực tế là cách ly khỏi đời sống xã hội. Không được tham dự vào “ngày hội của quần chúng”, hoặc, nói theo ngôn ngữ thời thượng ngày nay là “sân chơi” công cộng, người Nhân văn đơn độc hành hương về ngôi đền nghệ thuật bấy lâu hương tàn khói lạnh. Thậm chí, có thể nói, sự tồn tại duy nhất của họ bấy giờ là nghệ thuật, là thơ. Cách tân hay là chết! Và cách tân thơ, ga đi và ga đến, vẫn là ngôn ngữ, quan niệm về ngôn ngữ (11).

Ngôn ngữ thơ chứa đựng hai loại thông tin: giao tiếp và thẩm mỹ. Thơ hiện thực có thời chỉ chú trọng đến thông tin giao tiếp với chữ nghĩa tiêu dùng. Không cuộc sống hướng ngoại, ngôn ngữ thơ phải quay về với chính bản thân nó. Tức quay về với thông tin thẩm mỹ. Có điều Trần Dần vốn là người cực đoan và hình như cách mạng nghệ thuật càng đòi hỏi nghệ sĩ phải cực đoan, nên thi nhân đã đẩy thông tin thẩm mỹ lên làm mục đích. Như vậy, Trần Dần không còn coi ngôn ngữ là phương tiện như trước đây nữa, mà đã là cứu cánh, là *mục đích*. Ngôn ngữ giờ đây không còn là công cụ của tư tưởng, mà còn sản sinh ra tư tưởng. Nó là *tính thứ nhất* của thơ.

Là một nhà thơ, đồng thời cũng là họa sĩ, Trần Dần dễ thức nhận được vai trò của ngôn từ, tức của *chữ* như là *vật liệu* của thơ. Đường nét, màu sắc, hình khối là vật liệu của họa, nhưng là thứ vật liệu *trơ*, chỉ có nghĩa khi trở thành ngôn ngữ của bức tranh. Còn ngôn từ, vật liệu của thơ, vốn tự nó đã mang nghĩa. Bởi thế, thơ (và cả văn chương) gây ra nhiều ngộ nhận. Không phải ai cũng vẽ tranh được, nhưng có vẻ như ai cũng làm thơ được. Người đọc (và cả siêu người đọc nữa) đọc thơ là để *tim nghĩa, hiểu nghĩa*, mà lại là thứ nghĩa do vật liệu tải vào. Nói một bài thơ, hoặc một nhà thơ, không có ngôn ngữ là vì vậy. Con chữ của họ, cả khi đã nằm trong mạng lưới quan hệ của bài thơ, vẫn không phát ra nghĩa mới, nghĩa chỉ có ở *đây* và *bây giờ*... Trần Dần làm thơ là làm với chữ, bằng chữ, nhưng là những con chữ đã được tẩy sạch nghĩa tiêu dùng để rồi lại phục sinh chữ bằng những nghĩa mới mẻ, trinh nguyên.

Cách tân thơ, Trần Dần dựa vào hai nghệ thuật hàng xóm của thơ là âm nhạc và hội họa. Cũng như thơ, âm nhạc là nghệ thuật thời gian dựa trên sự biến đổi các tương quan của âm thanh. Trên cơ sở sự tương cận này giữa thơ và nhạc, trong *Mùa sạch*, thi nhân sử dụng các *biến tấu chữ* và *biến tấu âm*, như là các thủ pháp nghệ thuật, để tẩy sạch ngữ nghĩa tiêu dùng. Lấy 4 chữ *mùa, sạch, sáng, trong* làm mô típ chủ đạo và thực hiện sự biến tấu của 4 chữ ấy cả trên phương diện chữ lẫn âm.

Tôi nhất thích công tác ở quả đất mùa
Miền miền sầm uất thị thành mùa
Bộ hành như giáo mác tua mùa
Tàu mùa tấp nập còi mùa
Trong mát mặt trời mùa
Ngực mùa len lùa phỏ mùi mùa
Tôi nhất thích công tác ở quả đất mùa
Khi nốt chân mùa dày dạy gió mùa
Giọt điện mùa lấy bấy đèn mùa
Đồng hồ mùa trôi chảy tuổi mùa
Gặp gỡ mùa rong ruổi ngã ba mùa

Trần Dần cưỡng bức chữ *mùa* đặt chúng vào những vị trí nhất định trong câu mà không thèm biết đến nghĩa nguyên thủy của chữ.

Mùa ở đầu câu:
Mùa cau ỏn ẻn trầu mùa
Mùa duyên hò hẹn trăng mùa
Mùa na dụn dịn vườn mùa
Mùa sen trong vắt đầm mùa
Mùa ở vị trí chữ thứ 2 hoặc 3 trong câu:
Bò mùa lúc nhúc nông trường mùa
Gà mùa lục xục tàu mùa
Chiều mùa lục tục gặt mùa
Mạ mùa gieo mùa
Sao mùa vàng vặc ngoại thành mùa

Cuối cùng, mùa ở chữ cuối tất cả các câu.

Ở vị trí đầu câu, chữ mùa chỉ một khoảng thời gian trong năm (*mùa đông, mùa xuân*) hoặc khoảng thời gian liên quan đến mùa vụ, thời vụ (*mùa cau, mùa na, mùa sen*). Nhưng *mùa tem, mùa len, mùa giao thông*, nhất là *mùa Việt Nam* thì nghĩa đã khác đi nhiều. Ví như chữ *len* trong *Mùa len loạt xoạt nội thành mùa* rất nhờo nghĩa. Nhưng nhờ vào các thành phần câu đi sau nó, người có thể hiểu mùa lạnh người ta mặc áo len, mùa của (trang phục) len (dạ), hoặc lúc đông người, mùa lễ hội người ta len (chen) nhau, len chân. Còn mùa tem, mùa giao thông, mùa Việt Nam thì nghĩa bị nhờo đến vô nghĩa, hoặc tuy vô nghĩa nhưng nằm trong trường nghĩa nên cũng có vẻ có một nghĩa nhờo nào đó. Hơn nữa, trong ngôn ngữ sự vô nghĩa không có nghĩa là không có nghĩa mà là có nghĩa zero. Chính cái từ có giá trị không về nghĩa đó lại đóng vai trò tạo nghĩa cho các từ cạnh nó.

Những từ mùa đứng ở vị trí thứ 2, hoặc ở cuối câu thì chỉ một mùa vụ đối lập, với một mùa vụ khác (*mạ mùa/mạ chiêm, lúa mùa/lúa chiêm*), hay chỉ một cái gì đó đúng thời vụ, đúng vào thời kỳ có chất lượng tốt nhất (*bò mùa, gà mùa, chiều mùa, sao mùa, gái trai mùa*). Nhưng *nốt chân mùa, giọt điệu mùa, lúa mùa, liềm mùa, khói mùa, đồng hồ mùa, tắc xi mùa...* thì nghĩa đã khác, khó xác định. Bởi lẽ, nghĩa của những từ này chưa *tủa mùa* (mọc lên tua tủa) mà còn đang *hò hẹn, ỏn ẻn, dụn dịn, lục xục, dày dạy, lầy bầy...* trong dự cảm, trong tiềm thức, trong tiền ý thức. Khác với thơ cổ điển mỗi con chữ đều bắt chết vào một nghĩa, thơ Trần Dần bên dưới mỗi con chữ *lúc nhúc* bao nhiêu nghĩa - tiền - sinh, mà nghĩa nào cũng có khả năng trở thành hiện hữu cả. Tùy vào cách cảm, hoặc cách đọc, tức khả năng đồng sáng tạo của độc giả, mà một nghĩa nào đó được hiện thực hóa mà không mất đi sự dự sinh của các nghĩa khác. Hoặc tất cả các nghĩa đều đồng hiện.

Các từ *sạch, sáng, trong* cũng đều được Trần Dần đưa vào một cơ chế thao tác như vậy. Và, xen giữa những trường đoạn biến tấu chữ là những biến tấu âm.

Ao ta...
Nước quê thành thật
Đầm mùa con vịt ngoạt
Trong trời thoàn thoạt
Bèo sen thuyền sạch mạc
Lành chiều sao mát nhoạt
Gái trai đi thào thật gió phèn

Để lập lại âm *ạt(ạc)*, Trần Dần đã phải dùng nhiều từ không có nghĩa, hoặc không khớp nghĩa như *thần thật, thoàn thoạt, sao mát nhoạt, con vịt ngoạt...* Điều này, cũng giống như sự cưỡng

bức các từ *mùa, sạch, sáng, trong*, hẳn sẽ gây ra sự nhàm chán, thậm chí phản cảm, nếu không được đặt trên một nền âm - chữ của ca dao tục ngữ. Hơn nữa, thi nhân còn sử dụng lối nói, cách nói luôn có sự lặp lại của đồng dao như: *Tôi qua..., Anh vẫn tìm em...*

*Tôi qua sáng ngõ
Sáng ngõ trong sao
Tôi qua sáng cầu
Sáng cầu trong nhịp*

Đồng dao vốn là ca dao cổ sơ, nhưng trong quá trình lịch sử nghĩa ban đầu đã bị lấp mất, và chỉ được lưu truyền qua các bài hát và trò chơi con trẻ. Bởi khác người lớn, trẻ con không cần đến nghĩa. Chúng chỉ cần nhịp điệu, âm thanh. Những đoạn thơ “trúc trắc” nghĩa của Trần Dần gọi đến đồng dao. Và, nhờ cảm thức đồng dao, người đọc chấp nhận sự vô nghĩa, hay chưa nghĩa, giải tỏa một định kiến thơ lâu nay.

Ngoài *Mùa sạch*, sự biến tấu âm còn được Trần Dần thực hiện ở nhiều tác phẩm khác thời kỳ này như *con OEE* (1967): 16/100 thơ bốn câu *Rôck - biến tấu Âm (Oe nhau từ và thê/Vì hoè nhe gạo nụ/Mai gai vừa ọ chóp/ lá chơe chơe)*, *Hậu con OEE* (1988) (*Chôm chôm em từ hê/quê què đê khe khẽ/ngã ba chẽ-/ngã ba khe.*). Biến tấu âm cuối cùng mà tôi muốn nói đến ở đây là *Con I* (1975). Tác phẩm này, một mặt mở ra một loạt những thơ - bè, thơ hồi ký có bè đệm, thơ - tiểu thuyết có bè đệm, mặt khác với cách trình bày độc đáo của nó tạo ra sự *biến tấu chữ*, tạo ra những ấn tượng thị giác, đưa thơ lại gần với họa, thơ - họa. Một nghệ thuật không gian cho phép *cùng lúc* thấy được nhiều *cách phát nghĩa*.

*iiii-ci-Terr ii Companhi iii Companhii Terrii Valizekhi iii
III. Qà đất khóc như riii*

Tác phẩm tiêu biểu nhất của *biến tấu chữ* (và không chỉ có chữ, dĩ nhiên) là *Jờ Joạcx* (1963). Đầu tiên là thay đổi cách viết chữ, trước hết là chữ cái. Phụ âm J của Trần Dần được viết để thay thế *d* như *jọc jài, cốc jâu tươi*, chữ *r* như *jạng đông*, chữ *gi* như *lâm jì, thì jờ*, thậm chí chữ *l* như *cựt jùn* (lùn)... Rồi cuối chữ thì thêm vào các phụ âm như *x* như *đồ đạcx*, bỏ chữ *h* ở phụ âm cuối câu như *thic, thằng quíc-ss*, thay *y* dài bằng *i* ngắn như *tôi iêu, iếu mục*... Cách làm này đã *lạ hóa* chữ, không để cái nhìn của người đọc tự động trượt đi, mà buộc nó phải dừng lại, để khôi phục lại tự dạng nguyên thủy. Dĩ nhiên, có những chữ luận ra được, mà cũng có những chữ không, bởi thi nhân đưa chúng đi quá xa, hoặc đơn giản chỉ vì chúng không có bản nguyên. Như chữ *Joạcx*.

Nghĩa của chữ cũng vậy. Từ nghĩa nguyên thủy, qua mỗi văn cảnh, tình huống sử dụng, nó cứ đi xa dần nguyên gốc, đông đúc thêm, thành đa bội và, cuối cùng, rất khó nắm bắt. Về cú pháp, để tạo nghĩa mới cho từ, cho câu, Trần Dần sử dụng nhiều phép đảo từ, đảo chủ - vị, hoán đổi chức năng của từ loại. Đặc biệt, những con chữ, những câu được trình bày bằng nhiều kiểu chữ khác nhau (in/thường), đậm/nhạt khác nhau, chỗ đứng chỗ nghiêng:

“Jốt cuộc jẽ hiểu mọi người đều đồng í
đêm qua
có
jao-cầu-tứ-phía-thật
----- *mặt trời*
 mọc
 lọc
 jừa
 h

o
a
mưa...

Ja J u - ớ - c. xxxxxxxxxxxxxxxxxxxx
tôi sướng hết đời không hết sướng”.

Ngoài hiệu quả của ấn tượng hội họa, những chỗ viết nghiêng rải rác ở từng thiên, nếu gom lại sẽ thành *thơ*, chỗ viết đứng là *văn xuôi*. Như Trần Dần cho biết, *Jờ Joạcx* là Thơ - Tiểu thuyết, nên đứng từ phương diện thơ thì phần văn xuôi là *bè đệm*, còn đứng về phương diện tiểu thuyết thì thơ lại chính là *bè đệm*. Như vậy là mỗi *bè đệm*, đến lượt nó, lại được *đệm*. Không còn (và cũng không cần) phân biệt được đâu là *bè đệm* và đâu là *bè đệm* nữa. Từ đó, liệu có thể suy ra, ở *Jờ Joạcx* và nhiều tác phẩm khác như *Con trắng*, *Thằng thit*, *Kể kể* không còn một biên giới hành chính nào giữa thơ và văn xuôi, giữa thơ và phi thơ nữa.

Jờ Joạcx cũng có nhiều nhân vật như người xưng tôi, thằng Tòi, Đốc tờ tòi, con nữ vận động viên, người có cặp *mắt Mông Cổ lai*... Các nhân vật này có nhiều đặc điểm giống nhau, nên dễ hóa thân vào nhau, khiến người đọc không biết đây có phải là một hay hai, ba... nhân vật. Cứ như ở trong một nhà kính vạn gương. Không còn phân biệt được đâu là nguyên bản, đâu là nhân bản; đâu là nhân vật chính, đâu là nhân vật phụ, hay nói theo cách Trần Dần nhân vật bất chính; đâu là thơ, đâu là văn xuôi, đâu là kịch... Vì thế, người ta thấy Trần Dần, tác giả của *Jờ Joạcx*, là người rất tự do. Tự do đến mức như là tùy... bút! Ông sử dụng tới đa các kỹ thuật ký âm, ký tự của người đã làm chủ được vật liệu ngôn từ, biến tấu âm, biến tấu chữ của người am hiểu âm nhạc và hội họa để tạo ra một không - gian - chữ - nghĩa của riêng ông. Tác phẩm của Trần Dần quả là sự phiêu lưu của *cái viết* (*écriture*) (12).

Đó là một thế giới nhoè. Nhoè do tất cả các yếu tố trong đó đều tương đối. Nhoè do tất cả các yếu tố trong đó đều bất định. Nhoè do từ những khoảng trắng, khoảng trống, khoảng lặng của tác phẩm người đọc được tự do tham dự vào quá trình tạo nghĩa.

6

Những người Nhân văn có một đặc điểm chung là rất yêu chữ. Nếu Lê Đạt tự nhận “danh hiệu trọn đời” của mình là *phu chữ*, thì Trần Dần gọi nghề thơ của ông là *công tác chữ*, thậm chí *nghề gây sự chữ*. Những cách tân chữ nghĩa của nhà thơ mà tôi vừa trình bày ở trên (mục 5) quả gây sự. Ông đã chống lại tập quán đọc văn chỉ để hiểu nghĩa, tìm nghĩa. Kể cả khi cái nghĩa đó được móm trước vì nó là nghĩa tự điển, nghĩa tiêu dùng. Tập quán này đã đặt nghĩa trước chữ, trên chữ: NGHĨA → CHỮ.

Thực ra, trong văn chương, nhất là thơ, vị thế của chữ phải ngược lại: CHỮ → NGHĨA. Chữ trong thơ là để phát nghĩa mới, thậm chí, nghĩa không có trong tự vị. Nghĩa tiêu dùng nếu được sử dụng lại, thì trong mạng lưới quan hệ mới nó cũng được chùi sạch, để trở lại sự trinh nguyên ban đầu. Trần Dần đã tìm mọi thủ pháp *biến tấu âm*, *biến tấu chữ* để mọi con chữ của ông đều phát ra nhiều nghĩa. Đặt chữ lên trước nghĩa, tức coi *ngôn ngữ là mục đích*, ngôn ngữ có giá trị tự thân, Trần Dần đã làm một cuộc cách mạng lần thứ hai sau Thơ Mới. Một cách mạng mang *tính hiện đại*.

Nhưng những biện pháp của đầu óc thì bao giờ cũng hữu hạn. *Cuộc chữ chưa bày đã xoá*. Trần Dần nhanh chóng đi hết chặng đường này. Ông chuyển sang chặng đường mới. Lúc này, chữ và nghĩa ở ông tương đương: CHỮ = NGHĨA. Bởi, chữ và nghĩa, với tư cách là *cái biểu đạt* (CĐĐ) và *cái được biểu đạt* (CĐBĐ) không phải bao giờ cũng tách bạch nhau. Hơn nữa, mỗi khi một tầng nghĩa mới của tác phẩm được mở ra thì CĐĐ mới sẽ bằng cả CĐĐ và CĐBĐ trước đó cộng lại. Như vậy, giờ đây ngôn ngữ không còn phân biệt CĐĐ và CĐBĐ, tức tính

chất ký hiệu của nó nữa. Và, vì thế, cũng không còn phân biệt mục đích và phương tiện. Đơn giản, nó là sự tồn tại. Hay nói theo triết gia Heidegger: ngôn ngữ là ngôi nhà của tồn tại. *Ngôn ngữ là tồn tại*. Một tồn tại người.

Tôi chưa tìm được lý do bên ngoài khiến Trần Dần, một lần nữa, lại thay đổi quan niệm ngôn ngữ. Một cơn “địa chấn tinh thần” nào đó. Hay đơn giản chỉ là sự chín tới của một thi tài. Có điều chắc hẳn ông đã thức nhận được sự *tha hóa* của ngôn ngữ, một khi nó phải đảm nhiệm chức năng công cụ quá lâu. Để khắc phục sự tha hóa đó, thi nhân muốn quay về với thời sơ thủy hoàng kim. Lúc ngôn ngữ còn trinh nguyên. Còn chưa đánh mất cái sức mạnh ma thuật của nó. Ngôn ngữ bấy giờ còn là sự hòa đồng nguyên thủy, không phân biệt tôi và thế giới, tôi và người khác. Trần Dần muốn mượn thứ ngôn ngữ ấy để hòa giải với thiên nhiên, với người khác và với chính mình. Và phương tiện để nhà thơ hợp nhất, hòa giải chính là *ẩn dụ*. Thơ Trần Dần giai đoạn này, vì thế, đầy các ẩn dụ. Và ẩn dụ lớn, bao trùm lên tất cả các ẩn dụ khác là *ngôi nhà*. Đó cũng chính là *quê hương, cố hương, quê cũ, quê xưa* của tồn tại. Từ đây, Trần Dần hằng sống trong và sống bằng ngôn ngữ. Một tồn tại khác của ông.

Và, khác với các thi nhân “vị khú” trước ông, cả Đông lãn Tây, Trần Dần không tìm lại cố hương ở nơi Thiên Thai như Thế Lữ, Đào Nguyên như Vũ Hoàng Chương, hay Thời Thái cổ như Đinh Hùng. Là một người “vị lai” từ ruột, lại sống trong thời đại chinh phục bầu trời, Trần Dần đã tìm thấy quê hương mình ở vũ trụ: *Tôi chôn rau ở tận trời sao*. Còn quả đất chẳng qua chỉ là nơi ông phải trú ngụ một thời gian: *Tôi chẳng phải tù binh quả đất*. Như vậy, thế giới của Trần Dần của những *Sổ thơ, Sổ bụi* là một thế giới bị phân đôi. Nếu chia theo chiều dọc, chiều không gian, thì sẽ có Bầu trời/Quả đất, còn chia theo chiều ngang, chiều thời gian, thì sẽ có Bên này/Bên kia.

Quả đất còn được thi nhân gọi bằng những tên khác nữa như *quả địa, trần gian, trần ai, nơi không - xứ, địa dư người, chỗ này...* Những từ, vốn trung tính. Nhưng khi quả đất đi với những từ khác thì lập tức nó bị giảm giá *quả đất xám, người tù quả đất*. Bởi vì ở quả đất không có một cái gì lớn hơn bản thân nó: *Lắm! Nếu ngõ trên quả đất hạt bụi, lại có thể xảy ra một cái gì, hơn là hạt bụi*. Vì, ngay đến cả yêu, cả mơ mộng mà cũng bị hạn chế, *khẩu phần yêu, khẩu phần mộng*.

Quả đất của Trần Dần là hoàn toàn bị trừu tượng hóa. Đây là một thế giới đất không địa danh, người không tên gọi. Giống và khác thế giới của Kafka. Đó chỉ là nơi có người ở, một *địa dư người*. Thế thôi. Cả nhân loại chỉ còn thu lại có họ (*Họ cứ vu oan mặt trời ngử*), ai (*Đố ai chọc mắt các vì sao*) và tôi. Mà tôi thì cũng không còn gọi nhớ đến một Trần Dần tiểu sử nữa. Trong thế giới trừu tượng tôi cũng trừu tượng. Tôi là mọi người. Con người này bị quả đất giam hãm, là *người tù quả đất, tù binh quả đất, người bất hợp tác quả đất*. Bởi thế, nó luôn luôn hướng đến một *miền xa*, luôn gửi đến một *địa chỉ xa xăm*. Đó là cả bầu trời, cả không gian vũ trụ. Đây là nơi thi nhân muốn gửi cả ước vọng của mình. Nơi ông muốn sống. Nơi ông *đã từng sống*. Bởi vậy, đang sống ở quả đất mà nhà thơ luôn nói về *hỏi (ở) trái đất*.

Sự phân cách giữa Bầu trời và Quả đất là Chân trời. Thơ Trần Dần nói nhiều đến chân trời, chân mây. *Tôi sống ở hai chân trời... một trời hoành đoạt, một trời sao bay*. Chân trời là giới hạn của quả đất, nơi tận cùng của quả đất, đồng thời nó cũng là nơi bắt đầu, cửa ngõ của bầu trời. Như vậy, có nhiều chân trời, nhiều chân mây. Hoặc chân trời, chân mây mang tính nước đôi, tính lưỡng giá: vừa là giới hạn, định kiến, trói bó, quá vãng vừa là ước ao, hy vọng, tương lai, lý tưởng. Bởi thế, thay đổi được chân trời là rất quan trọng *mỗi thay đổi chân trời/ một thay đổi nhân sinh*. Bởi thế, những chân trời vẽ đã làm ông nhiều lần thất vọng, *bốn cảnh chạy tới chân trời? không bỏ? không bỏ? vót về một canh cánh chiêm bao*. Nếu chân trời có vẻ nghiêng về phía giới hạn, thì chân mây lại thiên về khơi mở, hy vọng. Trần Dần luôn biết vượt thoát các

giới hạn: ở một chân trời tôi mở những chân mây. Và, thi nhân không thể sống thiếu ước vọng những giờ phút vắng chân mây? bao nhiêu lớp hồng cho vừa. Vì thế, ông lên án những kẻ ám sát chân mây, hoặc tự chôn sống một chân mây trong mình, của mình: mỗi người một vụ án, mỗi người chôn sống một chân mây. Ông ca tụng kẻ viết? đập đổ chân trời? xổng xích các chân mây?

Vượt qua đường chân trời, nhà thơ được tự do trong không gian vũ trụ. Thơ ông nói nhiều đến trăng, sao, hành tinh, địa đầu vũ trụ, bến thiên hà, quỹ đạo, kinh vĩ tuyến Cỗmic... một cách rất quen thuộc. Ông trở thành một con người vũ trụ, bước vào một trạng thái sống cao hơn: bay.

Năm 1961, trước khi bay vào vũ trụ, phi hành gia vũ trụ đầu tiên người Nga Gagarin nói: *Nào! chúng ta cùng bay!* Câu nói này của ông mở ra không chỉ một kỷ nguyên mới cho nhân loại, kỷ nguyên vũ trụ, mà còn một trạng thái sống mới của con người, thậm chí một loại người mới: người bay! Nếu người nằm, người bò, người đi là những tù binh quả đất bởi chính sức nặng của mình, thì người bay đã vượt thoát khỏi sự cầm tù của quả đất. Tuy nhiên, cũng như người bay trong tranh Chagall, người bay của Trần Dần, nằm trong hệ quy chiếu với các người bệnh, người ú trước đây của ông, không chỉ nói về con người vũ trụ. Nó còn là biểu tượng cho một loại người có phẩm chất cao hơn người.

Tôi khóc

những chân trời
không có
người bay

Lại khóc

những người bay
không có
chân trời

Nếu cấu trúc thế giới chiều dọc, chiều không gian, làm cho con người biết đứng dậy, bay lên, đòi hỏi con người phải nỗ lực, thì cấu trúc thế giới theo chiều ngang, chiều thời gian, không làm ai phải nhọc công: bên kia? ai rồi cũng đến - bên này? ai rồi cũng qua... Bên này/ bên kia là sự lưỡng phân, biện biệt khi con người còn ở quả đất. Bởi thế sự phân biệt này trước hết mang tính địa lý: châu Á/châu Âu, quê tôi/quê anh: *Buồn ở quê tôi gà chẳng gáy, canh hồ vĩnh viễn chẳng sang canh.* Rồi sau đó mang tính tâm lý giữa thực/mơ.

Cuối cùng, mang tính tâm linh cõi sống, cõi chết. Trần Dần coi sống là một nghề mà ai ai cũng thạo, chỉ mình ông là không thạo sống, nên ông thường (bị) đánh vỡ mình. Thậm chí nhà thơ gọi sống là bệnh, bệnh sống, eo ôi sống... Như vậy, trong mắt nhìn biện biệt của người trái đất, thì bên này (châu Á, thực, cõi sống) bao giờ cũng kém bên kia (châu Âu, mơ, cõi chết, bất tử). Nhưng bằng cái nhìn mới của người bay, người vũ trụ, thì tất cả những gì lưỡng phân trên quả đất, ở bên này đều được tái hợp nhất trong *Nguyên*, trong *Một*, ở bầu trời, bên kia thậm chí trong một chiếc lá:

bằng lòng sống - bằng lòng quả đất? bằng lòng làm chiếc lá - heo may.

bằng lòng chết? không bằng lòng hết. Ôi chiếc lá vàng trong bát ngát càn khôn.

Đó là tư thế của con người đã vượt từ quả - đất - bên - này để sang bầu - trời - bên - kia. Người đó chính là nhà thơ. Thi sĩ là gì? người chết hai buồng tay vẫn ằm ập đầy sao, người chết rồi mà vẫn mắt ngủ, vẫn canh cánh chiêm bao.

Đến đây, hành trình thơ Trần Dần đã đi vào *ga cuối*. Sau khi đã trải qua ba lần thay đổi quan niệm ngôn ngữ thơ: công cụ → mục đích → tồn tại. Một hành trình đau khổ. Nó đòi hỏi nhiều sự đồng hành. Trước hết là sự nhịp bước của nhân cách và văn cách.

Trần Dần vốn là người cực đoan. Cực đoan sống và cực đoan thơ. Cực đoan sống thì chả mấy ai ưa, dù nể sợ. Hẳn thế, không ít kẻ giả cực đoan. Nhưng thơ thì không cực đoan giả được, dù rằng chính thơ là nơi nhiều của giá nhất. Bởi sự cực đoan, cả sống lẫn thơ, đòi hỏi phải quyết liệt với bản thân.

Sự quyết liệt ấy, với con người Trần Dần, chính là sự làm trong, *làm sạch* mình. Đó là một quá trình đi từ *tôi* đến *minh*. Cái tôi, xét cho cùng, chỉ là cái mặt nạ xã hội của con người. Là chiều kích xã hội trong con người. Cái tôi là để trình diện với đời, để ứng phó với đời, để khẳng định mình như một cá nhân, một ngã vị. Bởi thế, cái tôi có tính hướng ngoại. Cái tôi của Trần Dần đầy cá tính. Ông không hợp với những cái gì đã có sẵn, đâu là cái khuôn bằng vàng cái thước bằng ngọc. *Tôi không hợp grammaire nào cả/ Sinh tôi đã có grammaire cho tất cả/ ắt là không zuýt cho tôi*. Trong khi đó, ngữ pháp xã hội cũng chỉ khư khư biết đến các quy tắc của nó: *Anh cứ mó thử một dấu phẩy vẫn phạm xã hội. Vuốt râu hùm xám còn đỡ nguy hiểm hơn*. Hoặc quan niệm về tự do của Trần Dần cũng hết sức thách thức: *Tự do là sự vi phạm chứ không tuân theo tất yếu*. Sự xung đột của cái tôi và cái xã hội ở Trần Dần là *thách đố* (13), mà *đáp trả* là sự thay đổi.

Từ con người xã hội một cách chính thống và chính thức, Trần Dần chuyển về cư trú ở những đầu ô, *công tinh*. Thơ Trần Dần lúc này nói rất nhiều đến đường, phố, ngã ba, đèn, đường..., nhưng ông không phải là bụi đường, mà là *bụi nhà*. *Con BỤI NHÀ... không ai còn có chez soi*. Kể từ thời bao cấp hậu kỳ rất phổ biến từ bụi để chỉ những cái gì phóng túng, phóng đảng, khai phóng nằm ngoài cái chính thống và chính thức như *bụi đời, cơm bụi, đi bụi, giáo sư bụi...* Riêng Trần Dần cũng có *số bụi, thơ bụi*. Nhưng đặc biệt nhất, có lẽ, *bụi nhà*. Ở trong nhà mà không phải ở trong nhà. Ở nhà mà không có nhà. Ở nhà mình mà không ở *minh* (chez soi). Là một bụi nhà, Trần Dần đã hướng nội. Thoát khỏi *mặc cảm dã tràng* và sự ám ảnh của *huyền thoại Icar* hoặc *mặc cảm trung bình*. Cái tôi chuyển sang cái mình. Cái mình chuyển chiều kích xã hội trong con người xuống hàng thứ yếu. Cái mình, chính là *cái tôi thật*. Là chiều kích tâm lý, siêu lý, vô thức, siêu thức. *Mỗi người mang trong mình một vũ trụ tâm thần, độc nhất. Độc nhất vô song...* Trở lại với cái mình, một hồi quy vĩnh cửu, Trần Dần mới có thể có cái nhìn mới về hiện thực: Hiện thực vốn 3 tầng. THỰC + TƯỞNG TƯỞNG + TƯỞNG TRUNG. *Để tên tờ bộn ngậy ngô zuy thực tội nghiệp để từ một nghĩa duy vật ngậy thơ. Tôi hiện thực ở tầng 3 vừa cả ở 3 tầng*. Với cái mình, Trần Dần mới có quan niệm *Viết, 1 cách chết tận hưởng*. Và, *tôi vẫn viết cái gì tôi chẳng biết*. Và, *vùng mù... vùng tổ của thơ*. Trở lại mình, như vậy, Trần Dần đã, một mặt dọn sạch mình, hay bằng ngôn ngữ của chính ông: *tổng tẩy mội*, mặt khác nâng mình lên một tầm nhân loại mới: *người bay*.

Nhân trình sạch này song hành với *thi trình sạch*. Con người người hơn thì thơ cũng thơ hơn. Trong hơn. *Thơ vì thơ, tuyệt đối. Hễ vì bất cứ thứ gì khác, dù cao quý mấy, thơ sẽ chẳng còn là thơ*. Những *thơ tình, Thơ chính trị, bất kỳ tính từ nào, đều vô nghĩa, với tôi*. Và, quá trình trút rưng những tính từ này, cũng là quá trình quy giản thể loại. Từ *trường ca, thơ - tiểu thuyết, thơ - hồi ký có bè đèm, kể kệ, thơ - tiểu thuyết một bè đèm...*, đều là những tác phẩm lớn về số lượng, Trần Dần càng về *ga cuối, số cuối* càng rút xuống thành *thơ mini*. Từ chỗ lấy *bài thơ* làm đơn vị thơ, coi đây như một hệ thống, một chỉnh thể đến chỗ lấy đơn vị là *câu thơ*.

thi pháp bài thơ. Tôi muốn đoạn tuyệt. Nghiêng về thi pháp câu thơ - cửa sổ hé vào vĩnh viễn: Như vậy, bây giờ câu thơ cũng là một hệ thống, một chỉnh thể. Đây là những bài - thơ - một - câu (14).

- Mọi giá trị đều sặc mùi quả đất
- Đố ai chọc mắt các vì sao
- Họ cứ vu oan cho mặt trời ngủ
- Ai xuất bản nhiều đêm thế nhỉ
- Không ai đưa đám vì sao tắt
- Tôi đứng tuổi mà không đứng gió.

Có người thắc mắc, những câu thơ trên và như trên của Trần Dần không có gì là cao siêu cả, thậm chí như còn nói ra một điều *hình như* ai cũng biết: mưa rơi không cần phiên dịch, hoặc *vén mây mù mới thấy trời xanh*. Ấy, chính cái tài của nhà thơ là ở chỗ ấy, đưa cái hình như, cái còn tồn tại trong mù mờ tiền - ý thức ra chỗ thanh thiên bạch nhật của ý thức. Tài hơn nữa, sau đó thi nhân lại đưa cái hiển nhiên, minh nhiên ấy vào chỗ hình như, chỗ mù mờ của sự đa nghĩa, hoặc của siêu thức (*Đố ai chọc mắt các vì sao. Họ cứ vu oan cho mặt trời ngủ*). Không đánh đố ai, Trần Dần đã trao vào tay người đọc cái chìa khoá *thi pháp học bài thơ một câu* của ông: *cửa sổ hé vào vĩnh viễn*. Trong một tối thiểu từ (*cửa sổ*) bằng ẩn dụ (*hé*) phát một tối đa nghĩa (*vĩnh viễn*). (15).

Cả hai quá trình, nhân trình sạch và thi trình sạch, hội tụ lại trong một Trần Dần - thi sĩ. Với Trần Dần thì *Thơ là mạng sống, là lý lịch thật của đời tôi*. Thậm chí, *Tác phẩm là bản gốc, đời là bản sao*. Còn với chúng ta, người đọc, thì có lẽ, riêng trường hợp Trần Dần, cả đời lẫn thơ đều là *bản gốc*.

Ghi chú bên lề (paratexte)

* Bài viết này của tôi chủ yếu dựa trên các tác phẩm đã in của Trần Dần như *Cổng tỉnh* (Hội nhà văn, 1994, giải thưởng thường niên của Hội), *Bài thơ Việt Bắc* (Hội nhà văn, 1990), *Mùa sạch* (Văn học, 1997), *Ghi* (Văn Nghệ, Calionia, USA, 2001) và một số tư liệu khác. Khi bài viết hoàn thành được ít lâu thì cuốn *Trần Dần - Thơ* (Đà Nẵng, 2008) của Trần Dần ra mắt. Cuốn sách giúp tôi bổ sung thêm một số tư liệu thơ Trần Dần, nhưng không làm thay đổi tư tưởng bài viết, thậm chí còn góp phần khẳng định nó thêm.

1. Trần Dần sinh ngày 23-8-1926 (tức ngày 16-7 năm Bính Dần) (hẳn vì thế ông có tên là Dần, còn hình dung và tướng tinh thì có phần giống chúa... bút lâm!) ở phố Năng Tĩnh, thành phố Nam Định, (và không phải ngẫu nhiên mà thành viên chủ chốt của nhóm Dạ Đài sau này đều là “đồ Nam”!). Thân sinh nhà thơ là ông Phán Hậu (theo Vũ Ngọc Tiến trong bài *Thế là... chị ơi!*), vì theo Nguyễn Thái Học nên khi khởi nghĩa Yên Bái thất bại, phải mang gia đình lên Chợ Bờ ven sông Đà thuộc Hoà Bình lánh nạn. Còn bạn ông, tức thân sinh bà Bùi Thị Ngọc Khuê vợ nhà thơ sau này, thì bỏ Hà Nội đến bến Tà Chan, sông Đà, Sơn La ở lẫn người Thái Đen, vừa buôn bán kiếm sống vừa tiếp tế cho bè bạn ở nhà tù Sơn La. Hai gia đình vẫn thường xuyên liên lạc với nhau, nên Trần Dần và bà Khuê quen với nhau từ nhỏ, chứ không phải sau này “chàng” về tiếp quản Thủ Đô mới quen “nàng” như môtip quen thuộc thời đó.

2. “Cái đọc đầu đời”, theo tôi, là rất quan trọng. Bởi, nó hình thành thị hiếu, chi phối khuynh hướng sáng tạo và “thời điểm xuất hiện”. Như Nguyễn Đình Thi chẳng hạn, ông không kém tuổi các nhà Thơ Mới bao nhiêu (sinh 1924) và trước Cách mạng đã có hoạt động văn nghệ, nhưng với tư cách một nhà thơ, ông chỉ xuất hiện vào đầu kháng chiến chống Pháp. Ông trở thành một nhà thơ của thời đại khác. Thơ ông mang hơi thở của thời ấy, khác hẳn với các thi nhân tiền chiến, kể cả sau đó họ cũng tham gia Cách mạng. Trần Dần cũng vậy. Ông làm thơ từ sớm. Nhưng thời điểm xuất hiện thực sự của ông, vì nhiều lý do khác nhau, vào thời hậu Nhân Văn. Thời ấy, với khí hậu văn nghệ đặc biệt của nó, chi phối nhiều đặc điểm của thơ ông.

3. Trước 1945, theo *Ghi*, Trần Dần đã có sáng tác, như 1943 có *Chiều mưa trước cửa* và 1944 có *Hồn xanh dị kỳ*. Tôi vừa đọc được hai bài thơ đó trên *Trần Dần - Thơ* (đều ghi sáng tác 1944). Xin chép ra đây một bài để bạn đọc tham khảo:

Hồn xanh dị kỳ

Ta từ biển vắng về đây mộng
Gặp lúc Thăng long lụi ánh đèn
Những ngọn đèn mờ trên phố lạnh!
Đời đương yên giấc- biết ai tìm?
Ôi kẻ xa chơi lẻ trúc đình
Quê nhà ai khóc? Lệ ai xanh?
Hồn em mây chở về đâu nhỉ?
Có gặp buồn trong cuộc lữ trình
Kìa núi Cô Sơn hồn tuế nguyệt!
Kìa vàng trắng héo nẻo ra đi
Nửa đêm trở giấc trong phòng lạnh...
Chợt thấy hồn xanh đến dị kỳ!

1944

4. Từ khi thế chiến II bùng nổ (1939), giới trí thức Việt Nam hoài nghi nền văn minh phương Tây và, do đó, hoài nghi luôn cả con đường hiện đại hoá xã hội Việt Nam theo kiểu phương Tây. Một mặt, nó quay về với truyền thống dân tộc và phương Đông (quanh tạp chí *Tri Tân*), mặt khác ủng hộ mạnh mẽ con đường mác xít. Nhiều trí thức cánh tả tập hợp quanh tạp chí *Thanh Nghị*, đặc biệt là nhà xuất bản *Hàn Thuyên*. Đó là các nhà văn, nhà nghiên cứu nổi tiếng như Trương Tửu, Lương Đức Thiệp, Nguyễn Đức Quỳnh, Đặng Thai Mai. Có thể nói, nhà xuất bản *Hàn Thuyên* đã đóng góp một vai trò to lớn, như *Phong Hoá*, *Ngày Nay* của Tự lực Văn đoàn trước đó, trong đời sống trí thức bấy giờ.

5. Trần Dần rất chú trọng đến *cá tính* và *cá tính sáng tạo*. Ông cho rằng hai phẩm cách này liên quan với nhau chặt chẽ, bởi thế về sau ông gọi là *nhân cách* và *văn cách*. Xin dẫn ra đây ý kiến rất sâu sắc và độc đáo của ông: "Người ta hay nói đến cá tính của một nhà thơ. Đó là một điều rất hệ trọng. Vì rằng cá tính của nhà thơ rõ rệt hay mờ nhạt, đậm sắc hay tầm thường là nó chứng tỏ nhà thơ đó sống và viết có ý thức sâu sắc hay nông cạn về vị trí của mình, của nghề nghiệp mình trong mối liên quan chung với xã hội. Nói cách khác, cá tính biểu hiện trình độ nhận thức của thi sĩ đối với cuộc sống" (*Cách nhìn sự vật của nhà thơ Tố Hữu*, 5 – 1955)

6. Sau khi tập *Việt Bắc* của Tố Hữu được xuất bản (12-1954) thì xảy ra cuộc tranh luận và tranh luận sôi nổi. Đa số ý kiến ca ngợi, coi tập thơ này là tiêu biểu cho nền văn học cách mạng, cho phương pháp sáng tác hiện thực XHCN. Nhưng cũng có không ít ý kiến phê phán, chỉ ra nhiều chỗ non yếu của tác phẩm. Trong các ý kiến loại sau, bài *Cách nhìn sự vật của nhà thơ Tố Hữu* của Trần Dần là sâu sắc và quyết liệt hơn cả. Bởi ông không đi vào những phương diện bề ngoài của thi phẩm như đề tài, cách miêu tả, hoặc tính này tính nọ, mà đi thẳng vào *bản chất* của thơ, đặt ra những vấn đề vừa là cốt lõi vừa là thời sự của cá tính sáng tạo, cách nhìn sự vật của nhà thơ, hoặc thế nào là thơ chính trị. Nhưng cuối cùng ý kiến số đông vẫn thắng. Bằng chứng là việc sau đó *Việt Bắc* được trao giải nhất. Đáng tiếc là cuốn *Tư liệu thảo luận 1955 về tập thơ Việt Bắc* (Văn hoá thông tin, 2005) do Lại Nguyên Ân sưu tầm và biên soạn lại không có bài của Trần Dần.

7. Vladimir Maiakovski (1893 -1930), nhà thơ Nga đã từng hoạt động trong phong trào Vị lai, sau tham gia Cách mạng tháng Mười. Chủ nghĩa Vị lai đã để lại một dấu ấn quan trọng trong thơ ông. Đó là một thái độ đoạn tuyệt với quá khứ, một cái nhìn hướng tới công nghiệp và

thành phố hiện đại, một sự cách tân ngôn ngữ táo bạo. Các tác phẩm chính thời kỳ này: *Đám mây mặc quần* (1915), *Cây sáo – xương sống* (1915). Sau Cách mạng tháng Mười “Cuộc cách mạng của tôi” như ông gọi, Maia dứt khoát đi theo chính quyền Xô Viết, toàn tâm toàn lực phục vụ cách mạng, dù chỉ là *một người công sản ngoài đảng*. Ông viết *Hành khúc – Trái*, 1918; *Quyển hộ chiếu Xô Viết*, 1919; Trường ca *Tốt lắm!*, 1927 và nhiều vở kịch châm biếm, đã kích thích quan liêu đương thời. Cuối những năm 20 đầu 30, do khủng hoảng tư tưởng, Maia tự tử. Trong cuộc khảo luận về tập thơ *Việt Bắc*, có nhiều bài (hoặc ý kiến) nói về Maia, ví dụ: Học tập *Maiakovski, phát huy sức sống mới của thơ ca Việt Nam* của Lê Đạt... Riêng Trần Dần, trong bài *Cách nhìn sự vật...* đã hai lần viện dẫn Maia. Ngoài ra, ông còn dịch rất đạt nhiều thi phẩm của nhà thơ Nga này.

8. Trường ca *Đi! Đây Việt Bắc* của Trần Dần mãi đến năm 1990 mới được xuất bản, nhưng lại bị đổi tên thành *Bài thơ Việt Bắc* và loại bỏ chương 13, chương kết của thi phẩm vốn đã được Trần Dần in ra thành một bài thơ độc lập là *Hãy đi mãi!* Bài thơ đã bị phê phán nặng nề cùng với *Nhất định thắng*. Do vậy, nhà thơ Vân Long, người biên tập trường ca này, đã có sáng kiến loại bỏ nó và được nhà văn Vũ Tú Nam, tổng biên tập nhà xuất bản, chuẩn y và khen ngợi. Còn việc đổi tên thi phẩm thì không thấy Vân Long cho biết là do ai. Sự này hẳn Trần Dần không hài lòng. Chẳng thế mà ông ghi trong bản sách tặng người biên tập những dòng sau:

Gửi Vân Long,
người biên tập lại *Đi! Đây Việt Bắc!*
thông minh và công phu!
song tôi vẫn phản đối mọi kiểm duyệt?
Tôi đòi sự công bằng trong sáng của *texte intergal!*

Trần Dần.

Nhân đây, cũng nói thêm, ở tác phẩm *Trần Dần - Thơ* mới in do Vũ Văn Kha biên soạn thi *Đi! Đây Việt Bắc* lại mất chữ *Đi!* chỉ còn lại *Đây Việt Bắc*, mà chữ *Đi!*, theo tôi, là một từ chìa khóa của trường ca này.

9. Trường ca như là một thể loại chỉ phát triển vào thời kỳ chống Mỹ với tên tuổi mở đầu là Thu Bồn. Còn trước đó chỉ có truyện thơ như *Mẹ con đồng chí Chanh* của Nguyễn Đình Thi. Nhưng *Bài ca chim Chơ rao* của Thu Bồn còn mang nặng tính tự sự, kể chuyện. Đó cũng có thể là đặc điểm của thời kỳ mở đầu. Chỉ về sau với Nguyễn Khoa Điềm, Trần Vũ Mai, Trần Mạnh Hào..., nhất là với Thanh Thảo mới nhạt dần tính tự sự và đậm dần tính trữ tình. Chính sự gia tăng tính trữ tình đã phá vỡ cấu trúc tự sự, mở rộng không gian suy tưởng của trường ca. Như đã nói, điều ngạc nhiên là *Đi! Đây Việt Bắc!* của Trần Dần đạt được sự kết hợp nhuần nhuyễn hai yếu tố đối cực nhau này như ở giai đoạn đã chín muồi thể loại trường ca. Hẳn thiên tài không bao giờ phải đợi đến phong trào.

10. Trong bài *Nguyễn Đình Thi, một cánh én bay qua mùa xuân* (đã đăng ở tạp chí *Sông Hương* và tạp chí *Thơ* của Hội nhà văn), tôi có nói đến thơ không vần của Nguyễn Đình Thi, rộng ra trường hợp Nguyễn Đình Thi. Và tiếc cho thơ Việt Nam đã bỏ lỡ một mùa xuân cũng như cho cánh én Nguyễn Đình Thi (dẫu một không làm nên mùa xuân) đã bay qua cái mùa xuân bị bỏ lỡ đó. Trong bài viết ấy tôi có nhấn mạnh đến *tư duy thơ đứt đoạn* như là đặc điểm chủ chốt của tư duy thơ hiện đại. Thơ Trần Dần ở giai đoạn hậu Nhân văn, sự đứt đoạn còn *khiếp* hơn nữa. Ở cả âm, tiếng, chữ cái, con chữ, câu, bài... Trần Dần triệt để hơn Nguyễn Đình Thi là ở chỗ ông coi chữ quan trọng hơn nghĩa, chữ trước nghĩa và trên nghĩa, tức ngôn ngữ là mục đích chứ không còn là phương tiện nữa.

11. Theo quyết định kỷ luật thì Trần Dần chỉ phải đình chỉ sinh hoạt ở Hội nhà văn và không được in tác phẩm có 3 năm. Nhưng sự đình chỉ đã kéo dài đến 30 năm. Trong thời gian đó, ông vẫn không ngừng sáng tác. Sáng tác là phương thức tồn tại, là “Thi mệnh bọc đùm”. Nhớ lại, đầu những năm 90, khi *Bài thơ Việt Bắc* và *Công tinh*, những tác phẩm thời Nhân Văn hoặc kể ngay sau đó, của Trần Dần được ra mắt công chúng thì nhiều người thất vọng. Không ít cái mỉm cười ác ý: Hoá ra họ chỉ có vậy thôi ư? Thà cứ để họ mập mờ trong ánh hào quang tử vì đạo còn hơn đưa họ ra chỗ thanh thiên bạch nhật! Thực ra cũng không khó hiểu hiện tượng này. Kể từ khi tác phẩm trên được viết đến khi được in thì đã bao nhiêu nước chảy qua cầu. Trong thời gian đó, thơ Việt Nam (ít ra là thơ chính ngạch) vẫn là thơ hiện thực, đúng hơn là thơ phản ánh một hiện thực XHCN, nhưng phương tiện thể hiện thì đã có nhiều tiến bộ. Thơ Trần Dần (cũng như Lê Đạt, Đặng Đình Hưng) chỉ thực sự ra khỏi hệ hình xã hội học này vào thời hậu Nhân văn.

Bởi vậy, có người giả định rằng, nếu không có “tai nạn chính trị” ấy thì chưa chắc đã có sự cách tân này. Nếu điều này là đúng thì cái giá của sự cách tân đó lớn biết chừng nào! *Nợ “văn chương” phải trả đến hình hài*. Bởi vậy, tôi không tin vào thứ nghệ thuật không trả giá. Vừa được nghệ thuật lại vừa được những thứ phi nghệ thuật. Nhất là thứ nghệ thuật được dùng như một *công cụ* để đạt được thứ phi nghệ thuật. Nhưng không ai lại muốn mình bị tai họa để mà có thơ hay. Bởi thế, có thể nói, nhà thơ chính là kẻ được/bị lựa chọn. Nàng thơ đã ngắm trước anh ta. Nói như vậy, tức tài thơ là thiên phú. Hạt giống trời cho chỉ chờ thời tiết xã hội mà nảy mầm và phát triển cứng cáp thành cây.

12. Để thay đổi một quan niệm ngôn ngữ thơ, như trường hợp Trần Dần thì chỉ có thể thực hiện được bằng con đường tự hiện đại hoá bản thân mình. Và phương tiện duy nhất để nâng mình ngang tầm thế giới bấy giờ là đọc sách ngoại ngữ. May mà các nhà Nhân Văn đều là những người có ngoại ngữ, tức theo cách nói của Nguyễn Đỗ Cung là có *chữ*. Phan Ngọc, Cao Xuân Hạo trở thành các nhà ngữ học, phê bình văn học hiện đại nhờ có 10 năm đọc sách, làm tư liệu của Đại học Tổng hợp. Ngựa tái ông là vậy. Còn Trần Dần, Lê Đạt, Đặng Đình Hưng cũng bao năm mờ mắt ở phòng đọc hạn chế Thư viện Quốc gia để tiếp xúc với thơ và những công trình lý luận và phê bình thơ hiện đại. Có thể nói, những công trình đó đã chỉ hướng, hoặc chí ít là gợi ý, cho những cách tân thơ Dần-Hưng-Đạt.

Sự thành công của Trần Dần minh chứng một điều là chỉ có khi cùng tầm với thế giới thì mới có khả năng cách tân thơ. Bởi lẽ, cách tân là không chỉ tiếp thu những yếu tố hiện đại của thế giới, mà còn khai thác và phát huy những yếu tố truyền thống. Nhưng chỉ khi nhà thơ có một *cái nhìn hiện đại*, *một tinh thần hiện đại* thì mới làm mới, làm sáng cái truyền thống ấy được. Tức cấp cho các yếu tố truyền thống một đời sống hiện đại. Trường hợp Nguyễn Bính trước đây là một ví dụ. Cùng khai thác đời sống thôn quê, nhưng Anh Thơ, Bằng Bá Lân, Đoàn Văn Cừ nhìn nông thôn bằng con mắt phi thời gian của dân tộc học nên chỉ tạo ra những *bức tranh quê* có tính phong tục, còn Nguyễn Bính nhìn bằng con mắt xã hội học nên tạo ra hình ảnh động, hình ảnh của nông thôn đang bị thành thị xâm nhập, nông thôn mang tinh thần và hơi thở của thời đại. Nhưng Nguyễn Bính đạt được điều đó bằng vô thức, bằng bản năng thi sĩ. Còn Trần Dần thì thêm cả trí tuệ, ý chí. Bằng tinh thần hiện đại, ông đã hoá giải một cách tài tình ngôn ngữ, giọng điệu, cách nói của *vẻ, đồng dao, câu đố*... cho hoà nhập cấu trúc ngôn ngữ của thơ ông. Dĩ nhiên sự cách tân của Trần Dần không chỉ dừng lại ở đây. Sang giai đoạn sau, thi nhân sẽ vượt qua sự lưỡng phân cách tân / cổ truyền này để có một phẩm chất tổng hợp cao hơn, sâu sắc hơn.

13. Đến đây, có thể nói về *cội nguồn sáng tạo* của Trần Dần nói riêng và nhiều nghệ sĩ khác nói chung. Tác phẩm không phụ thuộc vào một yếu tố duy nhất nào: tài năng trời cho hay là môi trường xung quanh, mà ở quan hệ giữa chúng với nhau. Tài năng thiên phú tuân theo cái bản chất hằng xuyên của nó luôn luôn muốn sự thể hiện mình bằng sự sáng tạo. Nhưng cũng chính

sự sáng tạo đó lại đồng thời xung đột với những trở ngại bên ngoài. Nhưng với hành vi sáng tạo, hoặc người sáng tạo, thì những trở ngại này không huỷ diệt nó mà trái lại làm điều kiện để nó phát triển. Chức năng của yếu tố bên ngoài là thúc đẩy sáng tạo bên trong, kích thích thường xuyên và góp phần hiện thực hoá tiềm năng sáng tạo. Như vậy, tài năng thiên bẩm tiếp nhận mọi trở ngại như là những *thách đố* để rồi vượt qua nó mà tạo ra những tác phẩm. Đó là *đáp trả*. Những thách đố và đáp trả này có thể còn được gọi bằng những tên khác như Chúa Trời và Quỷ Dữ, Thiện và ác, Nguyễn Lý Khoái Lạc và Nguyễn Lý Thực Tiên...

Trần Dần có đủ bản lĩnh để tiếp nhận mọi thách đố bên ngoài. Và hình như số phận cũng ưu ái ông bằng những thách đố, vì chỉ có như thế thì ông mới có cơ hội để thực hiện những hành động sáng tạo mới. Nếu nhìn lại cuộc đời tiểu sử của thi nhân, thì sẽ thấy ông luôn gặp lại những trở ngại. *Dạ Đài* vừa ra được số 1 thì điều kiện không cho phép ra tiếp nên Trần Dần không đi vào thơ tượng trưng nữa (mà lúc này có thể đã cũ), và chuyển sang làm thơ hiện thực, cũng một lối hiện đại hoá kiểu thơ khác. Nhưng rồi nhóm Văn nghệ sông Đà bị phê phán, ông chuyển về Phòng Văn nghệ Quân đội để hằng hái sáng tác theo hiện thực XHCN. Cuối cùng vụ Nhân văn làm sáng tác của ông chuyển hẳn... Như vậy, trước mỗi một thách đố, ông đều có đáp trả; Đáp trả sau mạnh mẽ hơn đáp trả trước nên đã tạo ra một dòng sáng tạo mạnh mẽ vừa nhất quán vừa đa dạng. Dĩ nhiên, trước một thách đố không phải ai cũng đáp trả và đáp trả như nhau. Một số bè bạn Trần Dần không có đáp trả. Có lẽ đó là những người không thực sự có tài, hoặc sớm để tài năng chết yểu. Số khác cũng có đáp trả, nhưng khác Trần Dần. Một thách đố nhiều đáp trả là chuyện thường. Cách thức đáp trả của Đặng Đình Hưng hẳn gần giống Trần Dần, dù các thi phẩm của ông như *Bến Lạ*, *Ô*, *Ô mai*... có nhiều điểm khác. Còn Lê Đạt thì khác, khác nhiều.

14. Bài - thơ - một - câu của Trần Dần là một thứ chủ nghĩa tối thiểu của ông trong thơ. Trong trường ảnh hưởng của ông, ngoài Đặng Đình Hưng, Dương Tường, có một người bạn bút danh Đoàn Văn Chúc (xem bài *Đi tìm những tiếng nói đã mất* trong *Chân trời có người bay* của Đỗ Lai Thúy, VHTT (lần 2), 2006), trong thơ Trần Dần có biệt danh là *Cát*. Đoàn Văn Chúc là một dịch giả, nhà nghiên cứu văn hoá. Chủ nghĩa tối thiểu của ông còn cực đoan hơn Trần Dần, khi ông làm *thơ - một - chữ*. Hy vọng, dịp khác tôi sẽ giới thiệu thơ ông.

15. Để kết thúc những *Ghi chú bên lề* này, tôi rất lấy làm tiếc là bạn đọc không được tiếp xúc với thơ Trần Dần ngay sau khi xuất xưởng. Bởi thế, giữa thế hệ tiền chiến và thế hệ chống Mỹ, thơ Việt Nam dường như khuyết mất một thế hệ, những người được đào tạo học văn Pháp, tham gia Cách mạng tháng Tám rồi kháng chiến chống Pháp, những người vừa làm cách mạng xã hội vừa làm cách mạng thơ ca. Sau đó, việc thơ Trần Dần không được đồng hành với “thơ trẻ” hiện nay cũng là một thiệt thòi cho họ đã đành, mà cả cho ông nữa. Với việc xuất bản tập *Trần Dần - Thơ*, hẳn độc giả sẽ cảm thông hơn với “thơ trẻ” và “thơ trẻ” cũng thấy mình chưa hẳn đã “trẻ” lắm đâu. Điều này có thể sẽ thúc đẩy “thơ trẻ” cách tân có hệ thống và có chiều sâu hơn nữa. Trần Dần, quả như ông báo trước, chết rồi mà vẫn mất ngủ. Và làm người khác mất ngủ.

(Rút từ *Mắt thơ II*)

Hòai Thanh thú nhận sai lầm

Tôi đã sai lầm như thế nào trong việc phê bình bài “Nhất định thắng” của anh Trần Dần. HNVC: Năm 1956 Hòai Thanh khấp tị bài “Nhất định thắng” của Trần Dần là “phản động” nhưng sau đó ông thấy mình sai và viết bài này để nói lại. Đó là một hành động can đảm và thẳng thắn của người cầm bút. Bài viết này được đăng trên báo Văn Nghệ ngày 20.9.1956

cũng trên chính tờ báo mà ông đã cho đăng bài khế tội Trần Dần. Đọc lại bài viết này chúng tôi thấy quý trọng Hoài Thanh rất nhiều. HNVC xin giới thiệu cùng bạn bài viết này do nhà nghiên cứu Lại Nguyên Ân sưu tầm.

Cuộc cách mạng của chúng ta không thể nào tiến lên được nếu chúng ta không tiến hành một cuộc đấu tranh không ngừng không nghỉ chống những tư tưởng sai lầm ở chung quanh ta và ở trong tâm trí mỗi chúng ta.

Một bên là những tư tưởng cách mạng của giai cấp vô sản kế thừa những truyền thống tốt đẹp nhất của dân tộc của nhân loại; một bên là những tư tưởng áp bức bóc lột sa đọa đòi truy của xã hội thực dân phong kiến cũ nó đang liên hồi phản công vào chế độ chúng ta cố gò chúng ta quay trở lại. Những chế độ chính trị khác nhau cần phải chung sống hòa bình với nhau những giai cấp khác nhau có thể liên minh với nhau. Nhưng trong lĩnh vực tư tưởng không thể có liên minh cũng không thể có chung sống hòa bình giữa vô sản và phi vô sản giữa cách mạng và chống cách mạng.

Nhưng đấu tranh tư tưởng không thể dùng lối áp bức mệnh lệnh cũng không thể lấy đa số đàn áp thiểu số. Làm như thế không bao giờ giải quyết được vấn đề tư tưởng.

Đó là điều sai lầm của tôi trong việc phê bình bài “Nhất định thắng” của anh Trần Dần.

Bài “Nhất định thắng” theo ý tôi là một bài có những sai lầm nặng. Cái nhìn của anh Trần Dần trong bài này là một cái nhìn trích thượng mà rất yếu đuối có khi bệnh tật hoang loạn. Giọng nói của anh trong bài này là một giọng nói có khi nặng trĩu chán chường. Hình ảnh miền Bắc trong bài của anh rất là thâm đạm. Hình ảnh đấu tranh của đồng bào miền Nam cũng rất là thâm đạm. Người cầm bút có trách nhiệm không thể dựng lên những hình ảnh như vậy. Dựng lên để làm gì? Nhân dân ta trong cuộc đấu tranh giữ hòa bình giành thống nhất gặp nhiều khó khăn lớn. Nhưng thái độ của anh Trần Dần trong bài “Nhất định thắng” là thái độ của người dao động. Và vì vậy ngòi bút của anh không hiện thực. Cũng có những câu những đoạn anh nói những điều có thể có lợi cho ta. Nhưng ngòi bút của anh sắc sảo và có nghệ thuật khi viết những điều có hại thì lại trở nên nhợt nhạt vu vơ công thức trong những câu những đoạn ấy. Đọc xong cái phần còn lại trong trí người ta chỉ là cái phần âm u thâm đạm còn thì bay đi đâu mất cả. Có người nói: Đó là tại thực tế hay tại anh Trần Dần? Nhưng trong quá trình đấu tranh cách mạng còn có những lúc khó khăn gấp bao nhiêu lần bấy giờ người cách mạng vẫn không thể nhìn theo lối nhìn ấy. Với lối nhìn ấy anh Trần Dần sẽ gieo rắc buồn nản hoang mang. Nhiều câu thơ của anh có sức làm tiêu ma chí khí đấu tranh trong khi mọi người còn phải nỗ lực phi thường để vượt những khó khăn do quân thù để lại. Tác giả có thể có ý muốn khác nhưng tác dụng khách quan của bài “Nhất định thắng” là có hại. Đấu tranh chống lại cái tác hại của bài này là đúng.

Nhưng dầu sao đó cũng chỉ là những sai lầm về tư tưởng. Và tiến hành đấu tranh cũng phải theo đúng phương thức đấu tranh tư tưởng của chúng ta.

Tôi đã không làm như thế. Thường vụ Hội Văn nghệ tổ chức cuộc họp để phê bình bài “Nhất định thắng”. Kể muốn tập trung vào một bài mà phê bình cũng được. Nhưng ý thức của tôi trong khi tham gia điều khiển cuộc họp ấy là muốn cô lập anh Trần Dần và tranh thủ những người khác có bài trong *Giai phẩm*. Cái lối cô lập và tranh thủ ấy dựa trên ý định lấy nhiều người đàn áp một người là một điều trái với nguyên tắc đấu tranh tư tưởng.

Hôm ấy lại không có mặt anh Trần Dần hình như lúc bấy giờ anh còn ở nông thôn nhưng chúng tôi không hề nghĩ đến việc cần phải tìm anh về và mời anh phát biểu. Cuộc phê bình rõ ràng là

không bình đẳng.

Nhất là chúng tôi trong chủ tịch đoàn lại không hề uốn nắn nhiều lời phê bình quá đáng. Nên trước sau hội nghị chỉ phát biểu một chiều.

Tan cuộc họp tôi rất mừng tôi nghĩ rằng do cuộc họp này toàn giới văn nghệ sẽ đoàn kết phấn khởi. Tôi liên hệ đến Cải cách ruộng đất tôi nhớ lại tình hình đoàn kết phấn khởi của nông dân sau mỗi lần đấu tranh với địch. Sự liên hệ này tổ cáo trong tư tưởng tôi đã làm lẫn bạn thù. Anh Trần Dần đối với tôi nghiêm nhiên đã là một kẻ thù không còn nghi ngờ gì nữa.

Vấn sự lầm lẫn nghiêm trọng ấy trong bài phê bình của tôi đăng trên báo *Văn nghệ*. Trong bài này tôi đã nói: tính chất phản động của bài “Nhất định thắng” bài “Nhất định thắng” chứa đựng những tư tưởng phản động v.v... Tôi đã dùng hai chữ phản động không cần nhắc. Nhưng thực ra không phải chỉ là vấn đề dùng chữ. Toàn bài phê bình của tôi đều cùng một tinh thần ấy. Tôi nói tôi không kết luận về người chẳng qua chỉ có nghĩa là tôi không nói anh Trần Dần là ở trong một tổ chức của địch. Kết luận thế nào được? Có chứng cứ gì đâu mà kết luận? Nhưng trong ý nghĩ của tôi thì đúng là địch rồi dầu chưa có thể kết luận là ở trong một tổ chức địch. Tôi nhặt từng câu từng chữ để chứng minh rằng tác giả đã cố ý nói xấu chế độ ta cố ý vu khống miền Bắc. Nay tôi bình tĩnh đọc lại bài “Nhất định thắng” thì thấy tuy có câu không được rõ nghĩa nhưng không có gì để kết luận như thế. Không có chứng cứ mà kết luận như vậy thực là coi rẻ một cách quá đáng sinh mệnh chính trị của một người. Do đâu mà tôi đã kết luận như vậy?

Phải trở lại hoàn cảnh đầu năm nay. Lúc bấy giờ là lúc mới bước vào Cải cách ruộng đất đợt 5 chúng ta bắt đầu đánh vào dinh lũy cuối cùng của đế quốc phong kiến ở miền Bắc. Trước nguy cơ bị tiêu diệt địch phá hoại điên cuồng. Nhưng có khi chúng ta đã đánh giá địch quá cao tưởng chừng như chỗ nào cũng có địch. Riêng trong địa hạt văn nghệ những tin tức về vụ Hồ Phong bên Trung Quốc cũng vừa truyền sang. Trong trí tôi nảy ra ý nghĩ: Trung Quốc có Hồ Phong biết đâu chúng ta lại không có một Hồ Phong. Rồi một số dư luận về những quan hệ gia đình và xã hội của anh Trần Dần trong quá khứ và trong hiện tại tuy không có căn cứ gì nhưng cũng đã ảnh hưởng đến tôi. Hơn nữa cái không khí phẫn nộ chung đối với bài “Nhất định thắng” và một số bài khác của anh Trần Dần như bài “Anh Cò Lắm”^[1] đăng trên báo *Tổ quốc* nhất là việc có người đọc *Giai phẩm* tức quá xé ngay làm cho tôi càng thêm yên trí.

Sự yên trí ấy làm sai lạc cả nhận xét của tôi. Lúc đầu đọc bài “Nhất định thắng” tôi chỉ có cảm giác đây là một tâm trạng âm u điên loạn không chịu được ánh sáng của chế độ ta nhưng chẳng mấy chốc tôi đã chuyển sang nghĩ đây là một sự cố tình vu khống.

Làm cái việc phê bình mà mang sẵn thành kiến trong mình lại dựa dẫm vào ý kiến chung quanh không thực sự cầu thị không bình tĩnh suy xét thì thật là nguy hiểm nhất là khi đứng trong cương vị lãnh đạo thì lại càng nguy hiểm.

Bài phê bình của tôi đăng báo hồi tháng 3 đến tháng 4 Đảng phê bình chúng tôi tôi bắt đầu thấy sai nhưng vẫn xem rất nhẹ cái sai của mình. Sau đó chúng ta học tập nghị quyết của Đại hội Đảng Cộng sản Liên Xô lần thứ 20 một luồng gió mới thổi rất mạnh vào trong Đảng và trong nhân dân. Liên đó là lớp học lý luận văn nghệ do Hội tổ chức; dưới ánh sáng của những nguyên tắc cơ bản về văn nghệ anh em văn nghệ phê bình việc này rất sôi nổi. Lúc bấy giờ tôi mới đo được cái sai lầm của tôi. Nhưng đi theo với những lời phê bình rất chính đáng cũng có nhiều những lời đả kích những lời bịa đặt. Tôi nổi tự ái lên tôi không tự phê bình. Rồi những công việc sự vụ hàng ngày lôi cuốn tôi đi. Tôi cứ thế buông xuôi. Mãi đến hôm Quốc khánh vừa rồi ở Quảng trường Ba Đình trước hàng chục vạn đồng bào Hồ Chủ tịch sau khi nhắc lại những thắng lợi của ta nói rõ ràng cái điều trước đó đã đăng báo nhưng hôm ấy tôi nghe như rất đột

ngọt là ta cũng đã phạm những sai lầm lớn tôi cảm thấy sâu sắc cái vĩ đại của chế độ của Đảng đang vươn mình lên trên mọi sĩ diện tự ái động cơ cá nhân nhỏ nhặt để sửa chữa khuyết điểm khắc phục khó khăn đưa nhân dân đến những thắng lợi mới. Tôi thấy tôi không thể nào không đấu tranh quyết liệt với mình để góp phần vào sự nghiệp chung của Đảng.

Nhưng nghĩ lại đấu tranh với sai lầm của người sao mà tôi vội vàng thế đến khi đấu tranh với sai lầm của mình lại chậm chạp thế? Và cả hai thái độ trên đây đều đã gây rất nhiều tai hại.

Trước hết tôi đã làm cho nhiều người nhất là những bạn đọc ở xa không hiểu rõ đầu đuôi cũng nhận định sai lầm như tôi. Thật là một điều oan ức đối với anh Trần Dần. Không có một chứng cứ gì rõ rệt mà đã bị buộc tội trên mặt báo trước hàng vạn người! Một đồng chí Trung ương Đảng nói: "Gắn một chữ phản động vào tên người ta như vậy là một điều đến mấy đời sau này con cháu người ta còn lấy làm khổ". Tôi rất thấm thía về điều này.

Sự làm lẫn bạn thù trong việc phê bình còn gây một không khí e ngại không có lợi. Có người đã phải nói: "Làm văn nghệ khó thật". Người sáng tác cũng như người biểu diễn có có được cái tư thế của những con người hoàn toàn giải phóng thì công trình sáng tác biểu diễn mới có điều kiện thực sự thành công.

Một điều tai hại hơn nữa là những sai lầm của tôi cùng với những sai lầm khác có thể làm cho một số người hiểu lầm về bản chất của văn nghệ ta là nền văn nghệ hoàn toàn tự do thực sự tự do đầu tiên trong lịch sử văn nghệ Việt Nam.

Những sai lầm của tôi trong cuộc phê bình bài "Nhất định thắng" đối với tôi là một bài học lớn. Cách mạng tháng Tám và liên đó cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc đã chuyển đời tôi và tư tưởng tôi theo một hướng mới: hướng phục vụ Tổ quốc phục vụ nhân dân. Cũng trên hướng đó chỉnh huấn và việc tham gia đấu tranh ở nông thôn nâng con người của tôi lên một bước: tôi bắt đầu nhìn thẳng vào con người cũ ở trong tôi và tôi thấy rõ muốn đi theo hướng mới không thể nào cứ yên ổn xuôi dòng đi xuôi mà phải đấu tranh bản thân quyết liệt. Nhưng con người cũ với các thứ yếu đuối các thứ định kiến các thứ tùy tiện của nó không phải đã chịu nằm im. Việc phê bình có tính chất đàn áp này là một ví dụ. Nhưng Đảng giúp tôi vùng dậy anh em giúp tôi cả bản chất của chế độ dân chủ cộng hòa giúp tôi. Với tôi đây là một cuộc chỉnh huấn mới một lần nữa nhắc tôi không thể nào đi theo hướng mới nếu không đồng thời gạt rữa một số tàn tích trong mình.

[¹] Truyện ngắn "Anh Cò Lắm" đăng trên tạp chí Tổ quốc số 27 ngày 20.1.1956 ký tên Trần Bá Xá. Lúc này Trần Dần đang đi tham quan Cải cách ruộng đất tại Bắc Ninh. Ngày 05.3.1956 tạp chí Tổ quốc số 30 đã đăng bài tự phê bình về "sai lầm nghiêm trọng" là đã đăng truyện ngắn này. Xem: "Truyện ngắn 'Anh Cò Lắm' và việc tạp chí Tổ quốc tự phê bình" talawas 30.5.2008 (talawas).

Lời dẫn của talawas: 1956 là một năm bản lề đối với toàn bộ khối XHCN trước đây. Đại hội 20 của Đảng Cộng sản Liên Xô cuối tháng Hai 1956 với "Báo cáo mật" của Nikita Khrushchev về những tội trạng của Stalin mở ra một giai đoạn "tan băng" ngắn ngủi nhưng cũng đủ để dẫn đến những biến động quan trọng trong các nước XHCN. Tháng Tám 1956 Hội Văn nghệ Việt Nam tổ chức một lớp học 18 ngày về đường lối cải cách chống tệ sùng bái cá nhân tại Liên Xô. Trong chừng mực nào có thể xếp phong trào *Nhân văn-Giai phẩm* tại Việt Nam vào bối cảnh quốc tế do sự kiện nói trên mở ra đó là đề tài còn cần được nghiên cứu. Trong loạt tư liệu do Lại Nguyên Ân sưu tầm và biên soạn sau đây chúng tôi xin giới thiệu một số bài đăng trên báo *Văn nghệ* trong khoảng thời gian từ tháng Tám 1956 đến đầu năm 1957 với thư kí toà soạn

là Nguyễn Đình Thi. Đây cũng là giai đoạn mà các số *Giai phẩm* và 5 số *Nhân văn* ra đời. Số *Giai phẩm mùa Xuân* đầu năm 1956 bị tịch thu cũng được in lại trong thời gian này. Nguồn: Báo Văn nghệ Hà Nội s. 139 (20.9.1956) tr. 2. Lại Nguyên Ân biên soạn.

Thi sĩ giả - thi sĩ thật

(Trích từ di cảo Trần Dần)

Những ghi chép trong di cảo, đọng lại như một tập tiểu luận đặc sắc của thi sĩ Trần Dần. Những ghi chép vẫn còn ở dạng bản thảo sơ khai trong sổ tay, xin giới thiệu những thao thức của ông như là những ý kiến thảo luận về "nghệ thuật" thơ vốn dĩ đầy vất vả, gian nan.

Thơ là gì?

- Người bảo Thơ là đẹp

Người bảo Thơ là chân lý

Người bảo Thơ là sự thực

Người bảo Thơ là cuộc đời

Người bảo Thơ là yêu đời - là ghét đời.

Bao nhiêu định nghĩa.

Cứ định nghĩa ra, đem mà mổ xẻ lý lẽ thì lại thấy không đúng, không phải hoàn toàn là Thơ.

(...)

- Thơ là nơi xã hội, loài người sử dụng cao độ toàn bộ khả năng của mình.

Trong thơ, nhân loại yêu ghét giận hờn, ao ước, mộng mị, suy nghĩ. Nhân loại biến hóa: Sống chết, luân hồi, tái sinh nhân loại mọi mặt: Triết học, chính trị, quân sự, kinh tế, thiên văn, cả bói toán, tử vi v.v... cho nên Thơ tức là một thứ biểu hiện cao độ, toàn bộ, đầy đủ và trọn vẹn của nhân loại.

Thơ có phải vì vậy mà là đệ nhất hạng, trên hết không? Nghe định nghĩa trên, ôi cán bộ đã lo:

Đặt thơ ra ngoài, và cao hơn chính trị! Không phải.

Ví dụ bộ óc chỉ huy con người, nhưng bộ óc chỉ là một phần, cả người mới là con người. Cũng như chính trị chỉ huy Thơ, nhưng chính trị chỉ là một phần của xã hội, mà Thơ mới là mọi mặt trọn vẹn của xã hội.

Nghề làm thơ

- Làm thơ: Một nghề nghiệp khó khăn. Nhiều vinh nhưng mà nhục nhiều hơn.

- Khó khăn nhất là gì? Chỉ xét riêng về mặt sinh nhai thì thơ là một nghề khó kiếm sống. Bài thơ là thứ hàng rẻ nhất, tuy rằng làm nó tốn tiền nhất.

Ví dụ 3 tháng liền ra bờ hồ, tốn khá nhiều nước, khá suy nghĩ, tôi mới lấy được một bài "Chuyện một người thi sĩ ngồi cả đêm bên nước Hồ Gươm". Chưa có ai mua, mà có mua thì cũng không đủ tiền vốn? - Vậy thì bó buộc người thi sĩ phải có một thứ nghề khác kiếm ăn hàng ngày.

Thơ là mục đích mà phải thành nghề tay trái... Làm nghề khác chỉ là một phương tiện, nhưng hóa ra phương tiện trùn sang tay phải, choán cả mục đích.

(...)

Nhưng tóm lại vẫn là một nghề khó sống.

Một bài nhạc, một bức họa, một cái truyện ngắn truyện dài, một cuốn tiểu thuyết được săn đón, in nhiều, giá cao hơn gấp trăm lần...

Bên trọng, bên khinh một vực một trời.

Chưa nói là hay dở, nhưng cứ nghe chữ thơ thì nhà xuất bản lãnh đạm hơn là văn hay các thứ khác...

Họ lo bán ế...

(...)

- Đến cái chuyện dịch thì thơ cũng lại là một món khó dịch nhất. Thơ tầm thường không những là dễ bán hơn mà dịch ra tiếng ngoài lại dễ hay mới lạ chứ!

Còn thơ hay đã là một chuyện khó bán, lại còn khó dịch. Vì thơ hay là hiếm, thi sĩ hay là hiếm, người dịch được thơ hay lại càng hiếm.

Thần thì dễ bán dễ dịch

Chữ thơ thì khó bán, khó dịch.

- Nhà xuất bản sợ cái gì nhất?

- Sợ Thơ nhất

- Vì sao?

Đó là một sự méo mó nghề nghiệp. Họ tính việc buôn nhiều, bụng dâm hẹp, trí dâm mờ, óc dâm ngu. Hóa ra không dám buôn thơ, mà chính ra là một món rất có lãi nếu mà biết ra.

- Trong các thứ sĩ, không có ai bị nhiều thành kiến hơn là thi sĩ. Anh đi hỏi vợ mà xưng là thi sĩ thì người ta hết vía.

- Một triệu con gái may mới có được dâm cô là thực biết yêu thơ, yêu cả thi sĩ...

Còn đa số hoặc là yêu thơ không, hoặc là yêu thần thì nhiều.

- Anh mà xưng thi sĩ, người ta sẽ nhòm từ cái tóc, cái lông mi của anh.

- Đối với dư luận thi sĩ có nghĩa là vợ vắn, mơ màng, lôi thôi, không có ích gì.

Mà khổ nhất là có thể thực.

Vì đa số là bọn thi sĩ ăn hại, đúng như dư luận đánh giá và còn tệ hơn nữa - Có một số là thi sĩ thực thì cũng lắm tật như thế, còn có thể có những tật kinh khủng nữa. Đó là cái tật của người có tài. Nó như là cái tất nhiên của nghề nghiệp. Nghề này thì lấy ông này tiên sư!

Sứ mệnh người - sáng - tạo

- Người thi sĩ đã là người phải chịu nhiều thành kiến, khinh bỉ. Người thi - sĩ - sáng - tạo - nữa thì không còn để đâu cho hết thành kiến, khinh bỉ.

- Nhiều thi sĩ giả - Ít thi sĩ thực.

Người thi sĩ thực nào cũng là một người sáng tạo.

- Thi sĩ giả lắm hình lắm vẽ, nó có cả hình vẽ sáng tạo nữa.

Người sáng tạo lắm hình lắm vẽ - nó có cả hình vẽ giả tạo nữa. Cho nên sự phân biệt thực khó khăn.

Phải có quần chúng đồng đảo, kinh qua thời gian, tức là phải có lịch sử mới xét được, đó là một thứ quần chúng không nhầm.

- Người Sáng tạo là đại biểu cho Tương lai. Nên hẳn mâu thuẫn rất mạnh với Hiện tại.

- Người Sáng tạo chỉ làm chủ được ở Tương lai. Còn ở hiện tại, hẳn phải chịu như là thua, nhường cho những kẻ tầm thường khác làm chủ.

- Nếu có chịu được búa rìu của thành kiến mới có thể làm người sáng tạo được. Phải có dạ lim trí sắt.

Phải có gan đứng lên trên dư luận, chửi mắng, mưa bão. Phải biết đạp mưa xéo gió. Phải phá vỡ cái luân - lý - hiện - hành, những nguyên tắc tục lệ hiện nay đang làm chủ. Đó là bỏ cái ba lô của hiện tại, mới có thể xốc tới tương lai.

- Số phận người sáng tạo bao giờ cũng phải chịu hiểu lầm, chịu những sấm sét của cái cũ nó phản công.

Vì người sáng tạo là kẻ thù không đội trời chung của cái cũ. Mà cái cũ nó không chịu chết ngay, nó nhiều kẻ độc, hại ngầm và hại ra mặt.

- Cái mới, cái cũ là rất khó phân biệt.

Cái cũ nó muôn hình vạn vẻ, nó có cả hình vẽ của cái mới.

Cái mới có muôn hình vẻ, có khi tưởng như cả hình vẻ của cái cũ nữa.

Phải có con mắt tinh đời

Phải nhiều con mắt tinh đời

Phải dài thời gian để cho những con mắt càng trở nên tinh đời. Tức là phải trải qua lịch sử mới đoán xét công minh được.

(...)

- Cái mới ở trong văn nghệ cũng như mọi cái mới, nhiều khi nó không được đẹp đẽ, còn thô thiển, méo mó có khi. Vì nó là một cái thai đang thành. Một cái mầm đang lớn.

- Đừng có mơ tưởng một cái mới toàn diện.

Ví dụ thơ hay mọi mặt. Mỗi thời kỳ có một trình độ nghệ thuật, tư tưởng nhất định. Trình độ đó có nhiều mặt ví dụ tư tưởng thì một triệu thứ tư tưởng, và nghệ thuật thì cũng hàng triệu vấn đề.

Mơ tưởng một cái mới toàn diện, thỏa mãn một triệu thứ tư tưởng, một triệu vấn đề nghệ thuật là một điều vô lý, như cời mặt trăng.

Cho nên cái mới có nhiều cỡ, nhỏ, lớn khác nhau. Một người thi sĩ mới ít nhất cũng là một người thi sĩ thỏa mãn khá nhiều quần chúng về tư tưởng và nghệ thuật. Chứ không phải thỏa mãn hết. Mà cũng không phải chỉ thỏa mãn một vài điểm thôi.

Quần chúng rất sung sướng có một người thi sĩ nào: Vui, buồn, giận dữ, mơ mộng, ngậy thơ lại đĩnh đạc, thực tế lại bay bổng, một người thi sĩ có mặt ở nhiều nơi nhiều chỗ.

Những chỗ cần yêu, cần ghét, cần can đảm, cần thù hằn, cần mỉa mai, cần đùa nghịch, những chỗ vấn đề chung, vấn đề riêng, chỗ nói lớn, chỗ nói nhỏ tỷ tê, một người thi sĩ như vậy thật là mới đáng mặt sáng tạo, mới mẻ, khổng lồ, vô địch.

Mà như vậy vẫn không sao thỏa mãn hết mọi nhu cầu của quần chúng.

Cho nên người thi sĩ lớn nhất cũng vẫn phải thấy sự cần thiết, lý do sinh tồn của những thi sĩ nhỏ tầm thường khác. Chẳng nên khinh. Một mình người sáng tạo lớn nhất vẫn là không đủ.

Nhưng những thi sĩ nhỏ cũng không được thỏa thuê, mãn nguyện, không nên vinh thân phì gia ở địa vị thi sĩ chuột nhắt. Khổ cái là họ hay thỏa mãn trong cái tầm thường và ghen tỵ với cái khác thường.

(...)

Mưa, sấm đang đổ lên đầu họ.

Anh nào qua được mưa sấm mà không chết là đã có thể có quyền tự hào là mình có đôi ba ít chất mới được.

Vì còn nhiều trận nữa, thua lỗ còn nhiều.

Ai tới được trận cuối, mà thắng, dù gục ngã, khi đó mới có thể nhìn thấy rõ được là người thi sĩ mới.

- Người thi sĩ sáng tạo không theo lệ nào, người nào, luật nào cả. Chính bản phận anh là tìm ra những lệ mới, luật mới, tự mình thành ra một người mới, để cho một số người khác theo.

- Người thi sĩ muốn trở nên sáng tạo thì việc chính là phải giết tâm mình đi để làm sáng cái tâm nhân đạo của mình.

Chọc mắt cho mù, để mà nhìn thấu bốn cõi.

Đập óc cho vỡ, để mà thấu luật nghìn đời.

Thơ không còn là thơ nữa, mà là một sự nhận thức đầy đủ trọn vẹn, mọi mặt về con người, sự sống, vũ trụ và xã hội.

Thơ thành sấm truyền, nó truyền sấm cho đời người. Người ta học ở đó, buồn vui ao ước ở đó, giải quyết các việc lớn nhỏ là nhờ ở đó.

Cuộc sống sống được là một phần nhờ ở đó.

Người thi sĩ thành ra một thứ lãnh tụ của cuộc sống. Một thứ bác học. Một thứ triết gia. Một thứ chính trị gia. Một thứ tình nhân. Một thứ người yêu. Một thứ người thầy, người anh. Cũng là một thứ người con, người em đáng mến.

Cái nghiệp đau khổ của người sáng tạo như đã nói, là một thực tế hàng ngàn năm nay - Ôi người đã rơi đầu chảy máu chỉ vì đã tìm ra chân lý mới.

Nhưng còn một sự thực khác phải nhìn thấy: là quyền người sáng tạo được bảo đảm dần dần. Sự tổ chức và cách giải quyết của xã hội về mặt ấy có tiến bộ.

Đến chế độ dân chủ đã khá hơn. Tương lai xã hội chủ nghĩa cộng sản chủ nghĩa ắt hẳn khá trội hẳn lên, có thể giải quyết triệt để được không? Tôi cũng tin ở điều đó. Nhưng còn hiện nay thì chưa phải là đã giải quyết căn bản hợp lý. Cái nghiệp đau khổ của người sáng tạo còn nặng nề. Ngày nay không còn chuyện Tào Tháo chém đầu Hoa Đà (vì Hoa Đà định bỏ óc Tào Tháo, giải phẫu chữa bệnh) cũng không còn chuyện bỏ tù Gallile (vì anh ta tìm ra chân lý Trái Đất quay)... Nhưng vẫn còn chuyện Maiakovsky, suốt một đời, mưa vùi gió dập, kết thúc bằng tự vẫn (1930 vì thơ anh ta vượt quá xa đỉnh đầu thời đại anh ta...)!

Chúng ta những người cộng sản, vẫn chưa giải quyết được vấn đề đó - chưa đảm bảo được vô điều kiện cho người sáng tạo. Vì nhiều lẽ. Lo rằng có bọn giả tạo nó lộn sòng cũng là một lẽ.

Điều kiện thực tế là lẽ chính.

(...)

- Phá công thức! Phá những cái gì?

Người sáng tạo phá những công thức trở ngại cho sự sáng tạo của mình,

- Công thức tức là bóng đen dĩ vãng còn bám chặt ở hiện tại, ngăn bước tương lai.
- Công thức là cái cũ, sắp chết, mà lại còn uy lực.
- Công thức là sự vô lý, vô lý nhất là nó vô lý mà lại có quyền.
- Công thức tức là trình độ trung bình, cái mức chung một thời đại tức là luân lý hiện hành.
- Người sáng tạo không phải là người đầu cao rửa lông.

Hắn chui từ đất bụi xã hội mà ra, còn lấm láp, lem luốc. Đó là một loại sen rất khỏe.

- Tại làm sao lại có những người sáng tạo?

Thực là một câu hỏi khó, vì nó dớ dẩn. Thử hỏi lại tại sao có người thường, người kém?

Nhân loại như vậy có ba hạng: khá - thường - kém.

Mỗi ngành hoạt động của nhân loại cũng 3 hạng: khá - thường - kém.

Người sáng tạo là người rất hiếm có ở trong số người khá, đó là người khá nhất.

Người khá là lực lượng *Tương lai*.

Người thường là lực lượng *Hiện tại*

Người kém là lực lượng *Dĩ vãng*.

Họ đều mâu thuẫn hạng này với hạng kia, và trong từng hạng một, dù là giữa hai người, và cả ở trong từng người nữa.

Đó là một sự thực chúng ta chiêm nghiệm thấy.

(...)

- Sự liên quan giữa cái mới và cái cũ!

- Cái mới từ cái cũ mà ra: Không phải trên trời rơi xuống. Không phải từ đầu người nào chui ra. Cái mới nảy nở từ cái cũ, cái mới chui ở bụng xã hội cũ mà ra. Cái mới rất là trần tục (tenestre) như vậy.

- Cái mới mâu thuẫn với cái cũ, càng mới bao nhiêu thì mâu thuẫn càng nặng càng sâu. Xã hội cũ đẻ ra cái mới, tuy là đẻ ra đứa con, nhưng cũng lại là đẻ ra kẻ nó chôn mình đi. Đó là chuyện người con chôn bố mẹ, người mới chôn người cũ.

- Cái cũ phản công mãnh liệt với cái mới. Tùy sức của cái cũ càng cũ, cái mới càng mới thì sự phản công càng mãnh liệt. Được thua là do lực lượng hai bên quyết định (là chính), cũng còn do thời thế (là phụ).

- Cái mới tấn công cái cũ. Tùy theo sức lực mà tấn công. Cũng còn tùy thời thế. Có khi cái mới còn non mà thắng cái cũ.

- Có người sáng tạo nào thành công tức khắc được không? Được hiểu ngay, tránh được giông bão không?

- Không bao giờ.

Vì nói vậy tức là không hiểu rằng:

- Sáng tạo là mới. Mới mâu thuẫn với cũ.

Tương lai mâu thuẫn hiện tại, càng mâu thuẫn với dĩ vãng.

Sự ngoan cố của cái cũ nó vô bờ vô hạn.

- Người sáng tạo cư xử thế nào với những hiểu lầm, khinh miệt?

Tùy trường hợp, không câu nệ, không vạch hết được. Mỗi một kiểu sáng tạo có những cản trở riêng của nó, và cách giải quyết riêng. Người sáng tạo không chấp nê mà còn sáng tạo cả cách giải quyết nữa.

Nhưng có một điều rất rõ là người sáng tạo không bao giờ chịu thua cản trở, dù oái oăm tai ác đệ nhất.

Vàng thử lửa mới biết. Cái anh sáng tạo giả thì chỉ một cơn mưa là đã đủ tả tơi, lại quay thụt về số phận không sáng tạo của anh ta.

Còn người sáng tạo thì càng khó anh ta càng rắn. Càng lửa anh ta càng cao tuổi vàng. Càng sóng gió càng vững lái. Sức phản công càng mạnh, anh ta tấn công càng dữ dội.

- Người sáng tạo phải hy sinh những gì?

Phải hy sinh hiện tại với những quyền lợi của nó (quyền hành, uy tín, bổng lộc xã hội v.v...).

Sự hy sinh đó thời gian dài ngắn tùy theo nhiều yếu tố (cỡ sáng tạo, trình độ cách xa thời đại, lực lượng của cái cũ, lực lượng cái mới ở bản thân người sáng tạo và trong xã hội - thời cơ...).

Sự hy sinh nặng nhẹ cũng theo những yếu tố đó.

Có khi hy sinh cả tính mạng. Có những trận người sáng tạo chỉ thắng được nếu mà anh ta gục ngã.

- Người sáng tạo có được hoan nghênh ngay khi còn sống không? Hay chỉ sau khi chết?

Tùy theo những yếu tố đã nói.

Chứ không cố định thế nào được.

Maiakovsky thành công sau khi chết.

Pauchkine, Nguyễn Du lại thành công ngay khi còn sống.

Nhưng không bao giờ là tức khắc thành công, tức khắc là hợp với hiện đại.

Các nhà khảo cứu cũng nên xem thử có một cái thời cơ nào, bất ngờ mà tạo nên được cái thành công tức khắc ấy?

Trần Dần lao động và sáng tạo không ngừng. Những đóng góp của ông cho văn học cuối cùng đã được ghi nhận: tác phẩm "Cổng tỉnh" được xuất bản năm 1994 sau đó được "Giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam", năm 2007 ông được truy tặng "Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật", năm 2008 giải "Thành tựu trọn đời" của Hội Nhà văn Hà Nội và năm 2009 tác phẩm "Trần Dần - THƠ" do Nhà xuất bản Đà Nẵng và Nhã Nam xuất bản năm 2008 được trao "Giải thưởng Văn học Nghệ thuật Thủ đô".

* Tên chung cả loạt bài do Tiền Phong cuối tuần đặt

Phụ đính I:

Ghi (1954-1960)

Thành công lớn nhất của guồng máy là đã đánh vào những yếu tố thiêng liêng nhất của con người: đánh vào tình bạn, tình người, đánh tan tác hết.

Những người nhân văn không chết, nhưng họ bị rút máu, rút gân, rút dần sinh lực. Họ đều rời rã, đều muốn hàng. Nhiều người đã đầu hàng, trong đó có Trần Dần. Họ muốn được lãnh đạo

thương xót, họ muốn được lãnh đạo đóai hoài. Họ đã xuống đến đáy vực, họ chịu hết nổi. Họ sẵn sàng "chút lòng trinh bạch từ nay xin chừa" nhưng người ta vẫn lạnh lùng quay đi. Người ta vẫn không cho ngoi lên. Cái phận người nhỏ nhoi. Phận người nhân văn bị sa lầy, lún xuống, trong thời không nhân văn của dân tộc mình. Câm và điếc. Như đã chết.

(Thụy Khuê, NVGP & vợ NAQ)

Trần Dần
Ghi 1954-1955

12-14.9.1954

Một vấn đề cần nghiên cứu: Quy luật của cuộc sống trong Chiến Tranh chuyển sang Hoà Bình.

Từ ngày hôm qua sang ngày hôm nay là chuyển hẳn từ hai chữ Chiến Tranh sang hai chữ Hoà Bình. Những tiếng đồng hồ này nó có một giá trị đặc biệt. Dần dần người ta mới thấy giá trị của những tiếng đồng hồ đó. Số mệnh, nhiệm vụ của hàng triệu con người thay đổi hẳn. Nhưng [...] sự thay đổi nó dần dà, góp gió góp gió mãi, tôi đợi một cơn Bão chưa lên.

Tôi đã thấy những gì? Những ngày cuối Chiến Tranh, những ngày đầu Hoà Bình tôi đã nghĩ rất nhiều. Tôi nghĩ đến công tác, đến đời sống của tôi. Tôi nghĩ trong chiến tranh tôi đã làm được những gì? Khó trả lời quá. Tôi đã mất những gì? Tôi đã được những gì? Sao tôi thấy những cái được ấy nó chua xót quá. Tôi được những cái mà nghĩ đến là kèm theo những suy nghĩ, những im lặng, những khó nói, nếu không phải là những mất mát, những buồn bực, chua xót và thờ dãi. Bài thơ tôi mới làm đây có người bảo là bi quan, có người bảo là loạn quá. Tôi được những câu thơ như vậy chăng? Xưa kia tôi là một thằng bất phương, vô chủ nghĩa. *Je m'enfoutist*. Vào chiến tranh có nhiều lần nhiều lúc tôi học làm một anh không bất phương nữa. Không *m'enfoutist* nữa. Mà cố học trách nhiệm, cân nhắc, chú ý... Tôi đã gạt bỏ những điều tôi biết, cả đúng lẫn sai. Tôi định *simplifier* tôi đi, giản đơn hoá. Tôi nói "Không" với dĩ vãng và "Ừ" với mọi điều người ta nói với tôi. Nhiều buổi tôi đã thành một người máy móc hẳn hoi. Và những ngày ấy tôi không sáng tác gì nữa. Tôi có một mâu thuẫn chưa giải quyết được. Là xu hướng của tôi đòi hỏi một thứ Thơ khác, nó trái ngược với sự đòi hỏi về Thơ của xung quanh, cấp trên và bạn bè.

Tôi nói về Thơ nhiều.

Vì đối với tôi, đó là vấn đề sinh tử, ước mơ và nguyện vọng, chủ nghĩa và lý tưởng, đời sống và nghệ thuật, Thơ đối với tôi có nghĩa của chữ Cách Mạng, chữ Đấu Tranh, chữ Cuộc Đòi, chữ Giai Cấp của tôi. Cho nên Thơ tôi thế nào, làm được hay bế tắc, làm hay hay làm dở, - đó tức là trả lời những câu hỏi: tôi đã làm gì trong chiến tranh? tôi đã được và đã mất những gì?

16-17.9.1954

Trong chiến tranh người ta ít có thời giờ để mà ngẫm cho sâu. [...] Người ta không có thì giờ hút một điếu thuốc cho xong. Khói chưa tan, óc người ta đòi bận ngay việc khác. Thật là một cuộc sống hốt hải. Trong chiến tranh người ta như là người đi trong Bão. Như người bơi trên biển, vật cùng sóng gió. Như người xông vào đám cháy làng dập lửa. Người ta sống vội vã, người ta bắt tay nhau trên đường công tác, [...] người ta ghé vào thăm nhau giầy lát, [...] người ta rất yêu nhau nhưng phải từ chối nhau cả từng phút nghĩ, mắc dầu anh cơn sốt chưa lui. Người ta nói với nhau chưa xong hết ý, thôi, cầm súng xông ra mặt trận, [...] Anh cán bộ có một lối, gọi là động viên xổi, cho những anh lính đang sạch tinh thần xách súng ra đi. Anh vẫn công

vừa nghe "chính ủy đã thông", vừa làm một bài thơ, một câu hò, thậm chí một bài hát phổ lời chỉ thị. Chúng ta hãy cố kể lại những mẩu chuyện lạ kỳ như vậy mà xem. Trong sinh hoạt, trong công tác của chúng ta những buổi chiến tranh, có phải nó giống hệt như gió lốc trong những ngày giông tố?

Ban sớm tôi họp. Ban trưa về viết chỉ thị. Gặp anh hay gặp chị để "đã thông nhau". Ban chiều tôi họp phổ biến, chúng ta đặt kế hoạch nào. Xẩm tối tôi tự phê bình trong tổ 3. Hôm nay còn sót mấy việc. Ban đêm tôi còn họp. Trong giấc ngủ tôi xếp công việc của ngày mai. Cuối tuần tôi tự phê bình: chưa tranh thủ lắm. Tôi tự phê bình nhiều quá: Kém đi sâu! Cái lỗi đó ngàn lần tự phê, ngàn lần không sửa nổi...

Tôi viết thư cho em: anh không hẹn được trước. Gặp gỡ là cầu may.

Tôi viết thư cho bạn: tao bận quá. Nhưng cũng nhận lỗi là lười viết thư cho mày.

Tôi quên chưa nói: Làm sao tôi mất cả thói quen nhìn trời đất khi nào không biết? Chúng ta lại có lần đã đồng ý với nhau: không phong cảnh gì nữa, đấu tranh thôi, con người thôi. Thật là một chuyện tối vô lý. Cái người nhìn phong cảnh, tôi tưởng là một người có tâm hồn yêu ghét sâu xa, vậy mà có lần chúng ta đã cho họ là viễn vông!

À cũng có lần tôi cố viết nhật ký, - định ý rằng để mài giũa tâm hồn. Việc đó tôi cứ quyết làm đi làm lại, nhưng mà sao quyển nhật ký của tôi nó cứ biến thành quyển sổ công tác, ghi những hội ý, kế hoạch... lúc nào không biết? Quyển sổ mới ghi lắm vấn đề vậy, công việc dự làm, công việc đã làm, công việc để nghiên cứu, và rất nhiều công việc rất cần, - ghi cẩn thận mà không làm xuể...

Chúng ta hãy nghĩ lại mà xem. [...] Người ta làm việc và làm việc. Họp và họp. Đánh và đánh. Học và học. Sinh hoạt và sinh hoạt. Kiểm điểm và kiểm điểm. Đã thông và nghe đã thông. Tôi tính thử những cuộc họp trong 1 tuần lễ: họp tổ 3, họp cán bộ, họp tổ Đảng, họp tiểu đội, họp toàn ban, họp đại đội. Mỗi cuộc họp kèm theo dăm bảy cuộc hội ý. Hội ý thì nói rằng chớp nhoáng, nhưng sự thực đúng là những cuộc họp, thường thường kéo dài hàng giờ thành những cuộc họp đội lốt hội ý cho người ta đỡ ngại. Tôi tính thử, dù cứ cho là hội ý chớp nhoáng, cộng lại cũng thành một cái không chớp nhoáng. Hội ý cán bộ, hội ý đảng viên, hội ý tổ trưởng, hội ý chỉ ủy... Tôi không muốn tính nữa. Tôi không hiểu tôi đã làm như thế nào? Vì tính ra một tuần có 7 ngày, một ngày 24 tiếng, thì thật không đủ ngày giờ mà xếp những cuộc họp và hội ý đó vào. Chúng ta không có lạ gì nữa nếu như nhiều cán bộ của ta, nhiều anh không đủ thời gian. Và tất cả là thiếu máu. Chúng ta cũng không lạ lùng gì nếu người ta trách cán bộ mình kém sâu sắc, ít sát quần chúng, nhiều anh đã trở nên máy móc và khô khan thực sự. Vì những nét xấu đó là một lẽ tự nhiên. Cuộc đời anh chật ních những họp hành, tháng năm mòn trong những hội nghị. Tôi nói vậy không phải là phản đối họp, - tôi thấy nó rất cần. Nhưng tôi nói vậy tức là tôi phản đối chiến tranh. Và tôi cũng phản đối họp nhiều, nó có nghĩa là chúng ta bị động với chiến tranh, chúng ta không làm chủ được nó.

Một đôi khi người ta cũng dành thời giờ viết một vài bức thư cho bạn, cho vợ, cho bố mẹ. Tôi đã đọc nhiều lá thư, anh cán bộ viết cho vợ đề 1, 2, 3... vài câu cộc lốc. Người ta cũng coi thư từ như một cuộc họp vậy. [...] Tôi lại cũng đã được đọc một số ít những lá thư dài 6, 7 trang, đã ngạc nhiên sao có người lại có thì giờ viết như vậy. Tôi đọc những lá thư ấy và thấy nó giống như một bài báo rất dở, không tờ báo nào có thể dùng. Hoặc như bài diễn thuyết của một anh cán bộ rất là xoàng.

Trong chiến tranh đôi lúc người ta cũng cố giành lấy thời gian mà nhìn một vì sao, mà nghĩ tới

quê hương, nghĩ tới tương lai, nghĩ tới những ngày chiến thắng về sau đây...

Nhưng mà có người gọi đi họp rồi. Kềng báo đi tập trung sinh hoạt và học hát. Hoặc giả dụ cũng không có việc gì, nhưng cái óc người ta đã quá quen cái nếp vội vàng. Nên người ta cũng chỉ nghĩ thật là hốt hải, nông cạn và cụt lùn. "Sau này tha hồ mà sướng!", nhưng mà sướng thế nào? "Tương lai sẽ lấy vợ!" "Quê tao bây giờ tan nát cả." Nhưng mà tôi với bạn đều không kịp thắm thía cho sâu vào những chữ "tương lai" và những chữ "tan nát"... Chúng ta còn lắm việc. Tôi với bạn xoay ra bàn công tác hay đã thông nhau một vài vấn đề còn đang rớt lại.

Cho nên [...] tôi hoàn toàn đồng ý với những nhận xét là "trong chiến tranh tình cảm con người bị mòn mỏi", hoặc "trong chiến tranh người ta cuốn nhau vào một cuộc sống sôi nổi nhưng nông cạn, một cuộc sống rộng rãi nhưng thiếu chiều sâu".

Cho nên tôi hiểu vì sao người ta ham đọc tiểu thuyết Liên Xô. Những người Liên Xô đã chiến tranh trước chúng ta, trong chiến tranh họ cũng đã sống như ta, nhưng sau chiến tranh họ đã có thì giờ mà suy nghĩ về chiến tranh, họ đã suy nghĩ tới mức tiểu thuyết. Và những tiểu thuyết đó đã giúp chúng ta chiến tranh cho sâu sắc hơn rất nhiều.

Cho nên tôi cũng hiểu vì sao chính từ ngày Hoà Bình trở đi, người ta mới vỡ ra nhiều lẽ. [...] Hết chiến tranh người ta mới bắt đầu hiểu chiến tranh. Tôi đang bắt tay vào việc tìm tòi những quy luật cuộc sống trong chiến tranh.

Cho nên tôi cũng hiểu tại sao trong chiến tranh, người viết cố tìm ra nhiều hình thức gọi là đột kích, kịp thời. Có thể nói dứt khoát rằng, chúng ta chưa có làm cái việc sáng tác (hiểu theo đúng nghĩa) trong chiến tranh. Bây giờ mới là lúc chúng ta bắt đầu sáng tác.

Người ta nói "chiến tranh rèn luyện con người". Vậy mà sao tôi nói toàn những mất mát, mòn mỏi, nông cạn, hốt hải? Tôi nghĩ rằng người ta nói vậy cũng không sai, và tôi nói vậy cũng rất đúng. [...] Hôm qua chúng ta rất rất anh hùng. Chúng ta nhịn đói. Chúng ta mặc rách. Chúng ta làm việc không cần cả những điều kiện tối thiểu của việc đó nữa. Chúng ta đã trút bỏ đi nhiều tính xấu, tính cầu an, tính ích kỷ, tính nhút nhát. Chúng ta tự dưng và có chủ ý đào luyện chúng ta thành những người can đảm, vị tha, hành động quên mình. Chúng ta được một cái rất quý là chúng ta...

Nhưng mà tôi nói chúng ta mất mát và mòn mỏi. Không kể những mái nhà, sức khoẻ, tuổi trẻ và gia đình, không kể của cải và thể chất. Tôi nói đây là nói tâm hồn, nói sự suy nghĩ, tôi nói tình cảm, tôi nói đời sống tâm tưởng của từng người. Và tôi nói là mất nhiều và mòn nhiều. Những ví dụ cụ thể tôi kể trên kia là những chứng minh. Sự thực đó nói nhiều lắm, và sự thực còn gấp bội, những ví dụ tôi đưa ra còn mờ nhạt và rụt rè.

Có những ngày máy móc, nhiều anh bạn máy móc đã nói với tôi là tả "con người hành động". Cái ý đó không sai, nhưng nó sai ở cái nội dung bạn tôi gán cho chữ "hành động". Tôi nghĩ rằng tả con người chúng ta thật đúng phải là những người đại suy nghĩ mà lại đại hành động. Chúng ta hãy xem thơ văn chiến tranh của chúng ta. Chúng ta thấy chúng ta vào khói ra lửa, sinh tử không sờn, chúng ta thấy chúng ta hành động ghê gớm lắm. Nhưng có điều buồn là chúng ta không thấy chúng ta! Chúng ta không nhận những con người hành động như vậy là mình! Cái đó là văn thơ. [...]

Chiến tranh rèn luyện. Chúng ta được nhiều điều. Nhưng [...] tôi nói nó là bộ xương. Chiến tranh làm chúng ta rắn xương rắn thịt, làm cho tâm hồn chúng ta có hình cốt, có cái khung rất tốt rất bền. Nhưng bạn đừng có mắc sai lầm bảo rằng bộ xương là người, hình cốt và cái khung

là tâm hồn ta rồi đó. Nói vậy là một sự dối trá, là nói theo đà một kiểu lý luận trừu tượng mà thôi, dù có hay bao nhiêu cũng vẫn là không có sự thực. [...] Tôi nghe bạn nói hay, nhưng tôi còn nghe sự thực hơn là nghe lời bạn.

[...] Cho nên bạn nói Chiến Tranh rèn luyện; - bạn cần nghĩ thêm Hoà Bình cũng rèn luyện, mà còn rèn luyện hơn là chiến tranh nữa. [...] Tôi chắc những người nào thực tế một chút đều công nhận như vậy. Bất đắc dĩ dân ta mới chiến tranh. [...] Chứ chúng ta không bao giờ muốn chiến tranh để rèn luyện chúng ta cả. [...] Tôi nghĩ rằng, 9 năm nay chúng ta kiến thiết Hoà Bình nhất định hơn là 9 năm nay chúng ta cần rằng mà kháng chiến. Không phải chỉ hơn về vật chất, mà nhất định kèm theo cái hơn về vật chất đó còn cái hơn về tâm hồn. [...] Chúng ta có những nhà máy, [...] chúng ta lại có những hiệu sách đầy sách, những nhà xuất bản chạy không kịp đòi hỏi của quần chúng, những cuộc triển lãm mùa thu, những cuộc tấu nhạc, [...] chúng ta lại có những người nông dân đang học chỉ huy máy cày, nói chuyện triết lý, chuyện kỹ nghệ và đọc được những tiểu thuyết và triết học Mác... 9 năm nay đáng lẽ như vậy. [...] Tôi đặt mức con người chúng ta như vậy.

10.10.1954

Bắt đầu đi ^[1] .

Đại Từ. Ngủ Na Phạc.
Na Phạc. Ca Bình.

[...] Ốc còn đang nghĩ về thuyết minh phim ĐBPh và nghĩ về bài thơ Chiến tranh và hoà bình. Làm thế nào trong khi sáng tác và tổng kết về những cái cũ lại phải tích lũy được cái vốn mới? Làm việc về chiến tranh phối hợp với làm việc về hoà bình?

Người sáng tác lớn lên bằng những công việc sơ kết tổng kết cá nhân. Nhưng không có tích lũy thì lấy gì sơ kết? Không nên để nó tự vào, tự ra... Phải biết rằng kim cũng chỉ là than đá kết tinh. C (...) *pur, mais C simplement.*

Hôm nay Đại Tướng vào Hà Nội.

Có lễ chào cờ lịch sử.

Chính phủ sẽ vào gấp vì 17, Bác sẽ gặp Nehru ở Hà Nội.

Hà Nội. Có những công việc lạ. (Khó vì nó lạ.) Ta không thể để Hà Nội ngửa ngáy, Hà Nội đói, Hà Nội khát, Hà Nội tối, Hà Nội hôi hám một ngày một giờ nào.

Chưa mừng tượng nổi cuộc sống bộ đội tương lai ở Hà Nội. Cuộc sống chung - và riêng mình trong đó? Riêng mình muốn gì? Muốn làm sao để có thể làm những việc:

- sáng tác về cái cũ, - về chiến tranh
- tích lũy về cái mới, - về công nhân xí nghiệp, - về nông dân, - về dân thành phố. Giá mà ở một cái xã ngoại ô thì thích, một xã ở gần Hà Nội.
- học tập, phải đọc một lô sách, sách mới chưa đọc và một số sách cũ cần đọc lại.

Một số những vấn đề:

- ở trại hay tìm một xó xinh mà sáng tác? Hay là ở cả hai?
- viết về cái cũ thì toàn những dự định lâu cả, - vài năm - Vậy thời gian đó làm gì?

- con đường nghệ thuật của mình? Mình muốn viết nhiều về bộ đội và công nhân hơn là muốn viết về nông dân. Lại muốn viết về người dân thanh niên lớp mới hơn là lớp cũ. [...]
- đề nghị một chính sách kiểm duyệt và giúp đỡ cụ thể.
- sơ kết quan niệm về Thơ; tiểu thuyết; lãnh đạo sáng tác; chính sách sáng tác; tự do sáng tác; tự do đề tài; tự do xuất bản; sinh hoạt; vấn đề artist indépendant. Cá nhân người viết và yêu cầu chung. Vấn đề đề tài và nhân vật công nông binh. Vấn đề sáng tác: Người và tác phẩm. Xuất phát từ đâu? Sự thực chung và sự thực người viết? Người-Việt-Nam và người-bệnh^[2]. Tiếng nói của người viết, tiếng nói của tự do, tình yêu, ước mơ nhân loại.
- xét lại vấn đề: con người mới với những tình cảm hỷ nộ ai lạc ái ố dục, có những thay đổi gì? Có mất đi và được thêm những gì? Có chủ nghĩa lạc quan cách mạng, nhưng có chủ nghĩa bi quan cách mạng không? Có cái hần học và chua chát cộng sản không? Vấn đề điển hình: nhân vật điển hình trong những trường hợp điển hình. Thế nào là trường hợp điển hình? Tả con người trong những trường hợp công tác, chiến đấu và lao động có phải là trường hợp điển hình không? Một tác phẩm nếu toàn nhật tiêu cực có được không? Điển hình khác phổ biến, trung bình và hãn hữu thế nào? Thế nào là tác phẩm giàu tính đấu tranh? Tác phẩm một bề diện và nhiều bề diện?

Vấn đề gì là vấn đề *frapper mille coeurs*? Có vấn đề chỉ *frapper* tác giả không có thể trở thành vấn đề *frapper mille coeurs* không?

20.12.1954

Về Hà Nội được đúng 10 ngày.

Hà Nội ít thay đổi. Gặp bố. Anh Đường. Cháu Hà. Anh Lan. Gặp bạn. Trần mai Châu. Một số người không gặp.

H. Câu chuyện cũ quá rồi. Đó là một cái hối tiếc của tuổi trẻ. Tôi muốn gặp H., hoặc bằng cách nào biết H. bây giờ sống thế nào. Tôi có lỗi gì trong cuộc sống H. ngày nay không? Tôi không để quên tuổi 19. Những trận gió rít gào từ ngày ấy còn thổi đến bây giờ, qua 10 năm.

Cơ quan văn nghệ chưa có gì thay đổi. Vẫn những tư tưởng: "coi rẻ lao động nghệ thuật", "đơn giản coi văn nghệ bộ đội là bộ đội", "không tin văn nghệ". Vẫn những chính sách gò bó, mệnh lệnh và máy móc "quân sự hoá văn nghệ". Đời tôi chìm chết trong chính sách này, cũng như những anh em khác.

Khó lắm.

Nhưng tôi nghe nhiều tiếng cất lên. Phản đối. Bàn cãi. Miã mai. Và cả chửi bới. Cái đó có nghĩa là tiếng trống báo tử của những tư tưởng và chính sách áp chế văn nghệ bộ đội.

Những ngày gần đây sao mà tôi buồn.

Buồn óc lắm.

Và bực tức.

Cơ quan và chính sách. Hội Văn Nghệ đánh mất bản thảo *Người người lớp lớp* (phần 4 và 5). Món nợ chính phủ, những kỷ niệm ngày bé, chua chát và mãnh liệt, những uất ức của 9 năm

chiến tranh. Thơ tôi người ta không chê nhưng cũng không sốt sắng in. Những dự định khó thực hiện vì chính sách gò bó: tích lũy cuộc sống mới thì phải được tự do, vân vân...

Tôi bị bao vây.

Chật quá. Ép quá.

Như một chân lý bị vùi dập trong những núi bụi định kiến. Khó bao nhiêu cho một chân lý được nảy nở dưới mặt trời. Đó là: chuyện của hàng năm. Có những khi: hàng thế kỷ.

Tôi muốn gạt những núi định kiến mà ngoi lên thở. Sự sống, lý tưởng và chân lý đòi tôi như vậy.

Nhưng sao mà buồn thế? Khổ thế? Nhiều lúc tôi tưởng như mất cả cuộc đời rồi. Tay buông xuôi. Chân duỗi thẳng. Tôi buồn như người đã chết.

Không phải là vì không có bạn: Đông, Tây, các bạn cũng như tôi, chung nhau ý kiến lớn và nhỏ. Chung nhau hăm hở. Và chung nhau buồn bực, duỗi tay. Có phải đó là sự thực của tâm trạng đấu tranh?

Tôi muốn những gì?

- một chính sách văn nghệ mở rộng ra, cho nó đúng đắn
- một cuộc sống sáng tạo. Cái cũ thì trút ra. Cái mới thì tích lũy vào, để rồi tùy mức mà trút ra. Hai việc song song tiến hành.
- rèn luyện các ngón nghề thuật. Thơ là thích nhất. Tiểu thuyết. Truyện. Bút ký.
- đọc. Tiểu thuyết. Lý luận văn nghệ. Triết học. Kinh tế. Dốt quá. Dốt quá. Nghệ thuật là một phương pháp nhận thức và thể hiện cuộc sống đầy đủ và trọn vẹn nhất. Nghệ sĩ là một người đại trí thức.

Ai giải quyết cho tôi?

Tôi không tin những ông Khương, ông Cương, ông gì gì nữa. Tôi không tin.

Tôi chỉ tin ở tôi, ở anh em văn nghệ. Nếu mà uốn thẳng lưng ra thì ta với được trời xanh. Cứ cúi mãi, mũi chằm đất đen làm gì?

16.1.1955

Cả ngày nghe anh T.H. ^[3] báo cáo hội nghị văn công khai thác vốn cũ. Bản báo cáo sao mà nó lồm bồm. Chỗ lý luận thì không cất lên được thành lý luận xác đáng. Chỗ thực tế thì không xoáy sâu được vào thực tế. Anh T.H. có một sự cố gắng nhiều. Giống như thơ của anh. Raté!

Tối xem phim Lương Sơn Bá-Chúc Anh Đài. Xem lại.

Đến quăng hai người gặp nhau, ông bố đi ra. Tôi rùng mình. Trong người gió nó rít. Những cơn gió ảo não. Tôi chạy ra ngoài nhà hát lớn. Đi thẳng. Phố vắng tanh. Trời rét. Một vài ánh đèn ngả trên đường nhựa. Sao mà buồn vậy.

Cuộc đấu tranh xây dựng chính sách và tổ chức trong văn nghệ quân đội còn đang tiếp diễn. Tôi xem ra nhiều anh em đấu tranh mà ít tin tưởng. Tôi cũng ít tin ở trên. Còn lâu lắm. Lâu lắm người ta mới hiểu được rằng việc nghệ thuật cần một sự lãnh đạo, một chính sách hết sức

rộng rãi, tự do. Tâm trạng tôi thời kỳ này lẫn lộn những cái nản, chán như vậy. Tôi không coi là khuyết điểm. Trên như thế mà bảo tin hay sao?

Buồn lắm.

Vào một quán cà phê. Không uống cà phê. Uống sữa. "Lấy sức" mà.

Muốn có một sự gặp gỡ bất ngờ. Một người quen nào đó. Cho nó dễ chịu. Những lúc này nghĩ đến sáng tác cũng thấy ảm đạm. Chẳng nhẽ những cái khó chịu, trái ngược đã đầu độc tôi nặng lắm à? Chẳng nhẽ tôi rơi xuống thảm thương? Rơi xuống địa vị tầm thường của người-không-sáng-tạo?

Gió còn rít trong người, ảm đạm tận khuya.

Ở nhà, một vài câu chuyện, bọn Huy Du, TBHùng, Doãn Chung, về vấn đề lấy vợ. Những câu chuyện không có kết luận. Vấn đề vợ con là một chuyện bất ngờ. Nhất là với cái anh làm văn nghệ. Tôi tìm một việc làm: tính nhuận bút cho một số tác phẩm... Hết việc lại buồn. Tôi muốn cho tôi đi hết vài cỡ của từng tình cảm một, rồi tự nhiên sẽ chuyển sang tình cảm khác.

Tôi vẫn muốn lãnh đạo tình cảm tôi theo kiểu ấy. Buồn cho hết cỡ của nó đi. Sẽ hết buồn. Tôi nhắm mắt, cố ngủ, gió còn thổi từng hồi trên cuộc đời tôi.

20.1.1955

Những ngày cuối năm.

Tết năm nay ở Hà Nội. Ít cảnh đào quá. Hoa thủy tiên cũng hiếm. Hàng sách chưa thấy những bìa xanh đỏ. Phố Hàng Mã có ít hoa giấy. 10 giờ phố xá đã đóng im ỉm. Vắng tanh vắng lạnh. Những dãy phố Bà Đinh này phản ảnh tình hình chính trị kinh tế bây giờ. Còn thiết quân luật. Những ngày đầu tiên của Hoà Bình gặp nhiều khó khăn. Nạn đói khu 4. Nạn di cư miền công giáo. Khu 4, vụ ba làng nổi loạn. Hải Phòng phá giá đồng bạc. Các ổ Mỹ, Ngô đình Diệm phá hoại Hoà Bình, kêu người đi Nam. Đô la Mỹ vẫn làm người ta tối mắt. Chính nghĩa thì nghèo. Kinh tế ta vừa thoát khỏi nanh vuốt Mỹ Pháp, còn non yếu, như đứa bé sơ sinh đỏ hồng hồng. Cán bộ máy móc. Vụ thuế công thương gây một panique lớn. Các rạp hát ế khách. Các hiệu ăn chuyển sang "phở" nhiều. Giá hàng đắt lên. Tiền Đông Dương ăn hơn 70 rồi. Nhiều người thất nghiệp. 6 vạn công nhân. 3 vạn cán bộ miền Nam. 30 vạn đồng bào miền Nam phải xếp việc. Trí thức không có việc. Nghệ sĩ chưa tìm được cách sống cho bằng trước. Trường tư sục đi nhiều. Báo chí bán rẻ, ế. Khả năng mua sách của Hà Nội sục đi. Hiệu cúp tóc vắng. Cyclo bí, cơ quan cán bộ không đi. Lạ sường lò mát phàn một đêm khéo lắm bán được cho 2 người!

Đúng vậy. Kẻ tà có đô la. Chính nghĩa không có tiền. Tùy từng người chọn đường.

10.3.1955

Phòng Văn Nghệ ^[4] .

Độ này tôi ít ở với nó.

Chính sách tính lại thử xem có những gì?- Vài cái bàn. Vài cái đèn điện lạnh và vàng. Thêm

một bàn hành chính. Tờ báo ra nhưng khổ và tên SHVN ^[5] cũ. Người ta sợ khổ đổi là chiến đấu tính của nó đổi đi.

Có vậy thôi.

Tôi không nói ngoa.

Người ta quan niệm chính sách là như vậy. Đấy. Cái thông minh của người lãnh đạo tới năm 1955 tới cái mức ấy. Vậy là quá đáng lắm rồi. Còn đòi hỏi cái gì? Văn nghệ được thế là "chiếu cố", là "châm chước" tốt độ rồi. Đáng lẽ chúng mày không có bàn, có điện, có báo nữa. Đáng lẽ chúng mày không được thức khuya hơn 9 giờ. Không được ra ngoài trại. Đảng này còn cho đi lại một chút. Vậy là rộng rãi lắm rồi còn gì!

Nhưng tôi nghĩ, những ông Cương ông Thanh gì đó không đáng trách. Họ nghĩ tới mức ấy là quá thông minh rồi. Không nên đòi hỏi nhiều. Đáng trách là cả một cái HỆ THỐNG! Nó nặng như núi. Nó ở trên có, ở dưới có. Ở ngang có. Đảng trước, đảng sau đều có nó. Hệ thống gì? Đó là hỗn lộn: sợ hãi cúi đầu, làm thân con sên, con tằm gửi, - hò hét mệnh lệnh, làm ông sấm ông sét. Đảng ở đâu? Thương ơi! Đảng chưa ở chúng mình, ở từng người một. Ở những người nào có lao động. Có đấu tranh thực. Có rỏ máu trên một vắn thơ, một nét bút. Đảng chưa ở đó bốc ra. Vì vậy bóng tối phản động vây hãm tất cả. Đặc xít. Đen ngòm.

Chỉ khi nào Đảng ở từng người, từng cánh tay mình, thì mới tan được "hệ thống".

Tôi nghĩ và tôi làm: Đảng ở tôi. Tôi phá Hệ Thống. Làm sao tới Hội Nghị Văn Thơ tôi phải làm được một số việc: vượt khỏi các ước lệ, điều lệnh, thành kiến mà làm bằng được. Nếu như vậy mà mang tiếng anarchiste thì anarchiste còn hơn. Không làm được việc gì chỉ được tiếng "thuần".

Độ này đang có hai chiến trường khá sôi sục:

1) Vượt Côn Đảo ^[6]

2) Thơ Tố Hữu ^[7]

Tôi thích những cuộc tranh luận này. Không phải vì bản thân những quyền sách và những tác giả ấy. Mà vì ý nghĩa nó rộng ra nhiều mặt khác. Phát huy phê bình tự do. Nâng nhau lên, làm cho Đảng vào từng người một. Giương cao:

- lá cờ hiện thực

- giá trị con người

Người nào tích cực đấu tranh trong những vụ này sẽ lớn lên hàng mấy đầu. Nghệ thuật với cuộc sống gắn nhau như vậy.

8.3.1955

Có những kẻ *tourner*. Một độ họ cố "làm ra tiến bộ", làm ra đấu tranh. Làm ra không công thức. Nhưng rồi cuộc sống lại trả họ về với nguyên hình: loài bò sát, -(...), - và làm giấy bạc giả.

Tại sao bọn giả mạo được tin hơn người thực thà? Tại sao loài bò sát lại được dùng nhiều? Tại

sao chúng có mặt ở cái thời đại này? Ở trong Đảng? Ở cách mạng? - Lạ lùng nhất là tại sao không vạch mặt chúng ra?

Văn thơ tôi sẽ *balayer* bọn ấy. Quét! Quét!

Bây giờ tôi chỉ còn một nguyên tắc lớn thôi. Là: làm thế nào bằng cuộc sống, bằng lời nói việc làm, bằng văn thơ quét cái bọn ấy đi. Tất cả những cái gì, nguyên tắc gì trở ngại cho nguyên tắc lớn của tôi là xoá hết! Mặc! Tôi chỉ còn một nguyên tắc mà thôi! Sống và viết để mà đánh bọn giả mạo, bọn ì ạch, bọn mồm xì, bọn người-bệnh, bọn người-dòi, bọn người-ù. *Anarchiste?*

Nếu vậy gọi là *anarchiste* thì tôi rất muốn là *anarchiste*. Cám ơn quần chúng đã tạo cho tôi thành *anarchiste* như vậy! Và quần chúng cũng có thể cám ơn tôi ít nhiều! Thực đó chứ lị. Tất cả những nguyên tắc nhỏ nào cản trở tôi thực hiện nguyên tắc lớn là đập hết! Chỉ hơn nhau và kém nhau ở chỗ ấy thôi. Tôi chỉ có khả năng làm người kiêu ấy. Tôi không có khả năng công chức, khả năng người-ụ. Khả năng tôi là khả năng người-phá.

Giản dị vậy thôi.

Tôi cứ thế mà tiến. Lù lù như quả đất... Nó vẫn quay quay lớn mạnh trong Vũ Trụ, Thời Gian... Đúng... Tôi là quả đất. Không cho chúng nó ở nhờ. Chúng nó ỉa bậy, thối quá.

22.3.1955

Quốc Hội họp.

Nhân dân mong chờ nhiều về vấn đề kinh tế.

Ủy ban hành chính Hà Nội cũng họp: làm cho Hà Nội từ thành phố tiêu thụ sang thành phố sản xuất.

Hôm nọ có bà bảo tháng 10 thì vui thế. Ngày 10.10 là ngày tiếp quản Hà Nội. Một phút mà cách nhau hai chế độ mấy trăm năm. Ngày ấy người ta say mê, đầy tương lai trong người... Có cán bộ hay nhắc lại những ngày đó. Cho là dân chóng quên. Không thấy hạnh phúc của mình. Hoài Thanh diễn thuyết ở Đảng Xã Hội cũng nói vậy. Chúng ta chóng quên. Quên mất hạnh phúc lớn của mình. Tôi cũng đồng ý là nên nói vậy. Với điều kiện là phải nghĩ rằng: chúng ta không thể ăn được bằng dư vị bữa tiệc tháng 10 ấy. Tháng 10 là bữa tiệc lớn cho nhân dân thủ đô. Nhưng bây giờ là tháng 3.1955. Người ta phải ăn bằng những bữa cơm hàng ngày... Không thể ăn bằng ký ức một bữa tiệc từ năm ngoái được.

Người đi làm cách mạng mà cứ giải quyết bằng hồi ký cả thì thật là nguy cho quần chúng. Cũng nguy như chỉ giải quyết bằng viễn vọng tương lai.

Nói vậy không phải tán thành chủ nghĩa sống thiển cận. Hiện tại chủ nghĩa. Mà là nhấn rất mạnh vào hiện tại. Bây giờ. Trước mắt. Đó là cứ điểm của mọi nỗ lực, mọi người, và lãnh đạo.

[1]Trần Dần được cử đi Trung Quốc viết truyện phim Điện Biên Phủ, cùng đi có Đỗ Nhuận.

[2]"Người-bệnh": khái niệm do Trần Dần tạo riêng, hàm ý phê phán (cũng như "người-dòi", "người-bệnh", "người-ù"...), không đồng nhất với nghĩa "người ốm" thông thường

[3]T.H.: Có lẽ là Tố Hữu

[4]Phòng Văn Nghệ: Gọi tắt Phòng Văn Nghệ Quân Đội thuộc Tổng Cục Chính Trị. Từ 1951 đến

1957 Trần Dần thuộc biên chế cơ quan quân đội này trước khi chuyển ngành (giải ngũ) sang Ban Nghiên Cứu Sáng Tác thuộc Hội Nhà Văn

^[5]Có lẽ là tạp chí *Sinh Hoạt Văn Nghệ* của Phòng VNQĐ

^[6]Tiểu thuyết của Phùng Quán

^[7]Tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu

Nguồn: Trích: Trần Dần, *Ghi 1954-1960*, Phạm Thị Hoài biên tập, *td memoire* xuất bản, Văn Nghệ phát hành, 2001

16-4-1958

[...]

LữCao và tình hình

Ban tối Lý Đăng Cao đến chơi, với một người nữa không giới thiệu tên, chỉ bảo là: "bạn"!

Vợ tôi sửa soạn đi Nam Định, đi đòi nợ lũ em gái, lấy dăm vạn tiêu xài. LữCao có vẻ nghi, nói xa nói xôi rằng: không nên đi lại "khác quy luật", rằng bây giờ công an người ta phải theo dõi, v.v...

Tôi cười xoà. Một kẻ như tôi thì nhất cử nhất động, người ta đều có quyền đặt vấn đề cả. Tất nhiên.

Người bạn LữCao còn khuyên tôi nên giữ gìn. Vì địch nó còn đang tung tin hoang mang ghê lắm: bắt người này, người kia tự vẫn v.v... và có thể nó thủ tiêu tôi đi, hoặc khiêu khích quần chúng đánh tôi, hòng để bôi xấu chế độ ta.

Tôi nghe làm phải. Đó cũng là cái ý đã có lúc đến trong đầu óc tôi.

Hiện nay, Nguyễn hữu Đang, Thụy An, Minh Đức đã bị bắt, chẳng bao lâu sẽ ra toà. Báo chí vẫn tiếp tục diệt đánh *Nhân Văn*, một chiến dịch cần thiết, (*mà trước kia tôi lại cho là một sự bom phồng chế tạo!*) - Bộ 6 *Giai phẩm mùa xuân*¹ đã bùng nổ nhau ra. Bọn *NVGPhẩm* cũng oơvoa nhau hết. Sỹ Ngọc (*theo lời Văn Giáo*) đóng kín cửa, miễn tiếp khách!

Bản thân tôi, do chỗ đã tự giác đình bản tư tưởng thù địch (phải nói là một thứ tự giác kết quả của áp lực khách quan?) nên về mọi mặt khác, tôi cũng đình bản cả giao du, đình bản cả việc viết lách! Có cái thú là: đình bản những *idées noires*, đình bản luồng cảm nghĩ bi thảm cũ! Tự dưng, tôi cảm thấy có cái gì đã nói ra quanh tôi: đất đai cho tôi sống nó rộng thêm nhiều, rất nhiều! Vòng vây do tôi tự tạo nó ra, nay hầu như đã giải toả đi, còn lại ít nhiều cũng chỉ là trong phạm vi sự cảnh giác cách mạng cần thiết mà thôi. Có nên đi gặp những đồng chí lãnh đạo, để hỏi những việc cần phải làm không? Đi thì lại sợ bị hiểu lầm. Nhưng nếu ngồi nhà, tiêu cực đơì, có khi còn bị hiểu lầm hơn gấp bội: Người ta dễ hiểu những biểu hiện tích cực, hơn là những biểu hiện ngấm ngầm, tiêu cực.

19-4

Tình hình

Lớp học đảng viên trước Tết, lớp 304 cán bộ văn nghệ văn hoá, nghiên cứu 2 văn kiện đã bế mạc rồi. Đó là 2 lớp đấu tranh tư tưởng.

Hiện nay cuộc đấu tranh đang chuyển sang một bước cao hơn: đấu tranh chính trị. Bọn Đang - Minh Đức - Thụy An, thân thì bị cầm tù, tội ác thì đem bêu đầu trên báo chí. Vai trò của bọn chúng trong các vụ phá hoại 3 năm qua đang được vạch trần, mà mới chỉ vạch về mặt hành động, còn mặt bùa mê tư tưởng thì chưa vạch.

PhKhôi thì đóng cửa, nằm khàn, không đọc báo, tức là trốn cuộc đấu tranh, chỉ đọc các truyện và sách vở vẫn giải trí. TTừu, TđThảo làm gì?

Còn bọn loại B chúng tôi hiện ra sao? Làm gì?

TD, HC, LĐ đang tiếp tục kiểm thảo ở cơ quan (*lớp học 10 ngày*) cùng với những QDũng, TrIVăn, ThChâu, HPhương, YLan, NgthLong v.v... Chúng tôi đi sâu vào kiểm điểm sáng tác hơn nữa. Kiểm điểm sáng tác cho sâu mới thật là khó sao! Cứ như phải rứt bỏ một mảng thịt của mình, cứ như ly dị một người yêu. LĐạt được mình nhắc cái "*Cha tôi*" (mon père) thì cười, và rồi cũng đành hạ bút mà hạ thủ nó cho rồi. Bản thân tôi mới tiếc cái "*Việt Bắc*"² làm sao chứ!

QDũng thì thú thực là: ở lớp học nói chữ phản động không sao, bây giờ đặt cho mình chữ ấy, nó cứ thế nào ấy? Anh ta kêu: trưa nay vợ cãi nhau với một anh hàng xóm về chuyện cống rãnh vỡ vắn, mà anh kia thì hoàn toàn là trái rồi, thế mà QDũng không dám nói gì. Hi! Vì cái thằng cha ấy nó chả xem báo nhiều, lỡ ra cãi nhau với nó, nó lại chửi móc phản động này nọ thì khổ! Lát sau QDũng lại kể chuyện ấy một lần nữa, và nói thêm: nếu nó làm quá mình sẽ đưa ra công an.

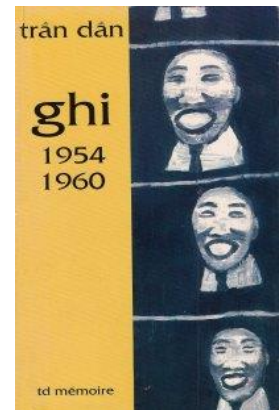
NgthLong thì cứ thắc mắc về những hiện tượng phát hiện sai, như cái bếp điện Thụy An cho, như chuyện LĐ, TDần đi lại tụ tập ở nhà anh ta! v.v... Làm gì có?

Không hiểu VCao, ĐđHưng, TPhác nay ra sao? Đồi lúc qua nhà VCao nghe thấy tiếng đàn, chắc anh buồn lắm đấy. Vì anh mất cái vương quốc rộn rịp của anh rồi! Anh như người còn lại một mình trên một căn nhà cháy, ôm lấy một cái cột than, trong khi mọi người đã đi hết cả rồi! Khổ thân anh chẳng!

LĐạt nhìn xa

Chết vẫn chưa chữa cái lỗi lý luận suy diễn vỡ vắn, LĐ nói: "Trước kia giáo điều chả là một sự cản trở, người ta chống lại, quá đi thành ra xét lại! Bây giờ đánh xét lại là đúng rồi, nhưng nhất định chủ nghĩa giáo điều sẽ nhân cơ hội này mà ngóc dậy. *Contrepoids* mà! Sẽ giáo điều một thời kỳ lâu. Cho đến khi chủ nghĩa xét lại đã thành một vấn đề lịch sử thì người ta lại sẽ thấy chủ nghĩa giáo điều là một cản trở cần phải chống nó! Đúng như thế đấy!"

Đạo này anh chàng "nhữn" tợn! Anh ta cứ bầu mình lên làm "*ông anh tư tưởng*" của anh ta! Có bao giờ anh ta chịu cái nước đàn em một cách thực sự như bây giờ đâu?



PhQuán kể:

Hóm bé mạt lớp học, các tổ trưởng họp bàn xem nên cho ai phát biểu. Rất là gay.

Có người nêu: không nên cho *Nhân Văn* nói! Xong bàn đi bàn lại, thấy rằng lớp học là lớp học chung cả, thì nên để cho họ phát biểu, mới là có kết quả chứ.

Nhưng rồi lại bàn: chọn ai? Bàn mãi, rồi quyết định là chọn: 1. TDần (*vi đầu số loại B*), 2. PhQuán (*vi là một anh bị ảnh hưởng*).

Nhưng rồi lại sợ nó nói bố láo câu gì, cuối lớp rồi, thì phiền. Xong bàn là: cho nó viết ra, thông qua trước xem có được không hãy.

Nhưng rồi lại sợ nó lên nó nói mồm thêm ra ngoài cái đã viết.

Xong bàn là: gài người bên cạnh, gài người thật cứng, để lỡ ra nó có nói gì láo thì còn đập lại được!

Nhưng rồi TD, PhQ phát biểu, cũng đường được cả thôi.

Kể ra thì khách quan cũng có cái quyền cảnh giác như thế, vì chủ quan tôi và bè lũ, mấy năm qua đã tỏ ra là một lũ người bất trắc, không thể nào có thể dễ tin ngay được!

22-4

Dọn nhà

Liên Hiệp Hội dọn sang 51 Trần Hưng Đạo, ở kề với Hội Nhà Văn: giải quyết vậy có lợi cho sự đoàn kết và sự chặt chẽ của lãnh đạo.

Chỉ phải cái là hơi chật, dù rằng bộ phận xuất bản HNVĂN dọn sang 10 Nguyễn Thượng Hiền.

Bầy đoàn thể tử lếch thếch đi. Bà Giáo thì đi để, ai dọn hộ buồng? Còn Quang thì đã bị toà án bắt từ một tháng nay, vì cái tội làm loạn đạo đức cơ quan lên, ngót nửa năm nay.

Lần này, PhKhôi không còn chây bướng được nữa, phải bỏ cái buồng ở Hội Nhà Văn, di sang Nguyễn Thượng Hiền, dịp này chắc lão ta lại tức cảnh nên vài câu thơ ai oán!

26-4

Tôi quan liêu

Tôi vẫn thường tự coi là một người đứng ở mũi nhọn chống quan liêu, song đối phe cánh tôi, tôi đã quan liêu hết chỗ nói, dù rằng quan liêu này có nghĩa khác.

Rất nhiều việc tôi không biết. Chân tướng từng người chẳng rõ, cũng như không rõ những việc họ đã làm.

Lê Đại Thanh

Một anh rề rà, háo danh và dâm dục đến bỉ ổi.

Anh ta vốn bất tài, năm chục tuổi đầu chưa có chỗ ngồi trong văn nghệ, không biết oán ai, bèn oán lãnh đạo. Đi với *Nhân Văn* thì cũng bị khinh, nhưng cứ đi, làm một tên chạy cờ. Còn kiếm chác được tí tiền. Anh ta đem cái "oai" ấy về Hải Phòng, hòng kiếm, ăn nói, lên mặt. Đúng là một tên tướng tàu chạy hiệu.

[...]

Xun xoe.

Kiếm chác.

Người tuyên truyền độc nhất cho LđThanh là: chính LđThanh! Mà lại tuyên truyền một cách rề tiền, cố đấm, giả dụ: "Minh ở Ban NCST", - "Ban NCST là Ban quan trọng nhất của HNV, mọi việc từ đó mà ra cả!"

Lâu lâu, anh ta sợ người ta quên mình đi, thì anh ta lại vẽ vờ ra một công tác nào đó, vụn vặt mà anh biết rằng không ai thèm làm, người ta sẵn sàng bỏ thí cho anh, để anh dựa vào đó mà kiếm chác chút đỉnh. Giả dụ anh đề ra: "Chúng ta còn ít chú ý cải lương quá! Anh em cải lương người ta thối mác." Thế là người ta cho anh đi làm (...) cải lương! Một dịp để cho anh lăn vào cái giới đó, huyên hoang. [...]

Buổi kỷ niệm Nguyễn Du, anh ta tranh lấy cái việc đọc bài *Văn tế thập loại chúng sinh*, cái giọng thầy cúng hạng bét của tướng tàu LđThanh là một sự thất bại thảm hại, song không sao, miễn là có chấm mút!

Bản "thú tội" của LđThanh quanh co, chỉ nói có háo danh và hủ hoá (mà nói cũng qua loa bề ngoài), còn tư tưởng chính trị, quan điểm nghệ thuật thì giấu quách đi cả!

Thanh Châu

Một nhà văn già tuổi, không già tài và bất mãn. Anh ta luôn thèm thường ti tiện, thèm ăn, thèm uống, thèm danh vị. Một tuần lễ mà anh không được ai mời đi ăn, có tí thịt vào mồm, thì tuần ấy vợ con mắt nhò!

Lúc nào anh ta cũng bảm láy việc "*viết đã hơn 20 năm nay!*"

Lên xuống cái cầu thang gác, cũng là "*lên xuống đã hơn 20 năm nay!*". Một con người tự huỷ hoại một cách kỳ dị. "*Minh viết ngày xưa kém gì Nguyễn Tuân!*". Lại so độ với NgTuân cơ chứ! Ếch so với bò! Anh đã đổ cho Đảng rằng Đảng đã bạc đãi sự bất tài của anh, không cho sự bất tài của anh được nẩy nở! Anh ta đổ cho vợ, làm như rằng vợ anh là người đã làm cho anh trở nên một kẻ bất tài! Anh ta lại đổ cho cả "bọn trẻ" nữa, khổ chưa, làm như rằng cuộc đời tiến lên nó là nguyên nhân của sự trì trệ của anh.

Một người như thế là người có thể "*mua đi, bán lại*" được, chẳng khó khăn gì.

Nên Thụy An nó đã mua được anh, chẳng tốn kém gì, bằng một cái giá hết sức rẻ mạt.

Người ta thấy anh chàng luôn luôn có mặt tại nhà Thụy An, châu chực đó, đợi những miếng quà tẩm bánh, mẹt bún sườn ban sáng, hoặc cốc cà phê, điều thuốc lá... Cái lối che tàn của văn nghệ sĩ xưa xưa. [...]

KLân gọi anh là "*người kiếm chác la liếm*", đúng! Anh ta chẳng biết chê cái gì hết, đến nước anh đã quên cả cái tư cách, sự biết xấu hổ của một con người tầm thường, dù rằng anh còn cố đập điếm cho nó bằng một lượt vải the tồi tàn và rách hở.

TrlêVấn

Một người có mặt ở tất cả mọi tổ chức chống đối (*Nhân Văn, Giai Phẩm, Đất Mới, Sách Tét, Chủ Nhật Vui, Nhóm Thơ Đường...*) mà bộ diện vẫn có vẻ "ôn hoà"!

Một người mà bọn phá hoại mỗi ngày một tín nhiệm thêm lên; đồng thời địa vị anh trong tổ chức cách mạng HNVấn cũng mỗi ngày mỗi được tín nhiệm.

Chất anh là chất đồ nho... Sự chống đối nó bền, nó dai, nó lại được đập điếm dưới một cái hình thức nhu mì hoà nhã.

Trước kia, trong cái nhóm 5 người TrlêVấn, QDũng, Thanh Châu, Hữu Loan, Lê đại Thanh, tôi với LêĐạt vẫn thường khen TrlêVấn là "*tiến bộ nhất*", chính vì chất hiểm độc của anh.

NhĐang, PhKhôi, TđThảo... đều "*apprécier*" anh... Tại sao TđThảo hay lui tới TrlêVấn? - Chính vì hần người thấy ở anh cái chất ấy, hần tin anh, mà đồng thời đối cách mạng, anh chưa bị lộ mặt như bọn tôi!

Chất chống đối của anh, nó ngoan cố, với màu sắc phong kiến: cái tiết tháo phản động của một anh đồ nho chống cách mạng! Ví dụ hồi "giải toả", tôi có nói với anh: "*có thể ta nên tự phê bình công khai, chưa biết chừng!*" Anh ta cười: "*Anh khuyên gì? Khuyên người ta đầu hàng!*"

Quê Tú Xương. Yêu *Tự Lực Văn Đoàn*. Kháng Chiến vợ vẫn chạy quanh các cơ quan, coi Kháng Chiến là một sự "nhiều nương", "loạn lạc"! LêđThanh đi với bộ đội, xộc xệch, gặp TrlêVấn, Văn tặng ngay hai câu thơ:

*Dưới chân anh thắt đôi giầy rút
Trên cổ anh đeo một chiếc quần!*

TrlêVấn với nhóm 5 người của anh có cái lối "*Nhân Văn mồm*". Tức là ngồi và kể, xuất bản bằng mồm, giả dụ kể chuyện: có một anh vì nghèo quá, đầu mới đội mũ nan vành to. Quần thì tiết kiệm, cắt ngắn và hẹp như ống túp. Thế là anh ta bị coi oan là một cao bồi!

Rồi thì khúc khích cười với nhau.

Về nhân, gần như Thanh Châu.

Quang Dũng

Trước là một người trong Việt Nam Quang Phục Hội, năm 44 bị lộ, trốn sang Vân Nam, công tác ở các trạm biên giới.

Nửa năm chơi với Nguyễn Tường Tam. Ngay cái tên Quang Dũng cũng tỏ rõ cái ảnh hưởng đó.

Anh sống với hiện tại cách mạng lạc lõng, bơ vơ, đầu quay về cái cũ, nhớ thương, nuôi tiếc đến hẳn học với cách mạng.

Hay đi tìm những cánh tịch mịch ngòi hoài cổ. Thương xót nước Việt Nam cũ "hiền lành", "êm ả", thương tiếc quê hương nặng "thuần phong mỹ tục" trước, mà anh cho rằng CCRĐ và cách mạng đã cướp mất của anh rồi! Anh chán cái thời thế nhiều "biến thiên", lộn đảo tất cả như nay! Thơ ca anh toàn là những cái gì xót xa, hẻo lánh, suy sụp, "*quán nước bên đương*", "*cô hàng xén*", Anh là tiếng than của sự tàn lụi, giọt lệ của quá khứ, tiếng khóc của những chế độ đã qua; anh là một tiếng thở dài, lúc nào cũng ngòi lù lù bên cuộc đời cách mạng.

Bản chất phản cách mạng như thế khác lối *trotskiste* hùng hổ. *Trotskiste* khoác áo cách mạng để phản cách mạng, còn lừa bịp được một số trí thức, văn nghệ sĩ, đó là lối phản cách mạng "*hợp thời trang*" nhất? Còn lối phản cách mạng của QDũng là một lối quá lỗi thời, tự nó có một cái chất thất vọng, tuyệt vọng, ai oán, mà QDũng lại tự dối mình là "*tính tôi tiêu cực, ... do dự...*" Anh ta sống quá cách biệt với xã hội cách mạng, lúc nào cũng hoảng hốt, lo sợ. Anh ta sợ công an đến thành *panique*, cho con quét đường từ nhà, ở đầu phố Lý Thường Kiệt, quét đến tận toà án, cốt chỉ để lấy lòng công an!

Sự tấn công mạnh mẽ nhất của QDũng vào cách mạng là: than vãn, u hoài, và ba lơn.

"*Xiếc khi*" là cả một sự thảm thương ngậm ngùi cho thân thể mình. Cái vai con khi kia, là kết thúc của cái kiếp con người! Nó còn bệ rạc hơn cái "*Tây Tiến*" người đi không mọc tóc, khí thế đoàn quân giống như một lũ chinh phu Quốc Dân Đảng! Anh ta còn dự viết những "*con chó có nghĩa của người ăn mày thời xưa*", hay "*cảnh đêm ở nhà ga, có một số những người bán lạc rang với tấm quất ế, gặp nhau*"!

Chơi với TrilêVân, đêm khuya, hai anh cứ đi xe mãi, tiễn Văn tận nhà, xong Văn lại tiễn Dũng lộn về nhà Dũng, rồi Dũng lại tiễn Văn lộn lại..., cứ vậy mãi không dứt ra được, một cái thú tình bạn và hai cuộc đời chán mửa ra không có lối thoát!

Anh vác chai đi mua nước mắm, vác củi cho vợ, trông khổ sở, "bêu rếu" chính phủ làm sao ấy.

Một buổi chiều, đứng ở gác HNVăn nhìn ra trời gió mà nói: Napoléon ở đảo St. Hélène. (Kháng Chiến trước anh có vẽ: Từ Hải chết đứng!) (*Quốc Dân Đảng = Quang Dũng đây - NhĐng -*)

Tôi có cảm giác, chính Quang Dũng là hiện thân "*Tiếng sáo tiền kiếp*"³, ai oán và bám riết mãi lấy cuộc đời cách mạng hiện nay!

29-4

Phùng Cung

- Nhục lắm. Mẹ nó. Mình xin về nhà có được không nhỉ? Mẹ nó. Có những thằng nó không bằng một thằng đồ gàn phong kiến nữa! PhKhôi chẳng hạn. Hấn cho vợ hấn gặp tôi, nhắn rằng: "*Tôi đã nói gì với anh, anh cứ tố ra hết đi. Vì tôi thì già rồi, mà anh thì còn trẻ!*" Mẹ nó, nhục quá. Anh bảo nên thế nào? Có nên xin ra biên chế không?

Tôi nhìn PhCung, ái ngại cho anh quá. Đâu như trong khi học tập, anh ta "hỗn" quá, bị đuổi khỏi lớp làm sao ấy ... Tôi khuyên anh, rằng nên đầu hàng đi; rằng chỉ có một con đường, "họ" là chân lý, mình đầu hàng, là phải; rằng không nên xin ra biên chế, lúc này việc ấy có thể là một sự tiến công của tư tưởng thù địch; rằng không nên coi là nhục, oan ức gì nữa, mà cứ nghĩ lại xem tổng cộng cái bỏ chữ mình đã chửi vào lãnh đạo nó to như thế nào, còn oan và nhục gì nữa?

PhCung xem ý không thông gì lắm. Tôi thấy khổ! Một con người có cái gan "tử vì đạo" là PhCung, than ôi, cái đạoanh định chết vì nó chính là cái đạo phản cách mạng, sao mà anh chưa tỉnh ngộ ra hử anh?

VCao

Ít ngày trước qua nhà Vcao, dưới thấy vắng xe đạp, trên gác thì buông ra những nốt đàn, nó lơ lửng và lẩn lỏn lỏng chỏng trong bầu không, tôi tự dưng cứ nghĩ đến một cái miếu hoang, nghĩ đến nét mặt râu rĩ của người nghệ sĩ "tiên chỉ" đó. Và nghĩ đến cái đại dương cầm VCao đã tự hào tuyên bố rằng: nó sẽ là một vật quý viện bảo tàng, vì có bàn tay VCao đã đặt trên *clavier* đó!

Cách đây vài ngày, ở cơ quan về, buổi sáng, tôi thấy nhà VCao mở rộng cửa, có một cái thang bắc từ gác anh xuống dưới đất, bên hè có một cái xe bò to nằm chờ, nhìn lên trên, thấy mấy người ra vào cầm dây, xem hướng, chỉ chỉ, bàn tán nhau: họ đang tính cách giồng cái đại dương cầm xuống, chở đi!...

Chắc không phải là chở đi để đặt vào viện bảo tàng.

NhĐang kêu oan

Lê Đạt kể. Đạt gặp công an, về việc phát hiện thêm về Đang và Thụy An. Đồng chí công an cho biết: ThAn hẳn đã nhận là *haute police* của địch.

Còn Đang thì hẳn cũng nhận là hẳn có âm mưu lật đổ Trung Ương, bằng phương pháp hoà bình. Về vấn đề tổ chức đảng phái chính trị, hẳn khai là chưa có.

Xong hẳn lại kêu oan! Rằng: báo chí cứ bảo hẳn là đầu sỏ, oan hẳn quá; sự thực, đầu sỏ là bộ ba Đang, Đạt, Cầm, chứ không riêng gì hẳn! Về nội dung số 6⁴, hẳn khai có bàn với Đạt và Cầm. Hẳn còn khai có bàn với Đạt và Cầm sẽ ra những số đặc biệt về CCRĐ, về công thương nữa.

Theo Đạt nói thì: HCầm cũng biết nội dung số 6 thật, chỉ có cái là bây giờ cu cậu chối! Còn những số đặc biệt về CCRĐ, công thương, thì Đang hẳn chưa hề bàn với ai sót!

2-5

Hoàng tổ Nguyên

Bố lái xe cho nhà Gannay, giám đốc nhà băng Đông Dương.

Gannay là người Do Thái, từ thư ký quèn mà leo đến chức giám đốc. Hẳn già rồi mà không vợ không con, thường có tật kê gian. Hẳn hay có lối "bố thí", người nghèo đợi hẳn ở cửa thà bằng, nộp đơn xin, có người được hẳn cho hàng 100\$, 200\$ về làm ma. Hoặc gặp người tàn tật đi ăn xin, hẳn gọi vào hỏi 1 lan và cho công việc, tỷ như xén cây hay quét vườn trong nhà han, dĩ nhiên là tiền công rất rẻ, mà người kia không hề dám bao giờ mở mồm nài xin, vì cái lễ đã hàm ơn hẳn!

HtNguyên liệt chân từ khi mới đẻ. Bố Nguyên đánh mẹ Nguyên, ngày 1, 2 trận, chẳng mấy ngày không. Gannay bảo bố Nguyên cho Nguyên cho hẳn, làm con nuôi, song bố Nguyên không nghe. Sau bố Ng. bỏ mẹ Ng., người mẹ đó lên núi tu Phật. Ng. cũng theo mẹ, song

người mẹ bị bọn sinh viên lưu manh nó gạ gẫm, không tu được, bỏ chùa, sau đi tái giá. Từ đó Gannay nuôi Nguyên, cho đi học vẽ.

Nguyên có tính lưu manh. Ăn nói và hành động hung hăng. Mở mồm là chửi "Bố nó", "*Đánh bể sọ thằng LqKỳ đi!*", anh ta lại dựa vào cả cái chân tàn tật của mình: "*Thách đũa nào dám mó vào cái thằng Nguyên què này!*" Rồi thì dọa hành hung: "*Nếu thằng LqKỳ mà ngồi chủ tịch đoàn thì thằng Nguyên này sẽ đâm cho nó vãi nhất, rồi muốn đi tù thì đi!*"

Trong văn học, Nguyên có cái lối làm ăn quay quắt. Anh tự xưng rất lớ là nhà thơ Nam bộ số 1. Hồi *Nhân Văn*, anh đưa cho NV một bài thơ thật tốt, tính toán rằng, đăng ở NV bài thơ tốt ấy lãnh đạo cũng không thể nói gì anh hết, ngược lại lãnh đạo sẽ sợ mất anh, phải tranh thủ anh, thì anh sẽ dễ bề yêu sách lãnh đạo! THỮu thì anh vẫn chửi, nhưng anh làm thơ thì ca tụng: "Lời anh THỮu nói ban chiều!"

Đến việc lấy vợ cũng kỳ quặc! Nguyên với Thanh Bình cùng nhằm một đám ở Hải Phòng. Hai anh giao hẹn với nhau: bây giờ hai thằng cùng đến hỏi, cấm tuyệt không thằng nào được nói xấu thằng nào, và lần nào đến chơi với cô ấy thì cấm được cất lên đến một mình, phải hai thằng cùng đi!

Đối bạn bè, Nguyên cũng giao du theo kiểu du thực, thằng nọ chết vì thằng kia được! Nhưng, hễ xảy ra sự gì Nguyên không bằng lòng, thì anh giở mặt ngay, như giở tay. Hôm trước, anh cãi nhau với HgTấn về chuyện không cho mượn quần áo cưới, tức thì hôm sau, vào lớp học, anh "tố" HgTấn về mọi thứ chuyện, đầu đó anh cũng móc ra! Nhà vợ anh, trước kia anh "hữu khuynh", lấy lòng hết sức, nhưng rồi nhùng nhằng chưa cho cưới, thế là anh quay lại, định là "đem ra toà án kiện!".

Nhân Văn trước đối anh, chơi bời thân thiện, đến trước lớp học, anh dùng dùng giở mặt, "nổi lập trường" lên một cách bất thành linh, chửi bới đến mức không còn ai hiểu ra sao nữa!

Lá mặt lá trái, quay quắt, cái chất lưu manh là một cái chất khó cải tạo bậc nhất. Vì nó không có lý luận, không có lý tưởng, không có tin ở cái chính nghĩa nào hết, nó chỉ có mỗi nó làm mục đích mà thôi.

7-5

Kiểm thảo sáng tác

Đảng đoàn HNVăn đề cả một tuần này, đề cho *Nhân Văn* viết lại cái phần kiểm thảo sáng tác! Theo như đồng chí NxSanh nói, thì tuần trước, phần đó viết chưa sâu, vì thiếu thời giờ, thì tuần này viết lại cho kỹ. Mà phải viết sao cho có thể dùng in công khai được.

Sau khi mọi người đã nộp cái của quốc cấm, nghĩa là cả một đồng những *Nhân Văn Giai Phẩm* rồi, thì tập trung cả ở một phòng, viết kiểm thảo.

HtNguyên thì cứ thắc mắc: Sáng tác mình, bảo là khuyết điểm tiểu tư sản, giả tạo gì đó thì có, chứ còn đánh đấm phản động gì thì thiệt là hồng có!

QDũng cũng không nhận thấy tư tưởng phản động đánh đấm gì trong tác phẩm. Anh chàng vẫn cái điệu pha trò kiểu Saclô, tiếng cười đồng nghĩa với tiếng thờ dài. Chẳng hạn "Là người rõ ràng mà hoá ra là *élément!* *Élément Nhân Văn!* Phần tử *Nhân Văn* mà ị! Hi hi (khe khe)".

Cụ Đại thì muốn được nói chuyện một chút: "*Hàng mấy tháng rồi chưa được nói chuyện với nhau, thêm hẳn đi chứ ị!*"

Anh nào anh nấy lẫn vào viết. Lắm hình dung từ, lắm tiếng tự phê dao búa! Ví dụ Lê Đạt, có mỗi câu mở đầu bài "*mấy người tự tử*", là câu "*Nhân đọc báo Nhân Dân số 822*"⁵, mà Lê Đạt lại

tự phê là: đó là một âm mưu của tôi dùng Đảng để đánh Đảng" ! ... Nghe mà khó tin thay! Mỗi ngày anh chàng lại có vẻ xích lại gần giống "Thiền Quang"!

HCầm tự phê cũng góm, đúng là bác phó vữa, rất nhiều chữ nghĩa trang kim lóng lánh. Nào: dán nhãn hiệu dân tộc, nào: thuốc độc tắm đường, nào: bôi đen bọc giấy bóng kính v.v...

Tôi cũng không kém. Bao nhiêu hình dung từ phản cách mạng, phản động, phản Đảng, phản bội, chống chế độ, xét lại, tở-rốt-kít. Không còn thiếu chữ gì. Giặc-bút, viên đạn xét lại, mũi tên độc địa của chủ nghĩa cá nhân đòi truy, chủ nghĩa vô chính phủ và đầu óc làm phản v.v..., tôi sáng tác thêm nhiều chữ nữa để mà miêu tả chân tướng mình, cho nó hết lòng một thể.

Chắc các đồng chí lãnh đạo đọc một loạt kiểm thảo bọn tôi lần này thì phải bật cười lảm đấy! "*Trước kia thì nói nhẹ chúng cũng không nghe. Bây giờ thì chúng lại còn tự sỉ vả gấp triệu lần sự phê bình của lãnh đạo!*"

Attention!

- Trilê Văn bệnh vực *auto-suggestion* là khoa học. Anh bảo: đó là phương pháp của Couet. Rất giản dị. Mỗi tối đi ngủ, thì mình tự nhắc mình 20 lần rằng "*Je suis meilleur à toát point de vue*". Attention!

- LĐạt say sưa kể và bệnh vực E. Triolet về lời phát biểu mới đây của bà. E.T. nói: làm *avant gardethời* nào cũng khó, phải trải qua bị chà đạp, đến *moderne*, đến trở thành *classique!* Nhưng thời nay làm *avant-garde* càng khó! Vì người ta sẽ bảo anh hoặc chống *réalisme socialiste*, hoặc *conformiste* vân vân! Rồi E.T. nói: *réalisme socialiste* chỉ là *l'angle de vue*, không phải là một phương pháp! LĐạt tán thành quan điểm này.

Tôi tranh luận với Đạt, chưa ngã ngũ. Lời đi tiếng lại, Đạt hỏi tôi: "*Có chủ nghĩa Staline không?*" Đạt nói: "Văn nghệ phục vụ chính trị có phải là *caractère spécifique* của văn nghệ đâu, vì ngành nào, kinh tế, giáo dục v.v... chả đều phục vụ chính trị cả!" Đạt nói nếu hiện thực là phương pháp thì bố lảm!

"Bây giờ khó lảm!"

Tôi cũng nghĩ: quả là khó!

Vì cứ lý luận của E.T. thì bản thân nó là một con dao hai lưỡi! Ai chẳng nhận mình là *avant garde* được?

Ngoài ra, còn nhiều chỗ quyết đoán. Sao lại bảo làm *avant garde* thời nay khó hơn xưa? Sao lại bảo chỉ là *l'angle de vue*?

Tôi chưa được đọc nguyên văn, mới nghe mồm LĐạt.

Attention!

- HCầm kể, có một học sinh gặp Cầm, nói đại ý rằng: ừ thì các anh ấy thuốc phiện, đòi truy, v.v... nhưng sáng tác hay; bây giờ chuyển thì thử sáng tác xem có hay hơn trước không?

Chắc anh học sinh đó là một thứ *adepte entête* của *Nhân Văn*, của tư tưởng tiểu tư sản mà thôi. Attention!

12-5

PhQuán

Lâu lăm cu cậu lại mò đến mình! Sau lớp học, cu cậu về nhà, nghĩ quanh nghĩ quẩn ra sao, bây giờ thấy cu cậu phản ứng!

Quán kêu nhiều nhất về việc "*báo chí nó đánh mạnh quá!*" Không riêng báo, mà những báo cáo mồm mới ghê hơn gấp vạn. Nào bảo PhQ đã hủ hoá với ThAn mấy lần! Nào nói sai cả hiện tượng đi, ví dụ TTừu nó nói trí thức là viên ngọc, thì lại nói rằng TTừu nó kích PhQuán là viên

ngọc! Hoặc nói rằng TđThảo nó bảo PhQuán trả lời báo *Nhân dân* về bài "Nói thật", thì theo Quán nói, "thế là oan nó", vì ý định ấy là "do mình"!

Ngoài ra, Quán còn kêu là do không khí và áp lực lớp học, nên Quán bốc. Ví dụ, đi tu đạo Ấn độ, thì mình nghĩ rằng, "các anh, ai cũng có chỗ bi quan, đi xem bói", mà bản thân mình chả lẽ không có gì, mới bịa ra cái việc tu đạo ấy!

Lại như việc "cầm cờ đi biểu tình" Quán cũng bảo là "mình nói vậy cho nó oai!" Chứ chả lẽ không có gì?

Và bây giờ thì Quán nhận định là: "mình chỉ có cái kiêu ngạo với lại vô kỷ luật! Có vậy thôi!"

Lại sụt mức đến thế nữa cơ chứ! Quán có vẻ chán nản lắm: "Không bao giờ lấy lại được!" Quán kêu là Quán ở một xóm lao động (*Vân Hồ*) mà người ta không muốn nấu cơm cho tên phản động PhQuán ăn nữa cơ chứ! Tôi nghe lạ tai, không tin, bèn hỏi:

- Thế bây giờ cậu ở đâu?

- Ở... Quán đáp... vẫn ở Vân Hồ...

Tôi cười, không muốn lật tẩy cu cậu: thế nghĩa là, ở Vân Hồ vẫn ở được, tất nhiên vẫn phải có ăn chứ lị!

PhQuán lại kêu nhiều về việc đăng "lời thú tội bước đầu" của PhQ ở tạp chí *Văn Nghệ* số 12. Sao lại thú tội, tự kiểm thảo chứ! Sao lại bước đầu? Sao lại không hỏi ý kiến mình? Thế mà bảo rằng "không nói ra ngoài mọi việc của lớp học", mà bây giờ lại đăng cả lên vậy! Vân vân...

Tình hình

Cuộc đấu tranh cứ lộn đi lộn lại từ B sang A, lại A sang B, báo chí cứ xoay đi xoay lại mãi, cứ như một cái nồi khổng lồ của vô sản chuyên chính, ninh đi ninh lại cho nó dừ cái chủ nghĩa xét lại ra.

Tôi chịu cái hình phạt ấy, nhấ nại và đau khổ. Hình phạt của một người bị bung dừ. Không còn cách nào. Đây không phải là một sự trừng trị cá nhân; mà đây là "chúng ta" trừng trị một phong trào, một trào lưu tư tưởng của chủ nghĩa xét lại... Tôi vừa là một tội nhân. Vừa phải cố tách mình ra, làm một đao phủ thủ, hành hạ cái chủ nghĩa xét lại có thực trong tôi và đám *Nhân Văn*.

HCầm đọc số 12 tạp chí *Văn Nghệ*, có vẻ run, thấy bị "trích". bêu ra công khai. Anh chàng sống cảm tính quá, giấc ngộ cũng chỉ là một thứ "cảm tính phức tạp"! Thấy bị bêu đầu, anh chàng đặt vấn đề: "Có phải là từ lớp học, vấn đề đã bị nêu ra quá to không? Mình vẫn ngờ ngờ ra sao ấy!"

Thanh Châu thì bơm cái chán đời của anh lên! Con người ấy, cả đến cái sự bi quan cũng lại còn "bịa" thêm ra nữa cơ chứ!

TrlêVấn thì ngờ ngác. Một thứ ngờ ngác có lợi.

LĐạt kêu "bị lãnh đạo đánh giá quá cao". Anh kể là NgSáng rất thích cái "cương lĩnh của liên đoàn cộng sản Nam Tư".

Bản thân tôi là một mớ nhiều thứ:

- tội chống đối tôi có thấy, song lại cũng thấy là "có cần phải bị bung quá dừ, quá dai dẳng trên báo chí thế này không?"

- xem xét một số tài liệu để ly khai hẳn với những cái gọi là "stalinisme", "stalino-rakonisme", "jdanovisme".

- lo nay mai, cải tạo lao động sẽ bị *surménage*! Còn có tương lai gì nữa được! *Surménage* thì tương lai tức là ở trong bệnh viện, nếu không phải là ở một nấm mồ nào đó...

Cái lo này là chỉ đạo, thời gian này, chờ "án"... Còn sự "*thấy mình bị bung quá*", nó lộn đi lộn lại, mờ nét, mông lung, mãi sau mới rõ hình thù ra, tức thì nó bị tôi dồn đánh ngay: nó chỉ là một biến tướng của tư tưởng làm *martyr* từ 3 năm nay mà thôi.

Ông bạn Nam Tư

Liên đoàn những người cộng sản Nam Tư vừa bướng bỉnh thông qua một bản cương lĩnh, tinh thần và lý luận đối địch với Hội nghị Mátxcova.

Về thế giới, Nam Tư không công nhận lý luận về "hai phe"; về ngoại giao, không công nhận Liên Xô lãnh đạo, ngược lại còn gán cho Liên Xô là "*bá quyền chính trị*", với lại "*bóc lột*" các nước xã hội chủ nghĩa tiến chậm! Về nội trị, Nam Tư chống việc đề cao nhà nước vô sản chuyên chính, mà lại đòi phải đi ngay vào đường "*tiêu diệt nhà nước*", đồng thời giao quyền cho quần chúng và cho những quy luật tự phát của xã hội!...

Tức là quan điểm Nam Tư về các vấn đề căn bản đều nghịch với quan điểm của phe XHCN đã xác định ở Hội nghị Moscou.

Rất lạ, làm sao Nam Tư lại sẵn sàng gán cho LXô là bóc lột với thống trị, đồng thời lại hân hoan cảm ơn sự viện trợ Mỹ (*đã tới 800 tỷ đô-la*)!

Đây không phải một *coupe de tête*! Mà là một hành động có cân nhắc của Nam Tư, nhất là sau Hội nghị Mátxcova, việc này chứng tỏ cái đầu óc của Tito nó cứng và bướng, bằng đá!

Như vậy, khả năng tranh thủ Tito, xem chừng mảnh lắm. Tito đã quyết đương đầu cái gọi là "*chủ nghĩa Staline*", và đã quyết đi con đường "kế tục Mác" của mình kiểu ấy, thì tương lai sẽ ra sao?

Không có gì tỏ Tito lui. Cũng không có gì tỏ rằng LXô và phe XHCN nhân nhượng!... Vậy kết cuộc sẽ ra sao?

Có lẽ lần này Tito sẽ bị một đòn nặng, một cái gì na ná năm 49 mất!

[...]

13-5

Không khí

QPhòng nói với QDũng về việc đấu tranh tu tưởng kỳ này:

- Mình thấy là làm quá!

QDũng xô lá, nháy mắt hỏi lại: "Sao?"

QPhòng giật mình, nói chữa:

- Mình nói là làm kỹ quá! Tốt! Tốt lắm!

17-5

Miền Nam

Miền Nam cần lại trả thù cái đòn "*công hàm*" 7/3⁷ của ta, bằng nhiều cách:

- ra tuyên cáo chia lại mũi nhọn vào LXô và Đảng

- phản tuyên truyền về việc đấu tranh *Nhân Văn Giai Phẩm*

Trần Chánh Thành bộ trưởng bộ TTX Thanh Niên của Diệm, đầu sỏ báo *Dân Chúng*,- hẳn làm một chiến dịch xuyên tạc việc đấu tranh văn nghệ, tung tin 17 văn nghệ sĩ "*dũng cảm*" bị "Việt Cộng" bắt, in lại *Nhân Văn Giai Phẩm*, khuyên người ta nên đọc đó mà xem, "*khỏi còn có ảo tưởng gì về sự tự do của Việt Cộng*"!

Tóm lại, luận điệu chúng rất là Mỹ, nghĩa là vu cáo đến *cynique*, bịa đặt đến ngu si, gian ngoan đến lộ liễu.

Tôi bị cái nhục chúng nhắc đến trong sổ văn nghệ sĩ "dũng cảm" kia; tất cả sổ văn nghệ sĩ đó đều đã thấy rõ tội lỗi của mình trong cuộc đấu tranh tư tưởng vừa qua. Tất nhiên mọi cuộc đấu tranh tư tưởng đều có cái gay go cần thiết của nó, nhưng đây là cái gay go của sự cứu vớt, cái gay go của tình yêu của Đảng, phải kiên quyết cứu sổ văn nghệ sĩ đáng giận kia ra khỏi cái cũ của chủ nghĩa xét lại. Đây là chuyện bắt bớ, cầm tù? Có chuyện ấy, nhưng lại ở Sài Gòn, hàng chục văn nghệ sĩ bị đưa ra toà, chỉ vì tội tự do ngôn luận chính đáng, họ đã nói tới vấn đề thống nhất, có vậy thôi! Ở Hà Nội này, người ta lại khuyến khích việc đòi thống nhất, tha hồ thả sức mà nói! Ở đâu, có tự do yêu nước, tự do bàn đến số mệnh của Tổ Quốc, Sài Gòn hay Hà Nội? Ở đâu, những văn nghệ sĩ chỉ vì thi hành cái quyền công dân của mình mà lại bị tù hàng loạt?

Sự thực, ở Hà Nội, ta có bắt 3 tên NhĐang, MĐức, ThAn. Nhưng sao lại gọi họ là văn nghệ sĩ? NhĐang là một nhạc sĩ chẳng? Hay một họa sĩ, một thi sĩ? Tuyệt nhiên không phải, cả đến gọi là phê bình hay nghiên cứu văn học cũng không phải. NhĐang chỉ là một thủ lĩnh chủ nghĩa xét lại, nhờ những sơ hở trong văn nghệ nhảy vào mà phá, MĐức là một tên phá hoại làm nghề xuất bản, hẳn vừa có cái căm thù chế độ miền Bắc, vừa có cái đầu óc buồn tên người, coi văn nghệ sĩ là những món hàng, nhìn văn chương thành ra những tệp giấy bạc lờ lãi, đánh giá sự hay dở của tác phẩm duy nhất trên tiêu chuẩn bán chạy hay không, quan điểm "best seller" trong văn nghệ! Còn Thụy An, đó quả là một mục có viết lách tí tình, song mục bị bắt không phải vì tội "cầm bút", mà vì tội làm gián điệp!

Vậy thì, ai là văn nghệ sĩ bị bắt ở Hà Nội?

Đây là chuyện "khủng bố"? Nếu nói khủng bố thì ở miền Bắc này người ta không quen nói chuyện với văn nghệ sĩ bằng quả đấm hay lưỡi gươm luật pháp! Có cần nhắc lại không? Năm ngoái Tổng Thống đã nhờ đến du côn đem đá đến nói chuyện với báo *Tiến Thủ* thế nào? Năm nay mấy chục nhà báo ra trước vành móng ngựa của toà "bất công lý" Sài Gòn?

Ngược lại, ở Hà Nội, nên dùng chữ cứu vớt thì đúng hơn. Bàn tay khoan dung của Đảng đã kéo những kẻ lạc đường ra khỏi cái tư tưởng độc địa của chủ nghĩa xét lại! Sao lại vu cho là khủng bố?

Un grand mensonge cousu de fil blanc!

21-5

Một cuộc hội đàm bí ổi (TPhác kể)

TPhác kể về Vcao và HCầm. Lắm chuyện lạ. cầm tù lớp về, đàm buồn, và hồi là đã tổ bạn. Anh ta lại đi *pum*, nhà người anh họ, nhưng theo anh ta nói vì "đến bất ngờ, họ kéo vào!" (Chú ý: bất ngờ mà lại bất ngờ những hai lần?).

Trong lớp, anh ta "tố" tợn, chắc tính rằng từ nay về là "dựa hẳn" lãnh đạo. Còn bạn bè cũ phen này là đi toi cả rồi. Song, trở về thì thấy khác! Sờ vào lãnh đạo cũng chưa thấy cái máu nào mà víu cả! Mặt khác, VCao lại vẫn thấy "đình huỳnh"! Khả dĩ vẫn có thể là một cái tay vịn. Khổ thân cái kiếp anh chàng, suốt đời cứ quần quanh tìm cái cọc cho cái thân thể dây leo của mình. HCầm bèn tìm cách "trở về" với tiên chỉ. Cũng phải nói thêm, rằng ít lâu nay, thái độ của PhCung (*thằng Đang nó bảo: đéo mẹ thằng HCầm, nó khai bố láo cả*) hay của Hữu Loan (*khi kiểm thảo trước cơ quan HLoan 2 lần chửi xỏ: thằng HC hèn nhất!*), những cái đó làm cho HCầm "nghĩ ngợi", nhụt cả kết quả lớp học. Và cuộc đời, nó có cái bình thường "hỗn tạp", của nó, không giống không khí cách mạng của lớp học, cuộc đời Hà Nội đã ít nhiều làm "hả" HCầm đi. Anh chàng một hôm viết thư cho VCao, đại ý nói muốn thanh minh về chuyện lớp học, song nhà VCao thì nguy hiểm, thì mời VCao đến nhà mình!

VCao nhận được thư ấy, không biết nghĩ sao, bèn đi gặp NđThi, đem việc ấy ra báo cáo, và xin chỉ thị "*xem có nên đi gặp HCầm hay không?*"

Dĩ nhiên NđThi không thềm ngăn cản một cái việc chẳng có gì là nguy hiểm mà phải xin chỉ thị ấy!

VCao đến gặp HCầm, phó Lý Quốc Sư.

Một cuộc "hội đàm" bí ối bắt đầu. HCầm khúm núm, nhận là mình dốt, bị đánh quá, mụ đi như "một con đồng", họ hỏi đâu thì cứ phun ra tuồn tuột, không còn nghĩ ngợi gì cả nữa! Thế cho nên, khi về HCầm "*không dám đi gặp anh em*" nữa, sợ bị trách, ngượng mặt! Tóm lại, tức là sau khi đã thành khẩn thú tội trước Đảng trong lớp học, thì bây giờ HCẦM lại thành khẩn thú tội trước "*tiên chỉ VCao*"!

VCao lên mặt hách. Anh hạch tội HCẦM, chẳng hạn: - *pum* thì có phải là chống đối đâu, sao lại khai? Anh lại bảo là HCẦM tố điều, để che giấu cái việc có "*Đảng phá chính trị*", đánh lạc lãnh đạo đi về hướng anh! HCẦM thì nói hiện tượng, TDần thì nâng lên "nguyên tắc", đều là cái "*âm mưu che đậy cái tổ chức chính trị ấy*". Anh lại nói là việc ấy, anh đã báo cáo lãnh đạo.

Hơn nữa, anh lại còn *cynique* đến nước nói là: "*Tao chỉ có tội chống THỮ, chứ tao có chống ĐẢNG đâu? Toàn là chúng mày làm đổ vấy cho tao! Sao không tố những điều tốt, tao đã khuyên răn chúng mày?*" (Ồi chao, lại có điều tốt VCao khuyên anh em nữa cơ chứ!)

Cuối cùng, VCao bảo thẳng mặt HCẦM rằng tính mày hay mách lẻo thì nhớ cho kỹ nội dung cuộc gặp hôm nay đấy, có mách thì mách cho đầy đủ!

Cuộc hội đàm bản thỉu ấy xong rồi, không biết VCao có về báo cáo lãnh đạo hay không?... Nhưng HCẦM thì có: anh ta gặp NđThi, báo cáo ra sao không rõ, nhưng cũng có thể đoán là anh ta chắc không báo cáo đúng về riêng cái phần của anh!

TPhác kết luận: Cả hai thằng đều như hai con đĩ rạc đĩ rời cả. Bản hết chỗ nói.

Hôm sau, tôi gặp HCẦM, có cả LĐạt, ở Hội Nhà Văn. Tôi xạc HCẦM, sao lại làm thế, VCao nó khinh. Cụ thể, là khi về, VCao nó có rêu rao là vì mày thấy Đảng vẫn bảo vệ nó, nên mày lại định xun xoe dựa nó! Việc gặp VCao thì không sao, nhưng nội dung không thể như thế được!

Xạc HCẦM xong, tôi lại xạc VCao (*chắc rằng những lời đó sao cũng tới tai anh*). Tôi nói: VCao không có cái quyền gì đi "hạch tội", anh em như thế! Đứng trên tình bạn hay trên lập trường Đảng, đều không có quyền ấy. Mà lại còn "vu" tổ chức chính trị cho anh em, thật là một sự vu khống rở tiền mà bản thỉu!...

Nếu như VCao trách anh em là đã vì dốt, vì hèn mà "tố" anh, lời trách ấy cũng chỉ là trách trên quan điểm vẫn đứng ở chống đối mà trách, dù sao nó còn có lý một chút! Chứ bảo là "tố điều", là "đổ vấy" thì hoàn toàn sai!

Sau đó, tôi cũng khuyên HCẦM, thôi cái sự *pum* đi. Thôi cái sự lảng quảng đi tìm chỗ dựa kiểu ấy! Mà bây giờ chỉ có một con đường "*dựa hẳn vào lãnh đạo, còn bạn bè thì chỉ là chỗ giao du tình cảm, đứng đắn mới được! Không nên tiếp tục cái lối "thành khẩn" đó với "tiên chỉ"*!

Nhân câu chuyện, HCẦM có hỏi, tôi mới nói rõ cái việc tôi đã "tố" VCao, ĐđHưng là nghĩa làm sao?

Thực ra, trước khi HCẦM báo cáo, tôi dự định là giữ VCao và ĐđHưng lại, như là "*giữ lại một nửa thành phố, chỉ đầu hàng một nửa*", để sau đây về thì sẽ còn chỗ làm ăn, sẽ cải tạo hòa bình thôi, như vậy khỏi bị bí thế quá. Nên báo cáo tổ, bị hỏi, bị dồn, bị truy nữa, tôi vẫn giấu quanh, không chịu thú cái một nửa thành phố đó!

Đến lúc HCầm báo cáo, tức là HCầm "*rendre*" hai ông bạn quý đó rồi. PhVũ lên tố thêm VCao. LĐạt thì chỉ xác nhận, tố thêm tí tình, còn bao che ĐđHưng nhiều. Hơn nữa, qua báo cáo HCầm và LĐạt thì tôi "được" đưa lên mũi nhọn, "được" hội trường chờ đợi rất ghê!

Bão lúc ấy châu chực trên đầu lâu tôi!

Tôi phải tính kế, vừa thoát thân, vừa thoát cho 4 thằng đang bị dồn đánh ghê gớm (*TD, HC, LĐ, TPh*), vừa để sao cho VCao, ĐđHưng hiểu mình, qua cái ý ngầm của bản báo cáo!

Cụ thể, tức là tôi nghĩ rằng: "Bây giờ chỉ còn con đường duy nhất, là đầu hàng Đảng. Không có con đường khác. Mà đã hàng thì hàng thực sự, về sau mới thực sự trời êm bể lặng được. Thế nào là hàng thực sự? Hàng thực sự là: mỗi người phải ra mà gánh lấy cái phần bảo, do chính trách nhiệm mình gây ra! 4 thằng đang chịu cái trận bão đó rồi, còn hai ông anh VCao, ĐđHưng thì xin nhờ đến vai hai ông, mang vác lấy cái phần của các ông! Chẳng lẽ mà ai nhận vợ lấy cái phần đó được! Gọi là cái nghĩa đồng sinh đồng tử! Nếu các ông nhận được ra điều đó, thì trở về với Đảng cả, lại còn bạn còn bè. Làm ăn tử tế, thì về sau, tội được nhoa đi, cả 6 thằng lại khá giả cả. Còn như ông anh nào không hiểu, vẫn khăng khăng ở đường cũ, mà trách oán nhau thì, đó, thôi, *aurevoir*, mỗi người tự chọn lấy số phận của mình!"

Đến giờ tôi vẫn cho chủ trương đó của tôi là đúng, nó có cái lương thiện và thông minh của nó. Đứng trước Đảng, trước bạn bè, tôi không có gì phải nghĩ lại cả.

Thực tế đã chứng minh cho giá trị chủ trương đó. Quả nhiên: ngay trong lớp học, bão cũng đã ngàn đi dần dần trên đầu 4 thằng, và sau khi chuyển mạnh sang đầu 2 thằng kia ít bữa, rồi nó cũng ngàn đi.

Đến sau lớp học nữa, thằng nào cũng đều được sống trong một không khí được giải vây tương đối dễ thở. Với thời gian, chắc nó sẽ càng dễ thở hơn.

Chỉ có cái là trong bộ 6 thì có một sự phân hoá của trách móc, hằn thù... HCầm có vẻ khổ! LĐạt tự cho mình là oai nhất, "*đúng nhất, vừa mức nhất, không vấy cho ai!*", LĐạt cho tôi là "*quá mức!*", ĐđHưng thì kể cả: "*Tất nhiên có chuyện đó, nhưng đã thuộc lịch sử rồi!*" TPhác khó hiểu, vừa ghét HCầm. vừa ghét VCao mà vẫn nói lại một phần, còn đối tôi thì lại bảo là: "*anh ghê nhất, anh giỏi nhất!*"

Tóm lại, có một sự lục đục phức tạp và vô nghĩa lý chưa thể kết luận ra sao.

Riêng tôi nghĩ: một sự lục đục tất yếu, ở đó sẽ nảy ra một sự phân hoá rất tốt, đồng thời cũng sẽ nở ra một sự đoàn kết lành mạnh. Bộ phận nào thực sự đi với Đảng sẽ đoàn kết nhau làm liên minh. Cá nhân hay bộ phận nào đó đi với Đảng hai mặt, hai lòng thì sẽ phân hoá, mà nên có sự phân hoá đáng mừng ấy.

25-5

Bây giờ, trong văn nghệ chỉ còn một *centre de gravité*, một trung tâm lực: Đảng!

Đó là một thu hoạch lớn của cuộc đấu tranh tư tưởng vừa qua. Nó chấm hết cái tình trạng "*Xuân Thu Chiến Quốc*" trước, nát bét, dầm bè bầy mông. Bây giờ, mọi người đã lục đục quay về tập hợp quanh Đảng.

Chính vì vậy, lãnh đạo có một trọng trách, khó và nặng nề, nếu không hơn trước thì cũng khác trước. Tình hình hiện nay là một thứ hỗn tạp mới:

- chủ nghĩa xét lại, khuynh hướng bôi đen đang bị đánh tan tác; bên sự đầu hàng thực sự đó đây còn có kẻ trá hàng.

- chủ nghĩa giáo điều, khuynh hướng bôi hồng đang nhắm nhe góc dậy. Đó đây có lò mặt chủ nghĩa cơ hội, thính mũi mà vô tài.

Văn học đang có cái nguy cơ hạ giá trị, nguy cơ ca ngợi một chiều, chạy theo sự cần thiết trước mắt, nguy cơ bôi bác, và nhất là nguy cơ tràn ngập tác phẩm xoàng, phỉn nịnh Đảng.

Còn cái nguy cơ xét lại đã bị đẩy lùi, tới cái mức: không thể nào hồng phản công lại dù dưới hình thức tinh vi nào. Có chăng chỉ là lẩn lút, nỏ bằng mồm dăm ba quả mìn muối còn vương sót lại trên chiến trường, không tài nào thu dọn hết! Có vậy thôi.

Những điều đó chắc lãnh đạo cũng có nhận định; tôi e rằng lãnh đạo có chiều lỏng tay với chủ nghĩa giáo điều và cơ hội chẳng?

Đây là lúc rất tốt để phát huy đoàn kết, chứ không phải phát huy hằn thù.

Phát huy cảnh giác, không phải phát huy sự nghi kỵ bí ối.

Phát huy sự sáng tạo chân thực, trung thành sự thực, không phải phát huy chủ nghĩa phỉn nịnh rẻ tiền, không phải phát huy chủ nghĩa xoàng xĩnh, miễn là bôi hồng, còn tha hồ cầu thả.

Riêng những người NVGP, tôi thiết nghĩ nên phát huy sự hối lỗi và cải tạo chân thực, không phải phát huy chủ nghĩa cơ hội, tinh thần lập công giả dối; cũng không phải phát huy chủ nghĩa buông tay thả mặc. Đối họ, nên lịch sự hơn, mà tao chi tở nhiều quá rồi, vì: nên phát huy tự giác, chứ không phải phát huy sự phẫn trí của người bị sỉ nhục... Lãnh đạo có phải cùn lý đầu mà phải giữ những ngón tục tằn? Chủ nghĩa nhân đạo không cho phép đè nén, lăng nhục ai, dù một người có tội nặng! Bên ta, một con người xấu nhất, vẫn xứng đáng gọi là ông, là anh, nếu không gọi là đồng chí. Dùng sự sỉ nhục để cải tạo người ta, không thể là một phương pháp cách mạng: vì nó hết sức phản khoa học, phản trí thức.

Đừng bao giờ nữa trở lại cái thời gọt đầu bôi vôi!

VCao

Trong lớp học, lúc bị đánh dữ, NgSáng có bảo tôi là: VCao nó buồn lắm, không khéo nó tự sát mất, hôm qua nó đã nói ra mồm như thế rồi!

Vậy NgSáng thành thật lo lắng. Tôi hiểu chất VCao, nên đáng lý phải lo, thì tôi lại chỉ cười thầm.

Sau lớp, anh chàng vẫn còn cố giữ cái thế "tiên chỉ" trong sự thất thế. Anh nhận định, chê trách người này, ban khen kẻ khác. Chẳng hạn, TPhác thì được ban chữ "*propre*", LĐạt chữ "*digne*". HCầm bị ghét, có lần khinh. Tôi bị tiên chỉ ghét, oán và căm nữa. Hơn thế, VCao còn hách dịch, đi hạch tội cả HCầm.

Thời gian này, cửa hiệu VCao vắng khách. Không ai dám đến đên nhang cúng vái, vị thủ từ nghĩ sao? Buồn làm sao? Và trách oán những ai? Có khi nào tự trách mình không?

Một mặt khác, đối lãnh đạo, VCao lại có cái *sen* khác. Anh tỏ ra mình tiến bộ, và anh mè nheo, dựa trên cái thế *Tiến quân ca*.

LĐạt đưa lên hình ảnh: "*đối Đảng, anh chàng như một con đĩ, vì Đảng chót lờ khi xưa có quan hệ với anh, có con có cái rồi, nay anh chàng cứ dắt con đến mà kêu rên, ăn vạ Đảng.*" v.v...

Anh cứ tuyên bố rất đĩnh đạc là: "*Đảng bảo vệ tao!*" Rằng: "*lớp học đang được trên đánh giá lại, vì phương pháp phát hiện CCRĐ thì không đảm bảo kết quả là hoàn toàn đúng*" v.v...

Anh cũng biết rõ, đối lãnh đạo, cái điểm có thể mè nheo được, chừng có là khi kiểm thảo, anh nói: "*Đảng khai trừ tôi, thì đối với cái Tiến quân ca của tôi thế nào?*" Quả thật đúng là một sự rày rà, nhưng như mọi sự rày rà, nó cũng vẫn có mức độ của nó thôi, nếu VCao vượt chân qua mức ấy, thì sự rày rà đó sẽ hông còn được xét đến nữa.

TPhác nói: "rất lạ, là nó cứ nói với mình, rất *cynique* rằng, nó xưa nay vẫn là người tiến bộ, theo Đảng! Kỳ thế cơ chứ, bao nhiêu lần *pum*, ăn uống, nó nói những gì, bây giờ nó làm như

không có cả! Mà nó lại rất thành thực cơ chứ!" VCao quên thực hay sao? ĐđHưng bĩu môi, sì một cái: "Quên!... Nó thiếu *probité* thì có!"

Đang lúc kiểm thảo ở cơ quan, thì tiên chỉ đi *pum*. Tất nhiên là lãnh đạo phải biết! Một tối anh mò đến THữu. THữu hỏi:

-Có còn chống đối không?

Thôi rồi, VCao nói.

Nhưng *pum* thì vẫn còn chứ? THữu hỏi độp một cái. Khác gì một cái tát.

VCao choáng người, cười xoà, thú nhận và xuê xoa:

-Có một lần... Hì...

Đã mắc chưa?

Chưa... Hì... Buồn quá thì lại đi... hì... chứ chưa mắc! Hì...

VCao về, kể lại chuyện ấy, có vẻ khoe cái sự thân mật của mình với Đảng, đến được cái độ ấy.

"Rồi đi trước khi nhận là có chống đối Đảng, -VCao kể-, thì mình lại đến nhà mẹ Đức. Vừa thấy mình, mẹ Đức đã kêu lên: "Ồi giờ ơi! Cái mặt ông cứ lì xì ra thế kia kia! Giờ hỏi giờ!... Thôi thế thì ông nói ra một câu đi, ông cứ giữ lại làm của làm gì, ông nói ra một lời đi, bây giờ cả nước mong chờ một lời ông nói đấy!"... Mẹ Đức nói thế, nên về mình mới chịu nhận là chống đối Đảng đấy chứ!"

Tức là VCao đã lại đi bóí, xem có nên nhận tội hay không! Mà bóí với toán gì, sao lại kỳ lạ thế!

Hoặc giả VCao có bóí thật, hoặc giả bịa ra, hoặc bóí thế khác, về lại kể ra thế vậy!... Nhưng biết làm sao? Anh chỉ còn có "sự tưởng tượng" để an ủi mình, chúng ta cũng nên giấu lòng bác ái để cho anh còn cái quyền tự huỷ hoại ấy... Tôi có cái cảm giác đứng trước một tay đại phú đang ngồi trên đồng tro cả cái cơ nghiệp bị thui sạch, ngồi đó ôm một cái lọ cổ mà thở than cái huy hoàng cũ.

31-5

HCầm ra toà

Tháng 4 năm ngoái, HCầm phát đơn toà án, kể xấu vợ cả (cô Xuyên), và đòi ly dị. Đâu như là theo gương ĐđHưng, và có cả ý kiến của mưu sĩ đó nữa thì phải. HCầm và HYén lại đi gặp cả nữ luật sư VtHiền nữa. Không hiểu hỏi luật ra sao; chỉ biết là từ đó hai người có vẻ chắc chắn.

Song toà cứ ngâm đơn đó mãi, chưa xử.

Tới nay, toà mới xử. Đang lúc đánh *Nhân Văn* dữ dội, ôi chao, công lý lúc này mới nghiêm sát làm sao. Sự thể thế nào?

Chị Xuyên có đơn kiện HYén, là quyền rũ chồng chị, tức HCầm. Chị ấy lại không kiện chồng, cao kiến đó là tự chị hay do sự mưu tính của ai, nếu có thì phải chăng là do anh chị?

Nhận đơn này, nhân dịp đánh *Nhân Văn*, toà đem án ra xử, một buổi chiều nóng nực tháng 5. HCầm, HYén đều ra hầu kiện. Các báo đều có phóng viên, như Thiều Quang chẳng hạn.

Phiên toà căng lắm. Đây là một bài học về đạo đức yêu nhau. BsNguyễn lên kể tội HCầm: Nào "*cô hàng xén răng đen*", nào "*cười như mùa thu toả nắng*", HCầm ngờ đâu thơ anh lại "vận" vào anh khớp thế!

Chánh án cho HCầm nói rất ít, gần như chỉ cho trả lời bằng chữ "có" hay "không". Ví dụ: "hỏi anh rằng, khi về Hà Nội, anh có gian dũ với một người đàn bà đã có chồng không? Anh không cần nói dài, chỉ cần trả lời là có hay không thôi!" HCầm tất nhiên đáp: "Có!" Vì việc ấy có thật. Lại hỏi: "Anh có nhận thấy việc anh làm là bất chính hay không?" HCầm: "có", v.v...

Tức là rất gọn, và rất rõ. Chân tướng phơi trần ra.

Cuối cùng toà tuyên bố: 1) bác đơn xin ly dị của HCầm, 2) không công nhận việc kết hôn giữa HCầm và HYền, coi đó là một việc không hợp pháp. (*Không hợp pháp nghĩa là phạm pháp*). Hộ khẩu sẽ sửa lại cái việc ghi hộ tịch sai lầm ấy.

HCầm ra về như một cái tã.

Anh chàng đọc Kiều. Ngâm mấy câu thơ "*Hãy đi mãi*" như "*khi thế kỷ rung chuông lừa bịp*" (Ồi! Anh có cảm giác bị lừa, ai lừa anh thế? Mà khi tôi làm câu thơ kia, tôi không hề nghĩ rằng làm để bênh vực cho anh!)

Sớm sau, HCầm đến cơ quan, diện mạo suy đồi hẳn. Anh có những nụ cười sượng sùng mà hần học, những tia mắt căm tức, những cử động không tự chủ, nhưng bao trùm tất cả là cái dáng dấp một người thất vọng lớn, bộ điệu rụng rời: anh rũ ra, hơn một cái tã!

Lúc anh thốt ra : "*Công lí gì? Chẳng còn công lí gì nữa!*" Lúc đột nhiên anh hỏi tôi: "*Thành thật có lợi gì không hử mày?*" Lúc anh phân trần "*nhiều điều nói láo. Vu khống. [...]*" Anh xòe cái tay, xĩa eo ợt một cái: "*Vấn biết là bất chính, nhưng về sau mình đã xây dựng đứng đắn thế nào!*" Anh ức lãnh đạo: "*họ không thành thực. Đùng một cái, như thế!*" Có lúc anh lại oán ĐđHưng: "*Vì mình nghe nó, đưa đơn ra toà nên mới đến nỗi này!*" Cũng có lúc anh trách anh: "*Đang lớp học, toà đã định xử. Lúc ấy chưa đánh to như bây giờ. Giá lúc ấy mình đừng đề nghị hoãn lại sau lớp học, cứ để xử ngay, thì không bị thế này... Chỉ vì mình không có mưa meo, tính toán gì hết. Tại mình thành thực quá!*" Sự phân tích thiên tài ấy, HCầm nhắc đi nhắc lại vô số lần. Chẳng hạn, tôi hỏi anh về việc viết thư cho vợ cả, có câu "*Anh yêu em vì hoàn cảnh kháng chiến và vì nhục dục*", việc ấy có hay không? HCầm hơi chau mày, thú thực: "*Chỉ tại mình thành thực quá!... Chứ một thằng có mưa meo, đời nào nó lại viết như thế? Thành thực chẳng có ích gì!*"

Cả đến lúc đi giải, anh cũng quay nghẹo đầu sang phía tôi, vừa đái vừa triết lý về cái thuyết "thành thực" ấy: "*Minh đối lãnh đạo thì thành khẩn hết sức, mà các ông ấy lại cứ nói dối với mình...*" Và anh chép miệng: "*Lần này mình trưởng thành thêm lên*"

LĐạt thì cứ hô hô: "*Cái lối làm như thế sĩ vả, mình không tán thành!...*" Anh nhăn mặt một cái, rúm cả mũi lại, như một con khỉ thấy cái món mắm tôm nó kinh tởm, song, sự kinh tởm chưa kịp kinh tởm hết, thì LĐạt đã khoái trá tuyên bố: "*Mình... thương nó lắm!*" (không biết sao lại thương một cách khoái trá như thế?)... "*Cái việc lãnh đạo mìn cái cầu HYền đi, không cho anh chàng trở về đó, thì mình cho là đúng. Nó sa lầy ở đó... Mình cũng mong cho nó thoát ra... Không biết ông anh nghĩ thế nào, còn đàn em nông nổi thì... em nghĩ như vậy.*" (LĐạt có cái lối xưng "đàn em", cứ như bố người ta vậy!) LĐạt đang phân tích vậy với tôi, thì HCầm chọt vào, LĐạt chọt như một đứa trẻ bị bắt quả tang ăn vụng. Anh chàng len lét, trở về bàn, ngồi đọc *Guerre & Paix*.

HCầm mom men đến, ngả ngón trên bàn, tâm sự với LĐạt. Tôi nghe xa chỉ thấy lồm bồm, những tiếng cười hô hô của LĐạt, ròn rã điểm cho những lý lẽ của anh: "*mìn cái cầu ấy đi*"... "*không cho anh trở lại cái hố ấy*"... "*thế là phải*"... "*còn về sau thế nào không biết*"... "*theo tao, mìn cái cầu ấy đi là có lợi cho mày*". (LĐạt khoái trá nhắc có đến 10 lần cái chữ "mìn cái cầu")... "*rồi về sau, đi thực tế về, suy nghĩ kỹ rồi, bình tĩnh rồi, thì lúc đó, tùy theo, cũng có thể đặt vấn đề lại, chứ không phải là không!*" v.v... Đặc biệt là LĐạt cười tưng lên và nói một câu rằng: "*Tính cậu hay báo cáo, nói ra rồi cậu lại báo cáo sai tinh thần đi! Hi...Hi...*", HCầm ngưng, lắc đầu: "*Không? Mình trưởng thành rồi!*"

HCầm nghe xong ra chỗ tôi, đành lòng mà nói: "*LĐạt nó phân tích, mình cũng đồng ý!*"... Xong anh lại than phiền: "*Các ông ấy cho mình là đứa bạc tình phụ tình dễ như chơi. Có phải đâu! Mình yêu không tính toán... Mà bây giờ mình đã xây dựng gia đình hẳn hoi trên tư tưởng*"

lâu dài, ăn đòi ở kiếp!" Tôi gật đầu: "Con người ta mỗi tuổi mỗi khác." LĐạt hề hề: "nói vậy, chưa hết đâu, ông anh thì có đến sáu, bảy mươi cũng chưa hết." HCầm cãi lại: "Mình yêu HYến thật. Định bạc đầu trọn tình thật... Tôi lại nhắc lại: "Mỗi tuổi mỗi khác, chứ không nhất thiết cứ phụ tình thường xuyên mãi..." Xong tôi lại bảo: "cậu đa tình thì đúng hơn!" HCầm có vẻ thích, anh lại phàn nàn tiếp: "các ông ấy đánh giá mình thế mới bỏ mẹ người ta chứ... Chắc cho rằng ừ thì cắt đứt, nó cũng đau, song cái thằng tình phụ quen rồi thì cũng chỉ dăm bữa nửa tháng là xong!... Đánh giá thế thì chết mình!"

Rồi không hiểu làm sao, anh lại nảy ra một ý nghĩ thật là kỳ diệu nữa, rằng: "có lẽ các ông ấy cho mình là thằng ngoan ngoãn, để cải tạo, nên mới làm thế!" Tôi bật phì cười, ý nghĩ mới ngộ làm sao! LĐạt chạy đến, vừa tự ngẫm nghĩa trong cái gương tử đứng (!) vừa hỏi: "Cái gì?" HCầm lại xĩa tay ỡng ẹo nhắc lại: "Mình vừa nói ra một cái ý mới nữa, là, có lẽ các ông ấy cho mình là để cải tạo nên mới giải quyết thế!" LĐạt phá lên cười, thiên tài như anh cũng không thể nghĩ ra được một cái ý như HCầm thế...

Rồi HCầm chán nản, nói "*chỉ còn tự tử là xong*", anh nói cứ tron tuột đi, nên tôi buộc lòng không tin. Rồi anh lại kêu vô sản chuyên chính gắng quá, và *le socialisme est fait phé l'homme et non l'homme par le socialisme* v.v. Nghĩa là, một số những luận điểm cũ lại lộn về với anh... Lúc nãy anh nói đồng ý với cái chuyện "mìn cái cầu" do LĐạt nghĩ ra, nhưng qua câu chuyện chẳng thấy sự đồng ý ấy ở chỗ nào cả.

Mà anh chàng lại có một cái chủ quan kỳ dị, là anh cứ mè nheo sao lãnh đạo "giải quyết" cho anh, trước khi đi thực tế, để anh được yên tâm!" Thật là một em bé giơ tay kêu mặt trăng! Giải quyết cho anh yên tâm thì chỉ có cách xoá cái bản án mới tuyên bố có cách đây mấy hôm, chưa ráo mực!

[...]

Gặp đồng chí Cương

Chiều thứ bảy, đồng chí Cương gọi "anh em" đến, đồng chí Cương lịch sự gọi là mời. Anh em đến gần đủ số. PhVũ ngồi, đầu cứ cúi xuống, tôi thấy một cái gáy trắng trắng trên cái cổ áo sơ mi hôm đó sồn cổ (*mọi khi thì sơ mi PhVũ không bao giờ là sơ mi sồn cổ cả*). HtLinh yên lặng, mặt như sáp nhẵn lì, con mắt cận gằm xuống, cổ ra vẻ hiền từ. TPhác nửa chừng mới đến, gầy hết chỗ gầy, mặt như một cái xương khô khăng, cậu lững thững đi vào, chọn chỗ cửa sổ ngồi, thông thả cuốn thuốc lá. LĐạt ngồi ghé bành, lợi dụng thời cơ, đã lẻ của anh NgvTý mặt bẹt một miếng thuốc Thăng Long I. ĐđHưng mãi sau tôi mới trông thấy, ngồi một góc, mặt *cynique* nhìn "lãnh đạo".

Trước buổi gặp này, có lảm tiếng "sì sầm", chủ yếu do Thanh Châu thả ra. Theo anh thì Vĩnh Mai đi họp Đảng về bảo rằng kỳ này đi thực tế, lãnh đạo sẽ cho mỗi người 4 vét! ⁶ "Bằng lương một anh lái máy cày rồi còn gì! Phần tử mà được vậy đã là may!" Thanh Châu đặt vấn đề: "4 vét thì mày có đi được không?" Anh nói: "*Xin về nhà kiếm ăn vậy!*" Thái độ anh lo lắng thành thực, nhưng đó là một thứ thành thực ít nhiều "bịa" thêm ra!

Tin ấy gây hoang mang, lo nghĩ ít nhiều. Tôi cho là nó vô lý, vậy mà vẫn lo. Nhiều anh em khác cũng vậy.

Lãnh đạo gặp anh em là đúng lúc. Đồng chí Cương ăn nói lịch sự, người cán bộ chính trị đó trưởng thành hơn xưa khá nhiều.

Cách ăn nói vừa thực, vừa giản dị, làm người ta tin được. Đồng chí nói đại ý: "Sợ không gặp, anh em không được biết nghị quyết Đảng, nghe vớ vẩn mà đâm ra nghĩ ngợi! Trung Ương có chỉ thị cho chúng tôi: "Đã nói cải tạo, thì cải tạo thực bụng đến cùng". Chúng tôi tích cực chấp hành chỉ thị đó. Vì vậy không giải quyết theo như một số đề nghị là giải quyết nghiêm khắc!"

Chúng tôi mời anh em đi thực tế 6 tháng, cơ quan vẫn dài thọ. Trước khi đi thì mời anh em học một lớp 1 tháng. Chúng tôi đang cân nhắc, nên chia anh em vào các tổ, hay tập trung làm một tổ riêng... Kỷ luật thì do các Hội bàn, nếu nặng quá, chúng tôi sẽ có ý kiến, rằng: tình hình này, không nên làm gắt gao quá! Còn nếu kỷ luật vừa, hay nhẹ quá, thì chúng tôi thôi, không có ý kiến." v.v...

Buổi gặp thoải mái.

Những "phần tử" chả đang chờ đợi ở lãnh đạo một sự gì "nặng nề" hơn, nay thấy "biện pháp" dễ chịu quá, thích hợp với tình trạng *"đã xa rời hoặc đã không lao động"* của số đông!

Đi 6 tháng nó như một cái cầu bắc để thí sức, để tới những cuộc đi lâu dài hơn. LĐạt gọi đó là một *cáibaptême de sueur!*

HLoan thì lại vẫn cứ muốn xin ra biên chế, về quê: anh chả đã quen làng, muốn tự lập làm ăn, khỏi bị sự phiền nhiễu với lãnh đạo.

[...]

7-7

Kỷ luật!

Cuộc họp ở HNVăn, 51 TrHĐạo, anh NđThi nhân danh tổng thư ký mới HNVăn, lên công bố nghị quyết cuộc họp Ban Chấp Hành gần đây. Giữa các mục, có mục thi hành kỷ luật những người đã tham gia NVGP:

Anh nói khá rành rọt, ít hoa mỹ. Sự thành thực có trong lời anh. Việc thi hành kỷ luật này nhất thiết phải có. Trung Ương dặn anh là khoan hồng, rất khoan hồng nữa. Thi hành kỷ luật không có nghĩa trả thù. Không có nghĩa phải công bằng theo luật Talion: *"mắt trả mắt - răng trả răng!"* Nó chỉ nhằm 1) đảm bảo ngăn chặn sự phá hoại của tư tưởng xấu, 2) thúc đẩy sự hối lỗi của những người phạm sai lầm. Còn mục đích: nêu gương trong xã hội, không thấy anh Thi nói. Tôi nghĩ đó cũng là một lẽ quan trọng, nếu không thì sự ăn ở trong xã hội sẽ trở nên *impossible!*

TƯ cũng có chỉ thị cụ thể: phân biệt kẻ thù địch chính trị với sai về học thuật, phân biệt người hối cải với kẻ ngoan cố, phân biệt người mắc lỗi lần đầu với kẻ chống đối có lịch sử. Liên Hiệp Hội, Tiểu Ban văn nghệ có thêm: chiếu cố đến công hiến cách mạng.

1: Chiếu theo những điều đó thì bọn Đang, Tửu, PhKhôi, ThAn, v.v... không được hưởng sự khoan hồng. Một số sẽ bị tòa án trừng trị. Còn thì bị khai trừ hết khỏi các hội nghệ thuật. Tiền vay các quỹ các hội, đến kỳ hạn phải trả, tòa án sẽ đòi. Tác phẩm họ, không in, trừ phi, một ngày nào đó họ có biến chuyển căn bản... Nghĩa là xã hội cô lập họ, trừng phạt họ.

Chuyên chính vô sản làm nhiệm vụ cách mạng của mình. Tuy vậy, cách mạng một lần cuối, cũng mở cho họ một con đường: *"Anh có cải tạo lao động không? Hãy thay đổi con người anh thành một người lao động thực sự! Hãy tỏ sự thiết tha tự cải tạo bằng cách ấy!"* - Tính chất cách mạng của chuyên chính vô sản như thế: sự trừng trị bao giờ cũng cố gắng tối đa kèm theo một sự mở đường sống cho kẻ phạm tội.

2. Còn những người khác thì kỷ luật, một thứ kỷ luật giả mau lẹ: Tôi và LĐạt bị khai trừ 3 năm, vẫn là hội viên, quyền xuất bản cũng đình chỉ trong kỳ hạn đó. Do vậy, tiền nợ chưa đòi. (Đâu như ĐđHưng, TPhác cũng bị khai trừ có thời hạn ở Hội Nhạc - Thế là trong *"bộ 6"*, chỉ có 2 người được phân biệt đối đãi: Văn Cao, có lẽ vì thế lực của công hiến *Tiến quân ca*, và Hoàng Cầm, vì giác ngộ sớm trong lớp học.)

3. Thứ nữa, đến cái mức cảnh cáo, đình chỉ quyền xuất bản 1 năm. Như: HCầm, TrilêVân, PhQuán, PhVũ, HtLinh, TLâm, Thanh Châu, HLoan, Chu Ngọc.,

HCầm từ mức trên được rút xuống mức dưới này, chắc HCầm lại nức nở khen sự sáng suốt của lãnh đạo, sau khi anh đã bực bội phản ứng đến tuần lễ, vì việc vợ con phải đưa ra tòa án.

Những kỷ luật này thi hành từ ngày nào? - Tôi quên không hỏi. Việc đình quyền xuất bản, theo anh Thi, là nhằm đảm bảo ngăn chặn sự phá hoại của tư tưởng xấu. Anh cũng nói là, thời gian cũng có thể rút bớt, tùy theo tác phẩm đột xuất. Tốt, thì cũng có thể in, với sự đồng ý của Thường Vụ.

Thế là tôi mất 7 năm, kể từ Hoà Bình bắt đầu sinh sự, cho đến ngày xóa án.

3 năm trước là cái *courbe* của sự sa sút. Tôi mong 4 năm sau là cái *courbe* của sự phục hưng. Tư tưởng người ta, nó cũng có cái luật *mouvement accéléré*. Đó là là một sự an ủi không phải mơ hồ. Tôi thì chỉ khoa học mới có thể an ủi tôi thực sự. Chủ nghĩa Mác đối tôi sẽ là thuốc, là an ủi, là đòn bẩy.

7 năm trong văn học có nghĩa lý gì? Một cái chớp mắt.

Nhưng 7 năm trong đời một con người thì có nghĩa lý lắm! Chớp mắt mãi không xong.

Những sự tất yếu tới phục hưng thắng lợi là: sự thực tâm của tôi, cộng với sự thực tâm của lãnh đạo... Điều tất yếu đó sẽ tác động quyết định, xuyên qua tất cả sự rậm rịt của bao nhiêu ngẫu nhiên: thành kiến, ghét cá nhân, nghi kỵ, đổ kị nữa...

Nhỏ neo

*Hãy hạ biển những con tàu mốc
Hãy quạt lò! Tích trữ than đen!
Tôi có tội đã nằm thiu hải cảng
Tàu tôi! Nào! Hãy nhỏ neo lên!*

*Đi! Cầm bút là nghề du mục!
Thơ ca là Khoa học Bách khoa: -
Tôi là tuyết Bắc Kinh, là thợ lò Cẩm Phả
là chân sào Đa-nuýp, là Thơ!*

*Còi đã hú! Con tàu buồn quay mũi
Một đồng mùi xoa nhọt nhạt bến tàu
Đây là lúc chiến tranh tình cảm
Chào con ơi! Chào mọi thói quen! Chào!*

*Tôi! - Được phú nhiều khả năng vượt biển!
Nằm đây ư? - Ngứa lở thân tàu!
Chủ nghĩa cá nhân! - Mà đã giam tao
trên một xứ mưa rồ tuyết đại!*

*Cám ơn Đảng! - Đã nhỏ neo xã hội!
Nhỏ neo này hơn mọi nhỏ neo xưa
Đi! Tải đá! - Những nơi cần kiến trúc
Những triền sông, hải cảng đợi chờ!*

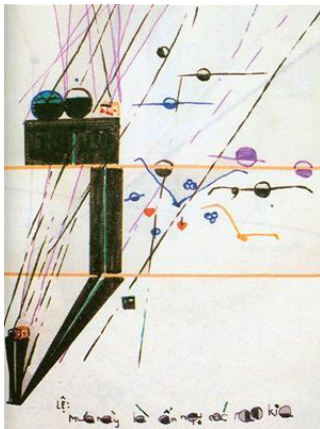
7.1958

Kỷ niệm đầu năm 1958, bão lớn tư tưởng. Tôi nhỏ neo khỏi hải-cảng-xét-lại.

Trần Dần
Ghi (1954-1960)
td mémoire, Paris 2001
(trang 244-290)

1. Bộ 6 *Giai Phẩm Mùa Xuân* gồm: Hoàng Cầm, Văn Cao, Lê Đạt, Trần Dần, Sỹ Ngọc, Tử Phác.
2. Việt Bắc: gọi tắt trường ca *Đi! Đây Việt Bắc!* (tức Bài thơ Việt Bắc, trong đó có chương Hãy đi mãi).
3. *Tiếng sáo tiền kiếp*: tác phẩm của Trần Duy.
4. Nội dung số 6: tức *Nhân Văn* số 6 (số cuối cùng) đã in nhưng không được phát hành.
5. Mấy người tự tử: Gọi tắt bài thơ *Chuyện mấy người tự tử* của Lê Đạt.
6. Vết: có lẽ là tiếng lóng, chỉ "vạn".
7. *Công hàm 7/3*: Công hàm ngày 7.3.1958 của chính phủ nước VNDCCH gửi Ngô Đình Diệm đề nghị trao đổi buôn bán, bình thường hoá quan hệ, tạo điều kiện thuận lợi đi đến thống nhất đất nước.

Phụ đính I:



Tranh Trần Dần

Phụ đính II:

Thơ Trần Dần
Dương Tường
(tháng chạp, Bính Tuất)

Diễn Đàn xin cảm ơn nhà văn Dương Tường đã gửi tặng trang thơ này do ông tuyển chọn, Diễn Đàn xin giới thiệu với bạn đọc. Tuy trang thơ này đã đăng trên Tiền Phong chủ nhật ngày 5.11.2006, tờ báo này không có trên mạng. Xin đọc thêm bài phỏng vấn Dương Tường trên báo Người Lao Động ngày 21.01.2007

Lời tòa soạn:

Nhà thơ Trần Dần để lại di sản khổng lồ gồm hơn 200 hồ sơ, xếp trong 24 cặp lớn. Được biết, gia đình và bạn bè nhà thơ đang chuẩn bị xuất bản cuốn Thơ Trần Dần, tập hợp những sáng tác và thể nghiệm của ông qua nhiều giai đoạn. Chúng tôi trân trọng giới thiệu một trang thơ Trần Dần cùng bạn đọc. Xin cảm ơn nhà thơ Dương Tường đã cung cấp bản thảo.
(Tiền Phong chủ nhật, số 45, ngày 5.11.2006)

Tình yêu

Gửi em K() những ngày phải xa nhau
(*) K. tên viết tắt của bà Bùi Thị Ngọc Khuê,
sau này là vợ của nhà thơ*

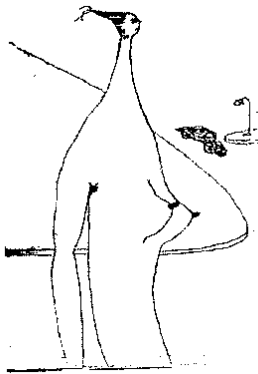
Em ơi
 anh không ngủ được
 bốn đêm rồi !
Nhớ em
 đường phố Sinh Từ
 đen cả mũi
 mùi than
 mùi bụi
Nhớ gian nhà
 bây giờ
 lùi lũi
 một mình em
Em ạ
Tình yêu không phẳng lặng bao giờ
Nó đè sóng
 đề mưa
 nổi bão...
Tình yêu
 không phải chuyện
 đưa cho nhau
 ngày một bó hoa
Nó là chuyện
 những đêm rờn
 không ngủ
tóc tai bù
 như những rặng cây to
nó vật vã
 những đêm trời động gió
Tình yêu
 không phải là
 kề vai mợ
 sầu mộng dưới trăng mòn
mà phải sống
 phải cời trần
 mưa nắng
phải mồ hôi
 chảy đầm
 tận buồng gan.

Tình yêu không phải
chuyện ngàn năm
kề sát má
mà bỗng dưng –
một quả tim chung
phải bỏ nó
làm
đôi
người một nửa
người
ôm một nửa...
Tình yêu
không phải là
những chiếc toa đen
con tàu cuộc sống
tùy chuyến đi
mà cất bỏ
hoặc nổi thêm
Mà tự nó là
Một đầu tàu hỏa
có nghìn toa
buổi – sáng
buổi – không đèn
Triệu mã lực
con tàu điên
tàu dại
nó đâm bừa
gãy căng
ngày đêm
nó hú chết
thời gian
khoảng cách
nó rú lên
trên trái đất
chưa người
chưa xã hội
chưa luân thường
ước lệ...
Tình yêu không phải
chuyện bạ sao yêu
cũng được
nó lạ lùng
như giữa một trời sao
triệu triệu ánh
Chỉ có anh
đã khản tiếng
kêu gào
mới gọi được
vì – sao – em
hay khóc

Và có em
đi mãi đến mê
người
mới dừng lại
ôm mình anh
buồn tủi
vì – sao – anh
rốc lửa
xém bên trời...
Tình yêu
không phải
có hoặc không
cũng được !
mà nó như là
những vần thơ
những bắp thịt
những đường gân
tổ quốc

Em ơi
em lại khóc
em à ?
Gian nhà vắng
con chó nằm nó rú...
Anh mới đấm lên trời
dẫm quả đấm
bao giờ anh
ngồi
chết
một gian buồng
bốn bức tường
nó giữ chặt người
anh
để giáo dục anh về nhiều chuyện
và chuyện yêu
- là câu chuyện chúng mình...
Em đọc kỹ
trang thơ này nhé
Em đếm xem
bao chữ
bao vần
cũng tựa bao đêm
em ngắm trời sao
em đã thấy
một vì sao
ngắt ngưỡng
vì – sao – anh
nó chuyển bốn bên trời

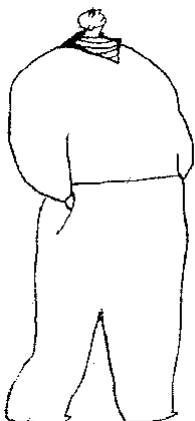
đuôi nó cháy – đúng là
 vì sao dữ
 Anh cho phép
 em khóc nhiều
 khóc nữa
 Em ơi
 tình yêu em
 không có tuổi bao giờ
 mười thế kỷ
 vì sao
 anh
 vẫn cháy...



(tranh minh họa của Trần Dân)

Thơ mi-ni

Tác phẩm là bản gốc ? đời là bản sao ?
 Ôi Ôi, luôn tam sao thất bản
 Tôi khóc những chân trời không có người bay
 Lại khóc những người bay không có chân trời
 tôi khóc những chân trời - bụi đời
 Ở đó: vắng người
 không có người biết khóc – các chân mây
 vô tư như thuở ngày xưa
 Nhìn một vì sao
 buồn bên ngưỡng cửa
 Em hãy giữ gìn đôi mắt lệ.
 Đừng đau nứt lệ hạ huyền
 Nỗi buồn sáng thế còn nguyên.
 1988 - 1989



Bài hát người lớn

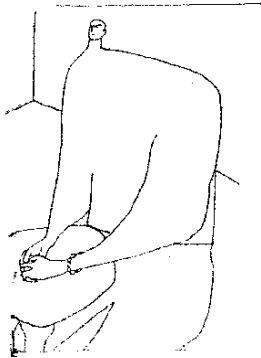
Đi chơi! đi chơi!
Đầu trục bình vôi
Hai tay hai hòn sỏi
Đi chơi! đi chơi!
Hai tay hai hòn sỏi
Đầu trục bình vôi...

Đi chơi! đi chơi!



Không đề số 4

Mưa rơi phay phay
Ngã tư năm ngoái
Biết tôi khờ dại
Em đi không sao chống cự nổi
Đại lộ tai hại
Em dài man dại
Em dài quên che đậy
Em dài tê tái
Em dài quên cân đối
Em dài bối rối
Em dài vô tội
Em dài – khổ tâm...

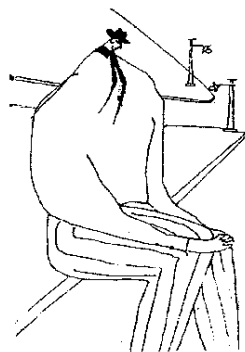


Chiều vô nghĩa

Gió thổi quá tay
Lạnh cây Bàng bé
Chiều thu cổ lỗ sĩ
Công viên đồng chí
Sương sa cà khịa
Cho tôi một ngày chức năng vô lý!
Để tôi ngồi vô nghĩa nhất
Vô tri...

Ngã tư xưa

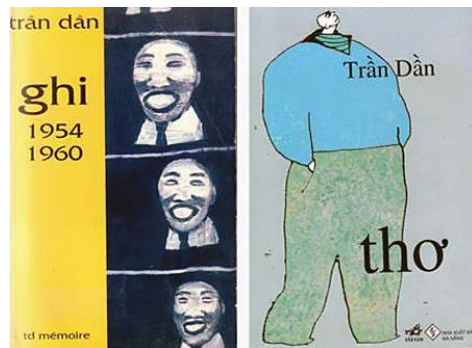
Anh muốn rao lên cho làng nước biết
hôm nay em bạc đãi một người.
Nhưng em ơi! anh chỉ đến ngã tư xưa
anh đứng dưới một ngôi đèn bỏ.



Đoạn kết

Cấp cứu! Cấp cứu!
Ô tô chẹt lá chết...
Một cặp đi ngang đường bệt
Hãy để tôi đi tìm đêm trắng vườn quýt!
Điện thoại kêu thét
Con cóc đi xa

Chương ba tiểu thuyết
Hành trình!... Hành trình!...
Không thấy sương bay thành vệt...



Trần Dần

Thụy Khuê

Trong 40 năm sau Nhân Văn, Trần Dần đã chỉ thấy những *hòm bản thảo* của mình: 2/3 bị tiêu tán, mực nát, 1/3 còn lại bị kết án chung thân trong trạng thái *nằm*. Vậy mà vẫn viết. Viết đều. Bởi ông cho rằng viết hay *ghi* là phương pháp duy nhất *nói chuyện với mình* khi không thể nói được với ai. Từ 1958, “*ghi trở nên một hình phạt*”, người thanh niên 32 tuổi ấy đã bị “*đòn ngắm quá cuồng tim rồi*”. Tác phẩm chịu chung số phận với người: gần 30 tập thơ, 3 cuốn tiểu thuyết, và không biết bao nhiêu bản thảo đã bị mối mọt.

Chúng tôi tổng hợp một số tài liệu khác nhau để dựng lại một tiểu sử, một con người, được nhìn từ nhiều phía, rút từ chính văn bản của Trần Dần và những thông tin thu lượm chủ yếu trong các tài liệu sau đây: *Con người Trần Dần* của Hoàng Cầm (Nhân Văn số 1, 20/9/1956); *Sự thật về con người Trần Dần* của Vũ Tú Nam (Văn Nghệ Quân Đội số 4, tháng 4/1958); *Vạch thêm những hoạt động đen tối của một số cầm đầu trong nhóm phá hoại Nhân Văn Giai Phẩm* của Từ Bích Hoàng (VNQĐ, số 5, tháng 5/1958); *Con đường đi của Phùng Quán, con đường sai lầm điển hình của một người viết văn trẻ* của Nguyễn Ngọc (VNQĐ, số 4, tháng 4/1958); Nhật ký *Trần Dần ghi* (Phạm Thị Hoài, biên soạn, nxb Văn nghệ, Cali 2001); *Những ngày thử thách*, trích hồi ký của Vũ Tú Nam (chép lại 25/10/2006, tạp chí Nhà Văn số 3/2007, in lại trên Talawas.)

Trần Dần tên thật là Trần Văn Dzần, sinh ngày 23/8/1926 tại Nam Định trong một gia đình giàu có. Mất ngày 7/1/1997 tại Hà Nội. Đậu Thành chung ở Nam Định, rồi lên Hà Nội, học tiếp, đậu bằng Tú tài. Năm 1946, cùng với Đinh Hùng, Trần Mai Châu, và Vũ Hoàng Địch (em ruột Vũ Hoàng Chương) chủ trương nhóm Dạ Đài. Trần Dần, Trần Mai Châu và Vũ Hoàng Địch cùng ký tên vào bản “*Tuyên ngôn tượng trưng*” trên Dạ Đài số 1 (16/11/46), nhưng Đinh Hùng mới thực là “*chủ soái*”, bởi thơ Trần Dần, Trần Mai Châu, Vũ Hoàng Địch, và Nguyễn Văn Tậu chịu ảnh hưởng sâu xa thơ Đinh Hùng. Bài *Về nẻo thanh tuyền* của Trần Dần có giọng rất Đinh Hùng:

Đời bỏ ta nằm dưới Thủy Cung

Mờ đi! ơi ánh nguyệt vô cùng

Hồn ta qua xứ ma làm loạn

Nên thác trong đường trận hỏa công

(*Thơ Mới 1932-1945*, phụ lục, Lại Nguyên Ân sưu tập, nxb Hội nhà văn, 1999).

Năm 1947, Trần Dần về Nam Định, tham gia kháng chiến, làm công tác thông tin. Được kết nạp vào đảng ngày 19/8/1948 [Vũ Tú Nam, *Sự thật về con người Trần Dần* (STVCNTD)].

Năm 1951, sau khi dự lớp chỉnh huấn “có kết quả”, Trần Dần được phụ trách huấn luyện đoàn Văn công quân đội. Vì “đả kích cán bộ sáng tác” nên bị kỷ luật và bị chuyển về Tuyên huấn.

Làm việc trong tuyên huấn đến 1953 (Vũ Tú Nam, STVCNTD).

1954 tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ, viết tiểu thuyết *Người người lớp lớp* (nxb Quân Đội Nhân Dân, 1954). 10/10/54 được cử đi Trung Quốc viết thuyết minh cho phim Điện Biên Phủ.

10/12/54 trở về Hà Nội. 24/12/ 54 bắt đầu tổ chức các cuộc thảo luận đòi thay đổi chính sách văn nghệ quân đội.

Tháng 2/55, Trần Dần viết bản *Đề nghị Chính sách Văn nghệ*.

Trong tháng 3 và 4/55, Trần Dần và Tử Phác tổ chức Phê bình tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu và tiểu thuyết *Vượt Côn Đảo* của Phùng Quán.

Tháng 4/55: Bản *Đề nghị Chính sách Văn nghệ* không được Tuyên huấn thông qua.

23/4/55: Trần Dần quyết định viết đơn giải ngũ, dự định đến đường cùng sẽ ra đảng và kết hôn với cô Bùi Thị Ngọc Khuê, bất chấp quân kỷ (Trần Dần ghi).

16/5/1955: Trần Dần gửi đơn xin ra khỏi bộ đội và ra Đảng. Hoàng Tích Linh xin ra khỏi bộ đội (Hồi ký Vũ Tú Nam).

13/6/1955: Tất cả các tổ Đảng ở Cục Tuyên huấn phê phán lá thư xin ra khỏi Đảng và quân đội của Trần Dần là chống đối, phá hoại tổ chức Đảng (Hồi ký Vũ Tú Nam).

13/6 đến 13/9 Bị giam 3 tháng trong trại, Trần Dần ghi trong nhật ký “*Ba tháng bị giữ lại kiểm thảo*”, “*Nọc bệnh: anarchiste*” “*Khi xưa phản đối xã hội cũ bằng symbolisme* [Tuyên ngôn tượng trưng], “*Bây giờ phản đối những cái sai trong lãnh đạo văn nghệ bằng loạn ấu*”. Sáng tác *Nhất định thắng*, đưa cho Lê Đạt giữ (Hoàng Cầm, *Con người Trần Dần*).

21/6/1955: Liên trong một tuần, từ thứ 2 đến thứ 7, chi bộ khai trừ Trần Dần và Nguyễn Anh Chấn [Tử Phác]. Về Nguyễn Anh Chấn, tổ chức quyết định đình chỉ công tác và sinh hoạt Đảng để kiểm điểm (Hồi ký Vũ Tú Nam).

Từ 3/11 đến giữa tháng 2/56 Trần Dần, Tử Phác phải đi “tham quan Cải cách ruộng đất đợt 5” ở Yên Viên (Bắc Ninh), thỉnh thoảng được về Hà Nội hoặc Hoàng Cầm, Lê Đạt lên thăm. Trong thời gian này, Trần Dần ghi lại bị kịch kinh hoàng Cải Cách ruộng đất trong nhật ký, với những chi tiết, những con số, những màn đấu tố, những cảnh giết người. Đó là một tài liệu lịch sử và xã hội vô cùng quý giá. Khi biên tập *Trần Dần ghi*, Phạm Thị Hoài cho biết, chị chỉ đưa một phần, còn để lại dành cho cuốn riêng về Cải cách ruộng đất. Nhưng cho tới nay, vẫn chưa thấy tác phẩm này ra đời, cũng như phần lớn các di cảo khác của Trần Dần vẫn còn nằm trong hòm. Cùng trong thời gian này, Hoàng Cầm Lê Đạt tổ chức *Giai phẩm mùa xuân*, có bàn với Trần Dần đưa bài thơ *Nhất định thắng* ra in, Trần Dần đồng ý (Trần Dần ghi).

Cuối tháng 1/56 *Giai phẩm mùa xuân* vừa ra đời, bị tịch thu.

Đầu tháng 2/56 Lê Đạt bị Tố Hữu gọi tên tuyên huấn kiểm thảo 15 ngày. Trần Dần, Tử Phác bị bắt ở Bắc Ninh. Bị đưa giam ở một nơi kín. Sợ bị thủ tiêu, Trần Dần lập kế dùng mince lame cắt cổ cho chảy máu. Được đưa vào bệnh viện.

Ngày 21/2/56, Trần Dần viết một lá thư dài 15 trang, phân trần với tướng Nguyễn Chí Thanh (Vũ Tú Nam, STVCNTD). Hội Văn Nghệ tổ chức phê bình *Nhất định thắng*.

7/3/56, Bắt đầu chiến dịch đánh Trần Dần trên báo với bài của Hoài Thanh.

Ngày 5/5/56, Trần Dần được thả với điều kiện phải viết “một bản kế hoạch sửa chữa sai lầm sáu tháng cuối năm”. Sau đó được chuyển sang Hội Văn Nghệ (Vũ Tú Nam, STVCNTD).

Từ tháng 8/56, tham gia Nhân Văn Giai Phẩm và bị kỷ luật cùng điều kiện như Lê Đạt.

Tác phẩm:

Về nẻo thanh tuyền (Dạ đài) 1946.

Phạm Thị Hoài trong bài *Trần Dần: cuộc đời, tác phẩm, thời đại* (in trong *Trần Dần ghi*) ghi lại những tác phẩm sau đây:

1954: Anh đã thấy, Tiếng trống tương lai (trường ca).

1955: Cách mạng tháng Tám, Nhất định thắng (bản Hoàng Văn Chí, in lại trong *Trần Dần thơ*, nxb Nhã Nam Đà Nẵng, 2007)

1957: Hãy đi mãi, Đi! Bài thơ Việt Bắc (trường ca), (nxb Hội Nhà Văn 1991)

1959: Sắc lệnh 59 (thơ), Con tàu xã hội (thơ), 17 tình ca (thơ).

1959-1960: Cổng tỉnh (thơ), (nxb Hội Nhà Văn 1994)

1961: Đêm núp sen (tiểu thuyết)

1963: Jờ Joạc (thơ) (in trong *Trần Dần thơ*, 2007)

1964: Mùa sạch (nxb Văn học 1997), Những ngã tư và những cột đèn (tiểu thuyết)

1965: Một ngày Cẩm Phả (tiểu thuyết)

1967: Con trắng (thơ văn xuôi, in trong *Trần Dần thơ*, 2007)

1968: 177 cảnh (hùng ca lựa)

1974: Động đất tâm thần (nhật ký thơ)

1978: Thơ không lời – Mây không lời (thơ – hoạ)

1979: Bộ ba: Thiên Thanh – 77- Ngày ngày

1980: Bộ ba: 36 – Thờ dài – Tư Mã dâng sao.

1987: Thơ Mini. (in trong *Trần Dần thơ*, 2007)

Nhưng kê khai trên đây có lẽ chưa phải là tất cả, vì trong cuốn *Trần Dần thơ* (nxb Nhã Nam, Đà Nẵng, 2007), do Vũ Văn Kha biên tập, còn có những tập thơ khác. Vũ Văn Kha cho biết “*phần lớn di cảo thơ Trần Dần vẫn tiếp tục số phận nằm*”.

Trần Dần thơ, ngoài những tác phẩm tạm gọi là classique đã in như *Bài thơ Việt Bắc* và *Cổng Tỉnh*, còn có những tác phẩm mới hơn. Những thử nghiệm thơ độc âm *Mùa sạch*, biến tấu âm *con OEE*, và thơ bè *Con I*, còn nhiều cường điệu và nệ hình thức, hoặc lập dị như *Jờ Joạcx*. Ngược lại, với *Sổ bụi* và *thơ Mini*, Trần Dần thực sự đã thành công, hai tác phẩm này xác định tinh thần cách tân thơ của Trần Dần, khác với Đặng Đình Hưng và Lê Đạt. Vậy lần công bố này, tầm quan trọng và sự độc đáo nằm trong *Sổ bụi*, và *thơ Mini*. *Sổ bụi*, tập hợp lối ghi chép đặc biệt Trần Dần: đó là những bài thơ văn xuôi cô đọng, mới, đầy biến ảnh, thể hiện cái *mỹ học khổ đau* của ông một cách toàn diện. *Thơ Mini*, là những triết luận thu gọn đến cạn kiệt. Một Trần Dần đi từ thực tại thi nhân để đến với tâm linh hiền triết.

Từ kháng chiến đến Nhân Văn Giai Phẩm

Dạ Đài ra đời ngày 16/11/46 đúng lúc chiến tranh bùng nổ: Ngày 16/11/46, Tự vệ Hải Phòng được lệnh chuẩn bị chống Pháp. 30/11/46, quân Pháp và Tự Vệ xung đột ở Đồ Sơn. 7/12/46, Võ Nguyên Giáp ra lệnh sửa soạn tấn công. 8/12/46, Hà Nội đào hầm, đục tường xuyên nhà nọ sang nhà kia. 10/12/46, dân chúng Hà Nội bắt đầu tản cư. 20/12/46, lệnh kháng chiến từ Hà Nội, ban hành ở Nam Bộ.

Đạo diễn Trần Vũ kể lại : Ban đầu, Trần Dần làm công tác tuyên truyền cùng Vũ Khiêu và Vũ Hoàng Dịch. 1948, khi thành lập khu 14 ở Tây Bắc, Trần Dần cùng Vũ Khiêu, Vũ Hoàng Dịch lên Tây Bắc. Một thời gian sau, khu 14 bị giải thể. Trần Dần tham gia quân đội, nhận công tác địch vận của trung đoàn Sơn La từ 1948 đến 1950. (RFI, chương trình tưởng niệm Trần Dần, tháng 1/1997)

Hồ Phương kể lại: “Ở nhóm văn nghệ Tây Bắc có Trần Thứ (nay là Trần Vũ), Trần Dần và Hoài Niệm... Tờ Sông Đà của nhóm này cũng là một tờ báo được trình bày khá đẹp, nghiêng về sáng tác thơ văn. Hồi ấy Trần Dần hay làm thơ leo thang, bài thơ thường được trình bày khá kiểu cách. Dòng thi in chữ nhỏ, dòng lại in chữ to, thiên về hạng theo mốt.” (*Cách mạng kháng chiến và đời sống văn học*, tập II, nxb Tác Phẩm Mới, 1987, trang 140).

Theo Vũ Tú Nam: Trong nhóm văn nghệ Sông Đà, Trần Dần “*làm thơ bí hiểm, vẽ theo lối lập thể, bị quần chúng bộ đội phản đối*”. Năm 1951, sau khi dự “*một lớp chính huấn có kết quả*”, Trần Dần được điều về phụ trách đoàn Văn công quân đội. (Vũ Tú Nam, STVCNTD).

Theo Hoàng Cầm, “tới trại hè năm 1951, các đoàn văn công nỗ lực tập luyện để phục vụ một chiến dịch lớn. Trần Dần phụ trách huấn luyện cho mấy trăm anh chị em: sáng tác đạo diễn và diễn viên.” (Con người Trần Dần)

Vũ Tú Nam cho rằng vì “có ít nhiều thành tích” trong việc luyện tập Văn Công, Trần Dần “đâm ra chủ quan độc đoán, đã kích cán bộ sáng tác”, “bị thi hành kỷ luật rồi điều về Cục Tuyên huấn công tác, bắt mãn ngắm ngắm” (Vũ Tú Nam, STVCNTD).

Nếu Vũ Tú Nam viết đúng sự thực, thì việc Trần Dần về Cục tuyên huấn, không phải là một thăng tiến mà là một hình phạt.

Đầu năm 1954, Trần Dần tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ cùng với Đỗ Nhuận. Hoạ sĩ Tô Ngọc Vân chết trong chiến dịch này. Tiểu thuyết *Người người lớp lớp* được sáng tác ở Điện Biên Phủ, hoàn thành cuối tháng 9/54.

Đầu tháng 10/54, Trần Dần được cử đi Trung quốc 2 tháng để viết bản thuyết minh cho phim *Chiến thắng Điện Biên Phủ*, cùng đi trong đoàn có Đỗ Nhuận. Ngày 10/10/54 khởi hành, 14/10 đến Nam Ninh, 20/10 đến Bắc Kinh, ông hoàn thành bài thơ *Tiếng trống tương lai* tại Bắc Kinh, và trở lại Hà Nội ngày 10/12/54.

Hoàng Cầm viết: “Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Trần Dần thức thâu đêm suốt sáng để viết bản thảo lần thứ ba cuốn truyện về những người đã tạo ra chiến thắng lịch sử lớn lao đó.

“Nhưng cái hướng chính của tôi không phải là tiểu thuyết. Hướng đi của tôi là thơ. Tôi sẽ tìm tòi trong thơ và cố gắng tạo ra một lối diễn tả riêng biệt -không phải lập dị- nhưng độc đáo. Trần Dần đã nói với tôi như vậy sau khi anh viết xong “Người người lớp lớp”. Hồi đó, anh có đưa tôi xem tập thơ làm đã lâu: “Tiếng trống tương lai”” (Hoàng Cầm, bđd).

Trong nhật ký, Trần Dần chỉ ghi sơ lược về chuyến đi Trung Quốc, nhưng có lẽ ông đã thuật lại cho Hoàng Cầm. Hoàng Cầm ghi:

“Viết xong *Người người lớp lớp*, Trần Dần được phân công viết thuyết minh cho cuốn phim *Chiến thắng Điện Biên Phủ* và anh được cử sang Trung Quốc làm nhiệm vụ đó. Nhưng đi kèm bên cạnh anh là một cán bộ chính trị có quyền tối hậu quyết định. Anh cán bộ này, đáng lẽ phạm vi công tác là góp ý kiến vào nội dung bản thuyết minh và bảo đảm cho nó không phạm những sai lầm về đường lối chính sách của Đảng trong chiến dịch Điện Biên Phủ, thì đã lợi dụng uy quyền của mình đi quá xa vào phạm vi văn học, bắt Trần Dần phải viết như ý mình, từng câu từng chữ, lạm dụng danh từ chính trị khô khan rỗng tuếch để nhét cho kỳ được vào bản thuyết minh.

Đầu tiên, Trần Dần rất phục tùng người cán bộ chính trị khi dự thảo thuyết minh, và hoàn toàn theo sát những vấn đề chính trị sẽ đặt ra khi thuyết minh. Đến khi thấy anh cán bộ ấy “lên gân” và thọc bàn tay cứng lạnh vào phạm vi viết văn thì Trần Dần bắt đầu có phản ứng. Nhưng anh vẫn bình tĩnh, đề nghị cấp trên xét lại vấn đề. Đến khi “anh cán bộ vẫn là tối hậu quyết định cả từng câu chữ” thì Trần Dần thôi không làm công việc đó nữa, nhường cả phần “văn chương” cho đồng chí cán bộ.

Sau việc này sự mâu thuẫn giữa văn nghệ sĩ và cán bộ chính trị bắt đầu phát triển khá mạnh trong con người Trần Dần. Anh vẫn cố dẹp đi, nhiều lúc anh thần thờ ít cười ít nói nhưng vốn là con người chân thực – cái chân thực nhiều khi đến thô lỗ – lắm khi anh đã cục cằn, thốt ra những lời gay gắt thiếu lịch sự. (...)

Đó là động lực thúc đẩy Trần Dần, rồi đến Tử Phác, Đỗ Nhuận, Hoàng Cầm, Trúc Lâm, Hoàng Tích Linh, và rất đông anh em công tác văn nghệ trong bộ đội dự thảo ra bản “Đề nghị Chính sách Văn nghệ” trình bày với cấp trên hồi đầu năm 1955, tại Hà Nội.” (Hoàng Cầm, bđd).

Qua lời Hoàng Cầm, chúng ta hiểu rõ tại sao, từ khi đi Trung Hoa về, thái độ phản kháng của Trần Dần mãnh liệt hơn. Sự chống đối này không do ảnh hưởng Hồ Phong, như trong các bản cáo trạng buộc tội Trần Dần, khiến Boudarel và nhiều người khác tin theo, mà trực tiếp đến từ cung cách giáo điều của cán bộ chính trị. Đó là một trong những lý do, khiến khi về nước, Trần Dần bắt tay ngay vào việc tổ chức đấu tranh trong quân đội, soạn thảo bản *Đề nghị* (cải tổ) *Chính sách Văn nghệ* một cách quy mô và quyết liệt.

Tranh đấu trong quân đội, đầu năm 1955

Từ Bắc Kinh trở về Hà Nội, Trần Dần ghi trong nhật ký ngày 20/12/54: “Về Hà Nội được đúng 10 ngày (...)

Cơ quan văn nghệ chưa có gì thay đổi. Vẫn những tư tưởng: “coi rẻ lao động nghệ thuật”, “đơn giản coi văn nghệ bộ đội là bộ đội”, không tin văn nghệ”. Vẫn những chính sách gò bó, mệnh lệnh và máy móc “quân sự hoá văn nghệ”. Đòi tôi chìm chết trong chính sách này, cũng như những anh em khác. Khó lắm. Nhưng tôi nghe nhiều tiếng cất lên. Phản đối. Bàn cãi. Mỉa mai. Và cả chửi bới. Cái đó có nghĩa là tiếng trống báo tử của những tư tưởng và chính sách áp chế văn nghệ bộ đội.

Những ngày gần đây sao mà tôi buồn. Buốt óc lắm. Và bực tức.

Cơ quan và chính sách. Hội văn nghệ đánh mất bản thảo Người người lớp lớp (phần 4 và 5). Món nợ chính phủ, những kỷ niệm ngày bé, chua chát và mãnh liệt, những uất ức của 9 năm chiến tranh. Thơ tôi người ta không ché nhưng cũng không sốt sắng in. Những dự định khó thực hiện vì chính sách gò bó: tích lũy cuộc sống mới thì phải được tự do, v.v... Tôi bị bao vây. Chặt quá. Ép quá (...)

Tôi muốn những gì?

- một chính sách văn nghệ mở rộng ra, cho nó đúng đắn.

- một cuộc sống sáng tạo. Cái cũ thì trút ra. (...)

24/12: Đêm Noel (...) Bước quanh Bờ Hồ. Trời tối tối. Còn vắng tiếng hát micro nhà thờ buông trầm trầm. Hai thằng đi. Tôi và Lê Đạt. Buồn quá. Đây là những lúc người tôi hăng lắm. Rõng lắm. Tôi còn đầy dư vị những câu chuyện trao đổi đêm nay về chính sách văn nghệ. Dư vị chua, đắng, nhạt thêch.” (Trần Dần ghi, trang 63 và 65).

Như vậy, những cuộc thảo luận đòi mới chính sách văn nghệ quân đội đã xảy ra từ Noel 1955, trong không khí chán nản, “dư vị chua, đắng, nhạt thêch” như lời Trần Dần. Không khí này được Từ Bích Hoàng mô tả trong bài buộc tội Trần Dần, như sau:

“Từ Trung Quốc về, Trần Dần còn mang theo một bài thơ dài “Tiếng trống tương lai” trong đó Trần Dần gọi cán bộ chính trị là “người bệnh”, “người rời”, “người ụ”. Đó chỉ có thể là cách nhìn của bọn thù địch đối với cán bộ của Đảng. Đủ biết sự hằn học của Dần lúc bấy giờ đã nặng đến thế nào! Không ngạc nhiên khi thấy Dần mới bước về Phòng Văn nghệ Quân đội đã đã kích luôn lãnh đạo, rồi nhân một số thắc mắc của anh em về công tác, Dần lợi dụng phát động từng người và biến thành một cuộc đấu tranh đối lập với lãnh đạo, lấy “áp lực quần chúng” hòng buộc lãnh đạo phải chấp nhận những yêu sách thoát ly chính trị, thoát ly quân đội như ta đã biết. Chính Trần Dần đã thủ nhận tính chất hoạt động này của họ.

Cục Tuyên huấn bảo anh em nghiên cứu lại bản đề nghị, Dần không chịu, bỏ mặc và phá phách ngày một dữ hơn. Dần lôi kéo được một số phá phách theo mình. Trần Công quá khích ăn nói lung tung: “Sống trong vòng K.50 (ý nói trong doanh trại, bên ngoài có bộ đội gác) nghệt thờ quá!” Những luận điệu vô kỷ luật này rất phù hợp với chủ trương “phải phá mà ra” của Trần Dần và mở đường cho bọn Dần càng đi sâu vào cạm bẫy của tư sản” (Từ Bích Hoàng, Vạch thêm những hoạt động đen tối của một số cầm đầu trong nhóm phá hoại Nhân Văn Giai Phẩm, VNQĐ, số 5, tháng 5/1958 bđd)

Trần Dần, Người-phá, Anarchiste

Ngày 10/3/55 Trần Dần ghi trong nhật ký:

“Chính sách tính lại thử xem có những gì? – Vài cái bàn. Vài cái đèn điện lạnh và vàng. Thêm một bàn hành chính. Tờ báo ra nhưng khổ và tên SHVN [tức là tờ Sinh Hoạt Văn Nghệ, do Từ Phác làm thư ký toà soạn] cũ. Người ta sợ đổi khổ là tính chiến đấu của nó [cũng đổi đi]. Có vậy thôi. Tôi không nói ngoa. Người ta quan niệm chính sách là như vậy. Đấy. Cái thông minh của người lãnh đạo năm 1955 tới cái mức ấy. Vậy là quá đáng lắm rồi. Còn đòi hỏi cái gì? Văn nghệ được thế là “chiếu cố”, là “châm chước” tột độ rồi. Đáng lẽ chúng mày không có bàn, có điện, có

báo nữa. Đáng lẽ chúng mày không được thức khuya hơn 9 giờ. Không được ra ngoài trại. Đảng này còn cho đi lại một chút. Vậy là rộng rãi lắm rồi còn gì!

Nhưng tôi nghĩ, những ông Cương [Võ Hồng Cương, Cục phó Cục Tuyên huấn] ông Thanh [Nguyễn Chí Thanh, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị] gì đó không đáng trách (...) Đáng trách là cả một cái HỆ THỐNG! Nó nặng như núi... Nó ở trên có, ở dưới có. Ở ngang có. Đảng trước, đảng sau đều có nó. Hệ thống gì? Đó là hồ lớn: sợ hãi cúi đầu, làm thân con sên, con tằm gửi, -hò hét mệnh lệnh, làm ông sấm, ông sét. Đảng ở đâu? (...)

Tôi nghĩ và tôi làm: Đảng ở tôi. Tôi phá HỆ THỐNG. Làm sao tới Hội Nghị Văn Thơ tôi phải làm được một số việc: vượt khỏi các ước lệ, điều lệ, thành kiến mà làm bằng được. (...)

Độ này có hai chiến trường khá sôi sục:

1) Vượt Côn Đảo

2) Thơ Tố Hữu

Tôi thích những cuộc tranh luận này. Không phải vì bản thân những quyển sách và những tác giả ấy. Mà vì ý nghĩa nó rộng ra nhiều mặt khác. Phát huy phê bình tự do (...)

Tại sao bọn giả mạo được tin hơn người thực thà? Tại sao loài bò sát lại được dùng nhiều. Tại sao chúng nó có mặt ở thời đại này? Ở trong Đảng? Ở cách mạng?- Lạ lùng nhất là tại sao không vạch mặt chúng ra?

Văn thơ tôi sẽ balayer bọn ấy. Quét! Quét! (...)

Tất cả những cái gì, nguyên tắc gì trở ngại cho nguyên tắc lớn của tôi là tôi xoá hết! Mặc! Tôi chỉ còn một nguyên tắc mà thôi! Sống và viết để đánh bọn giả mạo, bọn ý ạch, bọn mồm xì, bọn người-bệnh, bọn người-dòi, bọn người-ụ. Anarchiste?

Nếu vậy gọi là anarchiste thì tôi rất muốn là anarchiste (...) Tôi không có khả năng công chức, khả năng người-ụ. Khả năng tôi là khả năng người-phá." (Trần Dần ghi, sđd, trang 73-75)

Chủ đích của Trần Dần rất rõ: Làm Người-phá, phá toàn bộ HỆ THỐNG trói buộc văn nghệ sĩ. **Trần Dần xác định mình là Anarchiste** và ông đã dịch chữ *Anarchiste* rất tài tình là **Người-phá** (chữ này thường được dịch là *vô chính phủ*, chỉ đúng trong nghĩa chính trị (nghĩa gốc), nhưng nói rộng ra, *anarchiste* còn có nghĩa là *quậy, phá, loạn*, không chịu bất cứ một thứ kỷ luật sắt nào). Văn nghệ sĩ thường hay có thái độ anarchiste.

Trần Dần thực hiện tinh thần **Người-phá**, phá cái HỆ THỐNG, cái *cơ chế toàn trị* áp đặt lên Văn nghệ sĩ, qua ba "chiến trường":

- Đề nghị cải tổ Chính sách Văn nghệ Quân đội.
- Phê bình tập truyện *Vượt Côn Đảo* của Phùng Quán.
- Phê bình tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu.

Ba "mặt trận" này diễn ra song song, từ tháng 2 đến tháng 5/55 trong quân đội, do Trần Dần và Tử Phác cầm đầu. Nên nhắc lại là các văn nghệ sĩ lúc ấy phần lớn theo kháng chiến và ở trong quân đội. Những người đặc lực trong nhóm gồm Hoàng Cầm, Đỗ Nhuận, Hoàng Tích Linh, Trúc Lâm, thêm "mưu sĩ số 1" Đặng Đình Hưng, [Tử Phác (Nguyễn Văn Chấn) là "mưu sĩ số 2"] và Lê Đạt. "Nhóm" này quy tụ được gần 30 văn nghệ sĩ (theo Hoàng Cầm). Vũ Tú Nam và Tử Bích Hoàng cũng "cùng chí hướng" (theo hồi ký Vũ Tú Nam), sau đổi hướng. Đỗ Nhuận là người trong nhóm "chủ trương", sau quay lại viết bài đánh NVGP.

Tử Bích Hoàng viết: "Lúc đó, Tử Phác đang làm thư ký toà soạn tờ *Sinh hoạt văn nghệ*, Tử Phác đã lợi dụng tờ báo của quân đội để Dàn nổ ra hai cuộc phê bình *Vượt Côn Đảo* và tập thơ *Việt Bắc*, với một dụng ý rất xấu. Trần Dần "bóc" thơ Hoàng Cầm lên để đẩy Cầm cùng mình và Lê Đạt đá tập thơ *Việt Bắc*, thông qua tập thơ đó đá vào đồng chí Tố Hữu lãnh đạo văn nghệ, "hạ thần tượng" như bọn Dần đã nói. (...)

Suốt thời gian này, Trần Dần, Tử Phác, Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh, Trúc Lâm và cả Lê Đạt, luôn luôn bỏ việc đến tụ họp rượu chè trai gái ở nhà tư sản, đầu độc cho nhau những luận điệu phản động và bàn cách tấn công lãnh đạo trong quân đội. Hoàng Cầm càng đòi truy trong lối sống đầy thèm khát thú tính của tư sản, lối sống rất quen thuộc với Cầm thời trước cách mạng, thì những tư tưởng quan điểm thù địch càng thấm sâu vào người, và Cầm biến chất rất nhanh.

Bọn họ bàn nhau “tập trung giải ngũ” để bắt bí lãnh đạo. Thấy không xong, lại bàn “phân tán giải ngũ”. Bọn họ đã thực hiện chủ trương này. Trần Dần đi tiên phong làm một lúc hai lá đơn xin ra Đảng, quân đội, có tính chất tấn công vào Đảng, quân đội như ta đã biết. Chính những hoạt động chống đối của Trần Dần, Tử Phác và sự hùa theo càng ngày càng có ý thức của số người kể trên đã gây tình trạng rối loạn hoàn toàn, một thời gian, trong Phòng Văn nghệ Quân đội, cầm đầu hồi này là Trần Dần và Tử Phác”. (Từ Bích Hoàng, bài đã dẫn)

Bản đề nghị cải tổ chính sách văn nghệ quân đội

Tháng 2/55: Trần Dần viết bản *Đề nghị Chính sách Văn nghệ*. Với sự góp ý của Tử Phác, Đỗ Nhuận, Hoàng Cầm, Trúc Lâm, Hoàng Tích Linh.

Bản Đề nghị, dài 12 trang đánh máy, được đưa ra thảo luận, điều đình, thêm bớt, trong các cuộc họp của Phòng Văn Nghệ quân đội từ tháng 2 đến tháng 4/55.

Vũ Tú Nam, cháu tướng Nguyễn Chí Thanh, được ông Thanh giao toàn bộ hồ sơ Trần Dần (bản Đề nghị, thư xin ra Đảng, thư xin giải ngũ, thư cầu cứu sau khi bị bắt lần thứ hai, bị giam kín, phải lập mưu cửa cổ để thoát, vv...) để có đủ tài liệu viết:

- *Những ngày thử thách*, trích hồi ký của Vũ Tú Nam, chép lại ngày 25/10/2006 (in trên tạp chí Nhà văn số 3/2007), đăng lại trên Talawas. Nếu bài này viết đúng sự thật, thì Vũ Tú Nam và Từ Bích Hoàng đã “cùng nhóm” với Trần Dần khi tranh đấu. Nếu bài này được sửa lại sau này, cũng như nhiều “nhật ký” hoặc “hồi ký” xuất hiện những năm gần đây, chúng ta nên thận trọng khi sử dụng.

- *Sự thực về con người Trần Dần*, in trên Văn Nghệ Quân Đội số 4, tháng 4/1958, là tài liệu gốc, tuy viết với mục đích “đánh” Trần Dần, nhưng có nhiều thông tin hữu ích, về tiểu sử Trần Dần, về nội dung bản Đề nghị cải tổ do Trần Dần viết tháng 2/1955. Sự trích dẫn của Vũ Tú Nam có thể do thiện ý muốn để lại dấu vết bản Đề nghị này cho mai sau.

Vũ Tú Nam viết:

“Cuối năm 1954 sang đầu năm 1955, các đồng chí trong Phòng Văn nghệ quân đội đều thắc mắc muốn cải tiến tổ chức, chính sách cho hợp với tình hình mới, muốn đề đạt lên cấp trên nghiên cứu, giải quyết. Trong một cuộc họp với đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Trần Dần hùng hổ yêu sách mấy điểm, tự ý thêm thắt, không thật trung thành với những điều đã bàn với một số anh em trong Phòng:

1- Trả lãnh đạo văn nghệ cho văn nghệ sĩ.

2- Thành lập trong quân đội một chi hội văn nghệ trực thuộc Hội văn nghệ, không qua Cục Tuyên huấn và Tổng cục chính trị.

3- Bỏ mọi “chế độ quân sự hiện hành” trong văn nghệ quân đội...

Nghe xong, đồng chí Nguyễn Chí Thanh dặn dò anh em phải coi chừng, đó là quan điểm tư sản, phi Đảng, phi giai cấp, phi chính trị. Hồi đó, anh em chưa vỡ lẽ ra, còn ám ức, cho là cấp trên không thông cảm. Trần Dần và một vài người khác thì lồng lộn, chửi bới, reo rắc hoài nghi, chán nản, muốn giải ngũ. Tháng 2/1955, trong Phòng Văn nghệ quân đội có tình trạng lỏng lẻo, rã rời, buông thả đến cao độ. Có đồng chí [Từ Bích Hoàng] phải thốt ra lời than thở “Anarchie totale!” (vô chính phủ hoàn toàn) [nên dịch là Loạn!]

Trần Dần vẫn được tin nhiệm giao cho công tác phụ trách Ban Văn, chuẩn bị triệu tập hội nghị ngành Văn toàn quân vào tháng 4/1955. Bản báo cáo do chính Trần Dần viết (tháng 2/1955). Vì tư tưởng cán bộ trong Phòng Văn nghệ lúc đó lệch lạc nhiều, vì nội dung bản báo cáo có nhiều điều nguy hiểm, Cục tuyên huấn quyết định đình việc chuẩn bị cuộc họp ngành Văn lại, Trần Dần càng bất mãn, càng u uất hơn”. (Vũ Tú Nam, STVCNTD).

Về Nội dung bản đề nghị, xin chép lại những đoạn đã được Vũ Tú Nam trích, những chỗ in đậm là do chúng tôi nhấn mạnh:

Về trách nhiệm của người cầm bút, Trần Dần viết:

“Biểu hiện cao nhất của trách nhiệm người viết là thái độ tôn trọng, trung thành với sự thực. Đó là tiêu chuẩn cao nhất đánh giá tác giả và tác phẩm... Tôn trọng, trung thành với sự thực vừa là trách nhiệm, – vừa là lập trường, – vừa là phương pháp làm việc của người viết”.
Thế nào là sự thực đối với một nhà văn? Trần Dần viết:

“... Thế nào là trung thành với sự thực? Đầu tiên, sự thực là gì?”

“Có sự thực của vũ trụ, của lịch sử, của thế giới, của cách mạng. Lại có sự thực trong nước, từng địa phương, -từng ngành, từng giới, từng nghề, từng gia đình và từng người một nữa. Trong mỗi người cũng lại có triệu vấn đề, mỗi vấn đề là một sự thực.

“Có sự thực hôm qua. Sự thực hôm nay và ngày mai.

“Có sự thực toàn quân. Sự thực xung kích. Cửa pháo binh. Cửa cơ quan.

“Tức là: những vấn đề, hiện tượng của xã hội, của con người là sự thực.”

Nhà văn phải phục tùng sự thực hay phục tùng chính sách, chỉ thị, phục tùng tuyên huấn? Trần Dần trả lời:

“... Sự thực lớn gấp triệu triệu lần bất cứ chỉ thị, lý luận nào... Nếu như sự thực ngược lại chính sách chỉ thị, thì phải viết sự thực chứ không phải là bóp gò sự thực vào chính sách. Không bao giờ được biến chính sách, chỉ thị thành định kiến “định ninh”... (...)

“... Người viết chỉ viết do thôi thúc của thực tế. Những chân lý lớn, nhỏ, anh ta tự giác thấy ở cuộc sống, ở quân đội. Không phải viết để vừa lòng Tuyên huấn, vừa lòng cấp trên. Để có cái danh phục vụ kịp thời. Một triệu lần, không có mùi mè giác ngộ, phục vụ gì cả! Cái áo không thể che được mùi thối trong ruột. Cách mạng không cần những người vỗ tay hoan hô nhắm mắt. Những anh hát ca chính sách. Thậm chí những anh “thầy cúng chính sách”, leng keng bóp méo, nghèo nàn... (...)

“... Liệu cứ viết như một anh thầy cúng ê a cảm thù yêu nước xông lên, có phải là trách nhiệm không?...”

Trần Dần mô tả bộ mặt thực của văn học kháng chiến như sau:

“... Có thể nói văn chương hiện nay nhiều cái giả tạo (giả trá nữa). Gọi đúng tên nó là chủ nghĩa công thức, giản đơn, sơ lược. Tức là người viết đặt ra một cái khuôn nhất định, rồi gò ép mọi sự thực vào đó.

“Tả anh hùng chả hạn thì là: cảm hờn, vào bộ đội rồi anh dũng lập công. Đối trên thì phục tùng kỷ luật (chưa nói trong tổ chức tính đó có nhiều roi rút phong kiến). Lệnh gì là làm ngay không thắc mắc, hoặc có thắc mắc thì phê bình sau (rồi cũng chả thấy phê bình gì cả!) – Đối bạn thì giúp đỡ, thân ái phê bình, ai ai cũng mến (có người nào như vậy không?) Đối với đảng thì mở mồm là biết ơn. Đối với dân thì yêu mến giúp đỡ.

Đó là cái khuôn cho anh hùng. Cái kiểu anh hùng không khuyết điểm (hoặc tí khuyết điểm lật vặt không quan trọng) ấy thực chất là kiểu iêng hùng gì? Có mùi mè gì của người anh hùng quần chúng không? Có mùi mè gì của nhân văn chúng ta không? Và có thực như vậy không?

“... Vậy mà qua cái khuôn trên kia dập ra thì thành ngòi bút, chậu thau giống nhau cả. Thật là lối sản xuất kỹ nghệ định đem vào sản xuất con người và sản xuất nghệ thuật!

“... Tại sao không viết về cơ quan chẳng hạn? Tại sao sợ viết về tình yêu chẳng hạn? Mà viết tình yêu thì y như đưa ra ái tình hy sinh vì Tổ quốc!... Tại sao cứ xuất thân công nông mới đáng viết?...”

“... Phải nói lại rằng người viết tự do chọn vấn đề, chọn đề tài, chọn sự thực nào mình muốn. Chủ nghĩa hiện thực không cấm đoán, mà còn khuyến khích tự do...”

“... Tùy sức mình, biết chắc cái gì hãy nói cái ấy. Phản đối lối nói bừa, kịp thời ầu... Không phải để có tiếng phục vụ kịp thời. Không phải vì bị ép kịp thời mà viết...”

“... Ngày nay, trong văn chương, kẻ thù ghê tởm là chủ nghĩa công thức, giản đơn sơ lược. Phải nói trắng ra là nó ở cả người viết, ở cả xã hội... Cho nên chống công thức giản đơn sơ lược không phải là chỉ làm ở người viết mà được đâu. Nó phải là một mặt trận lan ra cả xã hội...”

“... Thực thà chỉ có một con đường:

Đấu tranh tàn khốc với chủ nghĩa công thức giản đơn sơ lược trong bản thân và chung quanh” (Trích theo STVCNTD của Vũ Tú Nam),

Và Vũ Tú Nam cho biết:

“Bản báo cáo Trần Dần viết, không được Cục tuyên huấn thông qua, và cuộc họp ngành Văn Thơ toàn quân phải đình lại. Trần Dần càng bất mãn, gây gổ, thường thường bỏ doanh trại bộ đội ra ngoài phố ở, giao du rộng rãi, tự do”. (STVCNTD).

Theo Hoàng Cầm, tình hình phức tạp hơn, ban đầu đã có nhiều ý kiến thuận. Hoàng Cầm viết: *“Bản dự thảo sắp được thông qua. Một vài cán bộ cao cấp trong quân đội tỏ ý tán thành những điểm chính trong bản đề nghị đó, và nhất là hoan nghênh tinh thần xây dựng của bản đề nghị”.* (Hoàng Cầm, Con người Trần Dần). “Một vài cán bộ cao cấp trong quân đội” mà Hoàng Cầm nhắc đến ở đây, có thể là ba vị tướng lĩnh cao cấp trong Tổng Cục chính trị lúc bấy giờ: Lê Liêm, Lê Quang Đạo và Trần Độ.

Về buổi họp chính, mang tính quyết định, Hoàng Cầm kể lại không khí như sau:

“Đến ngày họp bàn về dự thảo chính sách, Trần Dần được anh em cử ra trình bày. Nguyễn vọng của bao nhiêu văn nghệ sĩ trong quân đội. Làm thế nào để sáng tác hay, phục vụ được sâu sắc. Anh nói say mê, nhiệt tình. Trong cách nói nhiều khi bốc. Mặt anh khi đỏ gay, khi tái lại:

“Giả văn nghệ cho anh em văn nghệ sĩ! Phân rõ ranh giới giữa cán bộ chính trị và văn nghệ sĩ. Văn nghệ sĩ phải có sự lãnh đạo của Đảng, nhưng không thể biến thành cái máy v.v...”

Đột nhiên trong không khí hào hứng của gần ba mươi anh em văn nghệ sĩ đang sẵn sàng cởi mở hết để xây dựng một trong những chính sách lớn của Đảng, bỗng có một câu quật lại:

“Tinh thần bản đề nghị này chính là một thứ tư tưởng tự do của tư sản. Nó chứng tỏ tư tưởng tư sản đã bắt đầu tấn công vào các đồng chí!”

Giá câu nói ấy ở mồm một người thường thì cũng sẽ thường thôi. Nhưng lại ở một cán bộ có đủ thẩm quyền xét lại hay bác bỏ những đề nghị của văn nghệ sĩ, thì bắt đầu có một sự động cựa lớn. Những người trước kia tán thành bản dự án thì bắt đầu trở nên hoang mang” (Hoàng Cầm, Con người Trần Dần).

Người nói câu đó là Tướng Nguyễn Chí Thanh, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị.

Vũ Tú Nam xác định: *“Nghe xong, đồng chí Nguyễn Chí Thanh dặn dò anh em phải coi chừng, đó là quan điểm tư sản, phi Đảng, phi giai cấp, phi chính trị”* (STVCNTD).

Huyền Kiêu viết: *“Khi thấy Trần Dần đưa ra cái “đề án chính sách văn nghệ” sặc mùi tư sản của Dần, đòi “trả lãnh đạo văn nghệ cho văn nghệ sĩ (...) đồng chí Nguyễn Chí Thanh nhìn rõ cái thực chất tư sản của bản dự án ấy nên nghiêm khắc giải thích và ân cần dặn dò anh em phải đề phòng. Hoàng Cầm tả lại như thế nào?: “Đột nhiên trong không khí hào hứng của gần ba mươi anh em văn nghệ sĩ đang sẵn sàng cởi mở hết để xây dựng một trong những chính sách lớn của Đảng, bỗng có một câu quật lại”. Rồi Hoàng Cầm tiếp với giọng láo xược: “Giá câu nói ấy ở mồm một người thường thì cũng sẽ thường thôi”. Nói tới đồng chí Trung ương như vậy, Hoàng Cầm có từ [nề mặt] Trung ương đâu?”* (Huyền Kiêu, “Con người Trần Dần”, Một thủ đoạn chính trị bất lương của nhóm Nhân Văn, Văn Nghệ số 11, tháng 4/1958). Lối viết của Huyền Kiêu, thể hiện tính cách khiếp nhược của số đông văn nghệ sĩ trước lãnh đạo.

Trần Dần phê bình Vượt Côn Đảo

Theo Vũ Tú Nam, có ba buổi phê bình Vượt Côn Đảo của Phùng Quán:

“7/3/1955: Chiều thứ bảy, mình và Dần, ... xin phép không họp chi bộ để đi thảo luận về Vượt Côn Đảo. Ông Tú Mỡ hoàn toàn khen. Mình nói lại rằng Vượt Côn Đảo có những nhược điểm. Anh em bộ đội nói nhiều nhất. Ra về, mình đồn anh Lưu Trọng Lư rằng lãnh đạo cần phải thay đổi, quan liêu và trì trệ quá”.

“14/3/1955: Tranh luận về Vượt Côn Đảo lần ba ở trường Nguyễn Trãi, vì CLB Đoàn kết mắc bện. Họp tới 11 h, vẫn gặng hai ý kiến. Trần Dần phê phán: “Nhân vật trong Vượt Côn Đảo là

người cụt đầu, không óc không tim” (?!). Ông Hoài Thanh phát biểu trân trọng về cuốn sách. Lê Đạt rất bức.” (Hồi ký Vũ Tú Nam).

Theo những lời trên đây, Vũ Tú Nam cùng lập trường với Trần Dần, khác hẳn với luận điệu trong bài *Sự thực về con người Trần Dần* viết tháng 3/1958.

Chủ trương phê bình tự do, chống lại phê bình ca tụng một chiều, Trần Dần đưa hai cuốn sách tiêu biểu của nền văn học cách mạng lúc bấy giờ, ra để phê bình, về văn xuôi: *Vượt Côn Đảo* của Phùng Quán và về thơ: *Việt Bắc* của Tố Hữu.

Phùng Quán vừa nổi tiếng với tác phẩm đầu tay, bán rất chạy, trong vòng một năm tái bản bốn lần: Tiểu thuyết *Vượt Côn Đảo* (Nxb QĐND, Hà Nội 1954) ca tụng sự can trường của các chiến sĩ cộng sản tổ chức vượt ngục Côn Đảo, theo đúng lối văn tuyên truyền của cách mạng.

Trần Dần chủ trương viết, bất cứ chủ đề gì, cũng phải viết thực. Về cuốn *Người người lớp lớp*, ông ghi trong nhật ký:

“Tôi vừa viết xong cuốn *Người người lớp lớp*. Viết về chiến tranh ở Điện Biên Phủ đấy. Nhưng mà tôi chán rồi. Tại vì rằng tôi ít thấy sự thực của chiến tranh trong đó quá. Và vì rằng tôi ít thấy sự thực của bản thân tôi trong đó quá. Chưa phải là chiến tranh, chưa phải là tôi. Cho nên tôi viết tới hơn 300 trang mà không thích bằng một bài thơ tôi cũng mới làm về chiến tranh: “Anh đã thấy” (mes douleurs) trên dưới có 6 trang!” (Trần Dần ghi, trang 47)

Trần Dần là người đầu tiên đòi hỏi nhà văn khi viết về chiến tranh, phải viết sự thực, không tô hồng, không nói dối, không nặn ra những anh hùng giả, toàn tim mà không có óc. Trước Nguyễn Minh Châu 30 năm, Trần Dần đã đòi hỏi nhà văn phải viết sự thực về chiến tranh, một cách quyết liệt và toàn diện.

Người người lớp lớp, viết xong cuối tháng 9, đầu tháng 10 Trần Dần đi Trung quốc. Khi ông trở về sách đã in, nhưng Hội văn nghệ đánh mất bản thảo *Người người lớp lớp* (phần 4 và 5) (Trần Dần ghi). Như vậy cuốn sách đã in không có phần 4 và phần 5. Có nghĩa là 2 phần này viết “không đúng đường lối” chăng?

Ngoài ra, chính Trần Dần, cũng không bằng lòng với cách viết của mình, và như vậy, chúng ta càng hiểu rõ vì sao ông phê bình khe khắt lối viết ca tụng anh hùng của Phùng Quán trong *Vượt Côn Đảo*, bởi qua tác phẩm của Phùng Quán, ông muốn phê phán cả một tầng lớp nhà văn chính thống, từ Nguyễn Đình Thi trong *Xung kích*, *Vỡ bờ*... đến Hoài Thanh, Xuân Diệu... đã nhắm mắt ca tụng *Việt Bắc*. Lý do thứ hai, vì Trần Dần, Phùng Quán cùng chung một nhóm, cho nên việc Trần Dần, Lê Đạt, phê bình sách của Phùng Quán, một nhà văn đàn em, cùng với sách của Tố Hữu, chứng tỏ tính “không bè phái”, không chỉ chê người đối lập, mà còn chê cả người trong nhóm, nếu có tác phẩm dở.

Trần Dần phê bình *Vượt Côn Đảo* như thế nào? Nguyễn Ngọc viết:

“Bấy giờ Phùng Quán còn choáng mắt lên vì sự thành công của mình. Quán đang tin ở tài năng của mình và chưa kịp bình tĩnh suy nghĩ gì về những nhược điểm, khuyết điểm còn lại. Thì giữa lúc đó Trần Dần viết bài “Bạn đã đọc kỹ *Vượt Côn đảo* chưa?” đăng trên tạp chí *Sinh Hoạt Văn Nghệ* (của quân đội) ra ngày 1/4/1955 [theo Vũ Tú Nam bài này đăng trên SHVN số 36 tháng 3/1955]. Dưới danh nghĩa “vì trách nhiệm đối với quân đội... quan tâm tới số mệnh của văn chương và càng quan tâm gấp bội tới việc xây dựng tâm hồn người lính”, với một giọng khinh quân chúng ra mặt, một giọng kẻ cả, Trần Dần lật ngược tất cả những nhận định trước nay về *Vượt Côn đảo*, thẳng tay đập tơi bời cuốn sách đầu tay đó của Phùng Quán. Trần Dần nhận định:

Về cốt chuyện “tinh thần chung của nó là hồng. Mới xét qua cốt chuyện đã thấy nó là một quyển sách ca tụng chủ nghĩa anh hùng cá nhân, ca tụng kiểu quân sự bạo động, tình cảm sốc nổi và phiêu lưu”.

Về nhân vật trong chuyện: “về nhân vật quần chúng thì tôi không hiểu tác giả mắc bệnh gì mà mỗi khi tả quần chúng thì tả họ ngây ngô... cái nhân vật quần chúng đã bị bôi nhọ quá nhiều”. Về những nhân vật khác, Trần Dần cho là: “tác giả đưa lên những người toàn tim cả mà không có óc. Hay chỉ có một chút xíu”. Nói về cái chết của những người anh hùng trong tác phẩm của

Phùng Quán, Trần Dần viết một cách vô lương tâm: "tôi đã không khóc mà lại còn muốn nói rất nhiều về những cái chết mù quáng như vậy. Không phải cứ mang cái chết ra mà cảm động được chúng ta đâu!... Tôi không rỏ một giọt nước mắt nào cho những con người chết như thế. Đó là cái chết của những con người khờ dại... đảng viên ấy không phải là đảng viên, chiến sĩ ấy không phải là chiến sĩ..." (...)

Suốt cả bài ấy Trần Dần dùng một lối văn đã kích bằng cách chơi chữ, lập lờ, một thứ "thủ đoạn văn chương" mà sau này ta đã tìm thấy lại trên báo Nhân văn, trong các tập Giai phẩm và Đất Mới của nhà xuất bản Minh Đức. Ví dụ chêm một chỗ tác giả đưa lên một khó khăn quá ngây thơ, Trần Dần viết: "lần này là khó khăn con chó".

Một tháng sau Lê Đạt cũng viết một bài phê bình Vượt Côn đảo (Sinh hoạt văn nghệ, số 39 ra ngày 19/5/1955) ý kiến không có gì khác Trần Dần lắm. (...)

Sau khi đã đập Phùng Quán toi bời bằng một bài phê bình trên báo, sau khi đã làm cho Phùng Quán hoang mang suy nghĩ về tài năng, về trình độ mọi mặt của mình, Trần Dần lại nói riêng với Phùng Quán: "Tao đập là đập bọn chúng nó ngu dốt không biết gì chứ có phải đập mày đâu". Ý muốn nói với Phùng Quán rằng: mày vẫn là thằng có tài, chỉ có bọn người trước nay vẫn phê bình mày là ngu dốt. Thế là Trần Dần hoàn thành cái thủ đoạn của mình một cách khôn khéo, bắn một phát trúng nhiều mục tiêu: qua phê bình Vượt Côn đảo mà thoá mạ những chiến sĩ cộng sản, qua Phùng Quán mà chửi quân chúng là ngu dốt, tâng bốc Phùng Quán, đưa Phùng Quán đến chỗ đối lập lại quân chúng độc giả và lãnh đạo, lôi kéo Phùng Quán. Trần Dần đã thành công trong việc đó thật.

Về sau này, Phùng Quán thường hay rêu rao là "độc lập suy nghĩ, độc lập tư tưởng". Thực ra thì kể từ ngày đó, cái gọi là "độc lập tư tưởng" của Phùng Quán chỉ còn là "độc lập tư tưởng" theo kiểu Trần Dần. Phùng Quán đã trở thành cái bóng của Trần Dần, nhiều khi Trần Dần rất khôn khéo đã nhờ cái miệng huênh hoang của Phùng Quán để nói toạc ra những quan điểm sai lầm và chống đối của mình về nghệ thuật và cả về chính trị" (Nguyễn Ngọc, Con đường đi của Phùng Quán, con đường sai lầm điển hình của một người viết văn trẻ, VNQĐ, số 4, tháng 4/1958)

Phê bình Việt Bắc

Phê bình tập thơ Việt Bắc là ngòi nổ đầu tiên của phong trào Nhân Văn Giai Phẩm. Việt Bắc của Tố Hữu được tôn sùng như cuốn "thánh kinh" của văn học cách mạng. Từ khi tác phẩm ra đời cuối năm 1954 cho đến ngày nay, bao nhiêu giấy bút đã dành cho sự ca tụng nó. Hiếm có nhà phê bình nào, dám viết một câu phạm thượng về Việt Bắc. Đúng như Lê Đạt nhận xét: "Ở Việt Nam người ta chưa quen chê anh Tố Hữu bao giờ".

Sở dĩ việc phê bình thơ Tố Hữu, không chỉ khép kín trong các buổi họp nội bộ quân đội, mà thoát ra ngoài, nhờ hai người: Tử Phác làm tổng thư ký báo Sinh Hoạt Văn Nghệ, tung trên Sinh Hoạt Văn Nghệ trước. Lê Đạt phụ trách báo Văn Nghệ, đưa lên Văn Nghệ sau.

Vũ Tú Nam viết:

"Ngày 4/3/1955, nổ ra cuộc họp đầu tiên tranh luận phê bình tập thơ Việt Bắc, Trần Dần gọi thơ Tố Hữu là "tí ti la haine, tí ti l'amour" (tí ti căm thù, tí ti tình yêu) một cách hằn học, đểu cáng.

Ngày 7/3/1955, bắt đầu tranh luận phê bình Vượt Côn Đảo của Phùng Quán, Trần Dần gọi những chiến sĩ Côn Đảo trong truyện là những "người cụt đầu", "toàn tim", mù quáng (...)

Bài phê bình Vượt Côn Đảo của Trần Dần lệch lạc nguy hiểm như vậy, nhưng cũng có một số đồng chí trong quân đội không nhận ra, viết bài hưởng ứng. Cuối tháng 3/1955, khi duyệt những bức thư bạn đọc chung quanh việc phê bình Vượt Côn Đảo để in báo Sinh hoạt Văn nghệ, Cục Tuyên huấn quyết định bỏ bớt một số bài tán thành Trần Dần. Lúc này, Trần Dần phản ứng rất mạnh, gọi lãnh đạo là "répression policière!" (đàn áp kiểu cu-lít). Và đầu tháng 4/1955, mượn cơ đau óc, Trần Dần xin nghỉ dài hạn, bỏ công tác, bỏ doanh trại bộ đội, tự tiện ra ngoài phố ở." (Vũ Tú Nam, STVCNTD)

Về không khí các buổi phê bình thơ Tố Hữu, Vũ Tú Nam ghi trong hồi ký, như sau:

5/3/1955: Tối qua, tranh luận về thơ Tố Hữu ở Cửa Đông, anh Nguyễn Chí Thanh tới (...) anh em đông lắm, cả Hồ Dzếnh. Hoàng Yến trình bày vấn đề “khả năng hiện thực trong thơ Tố Hữu – Tố Hữu có tiêu biểu cho thời đại không?” Trần Dần, Lê Đạt nói bốc nhất. Hoàng Trung Thông, Nguyễn Xuân Sanh ngồi ghi mà không nói gì. Tố Hữu không tới, Xuân Diệu không tới. [Theo Từ Bích Hoàng, Nguyễn Hữu Đang cũng có mặt trong buổi đầu tiên này].

8/4/1955: Đêm 7-4, phê bình thơ *Việt Bắc* ở 51 Trần Hưng Đạo đến 12 h khuya. Dân tâm sự khi anh đi xe đạp có hai bộ đội theo dõi (?). Tối vào nhà bạn, lúc ra Dần bị bộ đội giữ mấy tiếng. Minh báo cáo sự việc với chi ủy. Trần Việt nói: Dần vào 69 Quán Thánh, nhà Hoàng Cơ Bình cũ, nên có thể bị theo dõi.

15/4/1955: Đêm qua, thảo luận về thơ *Việt Bắc* đến 12 h đêm. Hoàng Yến, Trần Dần, Hoàng Cầm nói gay gắt. Trương Tửu tranh luận rất phản khoa học. Huy Cận ngồi im. Tạ Hữu Thiện nói nhiều suy diễn, ví dụ cho đoạn nào là giống Kiều... Hoàng Cầm dẫn thơ Hồ Xuân Hương để chứng minh “chất sống” và “hồn thơ” của nữ thi sĩ. (Hồi ký Vũ Tú Nam)

Trong bài *Cách nhìn sự vật của nhà thơ Tố Hữu*, viết tháng 5/55, Trần Dần viết:

“Nói chung thơ Tố Hữu có rất nhiều cái lười biếng. “Ý lời tâm thường (...), rất nhiều cái kiểu “lòng ta xao xuyến, rung rinh”, – “chúng bay chỉ một đường ra, một là tiêu diệt hai là tù binh”, – hoặc “đời vẫn ca vang núi đèo”, hoặc “Cụ Hồ sáng soi”. Không phải là thiên lệch trích ra một số câu như vậy, hãy đọc lại cả tập *Việt Bắc* xem, ta thấy nhan nhản những lối lười, nhạt, cả làm nhảm nữa (...) *Phá đường*: “Nhà neo việc bận vẫn đi” – làm thì thi đua -, thi đua kết quả thì rồi mai địch chết. Ta đi tới: đủ cả Bắc Nam, Việt, Miên, Lào, Itsala, Itsarác... xem ra thì có vẻ đúng chính trị. Nhưng xét sâu xem? (...) Tố Hữu nhìn sự vật nó chính trị công thức quá, lười tìm tòi quá. Chỗ nào hay thì là lập lại Nguyễn Du, Tản Đà. ca dao... Tố Hữu chưa đem tới một cái nhìn mới mẻ gì. (Trần Dần ghi, trang 141)

Tiền đưa Trần Dần, Nguyễn Hữu Đang ghi trong sổ tang:

“Lần đầu gặp anh trong cuộc phê bình tập thơ *Việt Bắc*, đến nay dù hơn bốn mươi năm, biết bao là gian nan, trong những cố gắng chung để tìm cho văn nghệ Việt Nam một con đường phát triển thuận lợi nhất. Đúng hay sai, hôm nay tôi vẫn chưa dám khẳng định... Dù sao thiện chí của chúng ta chỉ có kẻ ác ý mới cố tình phủ nhận.

Tiền đưa anh về cõi vĩnh hằng, có lẽ tôi chỉ có thể nhắc lại cùng anh về đối của Ngô Thị Nhậm nói cái lẽ tất yếu: *Gặp thì thế, thế thì phải thế. (...)*

Cả nước biết lúc nào anh cũng có tư tưởng Nhất định thắng, dù cho ý chí ấy anh không đạt được thì cũng vẫn là phẩm giá cao đẹp của một con người.” (Trần Dần ghi, trang 460)

Trần Dần ghi

Về Nhân Văn Giai Phẩm, có những sự việc đã bị chôn sống, tưởng rồi sẽ tan trong lòng đất. Có những sự thực đã bị bóp méo đến độ dị dạng. Trong hơn nửa thế kỷ, người ta đã quen sống với những quái thai dị dạng đó: những xuyên tạc, bôi nhọ được đề cao như những chân lý. Ngờ đâu, những *con chữ trong hòm* lại có ngày đứng dậy, thuật lại truyện mình. Tập *Trần Dần ghi 1954-1960* (Văn Nghệ, Cali, 2001) là một trong những tư liệu hòm, tự khai, tự quật. Tác phẩm chia ra *những dòng chữ đầu tiên* để lấp những trang còn trắng về một thời kỳ văn học sử, còn chưa được biết, còn chưa được viết.

Tập *Trần Dần ghi 1954-1960* là ba quyển sách gồm một: Phần đầu là những suy nghĩ về sáng tạo. Phần thứ nhì chụp lại thời kỳ đầu tổ với những hình ảnh khủng khiếp kinh hoàng. Phần thứ ba viết về cuộc sống con người trong những năm kỷ luật. Với một lối viết tốc ký, ngắn gọn, thể hiện cái mỹ học đốn đau của Trần Dần.

Chuyện đi cải tạo thực tế sau Nhân Văn, nằm trong lối tốc ký ấy:

"9/9/58 [...]Đêm, tôi thiếp đi trong mộng ác. Tay mừng, đầu nhất là ở những chỗ đã thành chai mà lại mừng tái lại. Mọi bắp thịt suốt đêm lọc acide, và chôn cất những tế bào chết vì lao lực quá sức... Lọc đục suốt đêm vậy trong toàn bộ xác thịt tôi.

10/9/58[...] Gió khiếp quá. Hàng sự đoàn gió bắc trèo qua núi lúc nào đổ xuống đồng cỏ. Suốt buổi sáng, mùa hè bị đánh tan nát. Nắng bị gió may thổi mát đi, nguội lửa.

Gió tốc mái, rút mấy lá gò chuồng bò. Cây cảnh bị túm tóc, vật vã kêu gào, gió vẫn không tha. Các tàu chuối bị tước xơ ra. Có tàu rách mướp, trông hết một con rết xanh khổng lồ, hàng nghìn chân xanh ngo ngoạy điên cuồng, cào trong không khí, cái đuôi nó bị giữ rịt ở thân, nó lỏng lộn ngang ngửa, không thoát [...]

Các nón lá bị gió nó hất chụp mặt. Nó kéo ra sau, quai nón xiết cổ như thùng thắt cổ! Bụi phả vào mắt chúng tôi, chưa dụi xong, gió đã ném thêm. Bọn tôi đào gốc, đã nhọc, còn bị lũ gió may kia trêu chọc. Nó đùa dai chứ... Có lúc tôi cuốc đất, mắt nhắm tịt, một anh mù làm việc." (trang 334-335).

Về những sôi động ở Thái Hà áp, ngày 16/4/1958, Trần Dần ghi:

"Hiện nay Nguyễn Hữu Đang, Thụy An, Minh Đức đã bị bắt, chẳng bao lâu sẽ ra tòa. Báo chí vẫn tiếp tục diệt đánh Nhân Văn Bộ 6 Giai Phẩm Mùa Xuân [Hoàng Cầm, Văn Cao, Lê Đạt, Trần Dần, Sỹ Ngọc, Tử Phác]. Bộ 6 đã buông nhau ra. Bọn Nhân Văn Giai Phẩm cũng ô-rô-voa nhau hết [...] Sỹ Ngọc đóng cửa, miễn tiếp khách. Bản thân tôi, do chỗ đã tự giác đình bản tư tưởng thù địch (thứ tự giác kết quả của áp lực...) nên mọi mặt khác, tôi cũng đình bản cả giao du, đình bản cả việc viết lách. Có nên đi gặp những đồng chí lãnh đạo để hỏi những việc cần phải làm không? Đi thì lại sợ bị hiểu lầm. Nhưng nếu ngồi nhà, tiêu cực đơì, có khi còn bị hiểu lầm gấp bội. [...]

Bọn Đang – Minh Đức – Thụy An thân thì bị cầm tù, tội ác thì đem bêu đầu trên báo chí. Vai trò của bọn chúng trong các vụ phá hoại 3 năm đang được vạch trần. Phan Khôi thì đóng cửa, nằm khàn, không đọc báo. Trương Tửu, Trần Đức Thảo làm gì? Còn cả loại B chúng tôi hiện ra sao? Làm gì? Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt đang tiếp tục kiểm thảo ở cơ quan, cùng với những Quang Dũng, Trần Lê Văn, v.v...

Chúng tôi đi sâu vào kiểm điểm sáng tác hơn nữa. Kiểm điểm sáng tác cho sâu mới thật là khó sao! Cứ như phải rút bỏ một mảng thịt của mình. [...] Tôi chịu cái hình phạt ấy, nhẫn nại và đau khổ. Hình phạt của một người bị bung dừ [...] Tôi vừa là một tội nhân, vừa phải cố tách mình ra, làm một đao phủ thủ, hành hạ cái chủ nghĩa xét lại có thực trong tôi và đám Nhân Văn." (trang 244, 245- 260)

Phải nhận tội, phải cắt bỏ những mảng thịt của mình, phải tự chửi rửa mình, phải tìm gặp lãnh đạo, phải tố cáo bạn bè để xin một chút ơn huệ thừa, nhưng rồi cũng không ai thoát được guồng máy, không ai tránh khỏi bị ninh rừ.

Con người *nhất định thắng* ấy, sau trận đánh Thái Hà, đã thua, đã hàng, đã nhận tội, đã ly khai những lý tưởng ngày trước, đã phải đứng về phía bên này, để nhìn "bọn" bên kia: gồm những "tên thủ lĩnh chủ nghĩa xét lại" Nguyễn Hữu Đang, "tên phá hoại" Minh Đức, "con mụ gián điệp" Thụy An... đã xuống đến nấc thang cuối cùng của sự "giẻ rách hoá" con người.

10/12/ 59, Trần Dần ghi:

"Sớm mai tòa án xử Thụy An gián điệp và Nguyễn Hữu Đang phá hoại, cả hai: hiện hành. Tôi không có giấy gọi cho dự, có lẽ vì không có vị trí gì ở đó. Không phải là nhân chứng, cũng không phải là đại biểu của nhân dân..."

Người có một cái gì vắng vắng. Tôi đã có đứng với nhóm Đang cầm đầu. Tôi đã ly khai với "lý tưởng" đó. Cả khi đứng ở đó, cả khi ly khai, cả bây giờ, tôi vẫn cứ rớm máu. Chao ôi! Con đường để đi đến chỗ "Đúng" mới nhiều máu làm sao? Tương lai có để dành cho tôi nhát dao nào nữa không? Đang đã nhìn thấy cái sai lớn của Đang chưa? [...].

Ngoài trời mưa bụi. Rét xoàng. Không có gió. Đôi lúc vài tiếng chuông xe đạp. Năm nay rét muộn. Đang ra tòa cuối năm. Tôi cũng không thể nào nhờn nhờ với sự kiện này. Chao ôi! Con đường để đi tới chỗ "Đúng" mới nhiều máu làm sao!" (Trần Dần ghi, trang 376)

Từ lâu “*ghi trở nên một hình phạt*”. Nhưng vẫn ghi. Cuốn sổ 1958 ghi lại con đường của những người muốn ngoi lên để đi đến chỗ “Đúng”. Ai cũng muốn tìm một đường “máu” để thoát thân: biết đâu Đảng chả đoái thương mà nghĩ lại? Phương tiện nào cũng tốt kể cả “khai”. Cả “tố”. Bao nhiêu khuôn mặt đã bước trên con đường “nhiều máu” ấy? Trần Dần ghi. Bao nhiêu khuôn mặt đã vo ve sự “Đúng” ấy? Trần Dần ghi. Bao nhiêu tên tuổi đã đạt được sự “Đúng” ấy? Trần Dần ghi. Bao nhiêu khuôn mặt đã “Sai.” Trần Dần ghi. Cả đúng lẫn sai đều lắm than, đều dần dần đi tới chỗ tha hóa. Họ tan tác cả. Họ chia tay. Có những oán hận, căm thù. Chính quyền đã thành công trong sự “giẻ rách hoá” con người, như lời Lê Đạt.
Thành công lớn nhất của guồng máy là đã đánh vào những yếu tố thiêng liêng nhất của con người, đánh vào tình bạn, tình người, đánh tan tác hết.

Những người “Nhân Văn” không chết, nhưng họ bị rút máu, rút gân, rút dần sinh lực. Họ đều ròi rã, đều muốn đầu hàng. Nhiều người đã đầu hàng, trong đó có Trần Dần. Họ muốn được lãnh đạo thương xót, họ muốn được lãnh đạo đoái thương. Họ đã xuống đến đáy vực thẳm, họ chịu hết nổi. Họ sẵn sàng “*chút lòng trinh bạch từ nay xin chừa*” nhưng người ta vẫn lạnh lùng quay đi. Người ta vẫn không cho ngoi lên. Cái phận người nhỏ nhoi. Cái phận người Nhân Văn phải đi vào sa lầy, phải lún xuống, phải chịu nhận cái thời *không nhân văn* của dân tộc mình. Câm và điếc. Như đã chết. Và điều đó chỉ có *mỹ học khổ đau* của Trần Dần mới viết nên được.

Nhớ Trần Dần Nguyễn Quang Lập

Hồi bé chẳng biết gì về anh, chỉ nghe anh Thắng nhắc đi nhắc lại câu thơ phản động của Trần Dần: *Chúng tôi đi không thấy phố thấy nhà/ chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ.*

Nghĩ mãi không hiểu vì sao lại phản động. Hỏi anh Thắng, anh nói ngu, mà không thấy câu mưa sa trên màu cờ đỏ là phản động à? Vẫn không hiểu, không thấy. Ai bảo treo cờ giữa trời, có nắng chiếu thì có mưa sa chứ, không lẽ khi nào nắng chiếu thì cách mạng, còn mưa sa thì phản động à? Giả sử mưa sa xuống cờ là phản động thì mưa phản động chứ bác Trần Dần phản động à? Anh Thắng cú cho một cái nói mà ngu lắm em ơi, nói trong nhà thì được, ra ngoài đường nói người ta bắt đấy.

Không ngờ ba chục năm sau lại gặp anh, gặp nhiều lần, lần nào cũng anh Phùng Quán đưa đến. Thấy anh ngồi dựa tường, mắt nhìn như thôi miên tường bên kia. Mình chào: anh, anh ừ rồi cúi xuống gắm bàn, lấy cái chén cáu bẩn, chai rượu trắng đã vơi quá nửa đặt lên bàn, rót ra đầy chén: uống đi.

Lần sau đến lại thấy anh ngồi dựa tường, mắt nhìn như thôi miên tường bên kia. Mình chào: anh, anh ừ rồi cúi xuống gắm bàn, lấy cái chén cáu bẩn, chai rượu trắng đã vơi quá nửa đặt lên bàn, rót ra đầy chén: uống đi.

Lần thứ 6, thứ 7 vẫn thấy anh ngồi dựa tường, mắt nhìn như thôi miên tường bên kia. Mình chào: anh, anh ừ rồi cúi xuống gắm bàn, lấy cái chén cáu bẩn, chai rượu trắng đã vơi quá nửa đặt lên bàn, rót ra đầy chén: uống đi.

Nếu đến lần thứ 100 chắc vẫn y xì như vậy.

Anh Phùng Quán nói 3 chục năm thế rồi, giật mình nhìn lên bức tường in bóng anh, bốn xung quanh tường ủa vàng, riêng có hình anh ngồi dựa tường trắng nhỡn. Bây giờ đất nước đổi mới, không biết thằng Vũ có nhớ giữ lại cái hình ấy không, hay mãi làm sập đặt, quên, để thợ quét vôi đi rồi, uống lắm.

Anh Quán chỉ mình nói với anh: Thằng này viết văn giỏi lắm anh. Anh hơi gật, thủng thảng nói: văn chương bây giờ thêm được một cái dấu phẩy cho thiên hạ là tốt rồi. Chẳng biết mình có thêm được dấu phẩy không, nhưng nghe anh nói mà sợ.

Anh viết văn nắn nót còn hơn người ta viết chữ bằng khen, nét sổ thì đậm, nét đá thì mảnh, trăm chữ như một. Một ngày rỗng rã, cật lực mới viết được một trang giấy học trò. Đó là may không viết hồng chữ nào, chỉ cần hồng 1 chữ, anh chép lại cả trang, lại một ngày trời rỗng rã, cật lực. Thất kinh.

Mình nói anh viết thế này thì đến bao giờ mới xong một cái truyện? Anh thủng thảng nói: viết văn chữ có phải đi ăn cướp đâu. Làm cho nhanh làm gì.

Một lần đến chơi, anh vui vẻ khoe: tối qua thức trắng đêm mới sửa xong bài thơ. Bài này viết lâu rồi, bây giờ mới sửa xong. Mình cầm bài thơ đọc, há hốc mồm. Cái đầu đề bài thơ còn dài gấp đôi bài thơ.

VỢ CHỒNG

Xong.

Tức đầu đề là : vợ chồng, bài thơ là: xong.

Đó, thơ anh đó. Có mỗi chữ mà thức trắng đêm, làm đi làm lại mấy năm trời. Thất kinh. Không mấy khi thấy anh cười, cười to càng không. Chỉ duy nhất một lần nhắc đến *Người người lớp lớp*, anh Quán nói thằng Lập phản động lắm anh. Anh nói sao, anh Quán nói: nó bảo pháo chèn Tô Vĩnh Diện chứ không phải Tô Vĩnh Diện chèn pháo.

Anh nhìn mình hỏi sao? Mình nói khi kéo pháo lên dốc, đã đứt dây, pháo lao xuống ầm ầm, có thánh cũng không đuổi kịp để chèn pháo nữa là người. Chẳng qua đứt dây, anh Diện chạy không kịp thì bị chèn thôi.

Anh ngồi yên hồi lâu rồi hơ hơ, ngừng vài giây sau lại hơ hơ, vài giây sau nữa mới hơ hơ hơ thành một tràng, vỗ tay đánh bốp kêu to: hay! Giỏi! Thông minh!

Thơ Trần Dần mình đọc nhiều nhưng không thuộc, chỉ nhớ hoài tiếng cười hơ hơ hơ của anh, nhớ đến chết không quên